

Nguyễn Nhung

Xóm Nhà Lá



"Xóm Nhà Lá" trong cái lớp học của tôi ngày xưa, không có nghĩa để phân biệt sự giàu nghèo như thế giới của người lớn, mà chỉ là mấy dãy bàn trên và dưới trong lớp học ở lứa tuổi học trò hồn nhiên vô tư lự. Xóm Nhà Lá chỉ là biểu tượng cho một lũ học trò khoảng tuổi mười lăm, mười sáu, ngồi chung với nhau nhiều lắm là hai dãy bàn sát nhau, bàn trước và bàn sau, đếm được khoảng 7,8 đứa.

Xóm Nhà Lá cũng không hẳn là những cô học trò ngồi ở dãy bàn cuối lớp, chỗ ấy mấy đứa cẳng dài luôn bị đồn xuống đó, để mấy đứa nhỏ con, lùn tí như con H, con S không phải mỗi cổ khi nhìn lên bảng đen. Thường ai cũng nghĩ khi ngồi xa tí mù khơi như vậy, bọn học trò dễ quay phim và ăn vụng, học hành lem nhem nên tránh đối diện với bàn thầy cô, nhất là những đứa học giỏi bao giờ cũng chen chân vào hai dãy bàn ở trên cùng, phía tay trái ngay bàn thầy nhìn xuống, hoặc ở giữa lớp, còn ở cửa lớp bước vào, tuy là bàn đầu nhưng cũng có thể thuộc vào thành phần Xóm Nhà Lá vì dễ "dzọt" ra cửa.

Số tôi tuổi Trâu, bà con với con bò, nên vì thế khi vừa oe oe cất tiếng khóc chào đời, lão thầy bói đã đoán tuổi này có số đi cày, "ngu như bò" nên cả

đời ngon lắm cũng chỉ có cỏ nhai. Nhưng để an ủi số phận tuổi con trâu cày bừa vất vả, thầy còn tán thêm với mẹ tôi rằng tuy con trâu, nhưng cũng có người ăn con trâu " dzàng", từ Trung Quốc đi ăn cỏ rồi xâm lấn lãnh thổ nước ta lúc nào không biết, hễ may nhờ phước đức ông bà, ăn được tuổi trâu " dxàng" là mát mẻ tấm thân, tuy ăn cỏ nhưng quanh năm nhàn nhã. Hồng tin xin mời quý vị cứ quan sát cách " nhơi" cỏ của trâu nằm chuồng là thấy ngay được vẻ "an nhiên tự tại" đó: mắt lim rim, miệng trâu đưa lên đưa xuống nhai nhóp nhép như ăn trà, vẻ mặt bất cần đời của trâu cũng y hệt mặt tôi mỗi khi trên dòng đời gặp cảnh không may . . .

Đến nay qua tuổi tri thiên mệnh, tôi mới ngẫm nghĩ lại rằng lão thầy bói nói đúng khi an ủi tôi là tuổi "con trâu dzàng" nằm nhơi cỏ. Sự thật hồi còn nhỏ tôi nghe nói vậy nên cũng cố gắng vươn lên, bằng cách năm nào đầu niên học, cũng chạy đến lớp thật sớm, leo lên bàn đầu ngồi chinh inh một đồng. Bụng cứ nghĩ đơn giản theo sự dành giựt ở cõi đời nhiều bon chen, hễ ai xếp hàng trước thì ưu tiên trước. Lớp học tôi không có kiểu bon chen như vậy, nên số tôi không khá, xung quanh tôi toàn là mấy đứa nhỏ con , loại ưu tiên một, sau đến mấy đứa học giỏi thích ngồi gần Thầy Cô để được đèn Giời soi sáng, tôi len vào đó có khác gì chim sẻ đòi vào bầy với chim công, chim phượng.

Đang ngồi hiu hiu tự đắc rằng phen này nhất quyết đòi đi lên, dù sao ngồi ở ban đầu, thầy cô chiếu tướng suốt nhiều giờ học, mới mong cải được số "ngu như bò" của mình. Thiệt chí như vậy mà cũng không được, đúng là giày dép có số thì con người cũng có số, như bây giờ tôi dốt nát không làm nên "ông to bà nhớn" thì lỗi ấy cũng tại ông Trời đó nghe. Tôi nín thở ngồi bàn đầu, không dám cựa cựa nhúc nhích sợ mình thở mạnh là nó to ra như con bò, đã

nghe tiếng đồng dục của Thầy ban xuống:

" Em kia, bự con sao lại ngồi bàn đầu. Ôm tập vở xuống bàn dưới."

Theo ngón tay thầy chỉ thì hồi ơi, cái bàn ấy áp chót, có mấy đứa cao lêu nghêu ngồi ở đó. Lũ nhóc ngồi xung quanh cười ầm lên khoái chí, loại trừ một tên dốt như bò đi xuống phía đúng nơi đúng chỗ, mấy đứa học giỏi "Xóm Nhà Lầu" háy nhìn tôi ra điều không biết thân biết phận. Tôi buồn bã ôm cặp vở len ra khỏi dãy bàn đầu sát bàn thầy cô, vừa mắc cỡ vừa buồn bã. Ấu là số mệnh. Tôi tin con người có số ngay từ lúc đó, từ hồi đi học thì đã có số học giỏi, học dốt rồi, dù có chăm cách mấy mà lời thầy dạy chỉ đi vào đến vùng ven của cái đầu rồi ngừng ở đó, thầy nói thầy nghe, tôi có nghe nhưng không hiểu chi hết.

Lũ bạn ở bàn dưới miễn cưỡng tiếp nhận tôi vào Xóm Nhà Lá, tôi lại bị hiểu "Nhầm" thêm một lần nữa, cảm nhận được cái nhìn không mấy thiện cảm, ý nói tôi dám leo trèo qua xóm nhà lầu, mà không biết lượng sức. Thực ra đó chỉ là ý nghĩ nông nổi của tuổi học trò mà thôi, chứ đối với các Thầy Cô thì lúc đến giờ "quay" bài đầu giờ học, theo thói quen thường để ý đến những cư dân xóm nhà lá, chứng tỏ các Thầy cũng đâu hẹp hòi mà bỏ rơi tụi tôi, hay chỉ thương mấy đứa nhà lầu học giỏi.

Chỉ mấy hôm là đâu vào đấy. Xóm nhà lá toàn dân cao giò, to con, ngồi một bàn cũng như người ta mà sao chật ních, nhất là lại gặp mấy đứa " sỗ sũ" như tôi mà ngồi chung bàn, thì ôi thôi quay ngang quay dọc thế nào cũng đụng nhau. Lũ học trò làm quen với nhau thật nhanh, chỉ vài hôm nhờ nụ cười thân thiện đã khiến chúng tôi nhích lại gần nhau như chị em một nhà. Xóm Nhà Lá coi vậy tinh thần đoàn kết cao, đến giờ kiểm tra bài tập, hay có món gì ăn vụng được để dưới học bàn học, chúng tôi chia cho nhau , bài

cùng chép, ăn cùng chia, tinh thần tương trợ này không xóm nào trong lớp có được như Xóm Nhà Lá.

Đừng tưởng Xóm Nhà Lá chỉ là những dây bàn hẻo hút, thân phận hẩm hiu ngồi ở dây bàn chót mới gọi là Nhà Lá. Nó có thể nằm ở giữa lớp học, hoặc ngay hai dây bàn đầu từ cửa lớp bước vô, nhưng bao giờ cũng không bị Thầy cô chiếu tướng trong sự thương yêu như tụi nhà lầu ở dây trên cùng phía trong. Cư dân Xóm Nhà Lá chưa hẳn đã học dốt, thông minh nữa là khác, nhưng ham chơi hơn ham học mà thành dốt, phải cùng một tần số "Quậy", phải biết luật giang hồ là không ích kỷ, không bỏ rơi bạn bè mỗi khi làm bài kiểm tra, bạn nào đi học quên không đem theo học cụ thì phải tương thân tương trợ ngay tức khắc. Hồi xưa lũ con gái đi học đến tuổi "kéo cò đỏ" mỗi tháng, nếu chẳng may có đứa nào gặp nạn thì cả lũ sẽ làm Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga, khi tan học, hộ tổng đằng trước đằng sau đưa bạn về đến tận nhà, sọt tà áo trắng của bạn phát phơ theo gió mà "phe kia" nhìn thấy bông hoa hồng đỏ thắm phía sau tà áo.

Năm đó, sau một tháng đầu năm học thì có một nhỏ lạ hoắc ở đâu chuyển về lớp hơi trễ nên dù nhỏ học giỏi con nhà Quan thì khu nhà lầu cũng không còn chỗ. Chỉ còn một chỗ trong khu nhà lá, con nhỏ được thầy chỉ thị vào ngồi bàn của tôi. Lịch sự như Tây, tụi tôi nhích vào trong để nhường chỗ cho nhỏ bạn mới đến, chứ đúng ra thì nó phải chui vào ngồi trong cái hộc sát vách. Thế nhưng con nhỏ này không có vẻ gì biết ơn và biết điều với tụi tôi cả, mặt nó vênh vênh, lạnh lùng ôm cặp ngồi ngay đầu bàn, không nhếch miệng cười làm quen hay cầu thân, cũng không cảm ơn những người bạn mới đã tiếp đón mình một cách ân cần như vậy.

Sau buổi học, theo dõi thì mới biết nhỏ "kiêu kỳ" này làm phách vì nó thuộc loại "con ông cháu cha", đi học có xe đưa xe rước, tài xế lúc nào cũng chực sẵn ở cổng trường đợi tiểu thư tan học. Những đứa con cưng nhà giàu thường mang theo tinh thần kiêu kỳ ấy vào đời, đó là chuyện tự nhiên như cái số mệnh con người mà tôi đã đề cập ở trên. Sau này tụi tôi hiểu thì ngoài cái "mác" con Quan, nhỏ còn học giỏi nữa, nên khi đến chặm phải chung đụng với bọn nhà lá chúng tôi thì tự nhiên bất mãn ra mặt. Bắt đầu từ đấy khi có sự hiện diện "bất đắc dĩ" của nhỏ, không khí Xóm Nhà Lá tự nhiên không còn vui hồn nhiên như dạo trước, chỉ xì xạo nói lên con nhỏ kênh kiệu ở đâu nhảy vào phá mất cái vui của xóm nhà lá thôi.

Tụi tôi liền quyết định đặt tên cho nhỏ là "Tiểu Thơ", dựa theo truyện thơ Lục Vân Tiên của cụ Đồ Chiểu, con nhỏ mang hồn danh "Tiểu Thơ" cũng biết thế nhưng không làm gì được đám ma cũ Xóm Nhà Lá. Tiểu Thơ mặt mũi lạnh lùng, chỉ nói khi cần, quần áo lúc nào cũng phẳng phiu, trước khi ngồi xuống ghế bao giờ Tiểu Thơ cũng nhẹ nhàng thả vạt áo dài ra đằng sau. Tinh thần đoàn kết của xóm nhà lá như tôi đã kể vẫn muôn năm, chúng tôi học được tính không ích kỷ, biết chia sẻ với bạn bè lúc hữu sự, khi lớn lên vào đời cư dân Xóm Nhà Lá vẫn thể hiện được tình yêu thương đối với nhau, dù kẻ chân trời người góc bể.

Tính ích kỷ của Tiểu Thơ hiện rõ nhất trong những giờ làm bài kiểm tra, bây giờ nghĩ lại tôi mới thấy lớp học năm xưa cũng là một xã hội thu nhỏ, ông Trời sinh ra con người cũng đã sắp sẵn cho mỗi người một bản chất xấu, tốt khác nhau. Tôi có thể kết luận như "đinh đóng cột" rằng, sau mấy chục năm ra đời, đàn chim non tàn mát khắp nơi, bây giờ thành những con chim già mỗi cánh, trụi cả lông lá mà bản chất con người ra sao thì vẫn y chang vậy. Tiểu Thơ là một trường hợp điển hình, nhưng cũng may là hiếm có trong thế

giới học trò, nên bây giờ còn lại được một ít bạn năm cũ, không bao giờ chúng tôi được gặp lại bóng dáng Tiểu Thơ.

Tôi còn nhớ mồn một buổi kiểm tra bài sử địa của thầy Đức. Ông là một ông thầy mà tôi nhớ nhất trong các vị giáo sư, ở những bài thơ, câu chuyện liên quan đến lịch sử, hay chỉ là chuyện đời mà trong lúc giảng bài, thầy hay kể hoặc đọc cho chúng tôi nghe:

" Công hầu bạch cốt, hồng phấn khô lâu"

Hay một câu đối đáp lịch sử đáng ghi nhớ như sau:

" Ai công hầu, ai khanh tướng, đường trần ai ai dễ biết ai.
Thế chiến quốc, thế Xuân Thu, gặp thời thế thế thì phải thế."

Những câu này đi vào tâm hồn non nớt của lũ học trò, sau này với chiều sâu của đời sống chúng tôi càng nhận ra được ý nghĩa vô cùng thâm sâu của nó. Bây giờ quay trở lại giờ kiểm tra hôm đó của thầy Đức, đó là một buổi chiều trời mưa rất âm u, ngọn đèn điện mờ mờ ảo ảo không đủ sáng cho lớp học, nếu không nhờ ánh sáng tự nhiên hắt vào lớp học từ những khung mắt cáo. Những giờ kiểm tra như vậy đối với đám học trò học "lơ tơ mơ" Xóm Nhà Lá quả rất gay go, nhưng đối với Tiểu Thơ thì hình như là lúc để nhỏ phôi bày sự thông minh, chăm học của nhỏ. Lúc bấy giờ tự nhiên cái bàn tôi ngồi bỗng rộng rinh, ba đứa ngồi trong xích vào gần nhau hơn, mắt chớp lia, miệng lào xào thì thảo như trời thu lá rụng.

Tiểu Thơ xích ra đầu bàn, càng cách xa tụi tôi nhiều chừng nào tốt chừng

nấy. Phía tay trái của Tiểu Thơ là đầu bàn, lại là đường đi nên không còn xích xa hơn được nữa, nhưng phía bên tay phải của nhỏ thì được phòng thủ như công sự chiến đấu, bao nhiêu cuốn tập, cuốn sách lớn nhỏ được chất lên chiếc bàn chật, che kín trang vở học trò vừa được lấy ra từ tập vở để làm bài kiểm. Chưa hết, Tiểu Thơ còn muốn dùng luôn cánh tay để thủ một khoảng rộng cho đám bạn xóm nhà lá không liếc được mắt vào, dĩ nhiên cư dân xóm nhà lá đầy tinh thần tự trọng, không ai cầu cứu đến Tiểu Thơ dù làm bài khó cách mấy. Hôm đó Tiểu Thơ là người đem nộp bài cho Thầy sớm nhất, khi trở lại chỗ ngồi trên môi không quên nở một nụ cười tự mãn.

Công sự quanh "ấp chiến lược" của Tiểu Thơ được thu gọn lại, trống trải, lúc đó Tiểu Thơ mới đưa mắt nhìn quanh để quan sát các bạn đang vật lộn với bài kiểm. Và trong cái không gian im phăng phắc của lớp học, Tiểu Thơ bắt đầu "méc" thầy khi phát hiện được sự quay, cóp rả rác của các bạn ở bàn khác, khiến thầy Đức thay vì khen Tiểu Thơ "báo cáo" giỏi lại đâm bực mình vì cô học trò tính ích kỷ, thầy lại chỗ ngồi của Tiểu Thơ rồi khở nhẹ lên đầu nhỏ: "Nhiều chuyện quá!". Tiểu Thơ chỉ học có năm đó rồi không biết sao sang niên học mới cũng biến dạng, chắc ba của Tiểu Thơ lại đổi đi nơi khác. Đó là một loại cá biệt trong thế giới học trò, làm méo mó đi trong con tim not nốt của lũ học trò tụi tôi chút kỷ niệm thời đi học.

Những ngày gần Tết là những ngày vui nhất của cư dân Xóm Nhà Lá, thiệp Xuân tự làm theo cách thủ công được trao nhau như bướm bướm, buổi liên hoan tất niên bao giờ Xóm Nhà Lá cũng đóng góp tài năng xung mãn nhất. Tuy không thuộc thành phần học giỏi của lớp, nhưng nói về những bộ môn khác Xóm Nhà Lá chẳng thua ai. Văn chương, thơ thần, báo tường được bàn tay năm ngón của Xóm Nhà Lá góp sức, đơn ca hợp ca được diễn lung tung

xèng trong sự thán phục của các Xóm khác trong lớp học. Nhất là sau buổi học cuối cùng, cả bọn kéo nhau ra bến Ninh Kiều làm đám tẩm hình kỷ niệm, nhờ vậy sau này khi về già, trên bước đường đời cũng còn đôi đũa giữ lại được hình ảnh cũ.

Thời gian thấm thoát qua đi, mới đầu niên học chưa gì đã đến cuối năm, khi bước qua Đề nghị cấp thì Xóm Nhà Lá ngậm ngùi chia tay nhau theo các ban A, B, C tùy theo khả năng của mỗi bạn, cư dân Xóm Nhà Lá thường thích học Ban C, tưởng là được Chơi nhiều hơn học, văn chương vốn sẵn tính trời không học cũng biết nhiều, không có môn Toán nhức đầu mà đũa nào cũng sợ. Bước qua tuổi "mười bảy bẻ gãy sừng trâu", đám con gái nhóc nhách ăn quà, hay chạy nhảy năm xưa bây giờ trông điệu đà hẳn ra, cô nào cũng mình hạc xương mai, đi đứng chậm rãi từng bước chân âm thầm trên những nẻo đường tới trường, làm lác mắt mấy bạn trai học trường kế bên. Lớp nào cũng có Xóm Nhà Lá và Xóm Nhà Lầu, đến bây giờ thì lớp học lại thêm một xóm nữa được đặt tên là Xóm Giai Nhân.

Xóm này qui tụ toàn người đẹp của lớp, khi tan trường lúc nào cũng sẵn một dàn xe Honda, xe Jeep đậu ngoài cổng Trường để đưa người đẹp về dinh, hay lang thang đi uống sinh tố, mì thập cẩm. Xóm Giai Nhân vì vậy mà học hành rất ...yếu điệu, trong cặp ngoài sách vở thể nào cũng có vài bức thư tình dấu trong tập vở. Xóm Nhà Lá chỉ giương mắt lên mà chiêm ngưỡng và thán phục, khá khen thay cho các thầy giáo trẻ nào lòng "khô như ngói", không hề rung rinh một ly ông cụ trước một rừng hoa đầy hương sắc. Xóm Giai Nhân vì bận rộn chuyện tình yêu, lắm người đưa kẻ đón nên có khi đang học đã bỏ ngang để lại một chỗ ngồi trống trải trong lớp học, lên xe hoa về "nâng khăn sửa ví" cho một anh hùng sủng ngấn, sủng dài nào đó. Thực ra chẳng

có tuổi nào hồn nhiên và trong trẻo như tuổi học trò, nên sau một vài năm làm phu nhân, các giai nhân tuổi học trò sắc đẹp có đẹp hơn chẳng nữa, cũng khó tìm lại được nét ngây thơ trong sáng của tuổi học trò năm xưa.

Xóm Nhà Lá chơi cùng chơi, học cùng học nên vì thế tuy không sao bì được với các bạn ở Xóm Nhà Lầu, không đẹp như Xóm Giai Nhân nhưng chắc hẳn cái vui tuổi học trò trọn vẹn nhất. Mùa nào chơi theo mùa nấy, Giáng Sinh, đường phố đông như chảy hội cũng có Xóm Nhà Lá rủ nhau đi vòng vòng nhà thờ dù đa số là con chiên ngoại đạo. Gần Tết khi mùa mận, mùa xoài, một lũ đạp xe vô vườn cột áo dài, leo cây vặt trụi mấy cây mận trong vườn một bạn đồng lớp, chẳng hiểu khi lũ quỷ ma học trò đi về, nhỏ bạn có bị cha mẹ rầy rà vì tội phá phách vườn tược như khi không? Chỉ biết là những kỷ niệm ấy nằm mãi trong tâm tư, mỗi khi hồi tưởng về quãng đời học sinh, bao nhiêu hình ảnh bạn bè năm cũ hiện về làm sống lại trong lòng niềm vui của tuổi xanh.

Trong khi đó, các bạn Xóm Nhà Lầu như "cá chép vượt vũ môn" leo lên Đại học, lần lượt ra trường để nắm được những chỗ đứng ngon lành trong xã hội, Xóm Nhà Lá cũng có những bạn chịu khó ngoi dần lên với đời. Người công chức, đưa tần tảo bán buôn, đưa thư ký đánh máy, đưa thợ may thợ thêu, đưa nội trợ, đưa nào cũng sống được qua ngày nhờ tính biết an phận thủ thường, đa số không đến nỗi nào chỉ trừ những bạn hồng nhan bạc phận, sau năm 75, lại tái ngộ nhau ngoài chợ đời để kiếm miếng cơm manh áo trong thời buổi khó khăn.

Ở bất cứ môi trường nào, Xóm Nhà Lá vẫn giữ được tinh thần "tương thân tương trợ" hiếm thấy, cho dù khi tuổi còn thơ ngây trong lớp học, khi ra đời

bươn chải tìm sống giữa thời buổi " gạo châu củi quế", tình nghĩa con người trắng đen thay đổi khó lường. Nhưng Xóm Nhà Lá không ích kỷ vì hết nồi cơm cho nhà mình, vẫn chia sẻ với bạn tận tình như ngày còn thơ chia cho nhau miếng ổi, trái chùm ruột dẫu trong cái học bàn con con trong lớp học.

Có dịp thấy đôi bạn thuở học trò ở giai đoạn nghèo khurót ngồi bên nhau trên mảnh ni lông trải dưới nền đất ẩm, kiếm gạo nuôi chồng con mới thấy được cái tình cảm trân quý bắt nguồn từ thời đi học. Những bông hoa phượng vẫn tả tơi rơi xuống thảm cỏ ven bờ sông, mới héo hắt mà nhớ hoài tuổi học sinh vô tư lự. Cô bạn cùng lớp năm xưa tuy không thuộc Xóm Giai Nhân, nhưng cũng một thời hương sắc, lên xe xuống ngựa, vậy mà sau những năm vất vả đói kém ấy, mặc tấm áo vá ngồi bán buôn giữa chợ đời, không thương sao được. Nhà hết vốn, chồng tù tội, chẳng còn cách xoay xỏa bạn lột bán mái tôn nhà bếp để có chút vốn nuôi con. Đến nhà bạn, trời mưa lâm râm mà căn bếp khói xông mù lên cay ướt mắt, bạn đội nón lá đứng nấu cơm chiều, cơm không thấy đâu chỉ thấy ba đứa trẻ ghẻ lở ngồi quây quanh củ khoai lang để dưới thềm xi măng ở nhà trên. Chắc chỉ có bạn bè Xóm nhà Lá mới có thể hiểu nhau, chia sẻ với nhau đến giọt nước mắt tận cùng của cái nghèo như vậy. . .

Tôi không ca tụng Xóm Nhà Lá của tôi đâu, hồi những người bạn đồng trang lứa năm xưa trong ngôi trường dẫu yêu thuở ấy, nhưng tôi luôn luôn ghi nhớ trong lòng cái tình thương yêu của chúng mình tuổi học trò. Đến bây giờ những bạn bè Xóm Nhà Lá năm xưa đã tan tác mỗi người mỗi nơi mỗi ngả, nhưng nếu tin vào số mệnh thì dường như ông Trời không đến nỗi bất công để cư dân Xóm Nhà Lá năm xưa cả một đời lận đận. Dù rằng giờ đây ở tuổi này, bạn H. chịu căn bệnh ngặt nghèo nằm một chỗ trên giường bệnh

nhiều năm rồi mà chưa đến lúc ra đi, dù bạn S. giờ này vẫn một thân một mình đơn lẻ chiến đấu với sự nghèo túng để sống qua ngày, MV chắc tóc đã bạc phơ, trời còn mờ đất đã thức dậy nhen lửa để nấu quà sáng bán cho người nghèo trong xóm.

Vâng, các bạn Xóm Nhà Lá của tôi còn dăm đứa may mắn sang được xứ sở tự do, giờ này ai cũng gia đình đầm ấm no đủ. Đứa New York, đứa Houston, đứa San Jose, đứa Wisconsin, chúng tôi vẫn không bao giờ bỏ rơi đám bạn Xóm Nhà Lá của mình ở quê nhà. Của ít lòng nhiều năm nào cũng có món quà gửi về gọi là an ủi, xẻ chia với các bạn, như ngày xưa chia cho nhau trái mận đỏ, miếng ổi, miếng bánh bò trong học bàn lớp học cũ. Tôi hoàn toàn hãnh diện mình được là cư dân "Xóm Nhà Lá" của lớp học năm xưa, dù trong thời cấp sách, đã có lúc ao ước được lạc bước vào "Xóm Nhà Lầu" hay là người đẹp của "Xóm Giai Nhân."

Xin gửi riêng đến các bạn Xóm Nhà Lá năm xưa trong lớp học cũ của tôi mấy vần thơ sau đây:

*" Dẫu có đi, về nơi cõi khác
Vòng quay sinh tử , vẫn vô tư
Mốt mai có gặp nhau lần nữa
Thì vẫn ân tình như thuở xưa."*

Nguyễn Nhung

Nguyễn Nhung

Cõi mù sương

Chương 1

Hôm ấy là một chiều cuối thu, lá vàng đã phủ đầy trên những thảm cỏ khô, gió hiu hiu trên rặng liễu đang xòa tóc trên mặt hồ lạnh lẽo. Từng nắm đất dội xuống bồm bộp trên mặt áo quan, từng cánh hoa ném xuống huyết lạnh như đôi lời vĩnh biệt với xác thân của người quá cố, từ nay đã biệt đi vào miền vĩnh cửu. Thế là hết, những thuở đất vội vã, tàn nhẫn lấp dần cái hố sâu, đối với nàng, như thể một đoạn tuyệt của quá khứ với cõi nhân gian, còn rền rĩ những tiếng chuông chiều hồn từ ngôi nhà nguyện của khu nghĩa trang vắng lặng.

Mọi người đã lục tục ra về, những vòng hoa tang đã héo, một số được phủ lên mộ nàng như muốn làm ấm áp cái thân xác lạnh lẽo dưới đáy mộ sâu, một số đã được đem đi bỏ vào mấy thùng rác của nghĩa trang, kèm theo những lời chia buồn có vẻ nặng phần trình diễn.

Mọi việc đã hoàn tất, nàng nhìn thấy vẻ nhẹ nhõm của người chồng sau mấy ngày mệt mỏi vì những nghi lễ lắm cảm cho người quá cố, đám con đã nở nụ cười gượng gạo với nhau trước khi bước lên xe trở về nhà. Chỉ riêng có người chồng còn đứng lại một lúc lâu trước mộ nàng, đôi mắt đượm buồn

mang một nỗi ngậm ngùi trước cảnh sinh ly, tử biệt. Tự nhiên nàng cảm thấy lòng đau như dao chém, nhưng dù bằng cách nào thì nàng cũng không thể cho chồng thấy được sự có mặt của mình khi người chồng vẫn đứng đầy đau khổ. Nàng lại khóc, còn chồng thì lặng lẽ lên xe. Đóng cửa. Chiếc xe thông thả lăn bánh ra khỏi nghĩa trang, chắc chẳng ai hiểu được rằng chưa bao giờ nàng cô đơn đến thế.

Chỉ còn lại mình nàng với chính xác thân của mình dưới ba tấc đất sâu, như một cái gì kỳ cục không dính dáng đến nhau, phần trên nhẹ tênh và phần dưới nặng trĩu, bởi vì từ nay cái thân xác ấy đã biến mất hẳn trên cõi đời, còn lại chút dư hương trong lòng mọi người, rồi thì cũng từ từ đi vào quên lãng.

Chiều xuống thấp. Bên nắm mộ của mình, nàng đã ngồi bất động như thế rất lâu, không biết hoàng hôn xuống từ bao giờ, ánh đèn vàng hắt lên những cành cây như những cánh tay dài nghêu ngao trên nền trời tím thẫm. Nghe tiếng lá khô xào xạc, nàng bỗng giật mình ngẩng đầu quan sát, ở đâu đây những bóng trắng mờ mờ như sương, như khói lướt đi trên mặt cỏ, và vì trời chưa tối hẳn nên nàng chưa nhìn rõ xem họ là ai, từ đâu tới, lang thang trong buổi chiều nay. Đàn quạ khoang rền rĩ kêu, đâu đó những nắm nhang vẫn lập loè, lung linh tỏa mùi thơm lảng đãng dưới cái lạnh của sương thu, sự yên tĩnh thật là dịu dàng nhưng buồn đến não ruột. Hình như nàng chưa thể quen được với thực tại, bởi những ràng buộc từ quá khứ, cho nên nàng cảm thấy cô đơn vô cùng, và nàng lại khóc. Giọt nước mắt nhẹ lắm, như chính nàng cũng rất nhẹ như những gì không có thực, nàng cảm thấy mình có thể lướt đi bất cứ nơi nào nàng muốn.

Nàng hồi tưởng đến xác thân của mình giờ này đã giá lạnh dưới nắm mộ sâu, mà rùng mình sợ hãi cho sự tàn phá của một sinh vật sau khi linh hồn ra khỏi xác. Còn đâu vẻ diễm kiều của mái tóc óng ả, làn da tươi mát và bờ môi mọng tươi thắm. Còn đâu thân hình căng đầy sức sống của tuổi thanh xuân, mỗi lúc nồng nàn ái ân, chồng nàng đã đắm đuối, say sưa trước một kỳ công tuyệt mỹ của tạo hóa. Nàng là một đóa hoa, chưa phải đóa hoa tàn, vậy mà như một chiếc lá xanh đã vội vã lìa cành sau cơn bão tố.

Hết thật rồi sao? Nàng chưa tin như thế khi nhìn chiếc ảnh bán thân xinh đẹp của nàng để trên chiếc bàn thờ khói hương nghi ngút, nàng ngỡ nó chỉ là một mặt phẳng mà không chứa đựng một chiều sâu nào hết. Mà nó phẳng thật, vì nó chỉ ghi lại được khuôn mặt, ánh mắt, nét cười của nàng khi nàng còn sống. Nay đã hết thật rồi, cái phần nặng nề kia đã đổ xuống, còn lại phần hồn rất nhẹ, rất thê lương, rất buồn bã để nhìn cho rõ sự tàn phá cái dung nhan mỹ miều kia, nay như một đồng thịt thối, cần phải chôn lấp, thiêu hủy, cả những người thương yêu nàng rất mực khi xưa, thì dù muốn dù không, cũng đâu muốn giữ lấy cái thân xác lạnh tanh, lạnh ngắt ấy làm gì.

Nàng vẫn nghĩ là mình đang khóc, nhưng nàng không sờ được hay nhìn được cái tinh thể của những giọt nước mắt đang thành thót rơi xuống trên má, trên môi. Thì ra ở cõi này, khi người muốn một điều gì thì tức khắc đều cảm được như vậy, nhưng vẫn không có thực.

Chiều xuống thật nhanh, bóng tối đã ập xuống rặng liễu rũ là đà, mờ mờ trên mặt hồ lặng ngắt. Khi trời tối, nàng nhìn mọi vật rõ hơn, cả cái lay động rất nhẹ trên từng ngọn cỏ. Bỗng từ phía sau lưng nàng, một giọng nói trầm trầm phát ra trong lùm hoa thạch thảo:

- Chào bà.

Nàng giật mình sợ hãi, một thói quen của đàn bà khi ban đêm phải một mình giữa nơi thanh vắng. Nàng thẳng thốt:

- Ông là ai? Ông muốn gì?

Tiếng đàn ông bật cười như hiểu được ý nàng, dù vậy, trong tiếng cười nàng không thấy có vẻ gì ác độc.

- Bà đừng sợ, ở đây chúng ta không thể làm điều gì xấu xa như thế giới của loài người đâu, dù rằng bà là một phụ nữ, và tôi là một người đàn ông. Giới tính chỉ có giá trị trên thân xác chúng ta thôi, những cái ấy đã chết đi rồi, linh hồn chỉ là linh hồn, chúng ta chỉ chia sẻ với nhau bằng cảm nhận. Tôi cũng như bà, một người đi trước, có một ít kinh nghiệm muốn chia sẻ với bà, vì trông bà buồn thảm quá.

Nàng bối rối thú nhận:

- Ông nói đúng, vì từ một thế giới khác, bước qua bóng tối của sự chết, tôi thấy mình thật lúng túng và cô đơn...

Người đàn ông lại cười:

- Bà nói bóng tối của sự chết làm tôi buồn cười quá, đối với tôi thì nó chính là ánh sáng, vì từ khi trút bỏ cái xác thân nặng nề, bệnh hoạn ấy, linh hồn tôi

thật là nhẹ nhõm như một đám mây lơ lửng giữa thình không. Chúng ta thoát rồi bà ạ, thoát hết cái vòng quẩn quanh của sinh, lão, bệnh, tử, thoát hết mọi đau khổ mà con người mang đến cho nhau, không biết nóng, không biết lạnh, một sự hòa hợp tuyệt diệu của cõi vô cùng mà chỉ có Thượng đế mới làm nổi...

Nàng ngắt lời người đàn ông, ghen ngào:

- Có lẽ ông là người không có những vướng mắc với cõi trần nên ông mới cảm thấy như vậy, chứ riêng tôi, biết bao nhiêu ân tình của gia đình, vợ chồng con cái, nay tất cả như một xa lìa vĩnh viễn, làm sao tôi không đau khổ. Biết bao giờ, phải, biết bao giờ tôi mới được sống lại với những người thân yêu của tôi...

Nàng ghen lời, khóc tức tưởi. Người đàn ông lặng yên để nàng khóc, vì có khóc được như thế, sự đau khổ của nàng sẽ nhẹ đi rất nhiều. Giọng nói của người đàn ông lại trầm trầm bên tai nàng, vi vu như gió, rất chậm rãi, ông ta kể:

- Thừa bà, lúc đầu tôi cũng có ý nghĩ giống hệt như bà, cũng buồn và đau khổ khi biết rằng sẽ có ngày người ta lãng quên tôi như một món đồ cũ. Cho nên tôi cứ quanh quẩn trở về, cứ loay hoay trong cái tình cảm bế tắc ấy. Thương vợ con nhiều lắm, vợ tôi là một phụ nữ yếu đuối, nàng mảnh mai, xinh đẹp như một đóa hoa mai. Còn lũ con thì đang tuổi lớn, tôi lo sợ cho chúng nó sẽ bị thiếu thốn tình thương của một người cha, rồi lấy ai hướng dẫn chúng trên đường đời dài thăm thẳm.

Người đàn ông ngưng lại như cố nén những cảm xúc dào dạt mà ông đang thổ lộ với hồn người phụ nữ lạ, nàng cũng yên lặng lắng nghe.

- Nhưng tất cả nó phũ phàng hơn nhiều, thưa bà. "Chỉ cần một năm thôi, là quên lời trăng trối, em đã quên tình tôi", cái anh chàng nhạc sĩ nào đó sao mà có thể viết được những lời ca tuyệt diệu đến thế. Vâng, chỉ một thời gian thôi, khi hương đã tàn, khói đã lạnh, bình hoa trên bàn thờ đã héo úa tả tơi, thỉnh thoảng người ta có nhắc đến tôi thì nghe như là truyện cổ tích, vợ tôi đã hững hờ nhìn tấm ảnh của tôi như một cái gì nặng nề làm cho đời nàng u ám hơn. Thưa bà, chúng ta có thể đọc được ý nghĩ của con người khi chúng ta đã chết, đó là phần thưởng nhưng cũng là hình phạt cho con người sau khi từ giã cuộc đời.

Người đàn ông lại im lặng, nàng nghe ông ta thở dài.

- Vì vậy tôi đã đọc được ý nghĩ của nàng, khi vợ tôi đang băn khoăn, rợn rã về một vài điều tán tỉnh của lũ đàn ông mà nàng gặp gỡ. Có một gã mặt mày cũng bảnh bao, ăn nói khéo léo, nhưng nàng có biết đâu trong đầu hắn đang tính toán những âm mưu bẩn thỉu, hắn sẽ hưởng được những gì nơi nàng, và còn toan tính cả chuyện sẽ làm chủ tất cả những gia sản mà tôi đã để lại cho nàng và lũ con.

Giọng người đàn ông đau khổ hơn:

- Tôi biết hết mà không làm được gì, thôi cũng đành vì vợ tôi còn trẻ, mà nàng lại yếu đuối, đang thèm khát tình yêu và rất muốn được yêu. Lũ con tôi càng tệ hơn, từ lúc ấy chúng xem như tha hồ muốn làm gì thì làm. Bỏ bịch

yêu đương, đàn ca xướng hát chẳng ngó ngang gì đến sách vở. Khi mình còn sống, ít nhiều gì chúng cũng nể nang vì sự có mặt của người cha trong gia đình, nay còn gì để mà kèm tỏa nữa. Người ta phung phí tất cả bao mồ hôi nước mắt của mình tạo ra, không một chút thương tiếc, mà mình thì cứ chất chiu, dành dụm. Đôi khi tôi thấy họ cãi nhau, dành giựt nhau, muốn giết lẫn nhau mà chỉ thấy buồn cười, vì họ đang cố giành lấy những điều không thực, mà cứ tưởng sẽ ôm lấy mãi cái ảo ảnh của vật chất cho hết kiếp này đến kiếp khác. Đời không là gì cả, như những nhánh sông chảy ra biển cả, có những lúc chúng nhập vào nhau, đó là duyên, để rồi đến lúc nào đó lại rẽ ra một ngõ khác, đó là định mệnh. Bà cứ hiểu như thế để không còn phải buồn, phải tiếc gì nữa cả.

Nghe người đàn ông nói, nàng đã thấy nguôi nguôi. Ông ta lại tiếp tục câu chuyện:

- Bởi vậy mà tôi không muốn trở về nữa bà ạ. Âm dương đã cách trở, mà lòng người thì lại càng không thể nào hiểu được. Tất cả những gì chúng ta có trên cuộc đời, kể cả tình yêu, thì chỉ là ảo ảnh. Chúng ta đã từng lăn lộn trong cái khổ của một kiếp người, đã từng yêu người như yêu chính bản thân ta, vậy mà khi chết đi, thời gian và những tháng năm qua, mình chỉ còn là những bóng mờ trong lòng người ở lại, không nên vì thế mà buồn, thưa bà. Để rồi bà xem, ông nhà cũng sẽ phải lãng quên bà để bước đi theo nhịp sống của đời, không hẳn ông là người bạc bẽo, nhưng đời là thế .

Khi người đàn ông nói xong, bỗng nhiên nàng cảm thấy mình đã có một cái nhìn thật rõ ràng về hoàn cảnh thực tại của mình. Từ nay, nàng đã tách riêng ra khỏi cuộc sống của những người bên kia, ví như nàng là nhánh sông đã rẽ

sang một nẻo khác. Nàng cúi xuống nhìn những vòng hoa trên mộ mình, những đóa hồng xinh đẹp, tươi thắm mấy ngày hôm trước nay đã héo rũ xuống thảm thương. Người đàn ông lại hỏi:

- Hình như bà thích những vòng hoa xinh đẹp kia?

Nàng gật đầu, giọng nàng thật là u uẩn:

- Nhưng nó héo úa hết rồi.

Người đàn ông gật gù:

- Đấy đấy, chân lý là ở chỗ đó. Cuộc đời ví như những cánh hoa, bà có thấy hoa nào mà không tàn đâu. Sự sinh, diệt ở con người, cũng giống như sự sinh, diệt của cây cỏ. Cái gì ta ghi nhận, cầm giữ được trên cõi trần chỉ là giả, vậy mà ta vẫn khổ vì những điều không thực. Ngày hôm nay tôi đã tỉ mỉ quan sát đám tang của bà, đám ma một người đàn bà đẹp với rất nhiều vòng hoa thương tiếc. Có đến bốn chục vòng hoa được ném vào thùng rác, rồi thì người ta cũng sẽ quên chúng ta như thế, chưa kể tấm lòng của người tặng hoa, biết đâu chỉ là sự bắt buộc trong một cách xử thế của tình đời, nhưng người mua có thể đã tiếc đứt ruột khi phải bỏ cả trăm bạc để nói lên lòng thương tiếc của mình. Bây giờ tôi cứ tạm chiết tính thế này, sơ sơ cũng mất đến bốn ngàn đồng cho những thứ hoa hoét như thế, bốn ngàn vứt đi vào thùng rác, trong khi bốn ngàn đồng này có thể nuôi sống bốn ngàn người đói khổ, với cái giá khiêm nhường một đồng cho một khẩu phần ăn. Thưa bà, một sự phí phạm không thể nào hiểu nổi, đó là cái sản phẩm điên khùng của con người ưa phù phiếm, khoe khoang.

Nàng ngõ ngàng mắt mấy giây mới hiểu nổi những lời châm biếm của người đàn ông, không hiểu ông ta có điều gì cay cú cuộc đời, nhưng nghe cách lập luận ấy, nàng thấy cũng có lý. Tự nhiên nàng thấy có cảm tình với ông, như thể nhờ vậy mà mảnh hồn nàng từ đây đã bớt phần đau khổ những nỗi tiếc mơ hồ về ảo ảnh của cuộc đời.

Người đàn ông đứng dậy với một lời chào nhẹ như tiếng gió, rồi lướt đi, cái bóng ấy nhẹ nhàng như cái bóng của hồn nàng. Đêm đã khuya, thế giới của linh hồn không có ngủ, không có thức, chỉ có sự yên lặng chợt đến, chợt đi, khi tỏ, khi mờ. Nàng ngẩng đầu nhìn mảnh trăng lưỡi liềm trên nền trời nhưng thẳm, những vì sao lung linh, đêm dịu dàng cùng với tiếng gió vi vu trên rặng liễu lá bóng dưới mặt hồ ảm lạnh, dưới lùm hoa thạch thảo, nàng nghe tiếng côn trùng tí tê.

* * *

Những ngày sau đó nàng vẫn không có ý định dạo qua nhà để xem những người thân của nàng ra sao sau sự vắng mặt của mình. Vậy lại hơn, vì nếu cứ phải nhìn thấy cảnh mọi người quây quần bên nhau để nói về đủ thứ chuyện đời, trong khi mình chỉ lặng yên ngồi đấy mà buồn một cách vô vọng, nàng thấy tủi thân lắm. Không nên tiếc mà cũng không nên biết. Có thể chồng nàng đã thu gom những kỷ vật của nàng vào một chỗ, có thể chàng đang buồn rầu khi mỗi buổi chiều đi làm về mà phải lăn vào bếp, tự nấu nướng những món ăn, phải dọn dẹp căn nhà bừa bãi và la hét những đứa con. Có

thể sau một ngày làm việc mệt mỏi, chàng thui thủi một mình trong căn phòng vắng lặng với gối chăn lạnh lẽo, thiếu sự ôm ấp của một bóng hình. Nàng đã không còn nữa, cho nên chàng sẽ rất ngỡ ngàng và đau khổ vì sự thiếu vắng tình yêu, và chàng đang nghĩ đến lúc phải lấp đầy khoảng trống đó. Bây giờ thì hơi sớm cho một người đàn ông góa vợ, nhưng không phải là chuyện ấy sẽ không xảy ra. Tuyệt nhiên, nàng không cảm thấy hờn trách chồng, nhưng chỉ thấy xót xa cho sự cô đơn của chồng mà thôi.

Chiều hôm ấy, người đàn ông lại đến. Đàn quạ khoang rền rĩ kêu những lời buồn thảm trên cây phong già, không gian như thấm đẫm một màu tang tóc. Ông ta bảo:

- Ngày mai sẽ có một người nữa đến đây, đây là một cô gái trẻ. Cô ta chết vì tình, tự hủy hoại đời mình vì một tình yêu không thật. Tiếc lắm, tiếc lắm...

Nàng ngạc nhiên hỏi ông ta:

- Sao ông biết?

- Tôi ở đây khá lâu nên biết rằng mỗi khi đàn quạ kêu, là y như rằng ngày hôm sau sẽ có một đám ma, hơn nữa, người ta đã đến sửa soạn đào huyệt từ ngày hôm trước, tôi có nghe họ nói chuyện với nhau như thế. Thật đáng tiếc khi cô ta đã tìm một cái chết lạnh nhách như thế, cho dù thân xác ta không tồn tại, nhưng ta cũng đâu có quyền hủy hoại nó. Bà cứ tưởng tượng xem, một cây xanh đang tươi tốt, sờ sờ, đơm những bông hoa đẹp, nay héo úa thế kia, không thương sao được. Hơn nữa, con người là một kỳ công của tạo hóa, đã trở thành những nét chấm phá trong một bức tranh sống động của

nhân loại, bây giờ tự nó hủy diệt nó, đó là một điều không nên. Cứ để cái gì đến nó sẽ đến, chuyện ấy tùy thuộc vào sự sắp đặt của Thượng đế.

Ông ta lại lan man nói sang vấn đề khác:

- Không biết bà cảm nhận Thượng đế bằng cách nào, chứ riêng tôi, tôi nhìn thấy Thượng đế thật là đơn giản trong từng thứ hoa cỏ mọc ven đường. Người ta khổ công nói về Thượng đế bằng đủ mọi thứ sách vở, từ truyền thuyết này sang truyền thuyết khác, tất cả đều vô ích, càng đào sâu những mâu thuẫn mà thôi. Bà nhìn xem đóa hoa nhỏ xíu kia, sự pha trộn màu sắc trong từng cánh hoa, chắc bà đã nhìn thấy cái hòa hợp tài tình của Đấng hóa công. Tôi không nghĩ về Thiên đàng, không nghĩ về hỏa ngục, vì thiên đàng hay hỏa ngục ta đã nhìn thấy ngay trong lòng ta. Đây chỉ là một cách nói, vì nhiều người cần phải có những hình ảnh kèm theo thì mới dẫn dụ họ đi đến niềm tin vào Thượng đế. Tôi không cần điều đó. Thưa bà, sẵn đây tôi cũng nói với bà điều này, là chúng ta chỉ dừng chân ở nghĩa trang này, nơi người ta gọi là bãi tha ma, chỗ dừng để vùi lấp cái thân xác hôi thối của con người. Đây là trạm dừng chân để chúng ta sửa soạn bước vào một cuộc hành trình khác. Tôi và bà cũng không gặp nhau lâu, vì tôi sắp phải đi...

Nghe ông ta nói, tự nhiên nàng lại buồn muốn khóc. Lâu nay, ông ta đã trở nên người bạn tri kỷ, hướng dẫn, giải đáp, tâm sự với nàng về mọi điều hiểu biết của ông ta, về mọi nhân sinh quan của cuộc đời. Nàng hỏi, giọng buồn bã:

- Ông đi đâu? Tôi tưởng là chúng ta sẽ dừng chân ở đây mãi mãi.

Hồn đàn ông ngậm ngùi:

- Ở đâu cũng có hợp rồi tan, như những giòng sông chảy về biển cả, có lúc hòa vào nhau rồi có lúc lại rẽ ra những nẻo khác. Ít nhiều gì cuộc đời qua chúng ta cũng phạm một số lỗi lầm, chúng ta phải trả giá cho những lỗi lầm đó. Con đường chúng ta đi tới cũng chưa biết, nhưng có lẽ tùy thuộc vào những công đức hay lỗi lầm chúng ta đã tạo nên.

- Ông có lo lắng lắm không? Nàng hỏi.

Người đàn ông trầm ngâm suy nghĩ trước khi trả lời nàng:

- Có đôi chút, nhưng tôi đã nói với bà rằng nó tùy thuộc vào những điều chúng ta làm, thì câu hỏi đã được trả lời rồi đó. Giờ đây, có phải làm người hay làm cây cỏ, có lên thiên đàng hay xuống địa ngục, thì điều ấy mình đã đoán hiểu được phần nào. Bà có thích thơ không? Nếu Thượng đế cho tôi sự chọn lựa, thì tôi sẽ chỉ muốn đọc hai câu thơ này:

"Kiếp sau xin chớ làm người,

Làm cây thông đứng giữa trời mà reo..."

Ông ta lại trịnh trọng cúi đầu chào:

- Xin chào bà lần cuối, hy vọng chúng ta sẽ có dịp gặp lại nhau.

Lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng, ông ta nắm lấy tay nàng, nhưng nàng

không cảm thấy một vắn đục nào trong cái xiết tay chặt chẽ ấy.

Ông ta lướt đi trên mặt cỏ nhẹ nhàng như lúc đến, còn nàng thì ở lại với những suy tư về Cõi mù sương.

NGUYỄN NHUNG.

Mùa Đông 1998.

(Trích "Tín ngưỡng Á châu", đầu tháng 7-2004)

Nguyễn Nhung

Cõi mù sương

Chương 2

Hai người từ biệt nhau vào một chiều cuối thu hôm ấy, tự nhiên nàng cảm thấy buồn da diết. Từ lúc vĩnh biệt cõi dương gian, rồi gặp gỡ linh hồn người đàn ông lạ, được ông ta chia sẻ những khắc khoải, những suy tư giữa sống và chết, nàng cảm thấy lòng đã nguôi ngoai và không ngờ mình mau thích nghi với hoàn cảnh hiện tại mau chóng đến thế.

Đã bước sang mùa Đông, trời có vẻ lạnh, khá lạnh, nàng cũng như bao hồn ma khác, không còn cái cảm giác nóng lạnh, thời tiết không ảnh hưởng đến thế giới của linh hồn, nhưng nàng vẫn cảm được cái lạnh đang bao trùm

cảnh vật. Nàng nhìn thấy những cành phong đang run rẩy giữa một trời giá rét, lá trên cành đã rụng hết, chỉ còn trơ lại những nhánh cây khô. Mỗi lần cơn gió bắc thổi tới, cả thân cây như quằn quại cố chống chọi với cái lạnh của gió đông, nàng nghe như có tiếng rên trong từng thớ gỗ.

Thì ra, cái khổ không phải chỉ dành cho con người hay muông thú, mà ngay cả cây cỏ cũng có nỗi khổ của nó, khi có một sự sống đang hiện diện trong từng phiến lá, từng dòng nhựa đang luân lưu đến tận cùng gốc rễ. Người có nỗi đau của người, cây có nỗi đau của cây, nói chung khi có sự sống hiện diện mọi vật đều cảm nhận được cái sướng cái khổ như nhau.

Nàng cảm thấy lòng thật êm đềm khi đã khám phá ra bao điều mới lạ của con người, của cây cỏ từ cõi mù sương. Nếu không thối đi như hạt lúa được vùi xuống đất để mọc lên cây mạ non, hay nếu nàng không chết đi thì mãi mãi nàng vẫn lơ ngơ trong cái mớ bòng bong của vật chất. Nàng không ngờ giờ đây mọi thứ trên đời chỉ là phù du, là hạt bụi vô nghĩa dưới gót chân của thời gian, vậy mà có biết bao người đã sống chết vì nó. Nghĩ cũng buồn cười, người ta phung phí tất cả sức khỏe, tuổi xuân để đi tìm vật chất, xong lại dùng tiền bạc để mua lại sức khỏe và tuổi xuân, mà nào có mua được. Đây là một lầm lẫn lớn, một cái vòng luẩn quẩn mà con người có nhìn thấy nhưng vẫn không tránh được.

Đang miên man với những suy tư về cõi mù sương, thoát nhiên nàng thấy có một hồn ma đã lướt tới bên nàng. Hồn kia lên tiếng, rất tự nhiên như đã quen nhau từ lâu:

"Cái ông tử tế kia đi rồi à?"

Nàng vừa lạ lùng, vừa khó chịu vì sự tò mò của hồn ma, đây là một người đàn bà. Rồi nàng bỗng dưng mỉm cười, hóa ra đàn bà ở thế giới nào cũng hay tò mò như nhau. Nàng trả lời với một vẻ không vui:

"Bà cũng biết ông ấy?"

Người đàn bà cười, giọng có vẻ châm biếm:

"Biết chứ! Ở đây tự nhiên mình biết hết những gì mình muốn biết, có gì là lạ đâu. Vậy là ông ấy đi trước tôi, ông ấy đi được là tự ông ấy giải thoát cho mình, khi rồi được tất cả là mình đi. . . "

Nàng ngạc nhiên, pha một chút tò mò:

"Như vậy chết chưa phải là hết sao?"

Người đàn bà cười rõ lên, giọng cay đắng:

"Hết sao được mà hết, thoát được cái xác thôi, còn phần hồn có cái khổ riêng của nó. Thoát được hay không là ở tâm, miệng nói thoát mà lòng chưa thoát thì vẫn là không thoát. Tôi có phải thần thánh gì mà trút được cái hận ấy, cứ nghĩ đến lão ta. . . "

Nàng ngơ ngác hỏi:

"Lão nào? Cái ông tử tế ấy à?"

Bà ta lắc đầu cười chua chát:

"Không. Là nói cái ông chồng tôi ấy chứ! Cô chết còn có kẻ thương, người nhớ, còn tôi ấy à, chán bỏ mẹ, may là họ cũng phải chôn mình, để đấy thôi không ai nghĩ được. Ôi dào! Cũng bát cơm quả trứng, cũng thầy chùa tụng kinh gõ mõ, tôi chả tiếc gì cái đời tôi hết nhưng. . . hận thì vẫn hận."

Tự nhiên nàng không khỏi so sánh hai hồn ma mà nàng gặp gỡ, thực là một trời một vực. Ông ta hòa nhã trí thức bao nhiêu thì bà này lại cay đắng hằn học bấy nhiêu, con người nào ít nhiều gì cũng trải qua cái cay đắng của "thế thái nhân tình", nhưng cách suy nghĩ quả có khác. Người đàn bà ngồi thụp xuống ngắm nghía tấm ảnh của nàng trên tấm mộ bia, có khắc những hàng chữ nổi bằng đồng rất đẹp:

"Nom xinh đáo để, hèn gì ông chồng cô cứ tiếc ngân ngơ. Chả bù cho ông chồng tôi..."

Nàng cảm thấy thương hại cho người bạn mới, dịu dàng bảo bà ta:

"Xấu đẹp gì cũng thế mà thôi, cứ đào tất cả lên thì người nào cũng như người nấy. Không biết bà nghĩ sao? Chứ bây giờ tôi đã nhìn thấy sự bình đẳng giữa con người với nhau, đã được Thượng Đế đối đãi thật công bình khi nằm xuống. Cái giá trị là phần tinh thần, những gì tốt đẹp ta đã làm trên cõi trần, chắc chắn có liên quan đến linh hồn của ta trong kiếp này phải không bà?"

Người đàn bà gật đầu, giọng bớt phần gay gắt:

"Đã hẳn là như thế, cả cái khổ đau về tinh thần, lúc nhắm mắt lìa đời mà chưa dứt bỏ được, nó vẫn đeo đẳng linh hồn về bên kia thế giới. Chính vì lẽ đó mà có người ra đi trong sự êm dịu, có người thì lại u trọc nặng nề. Ông kia hay là cô, đã sớm tìm ra được chân lý đó nên linh hồn cứ nhẹ như bóng mây, tháo gỡ được mà bay đi thanh thản, còn tôi sao cứ âm ỉ mãi không quên đi được. Nếu tháo gỡ được thì linh hồn tôi đã thanh thản mà bay lơ lửng theo ánh sáng của vùng hào quang phía trên kia."

Nàng nhìn theo ngón tay của bà ta, quả có thấy một luồng ánh sáng kỳ lạ, diễm ảo như một khối kim cương, có rất nhiều chấm sáng lao xao. Tự nhiên nàng nghĩ đến hồn người đàn ông đã bay về hướng ấy, và cái suy luận về thiên đàng và hỏa ngục gần như đã có một đáp số. Đơn giản là tự mình tháo gỡ cho mình, hễ tháo được những ràng buộc nặng nề của tội lỗi từ kiếp trước, hồn cứ thế nhẹ nhàng lơ lửng bay lên. Nhưng thật khó để mà tháo khi cái nhân mình làm giờ đây như những cái rễ của sự đau khổ, cứ bám chặt lấy làm linh hồn khó bề tẩu thoát.

Điều này dễ hiểu thế mà bấy lâu nay người ta cứ vẽ vời ra bao hình ảnh khủng khiếp về hỏa ngục, nó nằm ở trong tâm chứ xa xôi gì mà phải đi tìm mãi, tìm hoài nguyên lý của thiên đàng, địa ngục, cái Ác và Thiện nằm kề bên nhau, như hình ảnh hai ông Ác và Thiện trấn giữ trước mỗi ngôi Chùa, chỉ là những hình ảnh gần gũi, dễ hiểu nhất để dẫn giải người ta hiểu con

đường mình phải đi. Nàng cũng hiểu khi còn sống ở trần gian, hỏa ngục cũng đã đè trĩu trong tâm tư những con người độc ác.

Người đàn bà có lẽ là người không có hạnh phúc khi còn sống, cho nên giọng nói bà ta lúc nào cũng cay đắng:

"Tôi biết cô đang so sánh cái ông tử tế kia với tôi, nhưng giá mà tôi trút được cái đau khổ đi thì tôi cũng như ông ta vậy. Chính vì lý do đó người ta mới hay nói ma dữ, ma hiền, ma đẹp, ma xấu, như cô đây có là ma thì cũng khỏi người mê đấy. Tuy vậy tôi chỉ xấu cái miệng, lòng dạ lại không đến nỗi nào, chưa hại ai bao giờ. Ở đời khỏi đưa nói lời ngon ngọt, nhưng lòng dạ lại như dao đâm người. Chỉ vì đời không tử tế mà tôi không làm sao nói năng cho tử tế được cả."

Nàng rụt rè hỏi bà ta:

"Bà đã bao giờ về thăm nhà chưa? Có khi bà chết rồi, ông đâm hỏi hận rồi cũng buồn rầu đau khổ vậy."

Bà ta bĩu môi, cười lạnh lạnh nghe rợn cả tóc gáy, tiếng cười sắc đến nỗi có thể làm vỡ cả lớp sương vầng trên mặt nước:

"Hỏi hận? Đừng nói hai chữ hỏi hận với con người ấy. Tôi không bao giờ nghĩ đến chuyện trở về căn nhà xưa để nhìn mặt hắn lấy một lần. Lạy trời cho tôi quên, quên tất cả là tôi sẽ tự siêu thoát."

Nàng ngại ngần hỏi:

"Có lẽ chúng ta phải cần có sự cầu nguyện thật nhiều của người còn sống, may ra linh hồn mới chóng được siêu thoát."

Người đàn bà cười "học" lên một cách quái đản, ngó nàng riều cợt:

"Sao ngây thơ thế hử "giời"? Như thế thì những đứa làm ác mà lại giàu, chúng có tiền mua sự cầu nguyện, cứ phoir phoir lên Thiên Đàng, còn như tôi không ai cầu nguyện cho, dễ chừng cả đời nơi địa ngục. Kinh kệ cũng giống như âm nhạc trong một cuộn phim mà mình là nhân vật chính, âm nhạc được

lồng vào trong phim để giúp cho nhân vật diễn xuất trọn vẹn hơn, cảm xúc dào dạt hơn, nhưng cái chính là ở nhân vật trong phim đấy chứ!"

Nàng bật cười, hóa ra bà ta cũng đáo để đấy chứ, không dốt nát tí nào, so sánh giữa hai linh hồn nàng gặp gỡ, cái giá trị uyên bác ở người đàn ông với cái kinh nghiệm từng trải nơi người đàn bà đã thua gì nhau. Bà ta cười thích thú:

"Tôi nghĩ Thượng Đế đâu có ngây thơ đến độ để người ta hối lộ, buôn thần bán thánh, tạo nên con người mà nó lại dám qua mặt mình thì cứ đem vật cớ chúng cho xong. Tất cả là ở trong tâm ta, thiên đàng địa ngục nó nằm cả ở chỗ này này cô bạn ạ."

Bà ta đâm tay bình bịch vào chỗ trái tim, đúng ra thì phải vỗ vào đầu, vì tri thức nằm cả ở trong khối óc. Nàng lại buồn cười cho sự ngớ ngẩn của mình, thân xác gồm có đầu, mình, tay chân, tim óc, phèo phổi làm gì còn nữa. Linh hồn là một khối không màu sắc, lơ lửng như mây, ẩn hiện vô phương nắm bắt. Nó có thể bất ngờ nhập vào một thân xác nào đó để nhờ nói lên những thông tin giữa bên này và bên kia, nó có thể nương theo một cánh bướm chập chờn bay đến với người thân để báo trước một điều may hay rủi. Càng đi sâu vào thế giới của linh hồn, nàng càng cảm thấy thích thú khi khám phá ra những điều kỳ bí mà con người ở cõi dương gian phải rung mình, rợn gáy. Người đàn bà có vẻ thuộc loại "ruột để ngoài da", cho nên vì thế vừa gặp nàng bà ta đã không ngưng được câu chuyện ngày xưa:

"Tôi lấy chồng năm hai mươi tuổi. Thuở ấy con gái mà lấy chồng muộn người ta bảo mình vô duyên. Gia đình nghèo, mẹ chết sớm, bố lấy vợ khác chả ngó ngang gì tới con cả, thôi lấy chồng quách đi cho yên phận. Này cô ạ, cô có tin rằng người ta có số không? như cô đây cả đời được nâng niu, chắc cũng nhờ kiếp trước khéo ăn ở sao đó, chứ tôi cái số khôn nạn thì có "tránh vỏ dưa cũng đập vỏ dừa", điều ấy chắc chắn như năm với năm là mười vậy."

Cuộc đời tôi nó cứ đi từ cái khổ này đến cái khổ khác, không làm sao cưỡng nổi."

Nàng ngạc nhiên hỏi bà ta:

"Bà không tìm hiểu trước khi lấy chồng à? Tôi tưởng người ta phải yêu nhau mới ở với nhau được chứ?"

Người đàn bà cười "khục" lên, nếu một kẻ yếu bóng vía nghe được chắc cũng phải nổi da gà:

"Yêu à? Yêu là gì nhỉ? Là hai người lấy nhau, ăn ở với nhau, đẻ ra một bầy con, hành hạ nhau bằng thích, như vậy có phải là yêu? Tôi cũng có yêu ông ta đấy chứ, nhưng lấy nhau rồi tôi mới biết yêu đồng nghĩa với sự nô lệ, nghĩa là quần quật hầu hạ, chiều chuộng từ người trên kẻ dưới, làm sao cho người ta hài lòng thế là đầy đủ nghĩa của chữ yêu. Không thì người ta nói xỏ nói xiên, chửi bới, đá vào đít mình rồi lại ngủ với mình, rồi lại đi tìm người khác cho mình khổ, để làm gì nhỉ, để yêu... há, há...."

Bà ta ré lên cười như một người khùng điên, nàng cảm thấy sợ hãi trước vẻ kỳ cục của hồn ma phụ nữ lạ. Chỉ một lát thôi, bà ta sụt sịt khóc, nàng thật sự ái ngại cho sự hoảng loạn và đau khổ của linh hồn người đàn bà kia. Bà ta vừa khóc vừa lu loa kể:

"Cô đừng tưởng tôi không biết yêu và không thèm khát tình yêu, cũng vì thất vọng cho cái tình quái gở ấy mà lúc nào tôi cũng như kẻ điên khùng. Ngày còn trẻ, tôi cũng có cái mảnh tình ngây thơ, cũng say trăng, cũng thơ thẩn với mây với gió. Chỉ vì chồng tôi mà linh hồn tôi nên nông nổi này, cô có muốn nghe tôi kể câu truyện "Khi con cừu biến thành sư tử" không?"

Nàng lại cảm thấy vui vui, người bạn mới dễ thương theo kiểu cởi mở của bà ta, tuy không thâm trầm triết lý như ông bạn cũ, nhưng lối "tả chân" đầy đủ về cuộc đời nghe cũng hay hay.

" Gia đình tôi như thế đấy. cho nên tôi mới mong thoát ra để tìm một chút

êm dịu cho cuộc đời. Tôi gặp chồng tôi qua sự giới thiệu của bạn bè, anh ta có sức thu hút của một tên đàn ông nghệ sĩ, hồi xưa cũng dịu dàng tử tế như cái nhà ông kia. Đàn ông lạ lắm, có khi họ rất tử tế với người ngoài, mà chẳng tử tế với vợ chút nào cả, bởi vậy người ta cứ cho muôn tội bởi người đàn bà. Lấy anh ta rồi tôi mới biết đây là một người đàn ông ích kỷ, chỉ nghĩ đến anh ta và gia đình anh ta mà thôi, tôi mắc nợ cả cái nhà ấy. Hấn yêu hấn và dùng mình làm công cụ để đẹp lòng mọi người, còn mình thì cay đắng nhin nhục để sống cho hết nợ. Vậy mà cũng đẻ cho nhau mấy mặt con, không biết sao không tôn trọng nhau mà vẫn có thể ăn ở với nhau được nhỉ?"

Nàng mỉm cười thú vị. Bà ta lại sắp dỡ cái giọng điên khùng, hóa ra lúc sống mà đang ở trong trạng thái nào, thì lúc chết hồn vẫn loanh quanh trong trạng thái đó, bởi vì thân xác đã nằm xuống mà tri thức vẫn tồn tại. Như nàng, lúc nằm xuống vẫn tràn ngập niềm vui và tình êm ái với chồng con, do đó nàng mới buồn áo não như thế. Nếu không gặp gỡ hồn người đàn ông lạ, ông ta đã giải tỏa cho nàng những vướng vít giả tạm của trần gian. Thấy nàng im lặng, người đàn bà đột ngột triết lý như một học giả:

"Nó là nợ đấy cô ạ, bao nhiêu lần mình muốn chạy trốn nó mà vẫn không thoát ra được. Sau này thì cứ sống vì con, cứ chửi nhau, dằn vặt nhau, rồi lại ăn ở với nhau, khi hết nợ là mình đi, nhưng nỗi buồn thì nó vẫn đeo đẳng theo ta về bên kia thế giới. Hồi ấy tôi còn trẻ, sức chịu đựng còn nhiều, dù bị hành hạ bởi cả cái nhà chồng họ hàng lắm điều lắm tiếng, cứ chịu hết bấy nhiêu người mình cũng đủ ốm mà chết. Ấy là nói lúc mình còn trẻ, chứ càng ngày càng lớn tuổi, đời chả ra thế nào thì cần gì phải bám vào cái thứ tình khốn khổ ấy. Người ta cứ bảo phụ nữ phải thế này thế nọ, hạnh phúc tự đấy mà ra. Láo khoét, dễ thương tôi đã chả từng là con cừ non mềm mại, dễ thương lúc bước vào đời đấy ư ? Con giun xéo lắm cũng quằn, khi mình cứ

cố gắng nín nhịn để bảo tồn cái hình ảnh đẹp đẽ của người phụ nữ, người ta lại cứ thế đẩy mình vào tường không cho nhúc nhích, cục cựa. Ông chồng tôi thừa thắng xông lên, lại được yểm trợ bởi cái gia đình cũng ích kỷ như hấn... "

Giọng bà ta bắt chợt rít lên:

"Tôi nghĩ họ cũng phải trả giá cho những việc làm sai trái của họ, trước mắt là đám con cháu của họ cũng đã trả lễ cho những cái ác mà họ gây nên, như thế mới gọi là "quả báo nhãn tiền" chứ."

Nàng lên tiếng an ủi:

"Ít ra thì tự mắt bà cũng đã chứng kiến cái quả báo nhãn tiền ấy rồi, thôi thế bà cũng được an ủi rằng trời luôn luôn có mắt."

Bà ta tiếp tục câu chuyện:

"Buồn cười lắm cô ạ. Một lần tôi đang đứng trong bếp, tay cầm con dao chặt thịt thì ông chồng tôi, hấn vẫn không bỏ cái lối chà đạp nhân phẩm người khác. Hấn hấn học tôi không biết lấy lòng cô em chồng lắm tiền mà thiếu lòng nhân, hấn đay nghiến cha mẹ tôi kém phúc đức nên mới đẻ ra tôi, nào là nhà tôi thế này, nhà hấn thế nọ. Trời đất cha mẹ ơi! Sao mãi tới lúc ấy tôi mới có đủ nghị lực và can đảm để bảo cho hấn biết là hấn không có quyền chà đạp tôi, gia đình tôi. Cô ạ, buồn cười quá cô ạ ..."

Bà ta cứ rú lên cười, cười rũ rượi đến nỗi nàng cũng phải bật cười theo:

"Tôi giờ phắt con dao lên xấn vào hấn, lúc giận dữ tôi như con sư tử, hấn bất ngờ bị phản công tìm đường chạy, may là hấn cũng biết sợ chứ không tôi đã chém cho hấn một dao rồi muốn ra sao thì ra. Hấn sợ lùi ra ngoài, sợ cơn điên khùng của con cừu tự nhiên biến thành sư tử, hôm ấy mà tôi chém chết hấn thì có phải đời lại gánh thêm một nỗi oan gia. Sau đó thì chẳng còn gì, tình nghĩa tình yêu tình gì cũng hết. Tôi được yên thân mặc cho hấn muốn vung vãi tình yêu cho ai cũng được, đã đến nước ấy thì còn ghen tuông làm

gì cho mệt."

"Mấy đứa con bà thì sao?" nàng hỏi.

Người đàn bà thở dài:

"Toàn con gái, hình như chúng sinh ra để trả cái nợ cho ông già chúng. Nếu sau này chúng có một chục thằng chồng thì cũng đừng ai ngạc nhiên, đời cha ăn mặn thì đời con khát nước. Tuy cái tình đối với chồng như thế đã đành, nhưng đối với con thì không buông xuôi như vậy được, chẳng qua nó lại là món nợ mà mình trả chưa xong, người đời họ bảo: "Chồng là nợ, vợ là oan gia, con là cái dây thắt cổ", phải vậy không cô?"

Nghe bà ta nói nàng không khỏi bật cười, đúng là một tay văn chương chữ nghĩa nhưng cách suy nghĩ vẫn chỉ theo chiều hướng đau khổ, chứ riêng nàng tình vợ chồng quả là chút duyên lành trời cho, nhưng chỉ được tới đây là hết duyên lẫn nợ. Nàng bùi ngùi nhớ đến gia đình, những đứa con ngoan lớn lên sẽ thay mẹ săn sóc cha chúng nó, và biết đâu ở một kiếp nào đó họ sẽ trở lại với nhau, trong mối duyên lành mà Thượng Đế sẽ ban cho họ. Nàng thấy tâm tư mình an ổn hơn người đàn bà kia, thậm chí cảm ơn người đàn ông tử tế đã tháo gỡ cho nàng những đau khổ khi phải lìa xa những hình ảnh thân yêu của quá khứ. Nàng cũng có ý nghĩ rằng, sẽ truyền đạt sự hiểu biết ấy cho người bạn mới, để bà ta cũng dần dà nguôi ngoai những đau khổ, một người có lòng bác ái như nàng, thì dầu chết vẫn muốn chia sẻ với người khác những gì nàng có. Do vậy, nàng thấy linh hồn mình thấp thoáng muốn bay về một nơi nào đó, có lẽ là cái vùng ánh sáng lạ kỳ, điểm ảo lơ lửng phía trên kia. Cả hai cùng đắm chìm trong Cõi Mù Sương, người đàn bà cười chán khóc chán, bỗng đột nhiên vui vẻ trở lại:

"Nói thế thì nói, chứ nghĩ đến làm người một lần nữa tôi lại thấy lạnh cả hồn. Này thôi, chúng mình đi chơi đi, sang thăm cái con bé tự tử bên kia hồ xem hôm nay nó như thế nào rồi. Rõ mà chán, ấy là nó chưa rõ bộ mặt thật

của đời nên còn phí nước mắt mà khóc than, mà đại đột hủy hoại mạng sống của mình, cứ sống mà dung dăng dung dẻ với người khác xem có sướng không nào. Chưa kể từ đây hồn còn bị dằn vặt trong đau khổ, gọi là còn đời đời trong địa ngục ở cái tội muốn cướp cả quyền của Thượng Đế."

Nàng im lặng, không muốn bình phẩm ai, vì đó là bản tính hiền lành của nàng khi còn sống. Cả hai cùng đứng lên, hai cái hồn ma lướt đi trong gió đêm lạnh giá. Giờ này, khi cõi dương gian đang say ngủ, khi vàng trắng khuya lạnh lẽo vắng vặc treo trên bầu trời cao vời vợi, có những hồn ma lang thang vật vờ bên rặng liễu rủ ven hồ. Chỉ còn tiếng gió hú, tiếng chim khuya khắc khoải gọi nhau...

Nguyễn Nhung

Cõi mù sương

Chương 3

Đêm đã khuya, ngàn sao như những viên ngọc châu nhấp nháy trên nền trời mênh mông bát ngát, một nửa vàng trắng rơi xuống mặt hồ, phơ phất những cành liễu mềm rủ bóng, như mái tóc đen mun của người đàn bà thả từng lọn mềm óng ả xuống mặt nước. Thỉnh thoảng một cơn gió lan lan làm gợn gợn mặt hồ, ánh trăng như rạn vỡ ra từng mảnh lung linh dưới đáy nước. Cảnh vật càng thêm huyền hoặc với cái mờ tỏ của một đêm chưa đi và một ngày chưa tới.

Hai cái bóng cùng lướt đi, về phía có tiếng khóc nỉ non nằm trong góc của nghĩa trang, sau những lùm cây thấp. Giữa đêm khuya thanh vắng, lẫn trong tiếng côn trùng rì rì trong bụi cỏ, tiếng khóc nghe càng tức tưởi, thê lương đến não nuột. Hai người phụ nữ, cứ gọi như thế dù giờ đây giới tính trong thân xác của họ đã hoàn toàn nằm lại trong hai nắm mộ tối, và linh hồn chỉ còn mang theo được trong tư tưởng của họ những danh xưng được đặt để của thế giới loài người : Ngài, Đức, Ông, Bà, Chú, Bác, Cô, Dì, Anh, Chị v. v

Chết hết rồi, những đại danh từ đứng trước cái tên của con người chết ngay từ lúc người ta nằm xuống, hay cái ấy hoàn toàn chỉ còn nơi người sống, khi họ cần xưng tụng, tán dương nhau. Ở đây tất cả đều bằng nhau, dẫu những nắm mồ được xây dựng hoành tráng hay đơn giản, trên những tấm bia khắc đầy tiểu sử của một người, hay chỉ vài hàng chữ ngắn ngủi thì giá trị của kẻ nằm sâu dưới kia chẳng ai hơn ai. Họ lướt đi qua nhiều dãy mồ mả trong khu nghĩa trang, có chỗ rì rào như đang cầu nguyện, có nơi lạnh lẽo im lìm chỉ vì hồn đã bay về một nơi phải tới, còn lại cái xác đang tan rữa dưới đáy mộ sâu. Lướt đi trên những lá cỏ ướt đầm sương, lẫn theo tiếng khóc của người con gái tự hủy hoại cuộc đời và đem theo trong lòng một khối tình đau khổ vì bị bỏ rơi, người đàn bà đẩy nạng về phía trước, khiến hồn ma của người con gái đang run rẩy khóc, bỗng nín bật vì sợ hãi. Tuy thế, trong đêm khuya một giọng nói nghẹn ngào yếu ớt vang lên thật tội nghiệp:

“Mẹ ơi! Con sợ quá, sao chỉ có mình con ở đây hờ mẹ?”

À, thì ra cô ta gọi bà mẹ như thói quen của những người con chợt nhớ đến mẹ mình khi bơ vơ trong dòng đời đau khổ. Buồn thật, chắc hẳn giờ đây linh hồn cô đang hoảng loạn, sợ hãi, khác hẳn với sự quyết liệt của cô khi dùng những viên thuốc độc để kết liễu đời mình. Sự đau khổ đến cùng quẫn khiến lúc ấy cô không còn lý trí để phân biệt được hậu quả của sự hủy hoại ấy ra

sao, không nghĩ đến nỗi đau khổ vì mất con của cha mẹ, không nghĩ đến hạnh phúc gia đình mà cô đang có, mà chỉ tuyệt vọng vì sự bỏ rơi của người tình đều cáng, lừa lọc đẩy trái tim ngây thơ của cô xuống vực thẳm.

Nghe tiếng nói than van gọi mẹ của cô gái, nàng vô cùng thương cảm, dịu dàng lên tiếng:

“Đừng sợ, chúng tôi không làm hại gì đến em đâu, chúng ta đến với nhau bằng tình yêu thương chia sẻ thôi. Ai bảo rằng chỉ có loài người ở cõi bên kia mới chia sẻ được với nhau, nếu như có một tấm lòng thì ở đâu mình cũng vẫn thương yêu nhau được.”

Vô tình nàng đã lặp lại những lời nói thâm tình của người đàn ông tử tế đã dạy cho nàng trong thời gian nàng vừa lìa xa cõi đời mộng ảo, tác động của yêu thương hay hận thù chính là tư tưởng, nếu như ngày ấy nàng không gặp được ông ta, chưa chắc nàng đã học được bài học của sự giải thoát và lòng yêu thương để chia sẻ với cô gái bất hạnh này.

Cô gái vẫn khóc, khi đang đau khổ vì cô đơn, lại có người tử tế yêu thương khuyên giải, càng làm cô cảm động và khóc nức, giọt nước mắt của đau khổ giờ đây đã trở thành giọt nước mắt của tình yêu thương, phát xuất từ tâm con người cả thôi. Người đàn bà đi sau nàng lên tiếng, bà ta vốn là người trực tính, ăn nói "thẳng như ruột ngựa" khiến cô gái ngỡ ngàng, và nàng thì hơi bất ngờ khó chịu:

“Úi giờ! Bây giờ mới nhớ đến mẹ thì đã muộn rồi, sao đại đột thế hử cháu? Mình chết uống mạng mình, lại còn mang tội với trời nữa, tiếc nuôi gì một thằng “ma cà bông” cho linh hồn càng đau đớn thêm ra. Tuổi trẻ nông cuồng, nông cạn, thật khổ thay cái phận đàn bà, hễ khi yêu là yêu hết trái tim, nên vì thế mà chết ngu chết dại. Cái bọn đàn ông là vua tham lam, hễ được yêu là vợ ngay lấy tuýt suýt, đâu có cần biết hậu quả tốt, xấu ra làm sao.”

Đến đây thì nàng phải “suyt” nhẹ cho bà ấy đừng nói nữa, vì cứ theo lối nói chuyện phang ngang bỗ củi, chửi đời vung vít như thế thì chỉ làm cho linh hồn cô gái bị thương tổn hơn thôi. May quá bà ta biết ngừng lại, như cũng hiểu mình đã quá lời với một đứa trẻ con chưa hiểu đời bao nhiêu. Nàng nhẹ nhàng nói với bà bạn:

“Không phải thế, tôi không đồng ý với những điều bà vừa nói đâu. Thế giới loài người giống như cái mâm để sàng gạo, sau khi sàng sảy thì lúc ấy mới chọn được gạo ra gạo, lúa ra lúa và sỏi đá ra sỏi đá, không phải tất cả những người đàn ông đều như thế!”

Lúc nói như vậy, nàng đang nhớ đến ông bạn tri kỷ của mình đã đi trước về một nơi nào đó mà nàng chưa biết, còn cô gái khóc nức nở:

“Trời ơi! Tôi đau khổ quá, tôi cứ tưởng chết là hết, là giải thoát cho tôi những đau khổ cuộc đời, chứ có ngờ đâu tôi đã làm khổ cha mẹ tôi, đã bỏ lại anh chị em để ra đi một mình tức tưởi như thế này. Tôi biết tôi sai rồi, nhưng làm sao quay về được với gia đình của tôi, để sống với cha mẹ, anh em thân yêu của tôi, tôi còn phải trả lời trước Thượng Đế hành động nông nổi của mình, nhưng tại ai, chẳng lẽ chỉ mình tôi chịu cái khổ này . . .”

Cô ta lại khóc, tiếng khóc thê thiết khiến cả hai linh hồn đàn bà cũng mũi lòng đến rơi lệ. Đúng rồi, chết chưa phải là hết, dù biết chết chỉ là sự chuyển tiếp qua một cuộc đời khác, nhưng ảnh hưởng tinh thần thì lại chặt chẽ với nhau như chim liền cánh, như cây liền cành, giải thoát được hay không để đi về một nơi bình yên không phải dễ, vì con người phải hưởng hoặc trả những gì mình làm khi còn sống. Linh hồn cô gái tới bây giờ đã mù mờ cảm nhận được con đường cô sắp đi, và nỗi ám ảnh vì điều sai trái cô làm sẽ không dễ dàng buông tha để cô về được nơi bình yên như lòng cô mong mỏi. Nàng dịu dàng nói với cô:

“Em ơi! Mọi chuyện đã qua rồi, có hối hận thì cũng không còn cơ hội để làm

lại được, người ta chỉ có thể làm được điều thiện hay điều ác khi còn là người thôi. Tôi không dám nói với em rằng em sẽ phải đi qua những ngã đường vô cùng cam go để học lại bài học làm người, để chuộc lại lỗi lầm của em đối với thượng đế, đáng đã ban cho em có được một linh hồn trong một xác thân để hiện diện trên trần thế. Em đã không biết xử dụng cuộc đời mình để làm những điều tốt đẹp khi có điều kiện tốt, lại hủy hoại đời mình như bẻ một bông hoa đẹp mà chà đạp dưới chân, nhưng chắc chắn là khi nhìn rõ được điều mình làm, mà hồn quyết tâm tu tỉnh để sám hối, Thượng Đế sẽ sẵn sàng tha thứ cho em phần nào điều sai trái ấy.”

Cô gái như bám được cái phao trên dòng nước xoáy, nên gật đầu nghen ngào nói với hai người phụ nữ lạ:

“Cháu cảm ơn cô, đã chỉ cho cháu con đường phải đi, dù thế nào đi nữa thì cháu cũng phải trả giá cho việc mình làm, sự đau khổ giờ đây chính là địa ngục mà cháu phải chịu, chứ chưa chắc phải nóng như vạc dầu, sôi như lửa bỏng mới là địa ngục. Ôi cháu ngu dại vô cùng, trong khi mình ra đi có một mình, mang theo nỗi đau khổ về cõi chết, đã làm cho cha mẹ, anh em cháu ở lại trần gian còn đau khổ gấp mười những điều cháu phải chịu. Mà anh ta thì”

Người đàn bà nghe kể đến đây thì cười sặc lên khiến cô bé ngỡ ngàng:

“Lại nhắc cái thằng khốn ấy, rõ là khốn khổ. Này, sao không thương cho cảnh bà mẹ giờ này vẫn không ngủ được, khắc khoải khóc thầm trong đêm khuya vì thương nhớ con mình, ông bố thì gầy rộc đi vì đau khổ. Còn thế này nữa, cái miệng đời mới kinh khiếp, họ chẳng tử tế gì mà không lão xào bàn ngang tán dọc nỗi đau khổ của người khác, đã mấy ai thông cảm được niềm đau của thế nhân. Cái thằng ấy thì tôi bảo đảm, nó cũng phải liên đới chịu trách nhiệm với cô em đây trước mặt Thượng Đế, chính nó mới là nguyên nhân gây ra sự đau khổ, sau này nó sẽ không yên ổn mà sống phồn

phơ với vợ đẹp con khôn được đâu.”

Nàng giựt mình, thật khổ cho cái miệng bô lô ba la của linh hồn người phụ nữ kia, khi còn sống bà đã từng là nạn nhân của một người chồng ích kỷ, xem bà như công cụ để thỏa mãn xác thịt và trở thành một người nô lệ để phục vụ cho một đám người cũng ích kỷ, tàn nhẫn như ông ta. Từ khi gặp nàng, qua trao đổi bà ta cũng đã thấu triệt được chút nào phương cách để tự giải thoát nỗi căm hận của linh hồn, nhưng thực ra bản chất con người không phải là thần thánh, vì nếu rũ ra được ngay thì chắc nhà thờ, chùa chiền sẽ vắng bóng người đến cầu nguyện. Thế nên, muốn hiểu được con đường dẫn tới chân lý không phải một sáng một chiều mà “ngộ” được. Giờ đây, mỗi cái đau khổ của từng linh hồn khác hẳn nhau, cái buồn dịu dàng mệnh mang của nàng khác hẳn cái đau khổ của người đàn bà bị bạc đãi, và cô gái bị phụ tình, dù rằng nàng đang cố coi cho họ phần nào nỗi đau khổ, như đập bớt nhóm than hồng trong lò lửa bốc lên những nỗi buồn chất ngất. Đôi vai cô gái vẫn run rẩy theo tiếng khóc, hình như cô chưa thể nguôi được niềm hối hận cùng thương nhớ hình ảnh những người thân yêu trong quá khứ:

“Trời ơi! Giờ này anh ở đâu anh ơi! Chỉ còn em một mình một bóng nơi đây, không biết còn ai nhớ đến em không?”

À, thì ra cô lại nhớ đến cái anh chàng bội bạc kia, khi kết thúc một cuộc tình để dẫn đưa đến cái chết thảm khốc cho cô gái nhẹ dạ, biết đâu lại là cách giải quyết hay nhất để anh ta không còn vướng víu nợ nần với cô gái. Hình như điều ấy làm người đàn bà bức mình, bà ta xán đến gần, đặt tay lên bờ vai eo lả của cô rồi hỏi:

“Này, cô lại nhớ đến cái thằng "ba que xỏ lá" ấy hử? Thế thì đi với tớ, tớ sẽ chứng minh cho thấy rằng thì là “không có mợ thì chợ vẫn đông”, hay là không có em thì đời anh vẫn thế!”

Bà ta kéo tuột cô gái đi đến nỗi nàng không kịp ngăn cản, hai cái hồn ma gần

như bay lướt đi nhanh hơn tốc độ của âm thanh và ánh sáng. Đúng ra thì họ không cần phải có phép khinh công mới đến được nơi họ đến, vì ở cõi này thời gian cũng ngừng lại từ khi họ bước sang cõi chết. Không còn hôm qua và hôm nay, không còn quá khứ hay hiện tại, chỉ còn khối tư tưởng và hành động, việc làm của họ ở kiếp người mang đi mà thôi. Ngồi lại một mình nàng cứ băn khoăn tự hỏi, con người sẽ tự giải cứu linh hồn mình cách nào đây khi đã vượt qua cánh cửa miền vĩnh cửu. Chưa nghĩ được câu trả lời thì đã thấy hai cái bóng dất nhau về. Nàng vội hỏi:

“Thế nào, hai người dất nhau đi đâu mà nhanh như ma đuổi thế?”

Người đàn bà bật cười:

“Mình là ma rồi thì còn ma nào đuổi kịp mình. Tại tôi bức mình cái con ngốc này nên nhất định cho nó nhìn ra sự thật, kéo nó cứ lải nhải hoài là bây giờ chỉ còn một mình một bóng. Làm cóc gì có hình mà có bóng, hể mặt trời lên là tan biến cả, vốn là sương là khói thì lại trở về với khói sương, ảo ảnh chỉ là ảo ảnh. Tôi vừa đi với nó về nhà cho nó biết cái khổ của mẹ nó như thế nào, và cái thằng mà nó tưởng yêu nó đến đời đời kiếp kiếp kia như thế nào đấy thôi. . .”

Linh hồn cô gái có vẻ ngượng nghịu vì lời ăn nói bạt mạng của bà kia, vì thế nàng lại phải lên tiếng để cứu vãn tình thế:

“Thôi, chẳng có gì phải ngạc nhiên, vì giờ đây chúng ta ai cũng hiểu khi nằm xuống, chúng ta đã phải tự tách rời với thế giới bên kia. Họ còn thân xác thì mọi sinh hoạt của họ vẫn phải đi theo nhu cầu vật chất, cho nên mình muốn trở lại để hòa nhập với cõi đời cũng không được, chỉ lạc lõng hơn thôi. Chi bằng chấp nhận con đường chúng ta sắp đi, vì chết chỉ có nghĩa là thay đổi một chiếc áo mới, một cuộc đời mới, hành trang tinh thần mới quyết định nơi mình đến thôi mà.”

Không hiểu sao giờ này mỗi lời nàng nói ra, đều giống như lập lại bài học

của người đàn ông tử tế nàng gặp đầu tiên, kể từ hôm ấy đến nay chẳng biết bao lâu rồi, vì ở đây thời gian không còn hiện diện, hình như chỉ có ánh sáng và bóng tối. Nàng thăm tri ơn người bạn tri kỷ chỉ gặp nhau trong một khoảnh khắc ngắn ngủi của cõi mù sương, hình như ông đã mở ra cho nàng hiểu chân lý của sự sống chết, của giả và thực để thích nghi nhanh chóng với sự thay đổi một cách dễ chịu. Rất dịu dàng, nàng tiếp:

“Thế cảm tưởng của em ra sao khi trở về với thế giới mình đã bỏ đi?”

Cô gái cúi đầu, giọng nhỏ nhẹ, tuy nổi buồn hình như giờ đây lắng đọng hơn trước:

“Thưa cô, cháu hiểu rồi, cháu đã làm khổ cha mẹ cháu, giờ này mà mẹ cháu vẫn không ngủ, vẫn ngồi khóc sụi sụi và đang cầu nguyện cho cháu. Ở đây trời mưa cô ạ, tuy cháu thì không cảm thấy ướt át lạnh lẽo, nhưng trong căn nhà của cháu, nhìn mẹ cháu đang run rẩy ngồi cầu nguyện cho cháu, cháu cảm được cái lạnh của cơn mưa đêm và vì thế cháu thương mẹ quá, chỉ muốn ôm lấy mẹ mà khóc như hồi còn thơ bé, thế nhưng cô này cứ lôi cháu đi, mà thực ra cháu cũng không có cách nào cho mẹ cháu biết là cháu đang ở gần mẹ cháu, rất cần sự cầu nguyện của mẹ cháu. Cô ấy bảo muốn cho cháu thấy rõ bộ mặt thật của cuộc đời, dẫu không có cháu thì người ta... vâng, cô ơi! người ta vẫn thế cô ơi, cái buồn rồi cũng nguôi, chỉ riêng mình là đón đau, dẫn vệt vì những lỗi lầm của mình mà thôi.”

Nói đến đây, cô ta lại khóc nức nở. Nàng lên tiếng dỗ dành:

“Thôi nín đi em, khi mình hiểu được cái sai của mình, tức là mình đã nhìn thấy được hướng đi tốt đẹp ở tương lai để linh hồn có cơ hội làm lại đời sống tâm linh cho tốt đẹp hơn. Điều đáng ca ngợi hơn tất cả là khi vấp ngã, người ta đã can đảm mà vươn vai đứng dậy, đó là lời của Phật, không phải của cô đâu. Thượng Đế không phải là ông tòa vô cảm và ác độc để không cho linh hồn tìm lại con đường tốt để đi, chỉ trừ khi nào họ nhất định không chịu thay

đổi. Dĩ nhiên con đường ấy ra sao cô chưa biết, nhưng chắc chắn là nó không phải là “Dead-end” nữa, vì chúng ta đã đi đến tận cùng của cái Chết rồi. Vậy khi trở về, nhìn thấy hình ảnh của mẹ em đang đọc khi cầu nguyện cho mình, em cảm thấy ra sao?”

Câu hỏi ấy làm lòng cô êm dịu lạ thường, vì khi cô trở về nhìn thấy hình bóng gầy gò của người mẹ, đang chấp tay ngồi cầu nguyện cho cô trong đêm khuya thanh vắng. Lạ lùng sao, những câu kinh nguyện ấy lại làm cho lòng cô nhẹ nhõm như đang được một bàn tay vô hình tiếp dẫn đến một nơi bình yên, nhưng cô lại phải đi ngay theo cái bóng của người bạn đồng hành. Cô gật đầu thú nhận:

“Thưa cô, khi mẹ cháu cầu nguyện cho cháu, thì lúc ấy linh hồn cháu bỗng có cảm giác như được nâng lên, nhẹ hẳn những nỗi đau khổ, và nếu như cháu cứ được nghe những lời cầu nguyện ấy, với nỗi thiết tha của mẹ cháu, có lẽ mảnh linh hồn của cháu nó giảm đi sự đau khổ rất rõ rệt.”

Người đàn bà góp lời:

“Thế thì cứ cầu sao cho bà mẹ khỏe mạnh để cầu nguyện cho linh hồn cô con gái cưng của bà ấy, thế nào cũng thoát dần đi cái đau khổ của linh hồn thôi...”

Nàng bỗng buồn cười vì câu nói của bà ta, rõ ràng thì mới hôm nào khi trao đổi với nàng về sự cầu nguyện, bà ta đã mỉa mai ví kinh kệ như là phần âm nhạc đệm trong một cuộn phim, mà linh hồn mới là nhân vật chính. Như đọc được ý nghĩ của nàng, bà kia bèn cười hóm hỉnh nói:

“Cầu nguyện thì cũng có năm, bảy cách cầu nguyện, y như là người thì cũng có năm, bảy loại người, dù hình thức thì có vẻ giống nhau, nhưng sự cầu nguyện chân thành phát xuất từ trái tim, mới đủ sức làm nhẹ đi cái ách của sự đau khổ. Bởi thế mà lời cầu nguyện từ trái tim của người mẹ đã có kết quả làm giảm đi nỗi đau khổ trong linh hồn của đứa con, nó khác xa với loại

cầu nguyện mua bằng tiền, cũng gõ trống gióng chuông, đọc i uông nhưng nó chỉ nằm trong sự tính toán, đổi chác với thần thánh, vì thế mà cầu bao nhiêu cũng vô ích, như nước đổ lá môn vậy.”

Ái chà! Nàng bỗng ngạc nhiên cho sự hiểu biết ở linh hồn người đàn bà này, hóa ra khi tìm được nẻo sáng để đi, rồi được những nỗi buồn gậm nhấm của tiền kiếp, linh hồn dễ tiếp nhận mau chóng con đường sắp tới của mình. Người phụ nữ này là bằng chứng của sự thay đổi đó, kinh nguyện thì vẫn là bản nhạc êm dịu để linh hồn tiếp nhận mà ra đi cho thanh thản, nhưng điều cầu xin có mang được kết quả hay không thì lại đòi hỏi tấm lòng của người cầu nguyện. Bởi thế đôi khi phép lạ xảy đến cho người này mà lại không đến với người kia, thật là một điều vi diệu mà con người nông nổi không hiểu được cái năng lực phát xuất từ một nơi mà con mắt của loài người không thấu hiểu được. Bà ta lại ngọt ngào nói với hai người bạn của mình:

“Chúng mình may là có cơ duyên để gặp nhau đây, có dịp chia xẻ cùng nhau dù chỉ là nỗi đau và nỗi khổ, thế là bạn tri kỷ của nhau rồi. Ngày nào còn ở đây, mình sẽ là bạn của nhau, kết nghĩa anh em vườn Đào nhé!”

Câu chuyện đang buồn bỗng lại trở nên vui, khi nàng nghe người đàn bà nhắc đến câu chuyện “Kết Nghĩa Vườn Đào” trong Tam Quốc Chí, dù chỉ là chuyện đời mà sao lại tự nhiên hợp tình hợp cảnh của ba linh hồn trong nghĩa trang. Xưa nay người ta thường nói đến cái tình tri âm tri kỷ khó tìm trong thiên hạ, giữa thời buổi nhiều nhưng thì lại càng khó tìm được như mò kim dưới đáy bể, thế mà sau cõi sống lại vẫn có thể tìm được ở đây, chẳng hay nơi nào biết yêu thương thì nơi đó vẫn có thiên đàng hiện diện. Trời còn mờ mờ tối, nhưng tiếng chim lao xao trên cây phong già như báo hiệu một ngày sắp tới. Ánh bình minh sẽ lồ rạng chào đón một ngày mới cho thế giới của người sống, thế giới xôn xao của linh hồn cũng theo nhau đi vào

những bia mộ yên lặng của nghĩa trang. Mọi người sắp chia tay nhau, cô gái bết vẽ sầu thảm vì có hai người bạn đường an ủi và chia xẻ nỗi cô đơn.

Trước khi chia tay, cô nắm lấy tay hai người bạn mới của mình tha thiết nói:

“Các cô nhớ trở lại nhé, cháu mong lắm đó. Còn bao nhiêu chuyện ở thế giới này cháu chưa hiểu hết được, mỗi con người sống như thế nào, chết như thế nào chắc hẳn là một câu chuyện dài đầy bí ẩn. Cháu chờ hai cô đấy nhé!”

Hai người đàn bà gật đầu mỉm cười, giữa lúc ấy tiếng chim rộn rã hót vang chào một ngày đã tới. Ba cái hồn ma tan đi như sương.

Nguyễn Nhung

Cõi mù sương

Chương 4

Bước qua thế giới bên kia, cùng lúc ấy thời gian như ngừng lại, không còn cái đồng hồ với những cây kim chỉ giờ, phút, giây để linh hồn biết rằng mình đã phải chờ đợi bao lâu để được đi về nơi mình đến, tất cả đều quyết định bởi những gì họ mang tới từ bên kia mà thôi.

Thời gian như không còn tuổi, rất già và rất trẻ vì từ trước đến sau, loài người vẫn chưa dám quả quyết là vũ trụ có tự bao giờ, và người nguyên thủy có mặt ở trái đất có phải tính từ thời Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ của nước Lạc Việt, hay theo truyền thuyết A Dam và E Va trong huyền thoại Thiên Chúa Giáo. Vì vậy sự gắn bó của những linh hồn gặp được nhau sau cõi sống, ắt hẳn vẫn là chút cơ duyên để có dịp trao đổi với nhau bao điều mới lạ

về cõi mù sương.

Chẳng biết là họ đã đến với nhau được bao lâu, nhưng bằng tâm cảm, họ nhận được từ nhau những bài học về tình người, đời sống tâm linh và cách giải thoát thì rất nhiều, nó có thể biến đổi cho linh hồn được tốt đẹp, giải thoát những sầu muộn, quán triệt sự tha thứ hay hỉ xả một cách tự nhiên.

Nhìn cuộc sống vừa qua của mình như một hội chợ phù hoa, lẫn lộn giữa tốt và xấu, thiện và ác, để sàng lọc lại chính bản thân được hoàn mỹ hơn.

Buổi chiều sắp đi với những dải mây đủ màu bảng lảng trên nền trời, đôi cánh chim về tổ muộn màng xoải cánh trên nền trời như báo hiệu một ngày sắp qua, và một đêm sắp tới. Những áng mây màu xanh lơ dịu dịu lẫn trong dải mây tím, hồng chỉ là sự phản chiếu của mặt trời đã lặn về phía trời Tây, đối với con người thì họ gọi là hoàng hôn, nhưng đối với thế giới linh hồn thì những áng mây kia chỉ là ảo ảnh vì mây vốn không màu sắc. Chẳng phải sao khi trời đẹp, nền trời xanh ngắt cho muôn loài tận hưởng cái đẹp của vũ trụ, giống như được ngồi gần ngọn đèn tỏa sáng thì xung quanh cũng rạng rỡ lên, và nếu đám mây đen kéo tới nặng nề trên bầu trời hứa hẹn cơn giông bão, thì có khác nào đang gần gũi với bóng tối của sự ác.

Bao giờ bầu trời vẫn đem đến cho nàng nhiều ý tưởng ngộ ngĩnh, và thế nào nàng cũng chia sẻ sự suy nghĩ này đến với những người bạn của mình, nhất là nàng lại nhìn thấy bóng trắng tròn trĩnh sắp nhô mình lên khỏi rặng cây đen thẫm, có nghĩa là các bạn của nàng sắp đến. Người phụ nữ ấy nói có vẻ bất cần đời hôm nào, nay đã thay đổi nhiều khi bà nhận được ý nghĩa của sự buông xả, cô bé tự tử vì tình cũng đã nguôi ngoai bình thản chờ đợi về nơi cô sẽ tới, hiểu được cái khổ tự mình mang đến cho người và từ người mang đến cho mình, chắc chắn rằng cô đã học hỏi được bài học rất thấm thía trong tương lai.

Y như rằng các bạn mình đã tới, vẫn là bộ ba Tướng, Sĩ, Tượng mà mỗi

người là một cõi khác nhau, giờ này gần như hòa hợp vào nhau để trở thành một bản hòa tấu có nhiều cung bậc khác nhau, nhưng gắn bó lạ lùng. Nàng đã không còn mang nỗi buồn ban đầu khi từ giã cõi nhân gian, đã gần quên hết nỗi buồn đơn côi khi bị tách ra khỏi thế giới loài người, còn bà bạn thân rất trực tính kia thì bây giờ đã trở nên mềm mỏng hơn nhiều, tuy vậy khi gặp một chuyện gì na ná cảnh đời của bà nơi trần gian, bà vẫn quen miệng phát biểu theo cách suy nghĩ của mình, rồi lại cười trừ khi thấy hai người bạn đồng hành tỏ vẻ khó chịu. Khi đang nghĩ ngợi như thế thì hai linh hồn kia đã lướt tới bên nàng. Cô gái thật lễ độ với giọng nói ngọt ngào dễ mến:

“Cháu chào cô!”

Và giọng nói vui tươi của người đàn bà kia cũng vang lên:

“Tôi cũng chào hai người bạn thân mến của tôi. Gớm, từ ngày chúng mình kết nghĩa với nhau, tôi cứ nghĩ giá không vì cái tội nghiệt chúng ta có từ kiếp trước, để mai đây mỗi người đi một ngả, thì cứ ở đây như vậy mãi cũng vui chán.”

Câu nói ấy làm cô gái ngùi ngùi vì nghĩ đến sự phân ly, khi trốn chạy nỗi đau khổ của cuộc đời cô cũng đã từng phải phân ly với bao người thân yêu của mình, nay đến cõi này thì vẫn tiếp tục những cuộc phân ly như những dòng sông chảy về nhiều ngả khác nhau. Cô nhỏ nhẹ lên tiếng:

“Cứ nghĩ đến lúc phải xa các cô cháu cũng buồn lắm, vì không phải dễ để tìm được tri âm, tri kỷ. Cháu cảm nhận được điều này vì đã bị con người phỉnh phờ, gạt gẫm mối chân tình của cháu đối với họ trên trần thế, nhưng suy nghĩ sâu hơn thì bù lại những tấm lòng đẹp vẫn không thiếu, phải không cô?”

Nàng gật đầu đồng ý với ý tưởng rất trưởng thành của người con gái:

“Cháu nói phải đấy. Con người không thể chìm đắm vào nỗi buồn mỗi khi gặp điều bất như ý, vì cuộc đời không hẳn là một bức tranh hoàn hảo. Cái

hay là mình phải đem niềm vui, những hạnh phúc nhỏ nhoi mà mình gặp, trảm ngay vào nỗi buồn kia, thì chẳng sợ gì rơi vào bóng tối của sự cô độc hoặc vây bủa bởi sự ác. HÃY NGHĨ NGAY ĐẾN MỘT VIỆC TỐT, TỨC KHẮC CÁI XẤU PHẢI LÙI BƯỚC, KHÔNG CÓ CÁCH CHI XÂM LẤN VÀO TÂM HỒN TA, ĐÓ LÀ CÁCH LÀM CHO THÂN TÂM AN LẠC”.
Ôi tuyệt thay! Họ đang chia sẻ cho nhau giải pháp tốt đẹp để làm người tử tế, nếu như có một kiếp lai sinh, họ sẽ có đủ hành trang tư tưởng để mang theo, cũng từ những đau buồn, thất vọng, chua cay của cõi đời ô tạp. Bên kia là hội chợ phù hoa cuộc đời xôn xao dưới ánh mặt trời, rồi lại tiếp tục dưới ánh đèn cho đến khi con người mòn mỏi với cuộc chơi, bên này dưới bóng đêm là không khí xôn xao của các linh hồn, tuy nhiên cái xôn xao ấy như ẩn như hiện, như có như không. Ba linh hồn bèn rủ nhau đi một vòng ra bờ hồ xem ông trăng tròn đang nhô lên mỉm cười với bóng đêm, cảnh vật bỗng trở thành huyền mộng, khi cô gái reo lên vì thấy ông trăng ở trên cao cũng đang in mình dưới đáy nước:

“Ô kia! Một vầng trăng trên cao và một vầng trăng dưới đáy nước, đẹp quá các cô ạ, chẳng biết cái nào thật, cái nào giả.”

Nàng chưa kịp nói gì thì bà bạn đã lên tiếng rất vô tư, như bản chất tự nhiên của bà:

“Chẳng có cái nào thật mà cũng chẳng có cái nào giả, trăng đến rồi trăng đi, trăng không có tuổi mà trăng vẫn trẻ mãi không già, nhưng mà trăng buồn lắm . .”

Rồi có lẽ vì tức cảnh sinh tình, bà liền ngâm nga mấy câu thơ cũng hay hay:

“Đời biết bao lần trăng đến đi

Bạc tóc nhìn trăng vẫn thấy buồn

Một mảnh trời khuya trăng vẫn sáng

Đêm tàn, trăng lạnh, chỉ buồn hơn.”

(Thơ NN)

Ồ hay! Hôm nay bà bạn ngổ ngáo này bỗng dừng lại có tâm hồn của một thi sĩ, ánh sáng mặt trăng hiền dịu từ trên trời kia, cũng là phản chiếu từ ánh sáng mặt trời mà có, nếu suy rộng hơn thì con người tốt hay xấu, cũng ảnh hưởng bởi những gì họ tiếp cận, “nhân chi sơ, tính bản thiện, tính tương cận, tập tương viễn”, môi trường sống có ảnh hưởng rất rõ rệt lên cuộc đời của mỗi con người cũng từ đó. Và ngay cả cái bóng trăng nằm dưới đáy nước kia, diễm lệ bao nhiêu cũng chỉ là giả, khiến cho Lý Bạch tiên sinh khi say rượu đã nhảy ùm xuống ao ôm lấy cái bóng trăng giả kia vào lòng. Ba linh hồn cùng dắt tay nhau lượn quanh bờ hồ, những dải liễu mềm đong đưa trên mặt nước dát ánh trăng vàng, khiến đêm càng thêm huyền ảo.

Bỗng cả ba cùng dừng lại trở mắt nhìn một cái bóng nhỏ bé diễm ảo mặc một bộ xiêm y trắng mềm như mây, đang tung tăng từng bước chân chim nhảy múa với cái đèn lồng cầm trong tay. Đó là một cô bé trạc mười tuổi, khuôn mặt bừng lên như một bông huệ trắng với ánh sáng tỏa lan từ ngọn đèn lồng trông xinh như một thiên thần. Cô bé đang say sưa hát một bài hát quen thuộc mà dường như cô mang theo từ cõi bên kia:

“Trăng đêm nay trăng đẹp, đẹp ghê ba má ơi!

Trăng đêm nay trăng tròn, tròn treo treo trên cành

Nhưng trăng nay không đẹp, bằng tình ba má thương con

Nhưng trăng nay không tròn, bằng tình con thương má ba...”

Tiếng cô bé lạnh lót, trong trẻo như tuổi thơ của bé khiến cả ba linh hồn cùng xúc động, mỗi người đều chợt nhớ đến hình ảnh thần tiên nào đó trong đời sống mình vừa đi qua, thì ra cuộc đời không hẳn chỉ là những nỗi bất hạnh và triền miên đau khổ, cô bé xuất hiện với chiếc đèn lồng, cùng với bài hát ý nghĩa về tình thương giữa cha mẹ và con cái, tự nhiên đã là một tấm gương tình yêu để họ không nhìn loài người qua lăng kính ảm đạm.

Linh hồn cô bé cứ tung tăng dưới ánh trăng và hát đi hát lại bản nhạc đó, khiến nàng tự nhiên bật khóc vì cảm động. Không dần được, hình như nàng nhớ đến đứa con gái nhỏ của mình đã mất mẹ quá sớm, và không hiểu giờ này con mình ra sao, có giữ được tâm hồn ngây thơ như cô bé này không, ôi cái nợ trần gian khó thoát, dù rằng linh hồn chỉ mong mỗi trút đi mà không trút được. Vì thế mà khi kết luận cho rằng thiên đàng địa ngục chỉ là một biểu tượng rất mù mờ không rõ nét, thì ở đây, cũng chứng tỏ được phần nào điều đó khi con người ngã xuống và vĩnh viễn đi về nơi mịt mù vĩnh cửu. Bà bạn cũng xúc động không kém, bà ta gọi cô bé cầm đèn lồng bằng giọng nói êm đềm nhất:

“Bé ơi! Lại đây với tôi nào? Sao bé lại lạc loài ở đây vậy hử bé?”

Cô bé nghe tiếng gọi, ngừng hát, dừng chân sáo rồi nhìn về phía linh hồn của ba người đàn bà. Khuôn mặt xinh xinh với rèm mi lay động dưới ánh sáng của ngọn đèn mờ ảo, cô cất cái giọng trong vắt như tiếng chim :

“Ai đấy? Có phải mẹ cháu không?”

Rồi như sực nhớ ra là mình không còn sống, cô run run nói trong cảm xúc:

“Ồ không, cháu biết rồi, không phải mẹ cháu vì bố mẹ cháu còn ở lại bên kia mà. Nhưng các bác là ai? A! mà cháu cũng biết rồi, các bác cũng như cháu phải không, thế là cháu có bạn rồi, không đi chơi một mình nữa, ở đây không có nhiều trẻ con, hình như các bạn ấy đã đi về nơi khác hết rồi, bởi thế chỉ có cháu đốt đèn đi chơi trăng một mình thôi.”

Nghe cô bé vô tư kể chuyện, hai người đàn bà lớn tuổi cảm thấy xót xa và nao nao trong lòng, riêng hồn cô gái òa vỡ một niềm vui, vì cô bỗng như được trở lại với đứa em út bé bỏng của mình ở nhà những mùa trung thu tới. Linh hồn của cô bé ở chốn này, giống như một bông hoa đẹp mà lại tàn ngay khi vừa hé nụ, với cái oái oăm của định mệnh để chỉ được hưởng đời sống thật ngắn ngủi ở trần gian, bỏ lại cha mẹ và anh em thân yêu y như cô con

gái cũng tự hủy diệt mình để ra đi. Cô thổn thức rồi lên tiếng gọi:

“Bé lại đây với chị nào, thương em quá đi thôi, nhưng sao bé cũng lại ở đây như mọi người, chị nghĩ là bé phải trở về cái nơi của bé, bé có lạc đường không?”

Cô bé lắc đầu, những sợi tóc mềm lòa xòa trên khuôn mặt ngây thơ của cô:

“Bé không lạc đường đâu, bé cũng phải đến đây như mọi người rồi chờ đi về nơi mà bé sẽ tới, mặc dù bố mẹ của bé cứ khóc mãi rằng sao con lại bỏ cha mẹ để ra đi. Ôi! Bé ở lại làm gì với cái xác thân đau đớn của mình, bởi vậy trước lúc phải ra đi mãi mãi, bố ôm chặt lấy bé vào lòng như muốn giữ lại cái thân xác nhỏ nhoi bé bỏng của bé, nhưng cũng có giữ được đâu. Đã đến giờ bé phải đi, vì bé chỉ đến với bố mẹ của bé được một thời gian đó thôi, nên khi ra đi bé đã mỉm cười nói với bố của bé là bé sắp đi rồi, bố mẹ ở lại mạnh giỏi nghe, mai một khi nào có dịp bé sẽ trở lại.”

Nghe cô bé kể chuyện, cả ba linh hồn đều rơm rớm nước mắt. Nàng lên tiếng hỏi:

“Thế bé có buồn lắm không khi phải rời xa cha mẹ để ra đi một mình?”

Cô bé mỉm cười, gạt đầu rồi lại lắc đầu, cô đang lúng túng với hai ý nghĩ mâu thuẫn trong lòng cô, nhưng nghĩ đến lúc thoát được cái thân xác đau đớn vì một căn bệnh nan y mà số trời bắt cô phải chịu để chết, cô lại hồn nhiên nói:

“Thưa cô, chắc chắn là cháu phải buồn khi xa lìa bố mẹ và người thân yêu của cháu, vì khi còn là người, cháu đã nhận được từ bố mẹ cháu sự yêu thương ấp ủ cháu từng giây phút cho đến hơi thở cuối cùng. Nhưng khi đau đớn quá vì cơn bệnh hành hạ, cháu biết khó có thể gần gũi cha mẹ mình nữa, mà thân xác thì càng lúc càng khổ đau đến nỗi khi cơn bệnh hoành hành, cháu nhỏ bé quá nên không chịu được cái đau ấy, khi cháu rên la vì đau đớn, cháu nghe mẹ cháu nói rằng giá chỉ mẹ cháu chia được cái đau ấy với cháu

thì mẹ cháu cũng chia. Vậy thì sự ra đi của cháu sẽ là nỗi buồn của bố mẹ cháu, nhưng nó sẽ nguôi ngoai với thời gian, còn riêng cháu thì cũng chưa hẳn là buồn, vì cháu thoát được cái áo đầy những mụn vá, rách nát tả tơi để mặc một chiếc áo khác.”

Cả ba linh hồn cùng “ồ” lên kinh ngạc, không nghĩ được là cô bé lên mười này lại có thể nghĩ được sự buông xả và giải thoát đến mức đó. Hiểu được sự thắc mắc đó nên cô bé lại nói:

“Không có gì lạ đâu, vì hình như mỗi một xác thân lại được gắn liền với một linh hồn, và khi bỏ lại cái thân xác kia, không tính bằng thời gian con người cao tuổi hay nhỏ tuổi, mà khi bước qua đây, lại được tính trên giá trị của một linh hồn mang đi, tốt đẹp hay xấu xa cũng ở đó. Điều này sẽ cắt nghĩa cho ta hiểu thêm tại sao có những người được gọi là thần đồng có một sự hiểu biết rộng lớn nào đó mà con người không cắt nghĩa được, một đứa nhỏ bằng cháu có thể tự nhiên thông hiểu mọi phương diện như một nhà bác học, có thể là nó đã được tiếp nhận sự thông minh từ một linh hồn thông thái ngay khi còn là người đầy.”

Nghe cô bé nói chuyện và lý luận, cả ba linh hồn người lớn đều ngẩn ngơ học thêm được một bài học lý thú và huyền nhiệm giữa sự kết hợp của thân xác và linh hồn, giữa vật chất và thể tinh thần hình như đã gắn liền với nhau ngay từ khi bào thai được hình thành trong lòng mẹ. Đến và đi của kiếp người chẳng khác nào những hạt cát trong biển đời mênh mông, hình dạng đã khác nhau, nơi chốn cũng khác nhau, hạnh phúc hay đau khổ thì cũng đã nằm trong hai chữ “định mệnh” mà thôi.

Thấy sự hiểu biết và khôn ngoan toát ra từ tâm linh hồn nhỏ bé của linh hồn bé gái, ai cũng tỏ lòng ngưỡng mộ và yêu mến cô bé hơn nữa, cũng vì thế mà ảo giác cho họ nhìn thấy nguyên vẹn hình ảnh của một thiên thần xinh đẹp và thánh thiện đó, chiếc áo trắng dài như được dệt bằng mây, đôi chân

xinh như lướt đi trên cỏ hoa, và tâm hồn cô như được nâng lên từ những đôi cánh của thiên thần. Không đợi mọi người hỏi cô bé lại tiếp:

“Hồi cháu còn ở nhà với ông bà của cháu, khi thấy căn bệnh của cháu vô phương chạy chữa, tốn kém nhiều lắm mà không có một thầy thuốc nào bảo đảm chữa lành cho cháu. Ông ngoại cháu bảo rằng người ta ai ai sinh ra rồi cũng phải lão, lão rồi cũng phải bệnh, bệnh rồi để chết, còn cháu bé bỏng chưa được bao nhiêu tuổi đời sao cũng bệnh để phải chết. Như thế mới biết là chẳng ai qua được chặng đường của sinh tử, vậy thì phải chăng cũng từ sự an bài đó mà cha mẹ cháu nhận hay trả cái nợ cho cháu.”

Nàng gật đầu nhìn cô bé với ánh mắt cảm phục, rồi thốt lên:

“Ôi chao! Một linh hồn đẹp khi nằm xuống, mang theo bao nhiêu ý tưởng tốt lành về cõi này, chắc chắn rằng với sức mạnh tinh thần đó, đủ đưa linh hồn lên để hòa nhập vào khối năng lượng trong suốt của vũ trụ. Không biết có phải chốn ấy là thiên đàng hay không, nhưng không phải quanh quẩn trong cái bãi tha ma này với những cái xác đang tan rữa dưới mộ sâu, với những mảnh linh hồn lang thang vì không dứt được nỗi đau vật đau khổ. Cháu có biết là khi nào sẽ đi hẳn khỏi nơi này không?”

Cô bé cười hồn nhiên:

“Cháu cũng phải chờ đợi như mọi người thôi, nhưng cảm nhận về cõi sáng hay tối thì chắc là mỗi người sẽ khác nhau nhiều lắm. Ở bất cứ đâu, ngoài cái cõi đời mình vừa đi qua, cháu vẫn thấy mình vậy thôi, vì cháu không biết đau khổ là gì, cái thân xác còm cõi, đau đớn của cháu nó đã chết rồi, linh hồn giờ đây không bị nó làm phiền vì những cơn đau của nó, cháu muốn đi đâu cũng được, ngay cả về thăm bố mẹ cháu. Nhưng cháu không về nữa vì quãng đời ngắn ngủi cháu làm người đã hết rồi, không còn phụ thuộc vào bất cứ ai trên trần gian, cháu thấy ông trăng hôm nay chẳng khác gì ông trăng trước kia cháu còn nhìn bằng đôi mắt của con người, nên cháu thích múa hát

khi nhìn thấy ông trăng soi bóng xuống mặt hồ, cũng tròn xoe như ông trăng trước.”

Cả ba linh hồn cùng bật cười khi nghe cô bé kể chuyện, từ khi nhắm mắt là đời chưa bao giờ họ được thoải mái mà cảm nhận về nơi họ vừa bỏ đi, và nơi họ đã đến như vậy. Người đàn bà khẽ bảo hai người bạn:

“Một bài học đấy, từ một tâm hồn trong sạch nếu như ở bên kia con người đã sinh ra tính đã bẩm thiện, lớn lên trong điều thiện thì cũng sẽ nhận được thiên đàng khởi từ trong TÂM, chứ không phải đi tìm ở đâu nữa. Chỉ tiếc là khi sinh ra làm người, là lúc ấy chúng ta đã quán lấy bao nhiêu hệ lụy liên đới với cái NGHIỆP khổ, vì thế mà nảy sinh bao nhiêu là tội nghiệp, mang luôn cho tới cõi này chưa rũ ra được.”

Trong ba người, đêm nay dưới ánh trăng lung linh soi bóng dưới đáy nước, đều không muốn từ giã linh hồn của bé gái xinh xinh này. Nhờ sự trao đổi ấy, họ có ý niệm rộng rãi hơn về hạnh phúc và đau khổ của cõi nhân gian, đã từ cõi mù sương để linh hồn chuyển tiếp qua một giai đoạn tốt đẹp hơn. Thế nhưng, không hẳn là tất cả đều tiếp nhận được điều đó, nếu như linh hồn còn bám vào những phù hoa ảo ảnh cuộc đời, vì thế mà ở một chương tiếp theo, khi cô bé đã bay về cõi của cô, ba linh hồn còn lại sẽ được tiếp cận đặc biệt với một linh hồn đau khổ, chết trong đau khổ và tiếp tục hành trình trên con đường đau khổ. . .

Cõi mù sương

Chương 5

Hoa nở rồi tàn, trăng tròn rồi lại khuyết, ban ngày là thế giới của loài người, ban đêm ở đây là thế giới của linh hồn, tùy theo ánh sáng và bóng tối. Cả hai có thể lẫn lộn vào nhau nhưng linh hồn khi bước qua cửa Tử, đã được một ân sủng đặc biệt hơn là họ có thể xuất hiện, đến hay đi bất cứ khi nào, bất cứ chỗ nào mà loài người chẳng nhìn thấy họ. Cứ xem đó là một đặc ân đầu tiên của loài người khi nằm xuống, nhưng chính những điều đó lại cũng là hình phạt tàn nhẫn nhất, như ông bạn tri kỷ trước kia đã nói cho nàng nghe, và khuyên nàng đừng nên trở về thế giới của loài người làm gì để chỉ buồn hơn thôi, khi hiểu được lòng người nghĩ gì về mình, bóc trần được lòng nhau ra e rằng con người sẽ không còn can đảm nhìn nhau nữa.

Đó là tình đời, còn ở thế giới vô hình này, linh hồn có thể biết được hết những gì của nhau, và chia sẻ với nhau những điều thành thật nhất vì không thể dấu diếm nhau được. Nguyên nhân này sẽ dẫn đến câu chuyện một người chết đi khi đang bám chặt lấy những danh vọng phù hoa cuộc đời, vì thế linh hồn của ông ta sẽ tiếp tục đắm chìm trong đau khổ, như con sâu nằm trong cái kén mà không làm sao gỡ ra được. . .

Mỗi ngày ở khu nghĩa trang vắng lặng này, mọi vật mọi loài vẫn sinh hoạt như một bức tranh sống động. Người cắt cỏ vẫn chăm chỉ làm công việc của

ông ta, người trồng hoa vẫn tưới nước cho những luống hoa muôn màu được xinh tươi, khoe sắc màu lộng lẫy, người đổ rác vẫn đi nhặt những vòng hoa héo úa trên những nắm mộ mới, đem vứt vào thùng rác ở góc nghĩa trang. Ai vào việc đó, rồi hôm nào có người mới thì chiếc xe chở phu đào huyết sữa soạn chạy tới, chiếc thuổng xúc đất bằng máy chạy ào ào như sấm nổ, và chỉ một chốc là đã thấy một cái hộp hình chữ nhật dưới lòng đất, đủ chỗ cho một cái quan tài hạ xuống rồi nằm đấy mãi mãi.

Đời là thế! Đã nhiều lần ngồi nhìn con người đi lại làm việc với nhau, trong cái nắng mùa hè hay cái giá rét của mùa Đông, ở thể linh hồn nàng đã thoát ra được nỗi khổ của thể vật lý, nhưng nhìn con người phải tranh đấu để sinh tồn, vật lộn với cơm ăn áo mặc nàng lại cảm thấy cuộc đời thật vô cùng mệt mỏi. Chưa kể còn có biết bao nhiêu người cứ chen lấn, kèn cựa, trèo lên đầu nhau, hại nhau bất kể những hành động vô nhân, vô đạo đức làm tổn hại cho linh hồn họ ở kiếp sau, mà chẳng hề băn khoăn về những việc mình làm, khiến nàng càng ngao ngán.

Trong số những linh hồn nàng gặp gỡ vừa qua, chỉ có mỗi linh hồn bé thơ lên 10 tuổi là hồn nhiên sung sướng hơn cả. Linh hồn bé giờ đây đã bay bổng về cõi nào rồi, nàng chưa hề thấy nên chưa dám diễn tả nơi chốn ấy, nhưng theo sự suy luận đơn giản của nàng thì phải chăng thiên đàng và địa ngục nằm chơi vơi trong trái tim và tâm hồn của mỗi người trước đã. Kể từ cái đêm trăng ấy đến nay, chẳng biết có bao nhiêu mùa trăng đến đi, nàng chợt nhớ đến mấy câu thơ mà bà bạn tri kỷ của mình đã ngâm nga:

- “Đời biết bao lần trăng đến đi, bạc tóc nhìn trăng vẫn thấy buồn”. . .

Chẳng phải đến khi bạc tóc nhìn trăng vẫn mới biết buồn, mà hình như ngay từ lúc bước vào đời và mới biết yêu, nhìn trăng đã biết buồn như thế!

Đêm nay là một đêm trăng non, nên ngàn sao vì thế trông như một cái áo nhung đen dát đầy những viên kim cương diễm lệ. Hai người bạn của nàng

vẫn chưa tìm được đường đi của họ, nàng cũng thế, định mệnh và nghiệp quả như còn lôi kéo linh hồn họ luẩn quẩn trong cái nghĩa trang quanh vắng này. Con đường trước mặt còn mù mờ vì thời gian lưu lại ở chốn này đang chuẩn bị cho họ đến một nơi khác, tốt đẹp hay buồn thảm, cũng chỉ là tấm gương phản chiếu lại cuộc đời họ đã sống qua. Chẳng biết ai sẽ đi trước ai, và có cùng một nơi để đến hay không, nhưng những giờ phút còn ở đây, họ cũng đã có dịp nghe, nhìn, học hỏi nhiều điều lý thú.

Đang ngồi miên man với những suy tưởng của riêng mình, người bạn của nàng đã tới. Bà ta chắc hẳn còn sống cũng có tật ngồi lê ngồi la, nên vì thế chỉ đợi đêm xuống là đi lang thang tìm bạn để chuyện vãn. Tuy thế bà ta có cái dễ thương của một con người bình dị, sống chân thật và phát biểu theo lối “nghĩ sao nói vậy” rất tự nhiên, triết lý cuộc đời lại lắm khi phát xuất từ những ý tưởng của con tim rất người này, mà không sao chép, biên khảo, tìm tòi từ tư tưởng của các người khác. Trên đời có loại người hay ăn cắp tư tưởng của người khác, rồi đem về xào nấu lại làm của mình, rồi cứ tưởng mình là cha đẻ ra những triết lý ấy. Bà bạn của nàng chắc chắn không phải loại người đó, hình như vì sống nhiều, chung đụng với những lọc lừa đau khổ của kiếp nhân sinh, mà lắm khi nàng bật cười vì bà cứ nói tỉnh bơ mà trúng đả đố.

Nhưng đêm nay thì bà bạn có vẻ hốt hơ hốt hải khác những đêm trước, hình như có một biến động gì đã xảy ra trong khu nghĩa trang rộng lớn này, mà nàng mãi trầm ngâm suy nghĩ nên không quan tâm đến những thay đổi xảy ra trong thế giới linh hồn. Nàng chưa kịp hỏi thăm về cô bạn nhỏ thì bà bạn đã ầm ĩ lên như bản chất ồn ào của bà:

- “Này, khi gió ạ. Hôm nay tớ đi loanh quanh chơi về cửa Bắc, mới phát hiện ra một tên dở người. Chẳng biết hắn chết lâu chưa, hay là vừa mới chân ướt chân ráo tới đây, nhưng hắn làm tớ bực cả mình nên bay vọt tới đây, lát nữa

đội con bé nó đến rồi chúng mình cùng đến đó mà xem. Giời ơi! Đã đến đây rồi thì ai chẳng như ai, có mỗi cái xác thối nằm dưới kia thì có cho tiền tở cũng không dám ngủi, kể cả cái thầy ma của tở. Cuộc đời ở trên kia thì có khác gì mây bay gió thoảng, thế mà cái tên ấy, hấn cứ như thằng điên, cứ điên cuồng gào lên làm khuấy động cả một phía bên ấy, thấy ai bén mảng tới là hỏi “Có biết tôi là ai không hở?”. Tôi định bảo cho hấn biết là chỉ có hấn không biết hấn là ai thôi, chứ ở cõi này ai chẳng biết mà phải hỏi.”

Nàng bật cười ngĩ ngợi, lạ thay cho linh hồn của ai đó mà nghe bà bạn kể nàng cũng thấy buồn cười, chẳng hay sau khi nhắm mắt lìa đời, còn tiếc nuối chi chút danh hão mà đi lang thang hỏi có ai biết mình. Suy nghĩ một lát nàng hỏi bạn:

- “Ồ hay! Ai bảo đằng ý bén mảng đến đó làm gì cho bực mình ra. Thế bà bạn dễ thương của tôi có biết mình là ai không nhỉ? À, hôm nay con bé đi đâu mà chưa thấy đến, chẳng hay có đi lang thang như bạn hiền của tôi không?”

Trời tối thẫm hơn mọi đêm, tiếng côn trùng kêu ri ri trong bụi cỏ, những bụi hoa thạch thảo như cầm nín chen giữa những nắm cỏ vì đêm nay trời ít gió, nên hoa cỏ ít lay động. Ban ngày nơi này tuyệt đẹp vì đang là mùa Xuân, một rừng hoa đại bạt ngàn đan nhau chi chít trên thảm cỏ như một tấm thảm màu vàng tuyệt đẹp, giờ này cũng chìm khuất vào bóng tối. Chừng một lát thì đã thấy hồn ma cô gái lướt đến, vẫn tiếng nói trong trẻo của tuổi thanh xuân nồng nàn tình yêu mà đã vội vã lìa đời. Tự nhiên nàng nghe trong lòng một nỗi trắc ẩn không đâu, rồi nghĩ đến linh hồn cô bé lên mười chưa sống được bao nhiêu đã lìa đời, cái đến cái đi của kiếp người không hề giống nhau, những nụ hoa chưa nở đã vội tàn, những chiếc lá còn xanh mà đã rụng. Người đàn bà hỏi ngay:

- “Đi liền bây giờ chứ?”

Cô bé thắc mắc:

- “Đi đâu hở cô? Hôm nay cháu thấy hình như cô có chuyện gì lạ đấy?”

Bà ta gật đầu lia lịa:

- “Có đấy, nhiều cái lạ lắm mà vì mình cứ loanh quanh ở đây nên không thấy, không biết. Đêm nay chúng mình đi lại đằng kia, xem cái chỗ ấy có gì mà lúc đi ngang thì nghe một hồn đàn ông cứ gào lên như điên khùng hỏi có ai biết hẩn là ai không? Lạ lắm, cũng là mồ mả nhưng chỗ ấy nghe như có hàng ngàn âm thanh rên rỉ, gió và cây như cuộn vào nhau đến rợn cả gai óc, mình là ma mà còn thấy ớn, huống gì người bên kia họ lạc vào đây giữa đêm hôm tăm tối. Tôi bay nhanh về đây để ba đưa cùng đi với nhau, xem ra có phải hẩn là một loại ma khô, sống thế nào thì chết như thế ấy mà...”

Hình như nói đến đây bà ta lại chạnh nhớ đến cái khủng hoảng của linh hồn mình khi vừa lìa khỏi cuộc đời, nhưng may mắn thay là gặp được bạn tốt nên chắc chắn là không đến nỗi bi quẫn như linh hồn người đàn ông ở Cửa Bắc. Ba cái hồn ma lướt đi trong bóng tối, vèo một cái đã tới nơi, ngay lúc ấy họ nghe lòng lộng trong vòm mả tối ở góc nghĩa trang, dù chẳng cần phải có con mắt thần thì họ cũng nhận ra tiếng gào thét như cuồng hộng bị xiết bởi sợi dây thừng, khi ằng ặc như con bò bị cắt tiết. Cả ba cùng đứng lại thật xa để quan sát, ở chỗ ấy có một ngôi mộ vuron cao hơn các nấm mộ xung quanh, chắc lâu ngày đã bị soi mòn bởi những cơn mưa nên chỉ sè sè trên mặt đất. Tiếng gào vẫn lòng lộng trong đêm tối:

- “Mấy người có biết ta là ai không hở? Có biết ta là ai không hở. . hở . . hở ?”

Chữ cuối cùng của câu hỏi kéo dài ra, tru như chó sói khiến càng làm cho đêm tối thêm rùng rợn và bi ai. Một lát lại thấy hẩn gào lên:

- “Hãy trả lại cho ta. Mấy người có biết ta là ai không hở?”

Lần này thì hẩn khóc nức nở, trong khi đó xung quanh ngôi mộ của hẩn

vang lên những tiếng rân rân như gió tru ma hú từ bốn phương vọng lại:

“Gieo chi hạt giống ưu phiền

Mọc lên cây khổ giữa miền đất khô

Giờ đây đã thác xuống mồ

Còn chẳng chỉ nắm xương khô tội tình . . .”

Cả ba linh hồn kinh hãi đứng im, tiếng rân rân vẫn vọng đi vọng lại nửa như những lời than van, nửa như những lời cảnh tỉnh tấm linh hồn đau khổ kia chưa tìm ra nẻo sáng. Lẫn trong tiếng trầm trầm của bao âm thanh mơ hồ huyền bí, linh hồn đau khổ kia lại gào lên nức nở:

- “Im đi. Máy người có biết ta là ai không hở? Máy người có biết ta là ai không hở?”

Hắn càng nói thì những tiếng rân rân càng vọng tới dữ dội hơn, như là tiếng vọng của những oan hồn đã từng là nạn nhân của hắn, giờ đây trở lại trong thế giới vô hình để đòi hỏi công lý, khiến hắn không được một giây phút yên ổn. Trong ba người chỉ có người đàn bà có vẻ ngang tàng nhất, bà ta xắn vào gân hơn và cất tiếng hỏi:

- “Này bác kia, sao bác cứ hỏi đi hỏi lại người ta có biết bác là ai không hở? Vậy xin cho tôi hỏi, cái hỏi còn sống bác làm đến “ông gi ông gì”, có “ăn trên ngồi trốc” thiên hạ, có làm “cây đình” gì trong xã hội mà đòi mọi người phải biết?”

Nghe câu hỏi châm biếm xác xược của người đàn bà, linh hồn kia đang gào lên bỗng nín bặt. Rồi chừng như quen thói hống hách từ thời còn tại thế, hắn hét lên:

- “Chúng mày cút hết đi, ông không hỏi chúng mày. Chúng mày có biết ta là ai không hở?”

Người đàn bà cười ré lên, bây giờ thì nàng và cô con gái cũng ngậy người ra vì sợ, bởi vì người bạn của họ giờ đây hình như lại trở lại bản chất “ngang

như cua” của bà, chắc hẳn họ sẽ được nghe những câu đối thoại nảy lửa, còn nàng thì nghĩ đến cái câu “gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”, ảnh hưởng của môi trường xung quanh dự phần trong cái tốt, xấu nơi con người thật rõ rệt. Chưa kịp nghĩ thêm thì đã nghe giọng lãnh lút the the của người đàn bà, như mũi dao thọc vào họng linh hồn lão đàn ông đau khổ kia:

- “Này! Bà bảo cho mà biết, đã đến nơi này rồi thì ăn nói cho tử tế mới mong ra khỏi cái nắm mộ thôi tha của nhà người. Ái dà! Hay là anh bảo cái nắm mộ của anh nó nổi hơn người ta, cái chỗ đứng của anh nó cao hơn người khác nên ăn nói xác xược, coi người như con tôm con tép thế hử? Ở đây ai còn lạ gì ai, mà cũng chẳng ai thèm biết đến cái tôi của nhà anh trên cõi trần đâu, vì nó chết rồi, chết ngay từ lúc còn anh còn thoi thóp thở chứ không phải qua tới đây mới chết đâu. Khổ thay là khẩu nghiệp, ác nghiệp nó mọc rễ ra nên hồn không dễ gì thoát ra mà đi được, “trồng dưa đắng dưa, trồng đậu đắng đậu, gieo gió thì gặp bão”, chân lý ấy không bao giờ thay đổi đâu con ạ.”

Chết thật! Nàng hoảng hốt ngăn người bạn của mình lại, giá biết thì đã chẳng dẫn nhau đi xem cho mang tội thêm, nhất là bản tính của bạn thì bao lâu nay dường như đã đắm thắm nhiều, nếu không khéo gần gũi kẻ xấu, lại trở nên “gần mực thì đen” biết bao giờ mới thay đổi được. Trong bóng đêm, vẫn lòng lộng tiếng oán than:

“Bao cơn sóng dữ chập chùng

Bến bờ vô vọng những vòng oan khiên.”

Ôi chao là thâm thía, khiến linh hồn đau khổ kia lại rú lên:

- “Im hết đi, chúng mày im hết đi, có biết ta là ai không hử?”

Linh hồn cô gái có vẻ ngơ ngác vì cảnh tượng kỳ bí này, cô níu lấy tay người đàn bà van xin:

- “Thôi cô ạ, chúng mình đi về đi, chắc đây là một hồn ma xấu, mà tại sao lại

cứ hỏi người ta câu hỏi này cô nhĩ?”

Người đàn bà bĩu môi cười khinh bỉ, giải thích cho cô gái ngây thơ chưa hiểu đời bao nhiêu:

- “Tội nghiệp cháu tôi, hóa ra cháu còn ngây thơ nên không biết cuộc đời nó có đủ thứ hạng người, mà linh hồn này là tiêu biểu cho một loại người hám danh, nhiều thủ đoạn, thích hại người và muốn nâng mình lên mây xanh, thích ngồi ngất ngưỡng trên cao để người ta suy tôn, ca tụng. Cuộc đời chỉ là ảo ảnh, có đó rồi mất đó, có ai ngủ mà nắm tay đến sáng bao giờ, sự chết thì đến như kẻ trộm, như cây cỏ, trời lấy đi sự sống dễ dàng như trẻ con ăn kẹo ầy mà. Ví như hấn là cái cây, tưởng rằng mọc rễ đời đời trên cái mảnh đất danh vọng phù phiếm của trần gian, bỗng chốc mà cây đổ thì tiếc là phải rồi.”

Cô gái vẫn chưa hiểu bao nhiêu về những chuyện vượt quá sự suy nghĩ của cô, lại hỏi:

- “Cháu cứ tưởng là khi hai tay buông xuôi, mọi người thân đưa ta vào đây thì đã phải hiểu ra mọi điều của sự sống và sự chết, sao ông ta có vẻ tiếc nuối điều gì ghê gớm lắm?”

Người đàn bà chép miệng:

- “Giá hấn hiểu đời chỉ là KHÔNG thì đâu đến nỗi vậy. Cái cây bị đốn ngã rồi, nhưng cái khỏ hấn gieo rắc cho người khác thì như rễ cắm xuống đất, không dễ gì nhổ đi được. Chém chết thì hấn cũng đã từng lộn đi lộn lại về cái chỗ ngồi của hấn trước kia, rồi khi thấy cái ghế của mình đã có người ngồi, mà hấn không làm sao đẩy được người ta đi, cũng không còn ai nhớ đến hấn nữa, người đời giờ đây xem hấn như là hồn ma bóng quế, nên vì thế mà hấn vừa tức lại vừa tiếc, lại chẳng làm gì được ai, nên vì thế gặp ai cũng hỏi có biết mình là ai không đấy mà.”

Rồi chẳng hiểu bà này chộp được thơ thần ở đâu, cứ ngâm nga lên như khiêu

khích linh hồn đau khổ kia:

“Tôi là ai

Trong cõi đời ảo mộng

Để hôm nào

Tàn rụi với hư không

Tôi là ai

Hạt bụi giữa mênh mông

Mà thân phận

Chìm sâu bờ cát vắng.”

Tức khắc, linh hồn người đàn ông đau khổ kia lại tru tréo lên chửi, tiếng chửi rửa thô bỉ của hắn lại bị lẫn trong những tiếng râm ran của bao nhiêu hồn ma bóng quế:

“Gieo chi hạt giống ưu phiền

Mọc lên cây khổ giữa miền đất khô

Giờ đây khi thác xuống mồ

Còn chẳng một nắm xương khô tội tình.”

Nàng thấy tội nghiệp linh hồn người đàn ông đau khổ kia, đã lia đời mà vẫn chưa nhìn ra cuộc đời chỉ là ảo ảnh, phù du, nên trong lòng vẫn lẫn lộn nuôi tiếc mà lại còn chất ngất thù hận. Vì thế, nàng dịu dàng nói với người bạn đáo đẽ của mình:

- “Thôi, đừng trả lời trả vốn với ông ta nữa mà oan nghiệt chấp chùng, càng đau khổ thì ông ta lại càng chửi bới hung hăng, cái khổ lại càng chất chồng lên, khâu nghiệp càng nặng thì bao giờ linh hồn mới thoát ra được”

Bà bạn đồng hành khinh khinh cười:

- “Ái chà! Tôi cũng biết mình chưa dễ thoát được cái sân si dù đã bước qua kiếp này, nhưng khổ lắm, có những thứ người lại cho rằng thiên hạ không nói là vì người ta sợ mình, hay là thiên hạ ngu mà im lặng. Chẳng qua vì

khùng điên mà không hiểu được luật đào thải của muôn loài muôn vật, cây cối thì phải chặt đi để cho cây non nó mọc, thuyền mục thì phải chìm, lá vàng thì phải rụng, chưa thấy có ông vua nào sống mãi dù danh vọng, uy quyền, tiền bạc chất cao như núi. Ôi chà! Tôi mà là Trời thì cứ cho hần ta sống mãi đến trăm tuổi bạc đầu râu ngời đầu ruồi bu đến đó xem hần có chịu được không nào.”

Nàng lại vội vàng giơ tay suýt nhẹ để cắt đứt dòng tư tưởng khủng khiếp của bà bạn quý, vì thấy cô gái đứng đó đang lẩm nhẩm mấy câu “lời hay ý đẹp” kia vì nó rất mới mẻ đối với cô. Ôi chao! Nếu cứ đứng ở đây coi bộ tình hình càng thêm rối rắm, nàng nghĩ vậy, không hiểu sao hôm nay bà bạn tri kỷ của mình lại trở về bản chất cay đắng chua chát thế kia, đúng là “nghiệp chương” còn nặng chưa dễ rũ ra được, dù rằng bản chất thiện trong linh hồn này rất tốt, nhưng vì tâm hồn đơn sơ quá mà dễ bị ảnh hưởng bởi cái xấu.

Nàng vội lôi hai người bạn của mình đi, và giải thích cho hai người bạn hiểu thêm về linh hồn đau khổ tội nghiệp đó:

- “Thôi chúng mình đi, vì không thể nào lôi kéo được linh hồn kia khi ông ta còn bị bám quanh bởi những cái rễ đau khổ, cho dù có hết lời cầu nguyện thì cũng không phải cách để giữ đi được những “ác nghiệp” mà ông ta đã gây nên, nếu không thì nền công lý sẽ không tồn tại. Dù ở cõi bên kia hay cõi bên này, gieo thì phải gặt, cho đi thì nhận lại, nghĩ cho cùng thì chẳng Thần Thánh nào có thể đỡ được hay bớt đi cái nghiệp khổ của một linh hồn, nếu họ không thực tình sám hối ăn năn.”

Đêm càng khuya, những vì sao đêm nhấp nháy trên dải ngân hà trông thật đẹp, nếu không có linh hồn đau khổ kia chửi bới tục tằn, nếu không có những lời âm u lờn lộng trong đêm khuya thanh vắng, thế giới của linh hồn sẽ bình yên biết bao. Đêm đen giống hệt như cuộc đời, bị những con người xấu làm giảm đi bao nhiêu điều tốt đẹp của đời sống, vẫn luân chuyển từ

nghìn xưa đến nghìn sau, mà chưa biết là linh hồn sẽ đi về đâu trong cõi mù sương.

Cõi mù sương

Chương 6

Những ngày tiếp nối, linh hồn nàng đôi lúc muốn đắm chìm trong cái sâu lắng từ cõi mù sương. Cứ cho rằng cuộc đời bên kia giờ này như hội chợ phù hoa, lẫn lộn kẻ xấu người tốt, xen lẫn những công trình tốt đẹp của nhân loại vẫn không thiếu những nơi trác táng, đồi trụy làm băng hoại đời sống tinh thần của một cộng đồng, liên đới với nhau để trở nên một bức tranh nhiều màu sắc, sinh động, bình dị, đơn giản mà cũng không thiếu sắc màu lòe loẹt, phù phiếm, xa hoa.

Thế giới của linh hồn nếu đi sâu đến tận cùng của nó, phơi ra ánh sáng mặt trời chắc cũng không hơn gì cõi bên kia ở thể vật chất. Tuy nhiên có đôi chút khác nhau, nếu không thế thì chắc con người đã không hải sợ khi từ bỏ thể vật chất, vì họ đang chơi vui tự hỏi sau cõi đời họ sống, biết những gì sẽ chờ đón ở phía bên kia.

Dĩ nhiên là có, chắc chắn một điều là con người chỉ có thể làm được điều thiện hay ác ở cái thể vật lý, khi họ còn hiện diện trên trần gian, và chỉ có thể

luân chuyển được dòng nước đục sang dòng nước trong khi họ còn là một sinh vật biết ngo ngoe cử động, biết suy tư để hiểu mình đang bơi trong dòng nước mát, hay đang ngụp lặn trong dòng nước đục. Riêng ở thể linh hồn thì hoàn toàn là sự chờ đợi và suy ngẫm, lắng đọng lại để mà chờ đón con đường mình phải đi chứ không còn giải pháp nào nữa, vì con đường bằng phẳng hay chông gai đã tự mình chọn trước rồi.

Tuy vậy nàng không hề bối rối để linh hồn chìm đắm trong nỗi lo lắng suy tư đó, vì nàng hiểu nó cũng chẳng đưa tới đâu, chỉ bằng tìm một cách hay nhất là đón nhận và cùng tìm tòi, suy nghĩ từ những gì đang gặp gỡ, nhìn thấy được trong sâu thẳm của mỗi linh hồn nàng gặp trong cõi mù sương. Đêm nay, chỉ có một mình ngồi suy tư trên nấm mộ của mình, mới hôm nào xung quanh chỉ trơ trọi đất cát, nay đã phủ lên vùng cỏ xanh, những đám hoa dại tự nhiên đua nhau mọc lan tràn bên mộ nàng, dẹt một tấm thảm vàng bát ngát và cánh đồng hoa dập dềnh theo gió. Con người đi ngang đây sẽ không khỏi suýt soa vì vẻ đẹp tuyệt vời của cánh đồng hoa trong nghĩa trang, mà biết đâu đó lại chẳng có người mơ ước mai sau được đến đây yên nghỉ nghìn thu.

Buổi chiều hôm qua được chứng kiến một cảnh tượng đẹp khiến nàng vô cùng cảm xúc, khi ánh hoàng hôn còn vương lại những dải nắng yếu ớt trên rặng liễu ven hồ, nàng đã bắt gặp một người đàn ông say sưa ôm cây đàn trong tay, dạo những đường tơ cho một bản đàn năm cũ, với giọng hát khàn đục nhưng chứa chan tình cảm dành cho một người phụ nữ nằm dưới đáy mộ sâu.

Nàng tò mò đến bên tấm bia có hình của một phụ nữ xinh đẹp, mặc dù lúc ấy

nàng có đứng gần sát vào chỗ đứng của người đàn ông đánh đàn và hát kia, thì ông ta vẫn hoàn toàn không biết. Không thấy một biểu hiện gì là linh hồn của người phụ nữ kia còn hiện hữu trong góc nghĩa trang này, chỉ có nàng đang đắm đuối trong sầu khúc Tristesse của Chopin với tiếng đàn của người đàn ông đa sầu đa cảm:

“Thôi! Buồn làm chi

Luyến tiếc mà chi

Bao nhiêu sầu nhớ sẽ phai đi cùng thời gian

Lá úa hoa tàn

Thôi hỡi đàn vang những lời ca nào nùng

Nhắc làm gì, bao ngày qua.”

Tiếng đàn Guitare Espagnol vẫn réo rắt rung lên giữa buổi chiều tà, khiến nàng thôn thức khi tưởng tượng rằng, có lẽ ngày xưa khi còn sống, người phụ nữ diễm lệ kia đã từng ngồi tựa bên ông ta để hồn say đắm trong tiếng nhạc êm dịu. Một môi tình đẹp lãng mạn và tuyệt vời, âm nhạc lại càng nâng nó lên để tuyệt vời hơn nữa. Đôi môi người đàn ông lại mấp máy những lời thì thầm, nhưng ở thể linh hồn, nàng nghe rất rõ như đang nghe một bài thơ :

“Anh chỉ muốn thời gian ngừng lại

Để được gần em mãi mãi

Dù bóng hình em không còn nữa

Anh vẫn yêu em đến cuối đời

Với một mối tình đắm say.”

Đó là lời bản nhạc của Chopin người nhạc sĩ thiên tài mà vẫn sống, nhưng mặc thời gian và không gian, bằng tâm cảm nó vẫn tồn tại trong bao con tim của hậu thế. Tất cả đã vĩnh viễn đi theo linh hồn của người phụ nữ được yêu kia, bây giờ bà ta về đâu, giờ đây chỉ còn người đàn ông si tình nhớ đến người xưa qua bản đàn cũ. Chạnh nghĩ đến mình, nàng lại cảm thấy hơi buồn buồn vì hình như nàng lại đang rơi vào nỗi buồn vô vọng cũ, khi người chồng và những đứa con hình như giờ đây có vẻ đã nguôi ngoai dần và chưa bao giờ thấy họ đứng trước mộ nàng để thăm thì kể một câu chuyện với người đã khuất.

Nỗi buồn ở đâu bỗng ập đến khiến nàng chảy nước mắt, nhưng nước mắt cũng không có thật để nàng có thể dùng tay gạt đi những giọt lệ, mà nó chỉ âm ỉ trong linh hồn một nỗi buồn khó nguôi. Thiên đàng là đây, địa ngục là đây, hạnh phúc là đây, đau khổ là đây, khi giữ mãi trong tâm tư những nỗi buồn thì hồn vẫn quần quanh mà không thoát ra được, nàng nhớ đến lời dặn dò của người bạn tri kỷ nàng gặp đầu tiên hôm ấy, ông đã ân cần nhắn gửi cho nàng bao nhiêu điều hiểu biết trước khi bay đi về cõi của ông ta. Khi người đàn ông chuyển sang bản nhạc “If you go away” với tiếng đàn nức nở trầm buồn đến não cả lòng, nàng đã bật lên khóc vì thương cảm. Nàng ngồi

đó chìm lắng trong cung đàn và tiếng hát tiếc thương, trong khi người đàn ông ôm đàn đứng đó mà chẳng cảm thấy được sự hiện diện của nàng. Nàng hiểu người ta không thể trở về với dĩ vãng . . .

Tiếng đàn chơi với réo rắt và giọng hát truyền cảm say sưa của người chồng đang tưởng nhớ đến người vợ yêu dấu của mình, hình như vẫn luẩn quẩn trong linh hồn nàng, nhưng nàng lại chưa muốn hay không muốn chia sẻ cho 2 người bạn nàng gặp trong nghĩa trang này, vì nàng có cảm tưởng họ chưa thể hiểu hết được nỗi buồn sâu lắng đó nơi lòng người như nàng đã hiểu. Có những điều người ta không thể nói ra được, có những nỗi buồn, niềm đau người ta thích giữ lấy một mình, như người đàn ông giữ lấy nỗi sầu của ông ta trong tiếng đàn mà ông ta nghĩ chỉ có người phụ nữ đáng yêu của đời mình nằm dưới nấm mồ kia mới xứng đáng nhận được nó mà thôi. Nỗi tiếc thương đó khiến nàng chợt nhớ đến mấy vần thơ:

“Có những tình yêu không thể nói

Có những nỗi buồn làm sao vơi

Dấu trong tim khổ niềm thương nhớ

Gửi áng mây trôi tận cuối trời.”

Khi trời tối hơn, một nửa vầng trăng lơ lửng trên nền trời nhưng thắm đầy sao thì hai người bạn của nàng cũng tới. Kể ra có bạn bè cũng vui, nhưng không hẳn lúc nào cũng bận rộn với mọi người xung quanh khi tâm hồn cần sự yên tĩnh, nghỉ ngơi. Lần này thì cả hai người bạn cùng đến một lúc, đang

bàn cãi về linh hồn người đàn ông đau khổ giờ này vẫn còn bám vào những cái rễ của sự khổ đau do chính ông ta trồng trọt lấy tự kiếp trước. Rồi cả ba cùng rủ nhau thơ thẩn đi ngắm cảnh, rặng liễu lả những ngọn tóc dài phát phơ trên mặt hồ, gợn gợn trên mặt nước long lanh phản chiếu nửa vầng trăng và những ánh sao trời dưới đáy nước.

Mấy hôm trước, có đám ma của một bà cụ, rất đông người đưa tiễn và rất nhiều vành khăn tang, khi nàng dạo đến đó thì cũng đã về chiều, người con gái mặc nguyên bộ quần áo màu đen còn ngồi gục đầu khóc mãi bên nấm mồ của mẹ già, lại một cảnh “tử biệt sinh ly” bày ra trước mắt nàng đến độ quá quen thuộc, nên không làm cho nàng quá quan tâm như ngày xưa. Rồi cũng thế thôi, tất cả rồi cũng thế thôi, chẳng ai lại không có ngày đến đây để gửi nắm xương tàn.

Đêm nay trở lại, ba người đã thấy một bà cụ già ngồi khóc tí tê, lạ lùng làm sao là ai cũng khóc khi từ giã cõi bên kia, tâm trạng cô đơn và hụt hẫng chắc là nỗi buồn chung của người vừa mới từ giã cõi đời. Ba người cùng lắng nghe linh hồn bà cụ già khóc kể, rên rỉ như trách móc, nỉ non, như khi ra đi bà cụ đang mang trong lòng nỗi buồn phiền vì lũ con, cháu bất hiếu của mình. À, thì ra thế thật, nhưng sống hết một đời đến gần trăm tuổi như bà cụ mà còn tiếc đời, tiếc của thì lạ quá, cả ba linh hồn cùng muốn tìm hiểu vì lẽ gì mà bà cụ cứ khóc lóc, than thân trách phận mãi. Nghe linh hồn bà cụ già khóc kể, cả ba cũng thấy mũi lòng, riêng nàng còn nhớ thêm dáng vóc ẻo lả người con gái mặc tang chế gục đầu bên nấm mồ người mẹ mấy hôm trước, chắc cô ta thương mẹ nhiều lắm, nhưng sao hình như tiếng kể của bà cụ vẫn tầm tã điều gì. Vì thế, nàng tiến đến gần hơn và rụt rè chào bà với một vẻ cung kính:

- “Xin chào cụ. Chẳng hay nỗi thương nhớ chưa vơi, nên nghe như cụ còn buồn lắm vì phải xa lìa những người thân yêu?”

Như bắt được bạn tri kỷ, đúng thế, bà cụ đang cần có người hỏi để kể về nỗi ám ức của mình. Ngày bà còn sống, khi nằm đó mà thấy có người đến thăm, vẫn hay ca cẩm chuyện trong nhà, về những người con và cháu không hết lòng săn sóc gần gũi mẹ. Người già sống lâu thường xoay vòng lại làm đứa trẻ con vùi vĩnh, khó chiều mà lại hay tủi thân, vì thế có người cho rằng ông Trời sinh ra vậy để lúc ra đi con cháu đỡ phần tiếc nuối. Bà cụ đang khóc kể tình hẫn lại, rồi rí rả kể nỗi tức tối của bà cho ba người cùng nghe:

- “Ôi chào các bà, các cô, đi đâu mà vui như chảy hội thế này? Ôi chà! Già này đang buồn đây, thế ra tất cả những thời vàng trong túi già chỉ là mấy miếng ngói, đám con đã đánh lừa tôi khi nửa tỉnh nửa mê trên giường bệnh, chúng nó bịp bợm tôi, tôi không bao giờ tha thứ được.”

Cụ già lại nức lên khóc, khiến cả ba vô cùng ái ngại. Chỉ riêng nàng đã lơ mờ hiểu ra chút ít về nỗi buồn của bà cụ: TIẾC CỦA. Nhưng người bạn của nàng đã nhanh nhẩu hỏi:

- “Vâng, lũ trẻ bây giờ như thế cả, mình còn sống nhăn răng ra chúng cũng đã muốn lấy của mình rồi, huống gì già lão như cụ mà lại có vàng cất trong túi thì chúng cứ mong mình chết nhanh nhanh để lấy cho gọn. Nhưng chuyện như thế nào hở cụ?”

Chết thật! Cái người đàn bà này thì luôn luôn “đồng thanh tương ứng” với

những linh hồn có hoàn cảnh na ná như bà ta. Nàng chỉ biết im lặng chờ đợi, thì bà cụ đã kể một mạch:

- “Ôi trời ơi có mắt thì ngó xuống mà xem, con cái cướp giựt lừa phỉnh của cha mẹ. Không dấu gì các cô, tôi thuở sinh tiền ăn dè hà tiện, chắt mót mãi mới mua được ít vàng để dành. Mãi đến khi ốm đau lây lất, tôi biết chẳng thể để của một nơi người một nẻo, đồng tiền phải liền với ruột nên đã cẩn thận cất ở túi áo trong gài kim băng cẩn thận. Thế mà chúng nó cũng lần mò đợi mình mê ngủ rồi đổi mấy viên gạch bỏ vào túi mình, hễ giựt mình thức giấc, nhớ ra là tôi lại hỏi: “Vàng đâu? vàng của mẹ đâu?”. Trời tru đất diệt nó đi, chính cái con bé ngồi khóc bên mộ tôi thảm thiết nhất lại là đứa bàn với anh em nó đổi vàng ra gạch bỏ vào túi áo của tôi, rồi miệng cứ trả lời thon thót: “Vàng đây, vàng của mẹ đây.”, vì thế khi sờ vào lúc nào cũng thấy nặng nằng. Đến khi mình nhắm mắt lìa đời, lúc ấy mới biết bị lừa thì đã muộn rồi, hỏi xem ai mà không buồn, không tức?”

Khi hồn người đàn bà hiểu thấu câu chuyện làm cho bà cụ phiền lòng thì phá ra cười, khiến bà cụ đâm ra bực mình, gay gắt hỏi:

- “Này bà kia, chẳng lẽ câu chuyện của già này làm bà vui lắm sao mà lại cười?”

Bà ta cứ cười, cười ngặt nghèo rồi hỏi bà cụ:

- “Thế cháu vô phép hỏi cụ, nếu như cụ có đem được mấy thỏi vàng sang thế giới bên này, thì cụ dùng nó làm gì nhỉ? Để hối lộ Thượng Đế cho cụ lên trời, hay dành tiền để mua sự cầu nguyện cho linh hồn mau siêu thoát? Nghĩ

lại đi cụ ơi, trong khi cụ đau ốm nằm đó, tiền bó vào ruột tượng, thì ai là người chăm nom miếng ăn giấc ngủ cho mình, ai thuốc thang tắm rửa cho mình, ai lo việc ma chay cho mình khi nằm xuống, có phải là con cái của cụ không?”

Bà cụ già tiếc của giờ đây như thảm ra vì câu nói xấn xả của người phụ nữ trực tính, nên im lặng ngồi yên. Người đàn bà lại nói:

- “Ông trời cho mình cuộc sống và một thân thể mà mình lại không biết hưởng rồi lại tự dày dọ mình thiếu thốn, hà tiện quá mức đối với bản thân cũng là TỘI đấy nhé, mà cũng vì keo kiệt rồi sinh ra ích kỷ với mọi người xem ra cũng chẳng phải điều tốt. Cô con gái của cụ là người tốt, khi mẹ còn sống lo cho mẹ đầy đủ mà không tơ hào lấy vàng của mẹ là con gái ngoan, nếu cụ nằm xuống mà được mồ yên mả đẹp do chính đồng tiền mình dành dụm để không phiền con cái, mình cũng là người mẹ tốt. Còn bao nhiêu thì để lại cho con, nếu nhờ đó mà đời con cháu mình đỡ khổ thì tại sao mình lại tiếc?”

Nàng và cô gái cũng gật gù đồng ý, còn bà cụ thì đang tiến thối lưỡng nan trước lời giải thích của người đàn bà đang ngồi trước mặt bà. Nàng cũng lên tiếng góp vào:

- “Cụ ơi! Cháu chưa thấy một đám ma nào lại đông đảo người đưa, sắp xếp chu đáo như đám ma của cụ. Nào là linh mục đưa đến tận huyết cầu kinh xông hương cho cụ, nào là vòng hoa lớn hoa bé đầy những lời thương tiếc, nào là con cháu, họ hàng túc trực hai bên khi hạ huyết, ai cũng khóc lóc thảm thiết, nếu như những vòng hoa kia do bạn bè thân hữu của các con

cháu cụ phúng viếng, thì chẳng phải do sự giao tế của con cháu cụ mà cụ được như vậy sao? Mình phải mừng mới phải vì chẳng phải ai ra đi cũng được như thế, cũng do cái phúc đức của cụ vậy?”

Bà già nghe nói thắm ý nhovn miệng cười, dù chỉ ở thể linh hồn nhưng với cảm quan mạnh ai cũng thấy nụ cười móm mém của bà thật dễ thương, sự THA THỨ bao giờ cũng biến tâm hồn người ta ra con trẻ. Tuy vậy bà cụ cũng biết đối đáp lại nàng:

- “Khéo nói ời là khéo nói, thế cái dạo cô ra đi thì cũng ới vòng hoa đẹp, nào chỉ mỗi mình tôi mới có.”

Thấy bà cụ tươi tỉnh lại biết nói đùa, nàng cũng cười đáp lại:

- “Thưa cụ, đẹp vậy mà chỉ một sáng một chiều cũng héo rũ hết, có gì tồn tại đâu, chỉ một vài hôm là người phu quét rác lại phải nhặt nhạnh đem vứt đi. Mà thế cũng tốt hơn là cứ phải nhìn những vòng hoa héo trên nấm mộ, trông nó buồn rầu bi thảm làm sao ấy. . .”

Nói đến đây tự nhiên nàng im lặng, lòng thổn thức băng khuâng nghĩ đến lời nói chí tình của người bạn tri âm tri kỷ đã đi về cõi xa nào rồi: “. . . Đây, đây. Chân lý là ở chỗ đó, bà có thấy hoa nào là không tàn đâu”, lòng nàng nặng trĩu một nỗi buồn nhớ vu vơ. Nhưng người bạn đồng hành thật là đáo để, nhìn nàng nheo mắt cười:

- “Lại nhớ đến tri âm tri kỷ rồi phải không? Thôi thì “hạc bỏ tiên về nơi cõi xa, nền cũ lầu hoang đứng thẫn thờ”, thơ của tiên sinh Lý Bạch đây, cái ông

thì sĩ gàn say rượu nhảy ùm xuống ao ôm bóng trăng giả vào lòng mà chết.”

Nàng bật cười:

- “Ai bảo bà thế, khiếp thật, cứ như đi guốc vào lòng người ta vậy?”

Bà ta cười to lên chế nhạo nàng:

- “Chứ không à? Ngay khi gặp nhau tớ đã chả bảo với đằng ý là ở đây chẳng ai dấu nhau được điều gì đâu, tốt xấu nó bày hết ra, thượng vàng hạ cám ai ra người nấy cả rồi, hỏi để cho có chuyện chứ chẳng lẽ im lặng hết như bãi tha ma thì chịu sao thấu.”

Tất cả cùng cười, đến chết mà còn biết cười thì hồn vẫn vui vậy. Bà cụ hét kẻ lẽ khi đã hiểu ra mọi chuyện lại theo thói quen lâm râm đọc kinh cầu nguyện. Người đàn bà quay đi bĩu môi nói đùa với hai người bạn:

- “Lại đọc kinh để xin lên Thiên đàng đấy. Bây giờ thì chắc là bay được rồi vì cái túi vàng hay gạch nó không nặng trĩu ra. Tôi đã nói rồi mà, có người ngày nào cũng cầu nguyện cho mình được về với Chúa, với Phật, nhưng hễ Chúa đón ngay về thì hải bỏ mẹ, lại rồi rít xin cho sống mãi đến già cũng vẫn sợ chết. Cứ tưởng tượng mai kia ngồi đâu ruồi bâu đến đó không buồn gơ tay đuổi, thì thôi, cái áo nó cũ rồi thì lột bà nó đi mà mặc áo mới có phải thích không?”

Ôi chao! Bà ta cứ nhẩn nha nói lung tung, thế nhưng triết lý nhân sinh thì lại nghe như gần gũi với cuộc đời trong gang tấc. Thế giới của linh hồn trong

bóng đêm vẫn xôn xao nhiều chuyện vui buồn như vậy, nhưng nếu có thi sĩ nào ở thế giới loài người muốn mượn chốn này để thần thờ, thơ thần cũng không hề trông thấy, nghe thấy được điều gì. Chỉ nghe tiếng lá khô lăn tròn trên mặt đường, tiếng chim khuya khắc khoải gọi nhau, hay bóng trăng nằm lung linh dưới đáy nước. Thế nào trong thơ của thi sĩ, lại chẳng có những cảnh liễu rủ mình xuống mặt nước đen thẫm, và biết đâu lại tưởng tượng thêm bước chân của người tình đạp trên lá vàng khô . . .

Cõi mù sương

Chương 7

Ngày đến rồi ngày lại đi, đêm đi rồi đêm lại tới. Thời gian không có tuổi vì ngày nào cũng 24 giờ, nhưng con người và các thời đại lũ lượt kéo nhau đi, chồng chất lên hàng hàng lớp lớp kiếp phù sinh mà không ai tính, đếm, đo, được vô số tiền oan nghiệp chướng. Mỗi khi ở cõi bên kia bớt đi một người thì ở cõi mù sương lại nhận thêm một người, như một cái vòng cong cong để biến cái áo cũ thành cái áo mới, giá trị hay không lại tùy ở món hành trang mang đi sau mỗi đời người.

Mỗi ngày trong thế giới xảy ra biết bao nhiêu chuyện, đứa bé cất tiếng khóc oa oa chào đời trong nỗi mừng vui của cha mẹ, anh em, thì ở đâu kia lại vang lên tiếng kèn ò ỉ e để tiễn đưa một người về thế giới vô cùng. Người giàu cứ giàu, người nghèo cứ nghèo, người no cứ no, kẻ đói vẫn đói, vẫn cứ

vang lên tiếng cười thỏa mãn khoái trá của người nhiều tiền lắm bạc, tiếng than thở trách móc của người kiếm không ra ngày hai bữa cơm. Chiến tranh tàn bạo là cái có để người ta nói chuyện hòa bình, vì thế mà muôn đời con người vẫn có chuyện để làm, mặc dù có bao nhiêu thứ chẳng cần thiết như súng đạn chỉ là phương tiện để người ta tận diệt nhau nhanh chóng nhất. Chắc hẳn chỉ có ông Trời là mệt mỏi và buồn phiền nhất. Chỗ này trời cho mưa thuận gió hòa, đời sống no đủ thì hết lời tán tụng, cảm tạ, nhưng có nơi thiên tai, bão lụt, đói khổ, chiến tranh thì lại trách móc ông Trời sao nỡ nào đổ xuống cho nhân loại những tai ương đó. Ôi! Làm Trời khổ lắm cũng như làm cha mẹ cũng khổ lắm, ai thấu hiểu cho nếu không hiểu rõ từ cái nghiệp của tiền kiếp, cộng trừ nhân chia với nhiều hệ lụy mà tạo nên niềm vui nỗi khổ đến kiếp sau, để hưởng hay trả, có khi từ cái Nhân và Quả của một quốc gia, một dân tộc qua nhiều thời kỳ hưng, phế nữa.

Đêm qua, khi hai người bạn kết nghĩa của nàng đã đi rồi, chỉ còn lại mình nàng chìm đắm miên man với những suy tư trong cõi mù sương, bao nhiêu khám phá học hỏi trong từng cái chết của mỗi người, trong từng nỗi khổ của mỗi linh hồn, trong từng niềm êm dịu của tình yêu. Nàng thấy mình chưa học hỏi được bao nhiêu về con đường thăm thẳm để đi về một nơi nào đó, vẫn chỉ loay quanh trong cõi sương mù của sự hiểu biết, ngoài sự buông xả được những vướng mắc với cõi bên kia để tiếp nhận mặc chiếc áo mới, và đi tiếp con đường chưa đến trong cõi mù sương.

Thế rồi, dù ở cõi nào nàng vẫn cảm thấy mình có nhiều cơ duyên để quen biết, gặp gỡ nhiều linh hồn khác nhau, như đi trên một đoạn đường mà chỗ này là một bụi cỏ gai, chỗ kia một bông hoa đẹp, hay có khi cũng là một mỏm núi cao chênh vênh lẫn với đám mây trên bầu trời xanh. Lắm cái tương phản và mâu thuẫn rất buồn cười, ở cõi đời thì ánh sáng soi rõ mọi vật, ở thể linh hồn thì bóng đêm chính là ánh sáng, và từ bóng tối nàng lần tìm ra ánh

sáng của đời sống, nên thật tình cờ, nàng lại được một lần đối diện với linh hồn một quân nhân. Ông đã từng là một sĩ quan gương mẫu, đã anh dũng chiến đấu trên nhiều mặt trận, và cũng chính vì thế mà nòng súng của ông đã tiêu diệt bao nhiêu con người mà ông gọi đó là kẻ thù của ông.

Khi nằm xuống, hình như bao nhiêu vinh quang, chiến tích, bao nhiêu câu chuyện của đời người bỗng dưng đều nằm xuống một lượt với xác thân, nên giờ đây ở thể linh hồn, dĩ nhiên những gì ông ta có phút chốc tan thành ảo ảnh, cuộc đời thật là phù du, những gì ông làm khi còn tại thế, cũng lần lượt trở lại như một cuộn phim, mang theo đầy đủ để tạo thành một bức tranh nhiều màu sắc của thiện và ác. Nhưng bước qua cõi mù sương, người sĩ quan đã từng vào sinh ra tử, không còn nhìn cuộc đời mình theo con mắt hạn hẹp và một chiều đó nữa, vì ông không còn năng lực để tự mình phán xét. Với một cái nhìn khác, khiến linh hồn ông không khỏi băn khoăn về những điều mình làm, mà ở đây cả là một đáp số bí ẩn của linh hồn khi đã nhúng tay vào sự tàn bạo do chiến tranh gây nên, mặc dầu không cố ý.

Dù sao, con người này khi còn sống đã dám nhìn thẳng vào cuộc đời, trực diện với sống chết và chịu trách nhiệm vì là một vị chỉ huy trong quân đội, vì thế, linh hồn ông vẫn phản ánh là một tấm gương chói sáng của lòng quả cảm, với một ý chí cứng cỏi mang theo từ cõi bên kia. Ông ra đi sau nhiều năm ngồi trên chiếc ghế của một người có sức mạnh, có uy quyền, có cả vũ khí, có quyền sinh sát trong tay. Tuy thế, những thứ ấy thuộc về cõi bên kia, cuối cùng thì lúc ra đi cũng chỉ có một mình, không tiền hô hậu ủng, không vệ sĩ kè kè đi trước đi sau, không vợ đẹp con ngoan, không anh em bằng hữu, nói trắng ra là đi một mình, “sô lô” về cõi bên kia bỏ lại tiếng kèn đồng nhức nhối tiếc thương trên bãi cỏ đời vàng úa.

Nàng gặp được linh hồn người quân nhân ấy, giá trị của tinh thần vẫn khiến linh hồn ông toát ra một vẻ bình thản, dù rằng bằng tâm cảm, nàng hiểu ông

đang suy nghĩ lung lăm về quãng đời đã qua của ông trong dĩ vãng. Ông ngồi một mình trên triền đồi thoai thoải nhìn mông lung xuống những rừng hoa dại, chen lẫn trong những nắm mồ yên lặng. Nàng tò mò lướt ngang để quan sát dáng vẻ trầm mặc của linh hồn người quân nhân, khiến ông ta mỉm cười cất tiếng hỏi, giọng sang sảng của một người ăn nói “có gang có thép”:

- “Xin chào!”

À thì ra ông ta cũng đang tò mò vì ở cõi này hình như cũng có điều gì giống bên kia, mà sau những nghi lễ quân cách, những cánh hoa nắm đất vỗ rào rào trên mặt áo quan, mọi người bỏ ra về hết thì ông cũng cảm nhận được nỗi cô đơn vậy. Thế mà trong đêm tối, lại có ai đó lảng vảng quanh đây, thói quen của một quân nhân là phải tìm cho ra điều gì bí ẩn xảy ra xung quanh mình, vì thế mà ông không cảm thấy sợ sệt, chỉ cô đơn thôi. Riêng nàng, đã quen với những tình cảm chân thật trong cõi linh hồn, giới tính của con người chết rồi, chẳng còn gì để mà tán tỉnh nhau, chỉ còn sự cảm thông hay không cảm thông mà thôi. Nàng nhẹ nhàng lên tiếng trả lời:

- “Xin chào ông, cư dân mới của miền vĩnh cửu.”

Ông ta cười “hà hà” như chợt hiểu ra thực tại, nói với nàng:

- “Hóa ra chúng ta đều là ma cả, nhưng không sao, nếu như cô không nhắc thì tôi cũng quên bém đi và tưởng là mình vẫn còn sống. Thôi thì kẻ đi trước người đi sau, mỗi người đều mua vé cả rồi, chỉ chờ đến lượt là lên xe, chuyển xe vĩnh cửu ấy mà. Anh em chúng tôi chia tay nhau từ lâu, bạn bè đồng đội còn đi trước tôi hàng mấy chục năm trước, đi từ khi đầu họ còn xanh, nay đến lượt mình thì đầu đã bạc, giờ này mới tới lượt mình là trở rồi đấy. Hi hi, nhưng không sao, tôi chỉ đang bỡ ngỡ suy nghĩ về cái gì từ cuộc đời mình đã sống, đã trải qua, và mang qua đây thì không biết con đường mình đi nó như thế nào, có chông gai khó nhọc như cuộc đời người lính trận ngày ấy không thôi cô ạ. Ô hay! Sao tôi lại nói với cô điều ấy, hình như tự

tôi cũng cảm nhận được là cô sẽ cùng tôi chia xẻ những điều mới mẻ gì đó, phải vậy không cô?”

Nàng mỉm cười, trăng đã xế dịu dịu màu âm u mang vẻ đẹp của phong cảnh khi trời hoàng hôn, dù rằng giờ này sương xuống nhiều bao phủ cảnh vật như một dòng sữa. Êm đềm nàng lên tiếng với người bạn mới:

- “Thưa ông, tôi ở đây đã lâu, chúng tôi tập được thói quen là đón chào người mới đến, trước làm bạn và hướng dẫn nhau làm quen với thế giới bên này, sau cũng để tìm hiểu thêm để học hỏi mà chuẩn bị con đường sắp tới. Hành trình còn dài và thăm thẳm, chưa ai nắm rõ đường đi nước bước, nhưng trong tư thế chuẩn bị và học hỏi, cũng giúp nhau rất nhiều khi chấp nhận và tìm ra nẻo đường mà linh hồn sẽ trải qua. Buông được dĩ vãng, hiểu được hiện tại thì con đường đi về tương lai sẽ dễ chịu tốt đẹp hơn, vì mình không nắm nuôi dĩ vãng, mà cũng không chìm đắm trong ảo vọng.”

Người đàn ông bật cười, tiếng cười của ông vô cùng sáng khoái vì tự tin:

- “Cảm ơn! Cảm ơn tấm tình của cô đến với người bạn mới. Tôi đã từng là một quân nhân, không hề sợ hãi trước quân thù, áo giáp quân nhân đã từng lặn lội với gian khổ chiến trường, tay đã vuốt mắt bao nhiêu anh em đồng đội của mình, và cũng từng bóp cò súng để kết liễu kẻ thù không đội trời chung vì chúng đem đau thương đến cho đồng loại. Tôi hãnh diện vì mình là một quân nhân tốt, làm tròn nhiệm vụ cấp trên giao phó, nhưng bây giờ khi nằm xuống, dường như linh hồn tôi có phần hoang mang vì luẩn quẩn cái tàn bạo hiện diện trong đời tôi, như một cái lưới nhện của chiến tranh, vì thế không biết tôi sẽ nhận được cái quả gì đây?”

Nàng ôn tồn giải thích theo sự hiểu biết của mình:

- “Thưa ông! Theo thiên ý của tôi thì sợi dây nghiệp quả này nó liên quan đến cả một quốc gia dân tộc, mà người dân trong một quốc gia cùng được hưởng hay trả. Ông sinh ra chọn binh nghiệp làm con đường thẳng tiến, ít

nhiều gì cũng từ đó mà gây hay hưởng ít nhiều nghiệp quả cho mình, vì thế không thể đơn phương chịu cái tội là mình đã nhúng tay vào máu. Nhúng như thế nào mới là điều đáng đề cập ở câu chuyện này ông ạ...”

Người quân nhân thở phào, vui vẻ nói với nàng:

- “Sao cô có thể hiểu được sự suy nghĩ của tôi như vậy? Quả là một câu trả lời tuyệt diệu cho những người lính xả thân vì đại nghĩa, chẳng lẽ lại mang tội vì giết người mà khi nằm xuống linh hồn sẽ gánh chịu nhiều oan nghiệt chập chùng. Thế này cô nhé! Chẳng hạn khi kẻ thù xâm lăng, mang hiểm họa đến cho dân lành, ai cũng ngồi đó ngoảnh mặt làm ngơ trước nỗi hung vong của tổ quốc, tìm thân tâm an tịnh trong nỗi thống khổ của toàn dân, phải chăng đó là điều thiện?”

Bằng một giọng ngao ngán nàng thổ lộ:

- “Bởi thế mà chiến tranh mới là hiểm họa của nhân loại, người dân lương thiện sống trong một đất nước lắm thù oán, nhận nhiều oan nghiệt bởi chiến tranh, chính là đang chịu chung nhân quả của tổ quốc đó. Vì vậy người ta mới suy rằng một đất nước được thanh bình hay thịnh vượng, đau khổ lắm tai ương cũng bị lây cái nhân quả của người lãnh đạo, được người hiền hay minh chúa thì đất nước an bình, muôn dân no đủ hạnh phúc, gặp thứ lãnh đạo bất tài, kém đạo đức, không lèo lái được con thuyền quốc gia thì cuối cùng xô đẩy toàn dân vào nỗi thống khổ.”

Ông ta ngắt lời nàng, hào hứng:

- “Ôi! Được nói chuyện với một người hiểu biết, thật đúng là “một lần tri kỷ với người khôn còn hơn ngàn lần đối thoại với người ngu”, tôi vô cùng cảm kích.”

Nàng vội kêu lên vì câu nói quá đáng của linh hồn người quân nhân:

- “Xin ông đừng nói vậy, kéo tổn hại thêm vì mắc thêm tội miệt thị người khác, dù không nói rõ là ai, cái khôn cái ngu của con người chắc chắn cũng

nằm sẵn trong trí tuệ từ khi được sinh ra làm người. Tôi cũng rất đồng ý với ông về quan niệm “đất nước hưng vong, thất phu hữu trách”, nên khi thấy ông băn khoăn về luật nhân quả, tôi không khỏi trộm nghĩ đây là một vấn đề lớn, mà mình là người dân trong một nước nên vì thế người ta gọi là “cộng nghiệp”. Dĩ nhiên là mỗi người còn tùy theo chỗ đứng của mình, hoàn cảnh của mình và cách hành xử ra sao để mà giải thích được đó là công hay tội nữa.”

Linh hồn người quân nhân kêu lên:

- “Thú vị quá! Ít ra những người quân nhân lương thiện như tôi không phải chịu cái quả xấu, nếu như trong cuộc đời binh nghiệp, vì trách nhiệm chúng tôi phải thi hành bổn phận, danh dự của tổ quốc lên trên hết.”

Nàng gật đầu nói tiếp:

- “Thưa ông, như vậy là mình đã khai triển được vấn đề một cách cởi mở hơn, công bằng và không nghịch lý vai trò của người quân nhân đứng trước hiểm họa của đất nước. Trường hợp của ông giống như một người ở trong một gia đình, có vũ khí trong tay mà thấy tên ăn cướp vào nhà, uy hiếp mọi người để cướp của và cưỡng hiếp đàn bà con gái, dĩ nhiên là mình phải dùng vũ khí để tự vệ và để diệt trừ kẻ gian. Ngồi trong nhà thấy cộm mà làm thinh để nó lộng hành tấn công ăn thịt người, chẳng hay không sát sinh, không giết người để tự vệ là điều hay. Đứng trước bạt ngàn quân thù, nếu người quân nhân không chiến đấu để bảo vệ bờ cõi, bảo vệ dân lành, đâu có chết vài mạng người cỏ rác đó để mà bảo vệ bao nhiêu người lương thiện, ở kiếp người đã là một hành động quả cảm thì không lẽ ở cõi này lại phải chịu cái nghiệp khổ.”

Người quân nhân gật gù, đồng ý với nhận xét của nàng, ông ta cảm thấy sự hiểu biết của nàng về nghiệp quả không gò bó trong cái nhìn vay trả một cách máy móc, nên rất có thiện cảm với linh hồn người phụ nữ mà ông đang

trò chuyện:

- “Phải, phải đấy, nếu không thế mà nước ta có một Đức Thánh Trần, có một anh hùng Quang Trung Nguyễn Huệ, có một anh hùng áo vải đất Lam Sơn, và bao nhiêu anh hùng không tên tuổi, vẫn được nhiều người ca tụng và tôn thờ. Nhưng cái chính là những bậc danh nhân lịch sử ấy phải sống cho lẽ phải và chết cho lẽ phải, dưới sự lãnh đạo của họ, việc làm của họ dù phải đem máu xương mà đánh đổi lấy sự no ấm an vui cho mọi người qua sự quyết định sáng suốt của họ, thì khi cảnh núi xương sông máu đã qua đi, người ấy vẫn xứng đáng vinh dự là một nhà ái quốc. Hoặc là một vị tướng dẫn cuối cùng có phải “sinh vi tướng, tử vi thần” thì vẫn xứng đáng với nhân cách và tiếng thơm của một người có nhân cách, có phải vậy không cô?”

Nàng mỉm cười gật đầu với người quân nhân rất trực tính và đầy đức tính quả cảm của một người lính, nên thú vị nói thêm về sự suy nghĩ của nàng đối với những người khi sống đã dấn thân vào sự hiểm nguy để bảo vệ cho mọi người khác được an lành:

- “Thưa ông, có lẽ ông Trời sinh ra con người ở nhiều hoàn cảnh khác nhau, định mệnh đã gán bó với họ để làm nên một bức tranh sống động của nhân loại, lại tùy theo sự cống hiến của họ mà nghiệp quả trở nên tốt hay xấu hơn mà thôi. Con mèo ngồi tư lự bên thành cửa sổ nghe lá mía reo, trông hiền lành như một bậc thức giả đang an nhiên tự tại để thành Phật, nhưng nó có thành Phật đâu, con thỏ ăn cỏ ngoài cánh rừng không làm hại ai, hay con nai vàng ngơ ngác đạp trên lá vàng khô, chẳng có nghĩa là con người ngồi yên đó để an nhiên tự tại sẽ tìm được Phật. Sự Dấn Thân của người lính ngoài chiến trường, đâu có phải cầm súng bắn lên đầu quân thù trong cái thế tự vệ, và bảo vệ người khác khỏi chết thảm sống khổ vì bọn vô nhân, thì không lý gì phải chịu quả xấu trong kiếp khác.”

Người đàn ông bật lên cười như bản chất quân nhân từ cội bên kia vẫn theo

ông ta về cõi bên này. Ông rất vui vẻ khi có người hiểu và cảm thông với ông về những bắn khoăn của linh hồn trong cõi mù sương, và ông cũng không khỏi hãnh diện rằng trong suốt cuộc đời quân nhân của mình, ông chưa hề dùng nòng súng và uy quyền của mình để phục vụ điều xấu, luôn ưu tư về đời sống của anh em binh sĩ thuộc quyền, chưa bao giờ vì lòng ích kỷ, hành hạ người thua cuộc. Bấy nhiêu đó đủ cho linh hồn ông hãnh diện làm một người tử tế, còn chuyện vận mệnh của một quốc gia, dân tộc ảnh hưởng lên đời sống của người dân sống trong đất nước đó, lại là ở một vấn đề khác, nếu như người ta đọc lại lịch sử, hoặc với thời gian cũng có thể trả lời được câu hỏi đó.

Suy nghĩ một lát, nàng tỏ bày điều mình nghĩ với người quân nhân:

- “Thực ra thưa ông, không phải ngẫu nhiên mà mình sinh ra trong đất nước loạn ly, có khi chính cái nghiệp quả của đất nước đã cần đến những bàn tay như ông để chống đỡ trong cơn nghiêng ngả, thế nhưng nó vẫn không khá được chỉ vì vẫn không thiếu những con sâu đục ruỗng củ khoai, dân tình đói khổ cũng vì vậy, kẻ thì thừa thãi phê phỡn ra còn người thì lại không cơm ăn, áo mặc. Nếu tất cả đều ý thức được sự góp sức của mình trong chiều hướng tốt, chắc hẳn đất nước ấy sẽ vươn lên dễ dàng. Thương làm sao khi có nhiều người hiền lương mà đời vẫn khôn khổ không ngóc đầu lên được, y hệt như con cùng một nhà, chung một cha một mẹ và vẫn có đứa sướng đứa khổ, chẳng hay mà bảo không có tiền kiếp thì định mệnh của mỗi người chính là sự bất công của Thượng Đế.”

Rồi im lặng trong vài phút giây, nàng lại tiếp:

- “Thưa ông, chẳng phải chỉ có những người lính ở ngoài chiến trường mới là những người tham dự vào chiến tranh mới tạo nên nghiệp xấu. Thực ra có biết bao nhiêu người không hề bước chân ra chiến trường, không bắn một viên đạn nào nhưng họ là nguyên nhân hoặc điều khiển chiến tranh, thì mới

thực sự là người đúng nghĩa nhúng tay vào tội ác. So sánh các nguyên lý để tạo ra chiến tranh, kẻ gây hấn bao giờ cũng hoàn toàn chịu trách nhiệm vì đã tạo nên cảnh máu đổ thịt rơi, còn người quân nhân chỉ là một trong cái Nhân nghiệt ngã của một đất nước binh đao nhiều nghiệp chướng mà thôi.”

Hai người lan man nói mà quên rằng trăng đã lặn, đêm sắp tàn, sương phủ mênh mang trên những ngọn đồi thấp nhấp nhô bao nhiêu nắm mộ lớn, mộ bé. Tất cả cũng chỉ thế thôi, nàng lặng lẽ nhìn cuộc đời của chính mình, của người quân nhân đã từng “vào sinh ra tử”, chỉ như những nhánh cây khô sống hết một đời đốt lên một ngọn lửa nhỏ, rồi cuối cùng để lại nhúm tro tàn buồn hiu trên nền đất ẩm.

NGUYỄN NHUNG, mùa thu 2006.

Nguồn: web Thiên Lý Bửu Tòa

Được bạn: Ct.Ly đưa lên

vào ngày: 6 tháng 4 năm 2007

Con búp bê tật nguyên

Khi gió mùa Đông Bắc phả hơi giá lạnh lùa vào mảnh vườn hiu hắt, đầu tháng Mười Hai của mỗi năm, là tôi lại chạnh nhớ đến những mùa Giáng Sinh ngày thơ ấu. Lạ một điều là trong đáy lòng tôi bỗng âm lại, có phải

chẳng khi nhớ lại những kỷ niệm đẹp của thời thơ ấu năm nào, khiến tôi quên mất là mình không còn trẻ nữa. Cảm giác mỗi mùa Giáng Sinh tuyệt vời đến nỗi, tôi tưởng như mỗi năm một lần, mình lại là đứa trẻ thơ mới lên tám tuổi, hình ảnh con búp bê tết nguyên lại chập chờn trở lại trong trí nhớ, y như năm nào tôi còn bế nó trên tay.

Chuyện quả thật không có gì đối với những con búp bê hằng hà sa số trong các tiệm buôn ở thành phố, món đồ chơi của hầu hết những đứa bé gái trạc tuổi tôi độ ấy, vậy mà chị em tôi thêm thường mơ ước mãi. Cho đến một chiều kia, mẹ tôi sau khi nấu xong mớ cao hủ cốt, vừa khô mặt đã được cắt ra từng lạng vuông vức, gói trong giấy bóng kính là vội vã đi giao hàng cho các nhà quen ở xa. Chị em tôi thơ thẩn trước sân chờ mẹ, lòng nôn nao chờ đợi vì hôm đó là một chiều áp lễ Giáng Sinh. Tiếng chuông chiều ngân vang giục giã bóng chiều đổ xuống những mái tranh nghèo leo lét ánh đèn dầu, lúc ấy mẹ tôi mới tất tả trở về, tay xách cái giỏ mây đựng dăm thứ thức ăn mua vội ở chợ chiều phương xa.

Hai đứa trẻ con xán lại cái giỏ mây của mẹ đợi chờ. Bao giờ cũng thế, mỗi lần đi chợ xa về, mẹ tôi thường mua cho các con một ít kẹo lạc, giỏ trứng cá thu nướng để kho tương rất ngon, và đặc biệt là chị tôi dặn dò mẹ mua cho một ít kẹo bạc hà gói bóng kính để trang hoàng cây giáng sinh, thay cho những trái châu xanh đỏ. Cây giáng sinh của chúng tôi chỉ là một nhánh dương xỉ nhặt được ở khu nhà thờ, khi người ta đến đó trang hoàng cho hang đá, những cành nhỏ được chặt bớt đi, và đám trẻ con lại nhặt nhanh đem về để làm cây Giáng Sinh.

Hôm ấy có lẽ là buổi chiều hạnh phúc nhất của chị em tôi, khi mẹ tôi lôi từ

đáy giỏ mây ra một gói nhỏ được bọc cẩn thận bằng giấy báo, chúng tôi cùng hớn hờ nhận món quà bất ngờ trong buổi chiều áp lễ Giáng Sinh. Đó là một con búp bê đã cũ, được thả ra từ đồng đồ chơi ngòn ngòn của bé Lan, con gái cưng của cậu mợ tôi đang sống ở thành phố.

Trong niềm hân hoan vui sướng, khi đặt con búp bê đứng trên mặt bàn, tôi mới phát hiện ra đó là một con búp bê tật nguyên, một cái chân lỏng lẻo đứng đưa không thể nào đứng được như con búp bê của con Nhuận , bạn tôi. Nó là đứa duy nhất có được một con búp bê trong đám bạn nghèo cùng lứa tuổi, vì thế nhà nó lúc nào cũng có mấy đứa trẻ con xúm xít mong đợi được bế con búp bê trên tay. Vì được làm chủ một món đồ chơi đắt giá như vậy, nên con Nhuận cũng chỉ cho đám bạn nhỏ chơi ké tùy theo sự vui, buồn của nó, tùy theo giá trị của những chiếc bánh hay cục kẹo, củ khoai mà bọn con nít như tôi đem đến tặng cho nó để lấy lòng.

Thấy mặt tôi tiu nghỉu buồn so vì con búp bê què chân, chị tôi an ủi:

“Cái chân nó què nhưng mặt nó xinh lắm em ạ, để chị rửa mặt cho nó nhé!”

Rồi chị mau mau đi lấy cái khăn ướt lau mặt cho con búp bê, trông làn da nó có vẻ sáng lên được một chút. Nghe chị nói tôi cũng thấy vui vui, nhoeo miệng cười. Chị lại bảo:

“Thôi vậy là em không phải lên nhà con Nhuận nữa, dù sao nó cũng là của mình, nếu nó không què chân thì bé Lan đâu có thả ra cho chúng mình đâu.”

Thế là hai chị em quên cả ăn cơm, nghĩ đến cách chữa cái chân què cho con búp bê, bằng cách dùng một sợi dây thun cột cái chân què vào cái khớp của thân búp bê, bây giờ thì nó cũng tạm đứng được, nhưng dáng đứng lại cứng như que củi, vẫn xiêu vẹo trông rất tội nghiệp. Chị tôi nghiêng đầu nhìn con

búp bê, rồi lại nói với tôi:

“Thế là đẹp chán rồi em ạ. Ngày mai mình sẽ đi xin vải vụn về may quần áo mới cho nó để mừng lễ.”

Ngày giáp lễ Giáng Sinh năm đó, chị em tôi suốt ngày bận rộn với con búp bê tật nguyên. Trước tiên tôi lân la sang nhà cô Xuân thợ may, xin được những mảnh vải vụn rất đẹp để may quần áo cho con búp bê, cái váy đầm cũ xì của nó lem luốc như váy của cô bé lọ lem. Khi được mặc bộ quần áo mới trông nó xinh hẳn ra, dù không đứng được ngay ngắn và chỉ nằm suốt ngày, nhưng nó có vẻ đẹp rất dễ thương, đôi mắt khép hờ với hàng mi cong, he hé mở như chưa ngủ say, và nhất là cái miệng thì hình như luôn mỉm cười kể cả trong giấc ngủ.

Ban đêm, hai chị em lại đem con búp bê tật nguyên lên giường để ngủ chung, tưởng tượng nó là một em bé vẫn thường được mẹ săn sóc suốt ngày ở những nhà có trẻ con. Khi thì giả bộ cho em ăn, lúc sờ đít để thay tã, con búp bê nằm giữa như một đứa em được che chở bởi hai bà chị rất chăm chỉ khi mẹ vắng nhà. Buổi tối khi mẹ tôi còn quanh quẩn dọn dẹp nhà cửa, tôi ôm con búp bê tật nguyên trên đôi tay măng non của mình, mơ mộng nghĩ đến một khung cảnh ấm cúng, thần tiên nào đó, chị tôi lấy sách ra đọc truyện cho em nghe:

Christmas tree

“Ở một miền xa xôi nơi đồng quê nước Pháp, có một xứ đạo rất nghèo với một ông cha già và một con chó cũng già. Xứ đạo nghèo lắm nên cha xứ quanh năm cũng chỉ được ăn bánh mì đen quét bơ, với thứ “soup” nấu bằng bắp cải và hạt đậu khô. Con chó cũng chỉ được ăn như thế, và nó suốt ngày

luẩn quẩn đi theo gót chân ông cha xứ già như hình với bóng.

Mùa Đông năm ấy trời rất lạnh, ngôi giáo đường với cái gác chuông xập xệ chìm khuất trong màn sương đục như sữa, im vắng không đèn nến vì các nhà giáo dân nằm rải rác trong thung lũng xa xa, đời sống của họ cũng không khấm khá bao nhiêu nên tuy là buổi chiều áp lễ Giáng Sinh, nhà nhà cửa ngõ đóng kín với ánh đèn âm u. Những căn nhà gỗ mốc thối chắc chỉ còn người già và trẻ con, lớp người trẻ trong làng lâu nay đã tứa đi tìm việc trên những đô thị xa, nơi ấy có những ngôi nhà thờ đông người đèn nến sáng trưng như sao sa, họ vui chơi cả đêm với rượu ngon thịt béo, nhân dịp kỷ niệm ngày Chúa sinh ra đời.

Ông cha xứ già sống hiu quạnh với một con chó già như một người bạn thân thiết nhất trong đời ông. Nhìn đất trời ảm đạm trong một chiều áp lễ Giáng Sinh, ông buột miệng than thở:

Winter scene“Lạy Chúa! Người ta bỏ rơi Ngài và bỏ rơi con trong cái ngôi nhà thờ miền quê khốn khổ này, chỉ vì nơi đây không có đèn đuốc hoa đăng sáng trưng như những nơi khác. Người ta đi tìm Chúa trong cung điện nguy nga, vì nghĩ rằng chỉ có nơi đó mới là nơi Ngài ngự trị.”

Ông cha già thần thờ lẩm bẩm nói một mình, nhìn bóng tối âm u dần ập xuống ngôi nhà thờ quạnh vắng, lòng cha rung rung nhớ lại suốt quãng đời linh mục của mình. Đành rằng khi quyết định dâng hết cuộc đời cho lý tưởng để phục vụ Thiên Chúa, đem khả năng và yêu thương đến với tha nhân, nhưng đứng trước sự hững hờ của thế nhân, và sự đào thải của kiếp người, Cha vẫn cảm thấy nao nao buồn vì nỗi đơn côi của ông cha già bị bỏ rơi nơi xứ đạo nghèo. Nhưng đâu phải vì vậy mà đêm nay cha cũng bỏ buổi lễ đêm hằng năm để không đón mừng con Chúa đến với nhân loại, cho dù

chỉ còn mình cha và con chó già nằm khoanh chân dưới gầm bàn trốn lạnh.

Ngoài trời gió rét căm căm, từ thung lũng gió luồn qua cây để hú lên những tiếng thở dài trong đêm tối với một bầu trời không trăng sao, nhìn ra xa xa là ánh lửa leo lét từ những chuồng nuôi gia súc, loài vật cũng không chịu nổi cái giá rét của đêm đông nếu không được sưởi ấm. Cuối cùng, vị linh mục già quyết định dù chỉ có một mình, cha vẫn phải dâng lễ để đón mừng Lễ Giáng Sinh như mọi năm.

Không còn ai kéo những hồi chuông báo giờ lễ đã đến, vì ông từ ngôi nhà thờ này cũng đã theo Chúa từ độ mới sang đông hồi tháng mười trong năm, cho nên tất cả việc lớn nhỏ trong ngôi nhà thờ làng cha đều kiêm nhiệm hết. Mặc thêm chiếc áo dạ cũ, cha run rẩy leo lên chiếc thang gỗ thấp của tháp chuông, con chó già cũng lẻo đẻo theo sau. Bằng tất cả sức lực còn lại trong tấm thân héo hắt của tuổi già, không hiểu có một sức mạnh thiêng liêng nào đến với ông, tiếng chuông cô đơn bắt đầu ngân lên giữa màn đêm thanh vắng.

Tiếng chuông đổ hồi rộn rã, dồn dập vang lên khắp thung lũng trong màn sương dày đặc, như đánh thức trái tim những người giáo dân trong xứ nghèo khiến họ choàng tỉnh và lắng nghe. Rồi họ chợt nghĩ đến những mùa Lễ Thánh hằng năm, tiếng hát tiếng chuông hòa vào nhau để vang xa đến các thôn làng, những ngôi nhà thiếp ngủ trong đêm đông lạnh giá. Họ cũng chợt nhớ ra rằng có một ông cha già bị lãng quên trong cái nhà xứ ẩm ướt thiếu thôn trầm bề, không hiểu sao đêm nay phép lạ nào mà hồi chuông giáo đường lại nhịp nhàng ngân lên từng hồi rộn rã, tiếng chuông càng lúc càng dồn dập một âm điệu vui tươi như muốn đem một niềm hy vọng, xóa tan

bóng tối âm u cho những cảnh nghèo vạc mặt.

Winter night Ôi! Dù có thế nào chẳng nữa cũng không thể bỏ rơi Chúa hài nhi bé nhỏ trong ngôi nhà thờ cũ kỹ dột nát, không thể bỏ rơi ông linh mục già ốm đau với con chó già cũng tang thương như chủ nó. Thế rồi khi cửa nhà thờ mở hé, những ngọn nến trắng bập bùng trên cung Thánh, ông cha xứ già thấy lác đác có những bóng người chẳng đụp khăn áo quý dưới những hàng ghế, và khi cha vừa cất giọng khàn khàn bài ca Vinh Danh thì ngôi nhà thờ miền quê đã vang lên tiếng hát rộn ràng, nhiều âm điệu pha trộn vào nhau để trở thành một bản hòa tấu không cần tiếng đàn phong cầm phụ họa. Ông cha già dâng lễ trên bàn thờ nghẹn ngào với đôi mắt đầm lệ, ngỡ như Chúa đã làm phép lạ để tăng sức cho cha giục nổi những hồi chuông cô đơn trong đêm tối. Ôi những hồi chuông cô đơn đã biến thành những hồi chuông reo vui, đã đem lại bầu sinh khí và niềm hy vọng trong những mái nhà gỗ xiêu vẹo, nằm rải rác trong khu thung lũng buồn hiu, nơi con người phải chống trả với bao nhiêu khắc nghiệt của thiên nhiên và thời tiết để đời sống được tồn tại. Những giọt nước mắt cứ thi nhau rơi trên đôi má nhăn nheo của ông linh mục già tội nghiệp.”

Câu chuyện về tiếng chuông cô đơn của ông cha xứ già mà chị tôi đọc trong mùa Giáng Sinh năm ấy, vẫn không bao giờ phai nhòa trong ký ức của tôi. Đêm đó ngọn nến trắng hắt ánh sáng lung linh bập bùng lên nhánh dương xỉ, có treo những chiếc kẹo bạc hà đủ màu thay thế cho những trái châu xanh đỏ, chị tôi chăm chỉ đọc sách, còn tôi thì im lặng lắng nghe, trên tay nâng niu con búp bê tạc nguyên với tất cả tấm lòng triu mến của một đứa trẻ thơ. Những giọt lệ long lanh rót xuống đôi má bầu bĩnh của tôi, rồi rơi xuống khuôn mặt xinh đẹp của con búp bê đang say sưa ngủ, nhưng đôi môi kia

vẫn hé nở một nụ cười. Chắc nó không bao giờ biết buồn mặc dù bị một cái chân què quặt không đứng vững trên mặt bàn. Rất thơ ngây tôi hỏi chị:

“Như vậy đâu phải chỉ có nhà mình mới nghèo phải không chị?”

Chị tôi gật đầu, mới hơn mười tuổi nhưng vì nhà nghèo nên trông chị có vẻ khôn ngoan trước tuổi, và cũng vì nghèo nên chúng tôi biết an phận với hoàn cảnh trong niềm vui của một gia đình đơn sơ nhưng êm ả vì có mẹ tôi đảm đang lo toan tất cả. Tôi nghĩ đến con búp bê tật nguyên đang thiếp ngủ, nó ngoan lắm và ngủ suốt ngày trên tay tôi, chỉ vì nó không đứng được bình thường như những con búp bê khác. Tôi ao ước:

“Giá như Chúa thương mà làm phép lạ cho con búp bê của mình đứng què nữa chị nhỉ?”

Chị tôi chỉ ngồi im lặng, trầm ngâm nhìn ánh nến lung linh tỏa sáng khuôn mặt xinh đẹp của con búp bê tật nguyên. Nghĩ sao, chị bảo tôi:

“Chắc là mai sau Chúa sẽ làm phép lạ cho chị em mình nhiều con búp bê thật xinh đẹp. Phải vâng lời mẹ, chịu khó học, mai một chị lớn lên đi làm có tiền, sẽ mua cho em con búp bê thật đẹp nhé!”

* * *

Đúng như lòng mơ ước của chị em tôi trong đêm Giáng Sinh hồi tôi lên tám tuổi, mẹ tôi đã thoát ra được cảnh đời gian nan, vất vả ấy vì có những may mắn bất ngờ đưa đẩy đến. Ngày chiến tranh bùng vào thôn xóm quê mùa đó, anh tôi đón cả nhà về một thành phố phồn thịnh ở miền Tây, chị em tôi lớn lên trong tuổi thanh xuân với không khí của bao nhiêu mùa Giáng Sinh an bình nơi phố thị bình yên. Khi dời nhà đi nơi khác, chúng tôi đã lớn rồi, con búp bê tật nguyên được cho lại một đứa em họ nhà nghèo còn ở lại nơi đó. Vẫn “cũ người mới ta”, con bé lên năm tuổi với đôi mắt trong veo đã sung sướng ôm chặt con búp bê tật nguyên trong tay, thay cho vòng tay bé nhỏ

của tôi ngày nào.

Mỗi năm đến mùa Giáng Sinh, chị em tôi dẫn nhau đi mua quà Giáng Sinh ở các tiệm bách hóa, có bao nhiêu con búp bê đủ loại rất xinh đẹp đứng, ngồi trong tủ kính sáng choang ánh đèn, lại gợi nhớ trong lòng chị em tôi hình ảnh con búp bê tết nguyên thuở còn thơ. Năm đó, người lính từ đơn vị được về phép đứng vào chiều Giáng Sinh, đã vội vã chạy ra tiệm buôn mua làm quà cho người yêu con búp bê rất xinh, trong hình ảnh cô bé mười bảy tuổi với nét nhí nhảnh dễ yêu của tuổi trẻ đầy sức sống.

Rất ngộ nghĩnh là gần bốn mươi năm sau, con búp bê xinh đẹp ấy cũng bị què chân, đứng nghiêng nghiêng trong cái tủ sách với cái chân khập khiễng. Hình như tiếng chuông ngân mỗi mùa Giáng Sinh không bao giờ thay đổi với thời gian ...

Nguyễn Nhung, mùa Giáng Sinh.

Đôi Chim Sáo



Lời tác giả:

Mùa thu sắp trở về, những mùa thu rất ngắn của đất trời vẫn mỗi năm một lần trở lại, nhưng những mùa thu của đời người thì mãi mãi ra đi. Khu vườn nhuốm chút heo may để giàn mướp rung rinh những bông hoa cuối mùa, bụi mía xào xạc thoảng qua hồn chút gió hắt hiu, và đôi chim sáo vẫn mãi miết tìm môi trên sân cỏ úa...

"Đôi chim sáo" là hình ảnh một đôi vợ chồng già, khi những con sáo non đã đủ lông đủ cánh để bay đi xa lìa cha mẹ, chỉ còn lại đôi sáo già buồn bã, ủ ê trong cái tổ ẩm ướt với những ngày Đông dài lê thê . . . "

Khi người hàng xóm sửa chữa lại chỗ mái hiên bị giột, là từ lúc ấy đôi vợ chồng chim bị mất tổ. Không biết đây có phải là nỗi éo le của cuộc đời, hạnh phúc của kẻ này lại là nỗi bất hạnh của người kia, vẫn hay kẻ cận bên

nhau, khi đời sống luôn luôn là những thay đổi. Như một thành phố được tân trang cho mới mẻ, lại cũng mất đi nét cổ kính của một vẻ đẹp yên tĩnh, rất nên thơ.

Mỗi buổi sáng, khi mặt trời vừa thức dậy, vợ chồng đôi chim sáo đã lo tảo kiếm ăn. Tôi không biết đó là loại chim gì, nhưng tiếng hót khá hay, với màu lông xám có một mảng phơn phớt bạc ở trên đầu. Minh to gấp hai lần chim sẻ, tôi cho chúng là một loại sáo, vì chúng hay hót, có khi hót cả ngày vì một điều gì vui trong thế giới của loài chim.

Đây là một đôi vợ chồng chăm chỉ, còn trẻ tuổi, chưa con cái. Hôm nào mưa, anh chồng bay lên sợi dây điện, ngoảnh quanh, hót lên mấy tiếng, có ý than thở cảnh đất trời u ám, khiến một kẻ chăm làm tham công tiếc việc phải bắt đầu dĩ nghị ngơi. Còn lại chị vợ trong hốc tối ở mái hiên, chị cũng hay hót, như đàn bà thường lắm điều hơn đàn ông, thỉnh thoảng chị bay sà xuống cây thông đất trước cửa nhà tôi để rìu lông, rìu cánh.

Khoảng đầu xuân, khi vợ chồng chim đến làm tổ trên cái hốc tối con con nơi mái hiên nhà hàng xóm, tôi thấy họ bận rộn lắm. Qua khung cửa kính, tôi quan sát đôi chim như một đôi vợ chồng mới cưới, có thể cô vợ đang mang thai, và họ cần một tổ ấm cho gia đình. Vợ chồng sáo ríu rít vào ra cái hốc nhỏ, được hình thành khi mảnh ván bị mục vì nước mưa, lâu ngày đã vô tình khoét một chỗ trống, vừa vặn cho gia đình một đôi chim sáo.

Hai người trẻ tuổi yêu nhau, bước vào đời rộn ràng như thế nào thì đôi chim sáo cũng y như vậy. Từ mờ sáng, ánh đèn đường còn lung linh dưới tàn cây tối thẫm, tôi đã nghe đôi chim ríu rít, trò chuyện. Họ dậy sớm lắm, sớm hơn cả lũ trẻ phải dậy đi học, nhất là những ngày vào Xuân, năm ấy đâu là mùa Xuân đầu tiên của vợ chồng sáo. Không biết họ ở đâu đến đây, nhưng ngay những ngày đầu, tiếng hót của họ đã làm những người trong khu chung cư thức dậy, và biết là mùa xuân đã tới. Những giọt mưa xuân đêm qua còn lóng lánh trên những lá cỏ non, khi bình minh đến, chiếu những tia nắng dịu dàng lên cỏ hoa, để những giọt nước li ti ấy biến thành những viên kim cương điểm lệ.

Đúng là những người yêu đời nhất thế gian, đôi vợ chồng chim bắt tay vào việc xây dựng tổ ấm rất hăng hái, bay ra bay vào suốt ngày, mỗi lần trở về lại cắp theo một nhánh cây khô, một cọng cỏ héo, và cả những chiếc lá xanh. Họ có cái rộn ràng, tất bật khi phải cố hoàn thành cho nhanh, một cái nôi cho lũ con thơ sắp chào đời nay mai. Được một dạo, khi anh chồng đi kiếm ăn, chị vợ có vẻ mệt mỏi đậu xuống cành thông đất trước hiên nhà, chị hững hờ摸摸 chiếc lá non, như người phụ nữ đang mang thai thêm ăn dờ.

Sáng nào, tôi cũng ngồi hăng giờ ngắm nghía hạnh phúc của vợ chồng chim sáo, ngay cả khi chị sáo khẽ khàng đậu trên nhánh thông, tôi cũng không dám mở cửa, sợ kinh động cái thanh thoi của chị. Chị sáo có cái thanh thoi của một tâm hồn trong sáng, hình như không có gì để suy nghĩ ngoài những hạnh phúc chị đang có. Chị nhảy từ cành này sang cành kia, thỉnh thoảng lơ

đăng ngó mông lên rặng cây bên đường, có thể chị đang nghĩ đến anh chồng đang lẩn quẩn đâu đó. Khi anh sáo về, chị cũng cuống quýt bay lên, đôi vợ chồng chim lại lục đục trên cái hốc tối. Ấm áp lắm, nồng nàn lắm, tôi ưa nhìn cái hạnh phúc của muôn loài, và cảm nhận được cái vui từ chút hạnh phúc nhỏ nhoi, đơn giản ấy.

Đây là những ngày đầu tiên của vợ chồng chim sáo, hạnh phúc khi có thì ở đâu cũng hạnh phúc, chưa chắc gì trong những căn phòng đẹp đẽ, tiện nghi của loài người, hạnh phúc đã thềm hiện diện.

Đôi vợ chồng chim sống thật êm đềm, đơn giản đến không còn gì đơn giản hơn. Sáng. Dậy sớm. Hỏi han nhau ba điều bốn chuyện, qua những tiếng hót làm vui tai mọi loài. Rồi khi nắng lên, bay đi kiếm ăn. Tuy nhiên, họ lại là những kẻ rất chu đáo trong vấn đề chăm sóc gia đình, rất bận rộn cho miếng ăn hằng ngày, nhưng vẫn không bỏ bê nhà cửa. Tôi thấy vợ chồng sáo về nhà luôn luôn, tha thêm những nhánh cỏ khô, chiếc lá héo. Tôi tưởng tượng trên đồng cỏ khô được khoanh tròn lại bằng những chiếc mỏ khéo léo của vợ chồng sáo, dăm chiếc trứng xinh xinh, tròn trĩnh đã được chị vợ sắp xếp gọn gàng, vừa đủ cho chị mỗi ngày ủ ấp lũ con thơ, đang hình thành trong lớp vỏ trứng.

Cái ấp yêu của vợ sáo, là cái ấp yêu của những người mẹ yêu con ngay từ lúc còn là bào thai, vừa mới tượng hình trong lòng mẹ. Tình mẫu tử đã được ràng buộc giữa mẹ và con, chị sáo cũng như bao người mẹ khác, đã nâng niu

những đứa con yêu của chị trong những quả trứng mỏng manh kia. Chị sáo chắc hẳn cũng đã từng nghe ngóng, chờ đợi. Một hôm nào nghe lũ con cựa mình trong vỏ trứng, rất khẽ khàng chị dùng chiếc mỏ cứng, giúp con đẩy chiếc cửa đầu tiên vào đời. Mấy chú sáo non run rẩy, trần trụi lớp lông tơ, nếu không có tổ ấm của cha, sự săn sóc của mẹ, làm sao để sống?

Từ đây, tôi có cái ngạc nhiên khi nhìn cuộc đời ở một khía cạnh khác, khi biết rằng trong thế giới loài người, có những người con thành đạt, lớn lên trong nỗi nhọc nhằn của cha mẹ, đã hắt hủi cái tổ ấm của mình, và nhìn nó bằng những đôi mắt ghẻ lạnh.

Khi lũ con ra đời thì vợ chồng sáo có vẻ bận rộn hơn. Ở góc cạnh này, tôi rất khâm phục anh sáo, nếu là người, anh rất xứng đáng là một người cha gương mẫu. Anh ta vốn là một người chăm chỉ, bây giờ lại càng chăm chỉ hơn, khi trên chiếc tổ chim ấy, đã vang lên tiếng liếp chiếp đòi ăn của bầy con dại. Chị sáo dạo này thỉnh thoảng mới bay ra cây thông, có lẽ vì bận con mọn. Trông chị có vẻ tất bật, không còn cái vẻ thanh thoi của độ còn son rồi, vì lo ngại lũ con thơ có thể lăn ra khỏi tổ lúc chị vắng nhà, rồi cứ thế lăn lông lốc xuống thêm xi măng dưới kia, thì dẫu có Trời giúp, chị vẫn không đủ sức để đem con về tổ. Quan sát kỹ để thấy, chị luôn luôn lấp ló nơi cửa, đầu ló ra ngoài, hai con mắt trong veo như hai hạt đậu. Người mẹ ấy chăm sóc con cẩn thận lắm, lũ sáo non dường như đã được đẩy tít vào phía trong, cho dù một cơn gió lang thang, cũng không thể thổi hất vào cái tổ nhỏ bé ấy.

* * *

Qua hết mùa hè, mãi miết kiếm ăn nuôi lũ con thơ, anh sáo trông có vẻ phờ phạc hơn. Tôi rất khâm phục sự hy sinh của anh. Khoảng cách từ nhà anh ra rặng cây xanh không xa, vì anh bay khá nhanh, nhưng phải nói sự vất vả để mưu sinh giữa chợ đời đâu phải là dễ dàng, khi trên ấy có đủ loại khác nhau như sóc, quạ, hoàng oanh, chim sẻ. . . . Anh sáo chắc có lúc cũng nhận ra cái thực tế phũ phàng và cay đắng trong việc tìm miếng cơm, manh áo, sự tranh giành giữa muôn loài với nhau, đâu có gì là dễ chịu, cho dù anh có đạt được chân lý “ăn để sống”.

Cuối hè ấy, khi lũ chim non đã đủ lông đủ cánh, tôi thấy mấy cái đầu xinh xinh ngó ngó, nghênh nghênh ngoài cửa tổ, chiêm chiêm kêu. Chị sáo cũng phục hồi sau thời gian ở cũ, tròn trịa hơn, mũm mĩm và xinh đẹp hơn, như người đàn bà sau kỳ sinh nở, những đường nét trên cơ thể nảy nở ra như một đóa hoa thời kỳ mãn khai. Lũ con lớn hơn thì người cha càng vắt vả, có vẻ như kiệt sức, bộ lông sáo không mượt mà như xưa, cái nóng của mùa hè khiến anh thêm hốc hác. Trong nhà, người ta mở máy lạnh suốt ngày đêm, lúc cần ra đường, người ta vội vã chui ngay vào xe, rồi hối hả đi vào những căn phòng có máy lạnh khác. Chắc anh sáo cũng mệt mỏi lắm. Anh phải đi kiếm ăn, suốt ngày bay tới bay lui từ hàng hiên ra rặng cây xối ven đường, lúc ấy râm ran những tiếng ve gọi hè, chỉ còn mẹ con nhà sáo chui rúc trong cái tổ nóng bức chật chội. Ba đứa con chưa biết bay, nhưng ăn tợn, thỉnh thoảng tôi thấy chị sáo cùng chồng bay xuống sân cỏ, nhặt nhanh những hạt cơm, vụn bánh, hột cỏ rồi lại bay ù về tổ. Bây giờ chị cũng phải cùng chồng đi tìm mồi về nuôi lũ con háu đói kia, chiêm chiêm suốt ngày đến sột ruột.

Sang đầu thu, mẹ sáo dạy con tập bay. Mới đầu là những khoảng ngắn từ tổ xuống hàng hiên, những cánh chim non sợ hãi, rụt rè bay xuống hiên, rồi lại bay về tổ. Những bước chân chập chững vào đời, trong nỗi buồn vui của cha mẹ. Như còn đây, như mất đây, một ngày nào tổ ấm sẽ yên lặng, không còn tiếng chim vui như tiếng trẻ khóc, trẻ học. Khi những đứa con lớn lên, sắp ra khỏi tầm tay cha mẹ, là lúc ấy đời dường như ngừng lại, rồi ở đâu kia đã hình dung ra màu tàn phai của những chiếc lá héo, thấy mình trong gương bóng xa lạ với mình ngày trẻ tuổi.

Ngày hôm ấy là một sáng đẹp trời, tôi đã nhìn thấy, nghe thấy lũ sáo con ríu rít bay ra khỏi tổ. Không hiểu vợ chồng sáo buồn hay vui, khi thấy con mình đã đủ sức bay đi, rồi mấy đứa đã quay về cái nôi êm ái đó?

Lũ sáo con thật hồn nhiên khi mở to đôi mắt nhìn bầu trời khoáng khoáng, rồi như kẻ đã nhìn thấy tự do, chúng bật lên những tiếng hót thánh thót, du dương như một bản nhạc vui. Cái gì cũng mới lạ, khoảng trời xanh bao la cho những cánh chim rộn ràng xoải cánh đến những vùng trời thênh thang, trên vòm cây xanh, những âm thanh mời gọi của bạn bè khiến lòng nao nức lạ. Phải nhập cuộc thôi, một khung trời mới mẻ có hoa thơm và môi ngon, để túy lúy với men say cuộc đời. Trong những con người trẻ, tâm hồn trẻ, đâu đã biết ngậm ngùi trước cảnh chia ly với mái ấm gia đình.

Tôi đã nhìn thấy những con sáo con bay ra khỏi tổ vào đầu thu hôm ấy. Nó có trở về không nhỉ? Làm sao tôi có một câu trả lời, nhưng tôi cứ chờ đợi, như đợi những đứa con của mình đi đâu đó, sẽ trở về, sẽ mãi mãi không bao giờ quên tổ ấm.

* * *

Sang thu, có một chút heo may chợt đến vào buổi chiều, gia đình sáo có vẻ yên lặng hơn, vì những đứa con chưa trở về. Anh chị sáo buổi sáng vẫn dậy sớm từ mờ đất. Hôm ấy có thể mặt trời không lên, đám mây xám giăng ngang bầu trời, cho cơn mưa thu chợt đến và kéo dài suốt những ngày tháng tám.

Mưa kéo dài suốt một mùa thu, vài cơn bão rút từ đâu ghé lại khiến lòng người cũng chùng xuống bao nhung nhớ. Cây cỏ ướt sũng dưới mưa, vợ chồng chim thưa thớt tiếng chim vui, những giọt mưa luồn vào tấm gỗ mục trên mái hiên, làm tổ ấm của đôi chim chùng ảm ướt hắt đi.

Vào mùa thu, vài tia nắng dịu dàng ươm trên hàng cây đã có nhiều lá úa, để một cơn gió tới, đã cuốn theo những chiếc lá vàng từ trên cây rơi xuống như mưa, rồi cứ thế lăn tròn xuống cuối dốc. Mùa thu bao giờ cũng ngán ngùi và rưng rưng buồn, giàn mướp hương còn lại những chiếc lá cuối cùng vẫn xào xạc nghe như dư âm của một cung đàn đêm êm trong quá khứ. . .

Hết mùa thu lại tới một mùa đông, không gian như càng ảm đạm và lạnh lẽo. Gã mặt trời lười biếng không thức dậy, ánh đèn vẫn tỏa sáng trong vòm cây tối. Vợ chồng sáo không hát lên câu chào hỏi mỗi ban mai, những giọt mưa mùa đông vẫn rớt trên mặt đường, loang loáng ánh đèn từ những chiếc xe qua lại vội vã.

Vợ chồng sáo như đôi vợ chồng già, lười thui trong chiếc tổ ẩm ướt, nùi cỏ khô như tả tơi thêm khi anh sáo già không có cái hăng hái ngày trẻ tuổi, đi tha những cọng cỏ khô về làm tổ cho lũ con. Thỉnh thoảng, vào một ngày khô ráo. vài tia nắng yếu ớt lách ra khỏi màn mây màu xám đục, tỏa xuống nhân gian một chút ấm áp. Anh chị sáo bay ra khỏi tổ, đậu trên sợi giây điện, hai cái bóng chim như hai nốt nhạc sậm màu cho một bản nhạc buồn.

Sao tôi ngậm ngùi thế. Buổi sáng, chỉ còn một mình trong căn phòng vắng, tôi nghe đôi chim sáo buông ra những tiếng kêu rì rạc, khắc khoải như tiếng ca cảm cái chân đau, chiếc lưng mỏi cho một tuổi già lụm khụm.

Hết mùa Đông, lũ sáo con vẫn không trở về, nhưng một biến cố đã xảy ra cho đôi vợ chồng sáo. Người ta chuẩn bị sửa nhà đón mùa xuân mới, người hàng xóm đã gọi thợ đến sửa lại mái hiên bị giột, thay vào đó một tấm ván mới, bít lại cái tổ chim. Khi đám thợ mang cưa, búa, gỗ đến, tôi thấy đôi chim hoảng hốt bay ra, mắt nhớn nhác nhìn loài người như một loài quý dữ, nhất là khi âm thanh của tiếng cưa kèn kẹt nghiêng vào tấm ván, như nhát dao cuối cùng trên cổ người tử tội, thì mới hình dung được cái hãi hùng của

người sắp chết.

Chiều hôm ấy, khi mái hiên nhà hàng xóm đã được sửa chữa xong, còn nồng mùi sơn mới. Mới mẻ, cứng cát, không còn một cái hốc nào làm chỗ trú cho loài chim. Tôi thấy đôi chim sáo bay về, ngơ ngẩn đậu trên sợi giây điện như hai nốt nhạc buồn, ngơ ngẩn nhìn về tổ ấm dưới mái hiên, rồi chúng vụt bay đi. Không biết ở mắt chúng có ứa ra giọt lệ nào không? Riêng tôi, sao buồn quá, và tôi đã khóc.

NGUYỄN NHUNG

Đóa hoa vô thường

Hai người đàn ông mở cánh cổng gỗ thông ra khu vườn nhỏ. Cả hai chỉ độ gần sáu mươi, tóc đã lốm đốm bạc. Một người dáng cao cao mạnh mẽ, còn người kia thấp nhỏ hơn, nét mặt trầm ngâm, hình như đang nghĩ ngợi điều gì.

Đó là một khu vườn mang dáng dấp Á Đông, rải rác những loại cây vùng nhiệt đới, ven rào là vài bụi tre trúc đủ loại, chủ nhân có vẻ là một người biết hưởng thú điền viên với cây cỏ. Nhưng đặc biệt giữa khu vườn nhỏ lại là

một hồ sen, tuy đã vào cuối hạ lập thu mà trong hồ vẫn nở rải rác vài nụ sen trắng, sen hồng. Trên chiếc lá sen buổi sớm còn đọng lại những giọt sương đêm, lóng lánh như những viên kim cương khi tia nắng đầu ngày vừa lên. Hương sen rất nhẹ, khách nghiêng mình vớt một bông sen để thưởng thức mùi hương thật dịu mà có lẽ đã lâu lắm rồi, đến mấy mươi năm khách mới tìm lại được mùi hương ấy. Hai người không nói với nhau câu nào, dường như ai cũng sợ kinh động sự yên tĩnh của một buổi sớm mai, có con chim xanh đậu trên bờ rào hót líu lo. . .

Dưới gốc cây đào xum xuê, tạo thành bóng mát đủ che một cái bàn vuông và bốn chiếc ghế thấp, chủ khách ngồi thưởng thức chén trà với cơn gió thoảng mùi hương sen. Trà cũng thơm ngát mùi hương sen, chủ nhân đã cầu kỳ gói nhúm trà trong chiếc túi vải, bỏ vào cái nụ sen sắp nở ướp suốt đêm ngoài trời, sáng mới đem đãi khách. Nhấp tách trà thơm, hai người bạn già kể nhau nghe nhiều chuyện cũ, trong ấy có chuyện về đóa sen trắng và những hạt sương long lanh trên chiếc lá sen màu xanh biếc.

* * *

Đó là một chiều mùa hè, Viễn say mê đứng nhìn những bông sen trắng, hồng vươn mình lên trên mặt nước ở chiếc ao sen cạnh ngôi chùa cổ. Lá sen xanh biếc, to như những cái đĩa tròn màu xanh, nếu là buổi sớm khi giọt sương còn đọng lại trên lá, dưới ánh mặt trời giọt sương ấy y như một viên kim cương lóng lánh, trong suốt.

Cơn gió chiều đưa mùi hương sen thoảng qua, mùi hương dịu dàng thanh khiết quá khiến Viễn như chìm vào cái tịch mịch của chốn thiền môn. Trong sự yên tĩnh ấy, lẫn với tiếng reo của tre trúc trông rải rác ven bờ giậu, mái chùa cong tạo thành một đường viền lên nền trời xanh giăng giăng những dải mây trắng. Hít thở mùi hương sen trong không gian tĩnh khiết của buổi chiều êm ả, Viễn mơ màng nhìn theo những dải mây bay lang thang, vài

cánh chim bay qua điểm những chấm màu đen buồn rầu lên nền trời bát ngát. Không biết những giải mây kia bay đi đâu, và những cánh chim có phải đang tìm về tổ ấm?

Hằng tuần, Viễn có ba buổi chiều đến chùa đón cô em gái đang học lớp Hán Văn do ni cô Diệu Linh hướng dẫn. Cô bé tự nhiên thích đến chùa để tìm tòi học kinh Phật, những câu thơ cổ bằng Hán tự. Lớp học là một cái chái của ngôi chùa cổ, vách được ghép bằng những tấm phen nửa, khi ánh nắng của buổi chiều rọi vào tạo nên một khoảng tranh tối tranh sáng rất đẹp mắt. Viễn có lần tò mò nhìn vào, chỉ độ mười cô học trò với một ni cô còn rất trẻ, đang nắn nót viết những chữ Hán trên chiếc bảng đen, bàn tay gầy với những ngón nhỏ khiến chàng ngây ngây một cảm giác lạ lùng, vì bàn tay ấy bỗng đẹp như một đoá sen trắng trên mặt ao sóng gợn.

Thấp thoáng trong chân song bằng nửa là khuôn mặt của người sư nữ, thanh thoát và dịu dàng dưới nếp khăn màu xám nhạt, cả tấm áo màu lam nhạt cũng đủ làm nền cho đôi mắt đen long lanh như hai hạt nhãn. Từng chấm sáng lay động trên dãy bàn học bằng gỗ nâu xạm, tạo nên một bức tranh nửa sáng nửa tối rất tuyệt vời. Không biết vì yêu thích những đoá sen trắng, sen hồng nở trên ao nhà chùa, hay vì hình ảnh ni cô trong lớp học, Viễn thường đến đón em sớm hơn giờ tan học. Chàng băng khuâng nhìn vào lớp học, len lén nhìn bàn tay xanh gầy của ni cô Diệu Linh trên bảng đen. Tâm hồn chàng lãng mạn quá, có ai lại đi yêu một bàn tay trên tấm bảng đen, rồi từ chỗ tơ tưởng ấy, có lúc Viễn đã bồi hồi khi mơ ước một lần được nắm và hôn lên bàn tay mềm mại ấy.

Ni cô Diệu Linh còn trẻ lắm, chỉ nhỉnh hơn cô em gái chàng độ vài tuổi, nhưng căn duyên nào mà lại gửi đời vào chốn thiền môn? Ai bắt Viễn phải băn khoăn tìm hiểu, nhưng mỗi câu chuyện về lớp học do cô em gái kể lại, đã khiến chàng tò mò hơn, và hai chữ Diệu Linh như chút gì êm dịu lắm cứ

lớn vồn trong óc chàng. Những câu chuyện nho nhỏ từ cô em gái, hôm nào không chờ em đi học và đón em về Viễn lại băng khuâng buồn. Hôm nay ni cô Diệu Linh nấu chè hạt sen cho cả lớp thưởng thức. Hôm nay ni cô Diệu Linh dạy bài Nhân Quả cho cả lớp nghe. Hôm nay ni cô Diệu Linh trồng cây hoa ngâu gần bể nước. Lúc nào câu chuyện của cô em cũng là ni cô Diệu Linh, hình như từng lời nói, việc làm của ni cô Diệu Linh đều tác động lên tâm hồn cô em nhỏ, rồi thấm thía đi luôn vào lòng người anh trai. . .

Đôi khi nhớ lại, Viễn cho rằng chuyện gì xảy ra trên cõi đời này, đều do cơ duyên mà tới, muốn cũng không được, chạy trốn cũng không xong. Đây là chuyện tình cờ chàng lại gặp ni cô Diệu Linh trong giảng đường Đại học Văn khoa ngày đầu năm học, mắt nhắm mắt mở chạy vội đến trường vì dậy muộn. Viễn dáo dác tìm chỗ ngồi, và không ngờ lại len vào được một chỗ trống trong khu giảng đường gần đầy nghẹt sinh viên. Khi an vị, Viễn bỗng giật mình khi thấy ni cô Diệu Linh ở ghế bên cạnh, nghiêm trang nghe giáo sư giảng bài, đôi mắt đen to tròn ấy thỉnh thoảng nhìn xuống tập giấy trắng trên mặt bàn, ghi ghi chép chép. Tự nhiên Viễn như bị cuốn hút vào bàn tay có những ngón tay xanh gầy của ni cô, mảnh dẻ và yếu ớt đến tội tình.

Nàng đi học. Ước gì Diệu Linh là một cô sinh viên Văn khoa bình thường như mọi người để Viễn không phải luống cuống, tấm khăn màu lam nhẹ trên đầu và chiếc áo tu hành đã là một hàng rào cản bước chân mạo hiểm của chàng vào khu vườn cấm. Phiền nổi ở đời hễ cái gì càng khó lại càng kích thích lòng ham muốn, Viễn buồn cười ngẫm nghĩ đến những quả táo thơm tội lỗi trong vườn Địa Đàng thuở xưa, nếu là chàng thì không bao giờ bắt tổ tông loài người trả cái nợ “đồng lân” ấy . . .

Nhận ra người thanh niên vẫn hay tới chùa đón cô em là học trò của mình, ni cô Diệu Linh có vẻ hơi bối rối, nhất là đôi mắt kia tuy không nhìn cô với cái nhìn hỗn xược, nhưng dường như lúc nào cũng mang một vẻ đăm đuổi. Cô

mỉm cười. Lần đầu tiên Viễn lại bị cuốn hút vào nụ cười của cô, có lẽ nụ cười ấy dành cho cả thế giới chứ không riêng mình chàng, nhưng lúc ấy đầu chàng lẫn lộn, si mê đến nỗi cứ cho là cô đang mỉm cười với riêng mình, và nụ cười hiền dịu ấy, quả là một bông sen trắng vừa hé nở. Đẹp, đẹp quá, tất cả ở cô đều toát ra sự thanh cao của một đài hoa sen vươn lên trên mặt hồ, và mùi hương toát ra từ cô, cũng là mùi dịu dịu của đóa sen vừa hé nở. Suốt buổi học hôm đó, Viễn không nghe được bao nhiêu bài giảng của giáo sư, lòng ngất ngây sung sướng vì ngẫu nhiên chàng lại được ngồi gần ni cô Diệu Linh, người chàng thầm yêu trộm nhớ.

Oan nghiệt! Quả là oan nghiệt khi chàng đặt tình yêu không đúng chỗ, giá như khi hiểu được vậy mà chàng tìm cách để tránh đi cái vòng oan nghiệt ấy thì lòng chàng đã không phải ray rứt, thương hoài đóa sen trắng. Sau buổi học, Viễn vội vã đạp xe theo sau đuôi người sư nữ, buổi trưa trời mưa lưa thưa, chỉ đủ ướt những lá cỏ, Viễn thú vị nhớ mấy câu thơ của Phạm thiên Thư “....em tan trường về, đường mưa nho nhỏ”. Buổi trưa hôm ấy Viễn cảm thấy yêu đời làm sao, chàng ước rằng con đường cứ dài mãi ra thì ngôi chùa đã hiện ra trước mặt, bóng người sư nữ đã khuất sau hàng cây bồ đề trên lối đi trước cổng chùa.

Năm học ấy quả là đẹp quá, đẹp nhất trong đời sinh viên của Viễn. Chàng dự định trong tương lai, nếu không phải đi lính, Viễn sẽ đi dạy học, ngôi trường Trung Học của ông anh họ thế nào cũng dành cho chàng một chỗ. Từ hôm ấy Viễn chăm chỉ đến trường rất sớm, hồi hộp mong đợi bóng dáng nhỏ nhắn, mảnh dẻ của ni cô Diệu Linh, nụ cười e ấp khiến khuôn mặt cô bừng sáng lên như một đóa huệ trắng. Bây giờ có lẽ bao nhiêu thứ hoa trên đời này chẳng có thứ nào ví von được với dung nhan xinh đẹp ấy, chỉ có mùi hương của hoa sen và vẻ trong sáng của hoa huệ mới diễn tả được nét kiều mi trên khuôn mặt thanh tú của Diệu Linh. Ngoài ra, Viễn còn được thấy cô

luôn, vì em gái vẫn chăm chỉ đến chùa học Hán tự. Ni cô Diệu Linh được cho ra ngoài học thêm vì lý do đó, là một ni cô trẻ tuổi, có học, cô cần có kiến thức rộng rãi để nghiên cứu và phổ biến giáo lý nhà Phật, đến với những Phật Tử có trình độ hiểu biết rộng, đạo Phật không thể chỉ đào tạo những ni sư thụ động, chỉ loanh quanh ở chùa trong nếp sống thanh đạm rau dưa để tìm Phật cho bản thân.

Viễn ôm mỗi tình cảm lặng rồi cứ thắc mắc tại sao một người đẹp như ni cô Diệu Linh, có ăn học lại chịu gửi thân vào chốn tu trì buồn bã. Đầu óc tưởng tượng của Viễn đi xa hơn bóng dáng khiêm nhu của người sư nữ trẻ tuổi. Có khi chàng khoác cho cô chiếc áo dài màu tím hoàng hôn, có khi chàng nằm mơ thấy được ôm cô vào lòng âu yếm. Sau này chàng mới biết tại sao người ta lại cho rằng tư tưởng cũng dự phần trong việc làm cho con người xấu hay tốt, với những rung động phát nguồn từ một thân thể khỏe mạnh, có lúc chàng đã nghĩ về ni cô Diệu Linh bằng những mê say rất trần tục.

Năm đó Viễn thi rớt. Mong được trở thành một giáo sư không thành, chàng sắp sửa phải lên đường nhập ngũ. Sắp đi lính, Viễn vẫn cứ loay hoay mãi không biết làm sao tỏ thật được nỗi lòng với Diệu Linh. Lặng lẽ ra đi hay là viết một lá thư cuối cùng, kẹp vào một cuốn sách Thiền mới xuất bản, có lẽ Diệu Linh sẽ đọc và hiểu được mỗi tình cảm nín của chàng. Không gửi được lá thư tỏ tình cho Diệu Linh, Viễn nghe đời trống vắng vô vàn, và sự ra đi im lặng của chàng để rồi sẽ bị lãng quên, như một cơn gió thổi chiếc lá rơi xuống sân chùa, để rồi chẳng ai biết, chẳng ai hay. Viễn thấy lòng buồn bã khi ngày đi sắp tới, hình bóng của Diệu Linh vẫn ám ảnh mãi với những ngón tay thon dài gầy guộc, xanh xao làm Viễn xốn xang. Không chịu nổi những dằn vặt của tâm hồn, Viễn nhất định gửi đi lá thư tỏ tình mà cũng là lời từ biệt nếu như ni cô Diệu Linh trốn tránh mỗi tình bông bột của chàng, để mai này chàng đi xa, sống hay chết, hình ảnh và mỗi tình của chàng ít là

cũng đọng lại mãi trong tâm tưởng của người sư nữ.

Lá thư gửi đi để rồi vẫn chỉ là sự im lặng của ni cô Diệu Linh. Trước khi đi lính, Viễn có đến chùa lần chót, bây giờ lớp học chiều đã tạm ngưng nên cô em của chàng không còn đi học như độ trước. Buổi chiều cửa Phật không còn xôn xao những tiếng nói cười của những cô học trò Phật tử, nắng quái chiều hôm vẫn nghiêng vai chiếu vào lớp học những vệt nắng buồn ngầy ngắt, cảnh vật quanh chùa hình như cũng cô đọng một nỗi buồn yên lặng đến mênh mang.

Lần sau cùng Viễn đến chùa là một sáng cuối hè, nắng dịu, bất ngờ thấy ni cô Diệu Linh đang tưới cây trong vườn. Nét mặt cô nghiêm trang, hơi xanh xao trong tấm khăn màu xám nhạt. Bất chợt gặp Viễn, dường như cô hơi lúng túng, nửa muốn tiếp tục làm việc, nửa muốn đi vào hậu liêu, Viễn thấy đôi mắt cô thoáng một chút ngại ngùng. Nhưng chỉ vài phút yên lặng, Diệu Linh đặt thùng nước xuống chân và chấp tay chào chàng, như thói quen vẫn chào những Phật tử đến thăm chùa. Viễn nhìn chăm chăm vào khuôn mặt dịu hiền của Diệu Linh, lấy hết can đảm để nói nốt những điều chàng muốn nói:

“Tôi đến thăm chùa lần chót, để từ giã. Ngày mai tôi đi rồi, biết khi nào mới được trở lại...”

Diệu Linh cũng im lặng, đôi mắt trầm ngâm nhìn ra mặt ao, những bông sen trắng nở lác đác lẫn trong những chiếc lá xanh, nhô mình lên trên mặt ao xanh biếc. Viễn nói:

“Tôi biết mình không phải, khi đem con tim đặt vào một nơi không phải chỗ của nó, xin cô tha thứ. Nhưng nếu không nói được điều này, có lẽ cả đời tôi sẽ im lặng với một nỗi buồn, nhất là đời lính sẽ đưa tôi đi xa, xa mãi, đây những bất trắc của chiến tranh.”

Diệu Linh thở nhẹ, hai người đứng gần nhau đến nỗi Viễn ngửi được cả hơi

thở của nàng lẫn với mùi hương sen. Cô nói nhỏ:

“Mình chỉ là bạn, bạn học. Mỗi người có một lý tưởng khác nhau, tôi đã chọn con đường này khi chỉ là cô bé mười lăm tuổi. Sau những đổ nát của gia đình, tôi nhìn ra cái khổ của kiếp người, và tôi cho là mình đã đi đúng con đường mình đã chọn lựa.”

Viễn hấp tấp ngắt lời cô:

“Tôi không quan niệm trốn tránh điều đau khổ để tìm cho mình một sự giải thoát, càng lẫn vào nỗi đau khổ mình sẽ tìm ra hạnh phúc. Như người lính nếu không ra chiến trường lao vào vùng lửa đạn, tìm đâu ra sự bình yên cho người khác.”

Diệu Linh mỉm cười, nụ cười tự tin khi biết mình khó bị lay chuyển:

“Mỗi hạt cát có hình thể khác nhau, mỗi con người có một đời để sống. Nhưng nói chung, nếu mục đích nào cũng đem lại cho đời sự tốt đẹp của nó, thì không so sánh được hoàn cảnh này với hoàn cảnh kia. Không trả lời được lá thư của ông, tôi mong ông cũng hiểu cho rằng, đời tôi không thể thuộc về một người, vì nó là của chúng sinh. Con người tôi được sinh ra là để phục vụ mọi người, như ý nguyện của tôi từ khi chớm hiểu biết. Ông hãy quên tôi đi, thân phận nhỏ nhoi của một hạt cát.”

Những lời lẽ vừa từ tốn, vừa quyết liệt của ni cô Diệu Linh khiến Viễn lặng người, một chút hối hận dâng lên trong lòng, chàng tự trách mình quá bông bột đã phá vỡ sự yên tĩnh trong tâm hồn Diệu Linh. Nhưng thôi, “thà như giọt mưa, rớt trên tượng đá, có còn hơn không, có còn hơn không...”, chưa bao giờ chàng lại cảm phục được ý thơ của người làm thơ như lúc này. Cho đến giây phút đó, chàng vẫn bướng bỉnh cho rằng chính chàng đã biết sống, can đảm sống và can đảm nói những điều mình mong mỏi. Còn con đường tu hành của Diệu Linh, chẳng qua chỉ vì bi quan, yếm thế, thấy cái khổ của đời đã vội chạy trốn để tìm sự giải thoát.

Trước khi từ biệt, hai người còn đứng lại trước sân chùa, đôi mắt dịu dàng của Diệu Linh vẫn nhìn ra chiếc ao sen có những bông sen trắng, dường như cô muốn gửi hết nỗi buồn của sự biệt ly, vào những đóa hoa vô thường nơi cửa Phật. Hình ảnh cha mẹ, anh em đã chết vì một quả đại bác rớt vào thành phố một đêm mùa Xuân năm nào như vẫn còn đó, trong khi cô bé may mắn thoát được vì đi thăm bà ngoại của cô ở một thành phố khác, được bà giữ lại vài hôm để bà cháu hủ hỉ. Ấu là định mệnh, ông Trời đã sắp xếp quá đau buồn để cô bé mười lăm tuổi ở lại trần gian có một mình, một mái gia đình đang đầm ấm hạnh phúc bỗng trong một đêm chỉ còn là cảnh tang tóc, từ biệt. Từ đấy, Diệu Linh về ở với bà ngoại, nhà ở gần một ngôi chùa. Ngày nào sau giờ học, Diệu Linh cũng sang chùa để gần gũi với mấy ni cô đang trụ trì trong ngôi chùa nhỏ vùng ngoại ô, cô bé đã tìm được tình yêu thương, nỗi chia xẻ cho thân phận một cô bé mồ côi cả cha lẫn mẹ. Cô cũng hằng ngày nhìn thấy những mắt mắt tương tự, những “sinh ly tử biệt” giữa một đất nước chiến tranh bày trải trước mắt. Bởi vậy khi bà ngoại qua đời, Diệu Linh học xong Trung Học, cô bé cởi chiếc áo trắng tuổi học trò để khoác cho mình chiếc áo màu lam nhạt. Màu áo của sự tĩnh lặng, của khiêm nhu và chịu đựng, cô xa dần những phồn hoa không thực của cuộc đời muôn mặt. Trong yên lặng ni cô Diệu Linh hồi tưởng một mình về dĩ vãng. Những bày tỏ sôi nổi về tình yêu của chàng sinh viên trẻ đứng trước mặt cô, mai đây chỉ một thời gian sẽ trở thành người lính. Người ấy sẽ đi đâu, cuộc chiến sẽ đem anh ta đến phương trời nào, những đạn bom, những chiến trường khét mùi thuốc súng, anh ta có trở về?

Bất chợt giây phút ấy, cô nghe tiếng nói êm đềm của người thanh niên si tình kia:

“Hôm nay đến chùa vào buổi sáng, tôi mới thấy rằng hoa sen đẹp quá, mà hương sen thì thanh khiết vô cùng. Diệu Linh, cô nhìn xem hạt sương còn

động trên chiếc lá sen, đẹp như một viên kim cương điểm lệ. . .”

Đôi môi Diệu Linh mấp máy, cô nói khẽ lẩm, nhưng câu nói buổi sáng hôm ấy như đọng lại trong tâm tư Viễn suốt một đời không phai:

“Vâng thưa ông, những giọt sương chỉ đẹp khi nó nằm trên chiếc lá sen, dưới ánh mặt trời mà thôi. Ông để nó trên tay, nó cũng chỉ là một giọt nước.”

* * *

Viễn nhập ngũ. Bỏ lại đời sinh viên và căn gác xép bừa bộn những kỷ niệm một thời tuổi trẻ. Bỏ lại tất cả để đi vào một cuộc đời khác, đời lính nhiều tập tành gian khổ nơi quân trường, và khi ra trường được chuyển ra đơn vị tác chiến. Khi ấy, chàng mới thấu hiểu được những đau khổ của con người, mới thực sự đồng cảm với ni cô Diệu Linh, và thông cảm với cô khi chọn con đường tu hành để dâng hiến cuộc đời cho tha nhân.

Những ngày lặn lội hành quân trên vùng Đồng Tháp Mười, sông rạch chằng chịt nơi vùng đồng bằng tôm cá, lúa gạo đầy ắp nhưng đời sống phập phồng trước làn tên mũi đạn. Có những nơi chàng đi qua, rừng dừa xơ xác và những ao trôm đầy hoa sen, hoa súng. Trời vẫn ban cho trái đất chút tươi mát của cỏ cây, nếu không, trước mắt chàng tất cả những vùng chàng đi qua, con người như ngơ ngáo chờ đợi cái chết đến không biết đâu mà tránh. Giữa tên bay đạn lạc, đôi khi lòng chàng vẫn ngất ngây vì cảnh đẹp của một ao sen miền thôn dã, mà những đóa sen trắng, hồng, vẫn phảng phất trong gió mùi hương sen rất dịu dàng. Những lúc đó lòng chàng lại nhớ đến ni cô Diệu Linh, trong lần nghỉ phép khi sắp ra đơn vị, chàng có đến chùa nhưng được biết ni cô Diệu Linh đã đi tu học ở một nơi khác, không ai nói cô đi đâu, chỉ có mình Viễn mới hiểu được sự thay đổi này.

Hai năm vào lính đã đào tạo cho Viễn sự trưởng thành, để thấu hiểu và phân

biệt thế nào là sự đau khổ và hạnh phúc. Viễn đã nhìn thấy cái khổ của người dân trong vùng xôi đậu, Viễn đã nhìn thật gần xác anh em đồng đội bầy nhầy, nát bầy, méo mó, giá lạnh trong những tấm “poncho” nhà binh, những đôi mắt thất thần của trẻ con, những tiếng khóc bần bật, đôi vai gầy run run của bà mẹ già gục xuống trên xác con, và vành khăn trắng quần trên đầu người vợ trẻ. . .

Giây phút ấy chàng hồi hận vô cùng, chút nữa thì Viễn đã lôi kéo ni cô Diệu Linh vào nỗi khổ này, nếu như ngày ấy. . . Ôi mỗi ngày thức dậy là chờ chực những khổ đau sẽ tới, thì ra Diệu Linh đã nhìn ra và chọn lựa đúng con đường của nàng, mà đối với tâm hồn bông bột của tuổi thanh niên, Viễn cho rằng ít ra một lần, chàng sẽ là giọt mưa rót trên tượng đá. Cũng may, may thật là may, hình ảnh ni cô Diệu Linh vẫn ở trong trái tim chàng, nhưng không bị chàng giữ lấy một mình và lôi kéo vào nỗi đau khổ giữa lẫn ranh sống, chết của người lính. Chỉ tiếc rằng chàng đã bông bột làm khuấy động tâm hồn của người sư nữ trẻ tuổi ấy, với cái ích kỷ của đàn ông, biết đâu rằng dù Diệu Linh quyết chí gửi đời mình vào cửa Phật, nhưng tâm tư cô làm sao khỏi có lúc không nghĩ về Viễn.

Viễn bị thương trong một lần hành quân chạm địch, chàng bị thương khá nặng, phải đưa về bệnh viện Cộng Hòa dưỡng thương một thời gian dài. Bây giờ mới là lúc Viễn nhìn ra cái đau khổ của thân xác, của chính mình và của anh em đồng đội trong Quân Y viện, chàng lại càng hiểu ra cái khổ của kiếp người, cái mất còn của cõi nhân gian. Chông chất lên đời sống đầy rẫy những khổ đau này nối tiếp những khổ đau khác, chàng lại càng hay nhớ đến khuôn mặt hiền dịu và những lời nói êm đềm mà thấm thía của ni cô Diệu Linh.

Khi chiến tranh chấm dứt, Viễn còn trải qua một thời gian nữa trong tù, đói, khát, bệnh tật, ân oán chập chùng nơi lòng người, kẻ trả người vay, tiếp tục

nổi tiếp bởi con người khó gần gũi nhau, thương yêu nhau. Những lúc quá buồn cho tình đời, tình người, Viễn thường ngẫm nghĩ đến những đóa sen trắng trong cái ao gợn màu rêu trước sân chùa năm xưa, nhớ đến Diệu Linh năm nào đã sớm nhìn ra “tu là cội phúc, tình là giây oan”.

* * *

Người đàn ông tóc bạc, dáng đậm chắc nhấp một ngụm trà sen thơm ngát, rồi tiếp tục kể nốt câu chuyện của ông cho bạn nghe:

“Sau hơn hai mươi năm, tôi về thăm quê nhà lần đầu tiên. Nhớ nhà lắm anh ạ, nhưng có nhẽ lại nhớ cái tuổi trẻ của mình, căn nhà, con đường, trường học, và ngôi chùa. Ủ, ngôi chùa ngày xưa thuở tôi còn là một sinh viên văn khoa trước khi đi lính, có bóng dáng ni cô Diệu Linh mà tôi đã yêu tha thiết. Đến bây giờ tôi mới thấy không có gì tàn nhẫn bằng thời gian, nó tàn phá tất cả, tôi gần như không còn tìm được những gì thân quen của nhiều năm tháng cũ. Đây, kể từ ngày tôi ra đi, hơn hai mươi năm rồi anh ạ, từ một người lính trẻ thuở nào, nay đã là ông lính già đi tìm quá khứ, nhưng quá khứ cũng không còn. Sách Phật dạy rằng chẳng nên ngậm ngùi nuối tiếc dĩ vãng, vì dĩ vãng thì đã qua, tương lai cũng chưa biết, chỉ còn có hiện tại. Hiện tại thì tôi có một gia đình, nhưng không hạnh phúc, tôi như người lạc loài vì mãi vẫn không bắt kịp cái hiện tại xô bồ này, quay trở lại tìm dĩ vãng thì cũng muôn đời không tìm thấy. Buồn lắm anh ạ!”

Người bạn già vẫn yên lặng lắng nghe, tôn trọng nỗi buồn chất ngát trong lòng bạn. Ông lơ đãng nhìn đóa sen nở trong chiếc hồ nhỏ, những cánh hoa trắng muốt, ủ trong lòng hoa là những chiếc nhụy vàng. Hạnh phúc nhỏ nhoi thế kia mà bạn ông không nắm được, mà những đau khổ lại vẫn không rũ ra được. Tiếng nói của người bạn cũ vang lên trầm trầm bên tai ông:

“Tôi đi về quê nhà, như đi tìm lại cái đau khổ của chúng sinh trong mái chùa

cong, chứ không phải tôi định đi tìm lại ni cô Diệu Linh nơi mái chùa đó. Đây là một cơ sở nuôi trẻ mồ côi và khuyết tật, cô em gái của tôi đưa tôi đến mà không hề báo trước cho tôi biết rằng ni cô Diệu Linh vẫn ở trong ngôi chùa ấy. . . .”

Người bạn nhấp một ngụm trà, ngụm trà vừa nhấp vào hơi đắng nhưng cái hậu của trà như đọng lại nơi cuống họng ông vị ngọt thật dễ chịu:

“Thế là “quy cố hương” lại “ngộ cố tri”, quả là trái đất vẫn tròn.”

Cả hai cùng cười, ấm trà đã vơi đi một nửa:

“Tôi ngỡ ngàng khi gặp lại ni cô Diệu Linh nơi mái chùa xưa. Bây giờ cô đã chững chạc và già dặn với thời gian, nhưng dáng vóc vẫn gầy gò, nhanh nhẹn, đôi mắt của cô không còn đen nhánh nét tươi vui của thời trẻ tuổi, nhưng khuôn mặt cô vui vẻ, tự tin. Gặp lại tôi cô không hề bối rối, đến nỗi tôi tưởng là cô không hề nhớ đến những lời tỏ tình của tôi ngày xưa, vì nó đã thuộc về dĩ vãng. Cô dẫn tôi đi thăm cơ sở của chùa, thăm mái nhà tình thương mà ở đó là những đứa bé mồ côi, tàn tật được săn sóc bởi tình thương của những người tu hành. Bao nhiêu năm trở về, điều thú vị nhất đối với tôi là cái ao sen của chùa vẫn còn đó, đầy những đóa sen tàn, hoa với nhụy tả tơi rụng trên mặt nước. Tôi nghĩ đến kiếp người, rồi có lúc nó cũng tả tơi như những đóa sen tàn, tôi hình dung lại khuôn mặt xinh đẹp của ni cô Diệu Linh năm xưa, dĩ nhiên nó đã thay đổi rồi với thời gian.”

Người bạn cất tiếng hỏi:

“Anh thất vọng ư? Nếu là tôi, tôi sẽ không bao giờ đi tìm những hình bóng cũ...”

Nghe có tiếng cười vang lên trong nắng sớm:

“Đừng nói như vậy khi anh chưa biết tôi tìm được gì trong chuyến trở về ngày hôm ấy. Trở lại câu chuyện cũ anh nhé. Sau khi đi thăm các cháu bé, tôi trở lại nhà khách của chùa để nghỉ chân, ni cô Diệu Linh đã cho tôi

thường thức bát chè hạt sen tuyệt trần đòi anh ạ. Cô cho biết đó là những hạt sen thu hoạch sau mỗi độ sen tàn, cô để dành nấu chè đãi khách thập phương. Lúc ra về, tôi có trở ra ngắm lại vườn sen và bất chợt cúi nhìn xuống ao, tôi thấy bóng mình rung rinh dưới đáy nước. Không tìm đâu ra hình bóng của thuở đến chùa lúc ngoài hai mươi tuổi. Những đóa sen tàn, tàn đi để rồi còn lại những gương sen, có những hạt sen bụi thơm như bát chè của ni cô Diệu Linh đãi khách thập phương. Tôi lại nghĩ đến ni cô Diệu Linh, đời cô quả là một đóa hoa vô thường, dẫu đến khi tàn vẫn không sống một đời vô ích...”

NGUYỄN NHUNG, mùa thu 2004

Giàn mướp hương cuối mùa

Đợt gió thu cuối mùa đã thả vào khu vườn sau thêm chút tiêu điều của một mùa thu rất ngắn. Năm nào cũng vậy, một đêm đang ngủ chợt giật mình thức giấc, nghe ào ào sau vườn tiếng lá rung, không biết gió ở đâu đổ về khu vườn lá đã chuyển màu, chùm phong linh sau nhà vang lên những hồi chuông leng keng như báo hiệu mùa thu sắp ra đi rồi đó. Mùa thu ở đây ngắn quá để lá chỉ mới chớm vàng chưa kịp rụng, đợt gió lạnh tràn về làm úa đi những chiếc hoa vàng trên giàn mướp hương, những quả mướp non chưa kịp lớn sẽ là món ăn ngon cuối mùa trên mâm cơm gia đình bà nội Tý anh và

Tý em.

Giàn mướp đang độ vào hè, với những trái mướp dài lủng lẳng treo trên giàn nhiều đến nỗi ăn không kịp, phải đem biếu cho hàng xóm, gọi con cái ăn hộ giờ này chỉ còn có vài quả cuối mùa co quéo lại nằm trên mặt giàn, không thả được mình xuống khoe mã như dạo đang hè. Bây giờ muốn ăn phải tìm mồi mắt vì còn dăm quả đèo đẹt, lấp mình trong khoảng giàn xanh xanh, chen lẫn trong đó nhiều loại rau khác nhau: mùng toi, lá mơ, mướp hương. .

Những loại rau này rất buồn cười, sống hồn nhiên như những đứa bé con nhà nghèo, tự nhiên mọc lên rồi lớn, bám vào được chỗ nào thì cứ thế mà leo, còn nhiều khi bà nội Tý anh cẩn thận gieo hột trong những cái chậu đất tốt, tưới tắm, nâng niu, cây có đâm chồi nảy lộc nhưng chỉ được vài hôm là ú giột, mặt mày cứ sa sầm xuống như bị cầm hãm tù tội. Cái khoảng khoát khỏe mạnh của cây cỏ là được sống tự nhiên với thiên nhiên, hễ mọc được là sống khỏe, rồi sau đó tự nhiên chen lẫn với các loại khác mà sống còn.

Nói đến cái cơ duyên của giàn mướp này bà nội Tý anh lại buồn cười. Thực tình thì bà có trồng đậu, cái giàn là của nhà mùng toi tím đó chứ, sau có người hàng xóm quảng cáo về cái lá mơ trị kiết lỵ, đầy hơi, trĩ nội trĩ ngoại rồi tặng cho một cây, bà cũng dọn cho nó một chỗ mát mẻ ngay bên vệ rào, gần đám mùng toi. Sở dĩ đa số dây leo được bò quanh vệ rào, vì chỗ này ít bị nắng gắt mùa hè chiếu cố đến, chỉ vào buổi bình minh mới lên là còn

hưởng tít ánh nắng mặt trời, nhưng cứ càng xế trưa thì chỗ ấy mát dần lên, đây lá không ỉu rũ héo rũ xuống vì nắng hè khắc nghiệt.

Khi đám mừng tôi phơi phới leo lên, chị lá mơ cũng ỉ ạch chạy theo kịp thì trên giàn những lá mơ mềm mềm hai mặt xanh và nâu tím, đầy những lông tơ cũng lẫn lộn với chị mừng tôi tím xinh xinh vẻ hiền hậu của cô gái quê không son phấn. Muốn có nồi canh mừng tôi, trước hết bà nội Tý anh đã hái những lá nằm phía dưới của hàng rào, sau chỗ nào cao hơn thì phải dùng cái thang nhỏ mới hái được. Nhà ít người thì một rổ nhỏ cũng có tô canh rồi, hai thằng Tý anh Tý em khi biết ăn cơm là cũng biết ăn canh mừng tôi, chả vì có tít rau trơn trơn dễ nuốt. Nhưng khi nào nhà có khách, ngoài những món thịt thà xào nấu công phu, bao giờ bà nội Tý anh cũng phải nấu thêm tô canh mừng tôi, ăn với món cà muối xổi thơm mùi tỏi ớt lúc nào cũng có sẵn trong tủ lạnh.

Không biết sao chứ nồi canh mừng tôi ăn với cà lại được khách chiêu cố tận tình, chẳng phải dài hơi mời mọc. Hôm nào đi chợ thấy bán cua biển còn tươi, bà nội Tý anh đã chịu khó mua về làm sạch sẽ, rồi nhờ ông xay giùm để dành từng bọc trong tủ đá. Khi muốn ăn, bỏ ra ngoài chờ hết lạnh lọc lại là có món canh cua nấu rau gì cũng ngọt. Nó hợp lạ lùng với rau đay, nhưng có đem nấu với mừng tôi và mướp hương thì cũng chẳng chê vào đâu được.

Hồi xưa đến giờ người ta hay nói đến cái duyên của mừng tôi với quả mướp, hai thứ này đi với nhau như bóng với hình. Người nội trợ khi mua rau mừng

toi nấu canh, bao giờ cũng hay nghĩ đến quả mướp, thấp thoáng trong nồi canh là những miếng mướp mong mỏng xanh xanh màu ngọc thạch, thì lại phải điểm lên những lá mùng toi xanh tím làm nền cho tô canh quyến rũ hơn, mùi vị hòa hợp lạ lùng. Thế mà khi không cái duyên quả mướp với mùng toi lại đến với mảnh vườn của bà nội Tý anh. Nhà hàng xóm mùa thu năm trước dọn dẹp giàn mướp tàn, lẫn lộn những hột mướp giống với cỏ khô, dồn hết vào hông nhà ở vệ rào, năm nay khi mùa Xuân sang tự nhiên mọc lên những dây mướp thật khỏe, rồi vì nhu cầu sống cứ thế vươn lên, tìm đất đứng và tự nhiên bò qua cái hàng rào nhà hàng xóm.

Cuộc xâm lăng này không biết đối với chị mùng toi và chị rau mơn có dễ chịu không thì chủ nhà không biết, nhưng cứ nhìn những dây mướp to khỏe, thay đổi từng ngày, lá xanh rờn to bằng hai bàn tay xòe ra, "tự nhiên như người Hà Nội" che kín cái giàn còn trống trải, tạo bóng mát cho cái hàng ba nắng mùa hè chênh chếch soi vào thì tiện lợi biết mấy. Nhất là trên cái giàn ấy đã xuất hiện những bông hoa vàng, rủ rủ con ong cái bướm ở khắp nơi bay về dập dìu trên giàn mướp hương, đem đến những mảnh tình con con cho hoa lá cũng tung bừng mở hội.

Đó là cái tình của cây cỏ, còn cái lợi trước mắt thì nhà có thêm mướp để nấu canh mùng toi, món canh quê mùa quốc hồn quốc túy mà chan vào bát cơm, rồi cắn thêm quả cà ròn tan trong miệng, chẳng thích lắm sao! Chủ nhân thuộc loại nhàn nhàn đủ ăn, chả có danh gì với núi sông ngoài cái giàn mướp và mùng toi che kín cái hiên sau nhà, nên gọi cái giang sơn của mình là vườn rau quê hương, để gọi nhớ cái vườn rau quê nhà, và cũng vội đi chút

buồn xa xứ, hễ khách đến nhà thế nào cũng nấu cho được tô canh mướp ,
mừng toi để đãi khách.

Bây giờ trời đã cuối thu, chỉ còn thừa thớt vài quả mướp đèo trồn tít ở trên
cao, rình mãi bà nội Tý anh mới gom được ba quả mướp đèo để nấu tô canh
cuối mùa. Ngó quanh cái giậu mừng toi lá đã úa vàng, bé tẻo teo bám trên
sợi dây màu tím lịm, vật trụi đi thấy cũng tội nghiệp, chỉ con những chùm
hột màu tím khô đọng đưa dưới mặt giàn. Rau ăn đúng mùa, trái ăn đúng kỳ
mới ngon, thôi thì làm một nồi canh mướp với nhúm tôm tươi bóc vỏ, thêm
vào tý thịt nạc, vài tai nấm, một nắm bún tàu rồi nêm vào một chút hành
ngò chẳng ngon lắm sao!

Nhà hôm ấy có khách. Khách từ phương Bắc mới đầu đông mà đã giá rét,
trốn lạnh đi về phương Nam chơi ít lâu nên khi nhìn thấy cái vườn phương
Nam, tuy đã xơ xác tiêu điều nhưng vẫn thấy lòng ấm lại. Chẳng vì mùa
đông phương Bắc đến sớm từ cuối tháng chín, chưa gì vườn tược hoa cỏ đã
úa màu rơi rụng hết, nay về phương Nam người xa quê như bắt gặp được
một khoảnh quê hương xa tít tắp bên kia bờ đại dương. Nhất là bụi mía ven
bờ rào bên khung cửa sổ thì ôi chao sao nó nhớ chi là nhớ, một cơn gió thổi
qua để tất cả những thứ lá cây trong vườn rung lên xào xạc, bụi mía xào xạc,
những lá mướp già vừa chớm khô cũng xào xạc, trời lại hanh hanh nắng mà
vẫn hơi se lạnh, tý nữa trên mâm cơm lại có thêm tô canh mướp cuối mùa,
còn giữ nguyên cái tình quê trong đó.

Không cần mời chào nài ép nhiều nhận gì, đến bữa cơm ngoài món thịt kho trứng, đĩa cá chiên ròn chan nước mắm chua ngọt, tô canh mướp cuối mùa mức lên chỉ loáng mà đã hết. Khách vừa ăn vừa khen rồi rút:

" Chả nói đâu gì, cao lương mỹ vị chúng tôi không thiếu, có tiền mua tiên cũng được, nhưng không tìm ra được hương vị thanh thanh ngọt ngào như cái tô canh mướp nhà bác. Ngày xưa hồi còn ở quê nhà...."

Thế là bao nhiêu kỷ niệm ở đâu tuôn ra như nước vỡ bờ:

" Bà cụ tôi hồi sinh tiền chỉ thích mỗi món canh mướp nấu lòng gà, ngày giỗ kỵ cũng phải để bộ đồ lòng cho cụ nấu canh mướp. Còn ngày thường thì chỉ nhúm tôm khô cũng xong, nhưng quả thật những thứ này đi với nhau lại hòa hợp một cách lạ lùng. Cái màu xanh xanh biêng biếc của lá mùng tơi, rồi điểm vào đó những lát mướp mong mỏng như ngọc thạch, úi chao, cả một nghệ thuật ẩm thực của tiền nhân trong ấy..."

Khách đúng là xính thơ văn nên khi tả món ăn cũng phải cầu kỳ hoa mỹ, chứ cứ như bà nội Tý anh, cả đời dân giả chỉ biết nồi niêu xoong chảo, cách nấu nướng cũng chỉ đơn giản miễn sao có chút thức ăn đưa cơm cho no bụng:

" Chắc các bác chưa từng được ăn đọt mướp xào tỏi bao giờ nhỉ?"

Khách ngưng húp canh, ngẩn ngơ nghĩ chưa ra là trên đời lại còn món đọt mướp xào tỏi:

" Vâng, món ấy thì chưa được ăn qua, nhưng đào đâu ra cho đủ để xào?"

Bà nội Tý anh hãnh diện khoe:

" Từ ngày sang đây đến nay, tôi cũng chưa thấy chợ nào có bán đợt mướp. Bí rợ, đậu hòa lan thì thiếu gì, nhưng tìm được đợt mướp để xào thì hiếm còn hơn cao lương mỹ vị. Gặp năm giàn xum xuê quá mà quả ăn mãi cũng chán, nhà chỉ hay hái đợt mướp để xào thôi. Đúng là quý thật, vì mỗi lần hái chỉ được một rổ nhỏ, lấy cả lá non tước đi cái vỏ ngoài cũng chỉ được đúng một đĩa, hôm ấy nhà tôi gọi là có đại tiệc đấy, mỗi người được đúng hai gấp..."

Khách xuýt xoa:

" Tiếc nhỉ, giá đến chơi sớm vào độ hè chắc tôi đã được ăn món ấy. Đâu chủ nhà diễn tả xem cái đợt mướp xào tỏi nó thi vị ở chỗ nào, có bằng món đợt đậu Hòa Lan trong nhà hàng Tàu không?"

Xem ra khách có vẻ chưa tin vào cái món đợt mướp "cây nhà lá vườn" này lắm, bà nội Tý anh phải vận dụng hết khả năng văn chương để cho khách phương xa thêm thuồng món ăn dân giả này, bởi chưa chắc có tiền đã mua được:

" Ấy, bác vào bất cứ nhà hàng nào ở đây không bao giờ tìm được trong " menu " món này đâu đấy! Còn so sánh với đợt đậu xào thịt bò thì hai cái khác nhau một trời một vực, hương vị mỗi thứ mỗi khác, tuy đã xào nhưng mùi hương của cái nhụy hoa vàng kia nó vẫn phảng phất trong cái miếng rau mình nhai trong miệng, bùi bùi, hơi nhân nhần mà không đắng, thơm thơm mà lại thanh thanh, cứ chậm chậm nhai thì mới thấy cái ngon nó thấm vào lục phủ ngũ tạng. Rau bí rợ thì dễ kiếm, nhưng khi luộc hay xào, ăn nó nhàn

nhạt không bao giờ có được cái vị thơm của lá mướp."

Khách cười xòa lên:

"Ui chao! Nghe tả sơ sơ thôi mà đã thấy thèm ứa nước miếng ra rồi. Xem ra chả có cái gì bỏ phí, vì lá mướp nghe nói cũng là dược thảo chữa cái bệnh gì đó...."

Chủ khách cùng cười, giá cây mướp đang bò trên giàn kia nghe được chắc cũng phồng mũi ra vì sung sướng:

"Nghiên cứu về dược thảo của rau cỏ thì nhiều, nhưng chính lá mướp cũng là một thứ thuốc chữa bệnh ngoài da hay lắm. Nó còn chữa được cả bệnh Giời ăn, mọc thành giẻ mà hễ nước vỡ ra đến đâu thì lan ra tới đó, cái lạ rằng chỉ nổi một nửa thôi, hễ ở lưng thì mọc một bên không bao giờ qua phía bên kia, nhưng để giáp vòng thì hết thuốc chữa. Vậy mà ngày xưa ở nhà quê người ta cứ lấy lá mướp giã nát ra đắp lên cũng khỏi. Thế tôi đồ chị chỉ có người Việt mình mới biết ăn đọt mướp, hay là các dân xứ khác họ cũng biết ăn như mình?"

Khách lắc đầu:

"Ngay tôi là người Việt thế nhưng hồi ở bên nhà, cũng chưa bao giờ biết là đọt mướp ăn được."

Bà nội Tý anh tiếp lời khách:

"Chính tôi thì cũng không nghĩ rằng đọt mướp ăn được, vì khi các cụ mình trồng cho mướp ra hoa nhiều mới có quả, bất cứ giống gì hái đọt ăn lá đều không kết quả được bao nhiêu. Thế nhưng cái hôm bà hàng xóm người Phi Châu sang chơi, thấy cây mướp có nhiều đọt non, bà ấy mới bảo rằng lá

mướp non ăn ngon lắm. Tôi không tin như thế, nhưng nghe vậy cũng ăn thử một bữa xem sao, mới biết người ta nói đúng."

Chỉ tiếc rằng giàn mướp vào cuối thu đã tàn, nên không thể hái được nắm đọt mơn mớn để đãi khách như độ đang hè, nhưng câu chuyện kể về quả mướp hương nó lại lan man sang vấn đề khác:

"Mình thì cứ tưởng chỉ có mỗi mình mình mặn nồng nỗi nhớ quê cha đất tổ, hóa ra dân tộc khác cũng vậy. Món ngon không phải ở chỗ đất tiền, nhưng chính là nó hợp với cái nỗi nhớ trong lòng mình mà bỗng hóa nên ngon, nên hiếm. Ôi cái thuở còn thơ, hễ buồn buồn thì vác con dao ra vườn đốn một cây mía xuân diệu, rồi cứ thế ngồi dưới gốc mía mà gặm, sao nó ngọt nó ngon đến thế. Bây giờ nói xin lỗi bác, khéo không lại đi tuốt hết cái hàm răng..."

Hai người cứ thế rũ ra cười với nhau, hai thằng Tý anh Tý em cùng cười góp vào mà chẳng hiểu gì. Bà nội Tý anh bảo:

"Mùa này cá nục ngon và béo lắm, mai tôi đãi chị món lá mướp cuộn cá nục, nướng lửa than rồi cuộn với bánh tráng, rau sống tuyệt trần đời. Trải ba lớp lá mướp, để cá lên rồi cuộn chặt vào mà nướng, thịt cá không tanh mà lại còn thơm cái mùi khói đồng nhờ lá mướp bao xung quanh. Muốn tìm ra cái hương quê cũng chẳng khó gì chị ạ."

Cơm nước xong, ấm trà cúc pha vừa phải đủ làm thơm miệng và mát bụng.

Hình như chợt nhớ ra, bà nội Tý anh lại nói với khách:

" Xem thế nhưng không phải lúc nào cũng ăn được mướp. Người yếu tỳ yếu vị, bị cảm lạnh thì không nên ăn, mướp thuộc loại hàn ăn vào cũng khó tiêu. Nhưng hề gì, nhà tôi có một giàn lá mướp đấy, bứt vài lá dẫn bụng thì ăn gì cũng chả lo!"

Nguyễn Nhung

HAI CHIẾC BÓNG

Cụ Khôi lập cập đứng dậy, loạng choạng bước, tý nữa thì cụ ngã nếu không vịn kịp vào mép bàn. Tính cụ vậy, lúc ốm nằm một chỗ rên hừ hừ, nhưng cứ tỉnh là gượng ngay dậy, làm như cụ sợ nếu không ngồi lên được là sẽ không bao giờ còn dậy được nữa. Có điều cụ quên, đôi chân cụ đâu phải lúc nào cũng tuân theo mệnh lệnh của trung tâm thần kinh não bộ, vì nó yếu rồi, những sợi gân chằng chịt ràng lấy chiếc xương đùi, nay đã chùng xuống kéo theo lớp da bèo nhèo bọc có tý thịt nhão nhoẹt.

Thấy có người đến thăm, cụ mừng, cơn bệnh có vẻ lui được phân nửa.

Khách là một người đàn bà tuổi trung niên, cũng quanh quẩn gần nơi cụ ở, các con ở xa quá, thôi thì “bán anh em xa, mua láng giềng gần” vậy. Cụ lại

ôm luôn, ôm luôn mà không chết, nhì nhằng dăm bữa nửa tháng rồi khỏi, bởi vậy đối với con cháu chuyện ấy là thường, chừng nào hữu sự thì đã có nhà thương, chết thì mang vào nhà quàn, cuối cùng đến nhà thờ rồi ra nghĩa địa là xong việc. Đây là cụ chưa nghĩ tới cái nhà dưỡng lão, nghe thiên hạ kể khi nào đến đấy thà chết còn sướng hơn, vì vò vố nằm chờ con cái đến thăm, khi con về mắt cứ nhòa đi như trời mưa.

Cụ Khôi run run rót trà vào tách mời khách, dù sao ở đây cũng còn hàng xóm chạy đi chạy lại. Tính cụ chu đáo, lúc nào cũng có bình trà nóng đặt trên bàn, sáng nào người giúp cụ đã phải lo chuyện ấy. Một vài giọt nước rót trên mặt bàn, tay chân run rẩy, cụ không còn vén khéo được như mấy năm trước. Cụ đẩy cuốn “album” lúc nào cũng để kê một bên đến trước mặt khách, khoe:

“Cô xem mấy tấm hình chụp hôm các cháu làm lễ kỷ niệm sáu mươi năm của tôi và ông cháu, các cháu về đủ cả. Gớm hôm ấy sao mà lắm khách thế, những là bạn bè của các cháu, hiếm khi mà vợ chồng sống đến răng long đầu bạc đấy cô ạ, không mất ông thì cũng mất bà, ai cũng bảo nhà tôi có phúc.”

Cụ nhướn mắt lên để nhìn cho kỹ tấm hình kê bên:

“Đây, gia đình anh con cả, hai vợ chồng với bốn đứa con, thằng cháu đích tôn của tôi sắp ra bác sĩ, con em lại học được, mấy đứa bé nay mai cũng theo các anh các chị mà tiến lên. Chỉ buồn các cháu không thạo tiếng Việt, thấy ông bà chỉ lắp bắp mấy câu rồi trơ mắt ra nhìn, mình muốn hỏi han gì cũng đành chịu, chúng nó cứ nhe răng cười”.

Thấy khách chăm chú xem, không ngớt khen những cháu xinh, cháu tốt của cụ, cụ như được uống ly nước giải nhiệt giữa trưa hè:

“Cái hình cô đang xem là nhà cô con gái thứ hai. Cô ấy tuổi Dần, cao số nhưng lại có số lấy chồng quan, mệnh phụ phu nhân đấy. Sang bên này, hai vợ chồng cũng đỗ đạt cả, các cháu tôi đứa nào cũng ăn học tử tế. Chúng nó ở

tuốt bên Cali, bên ấy mát mẻ lắm cô nhỉ?”

Khách cười, khen chị con gái của cụ nay đã trung niên mà vẫn mượt mà, xinh đẹp:

“Thế cụ đã sang chơi với các anh chị và các cháu lần nào chưa?”

Nghe khách hỏi, cụ trầm ngâm một chút, giọng ngùi ngùi:

“Ấy đã, chúng tôi có ở với các cháu một thời gian, nhưng cô xem, mình thì già, chúng nó trẻ, đi làm suốt cả ngày, giờ đâu mà hỏi han đến cha mẹ, ông bà. Ở nhà buồn, vẽ ra công này việc nọ cho vui, các cháu bảo cứ để nhà cửa bề bộn, lười thôi, bẩn thỉu. Cô xem, hai người già suốt ngày quanh ra quanh vào với cái Tivi, xong lại ngắm mấy bức tường, ông lão nhà tôi ủ rũ như tàu lá héo, ốm cũng không dám rên, sợ phiền con cái. Cửa nẻo đóng im im suốt ngày như lô cốt, bịt bùng quá, chịu không nổi, khóc, chúng bảo mình dở hơi, dở hám. . .”

Giọng cụ nhão ra như sắp khóc:

“Thời buổi này nó khác rồi cô ạ, nhớ quê quá thế, biết vậy cứ ở bên ấy cho xong.”

Mắt cụ Khôi rung rung, như sắp khóc thật, khách vội vàng an ủi mấy câu cho cụ bớt xúc động. Cụ lại rót trà thêm cho mình, cho khách, dù này giờ chưa ai uống miếng nào, tự nhiên có một nỗi ngậm ngùi nào đó, khiến chủ khách cùng im lặng. Khách lại ngắm nghía hai tấm hình của hai cụ được phóng lớn ra thật rõ nét, đẹp như tranh. Trong hình, cụ bà phần son rực rỡ, con rồng lượn trên nền gấm tía, vòng ngọc xanh biếc trên cổ cụ trông óng ánh rất mỹ thuật. Cụ ông nhỏ bé gầy gò hơn, đầu đội khăn đóng, lọt thỏm trong chiếc áo gấm xanh có những chữ thọ vàng, mặt cụ buồn buồn một vẻ chịu đựng như người bị ép ăn trong lúc đã no. Khách suýt soa khen ảnh đẹp, nét ảnh quá sắc nét làm nổi bật những quần áo, vòng ngọc lóng lánh. Cụ Khôi cười nhăn cả mặt, hàm răng giả đã được tháo ra khiến trông cụ già hơn,

nhưng lại có vẻ hiền hậu hơn người trong ảnh :

“Đẹp không cô? chỉ tội ông lão nhà tôi trông hom hem quá. Sang đây đồ ăn, thức uống thiếu gì mà vẫn không nuốt được, ăn cứ như đám vào mồm. Hai cái hình này tôi đã nhờ người phóng lớn ra, mai sau. . .”

Cụ lại cười gượng để dấu nỗi xúc động:

“Phải không cô? Mai sau mình có chết, chúng nó có cái để trên bàn thờ, chết thì cũng phải làm sao cho đẹp mặt con cái. . .”

Lần này thì cụ Khôi không cười nữa. Lâu lắm rồi các con cụ ít đến thăm, chỉ hỏi han qua điện thoại. Thấy con than bận, cụ đành dấu điếm không dám than thở. Các con bận bịu quá, các cháu bận bịu quá, ngay cả hôm cụ ông ngã trong nhà tắm thì cũng chỉ có người hàng xóm tốt bụng đưa đi nhà thương. Vài hôm ông lão khỏi, khi các con hỏi thăm đến cha mẹ thì mọi việc đã bình thường.

Một chốc, cụ lại lập cập đứng dậy, loạng choạng đi, khách vội vàng đỡ cụ, về ái ngại. Cụ chụp lấy chiếc gậy, xua tay rồi bảo khách:

“Không sao, cô ngồi đây chơi để tôi đi lấy cho xem hình tôi ngày còn trẻ. Bây giờ mắt mờ đặc cả, nhưng lơ mờ cũng thấy đời thay đổi nhiều, chả có gì chống chọi nổi với thời gian.”

Cụ vào buồng, lúc trở ra, một tay chống gậy, một tay khệ nệ ôm chiếc hộp hình chữ nhật bọc vải đỏ, khách vội chạy đến đỡ lấy cái hộp hình cho cụ. Bên trong lại mấy lớp giấy đã ngả vàng, có lẽ ít khi nào cụ sờ đến, chiếc hộp gói ghém cẩn thận như những đồ tẩm liệm ràng xung quanh một xác chết, khiến khách càng ngậm ngùi. Cụ run run mở những sợi giây cột bên ngoài hộp, đẩy hộp ảnh về phía khách:

“Đây này, cô đoán xem dạo ấy tôi bao nhiêu tuổi?”

Khách nâng chiếc ảnh lên để nhìn rõ hơn. Một giai nhân của sáu mươi năm về trước, cặp mắt biếc, đôi mày vòng cung tuyệt mỹ, bờ môi mọng, mái tóc

chải lượn phía trước và thả dài ra phía sau:

“Đẹp quá, đẹp quá, rõ là một giai nhân, cháu đoán độ ấy cụ chỉ mười tám.”

Cụ Khôi cười sung sướng, mặt cụ có bao nhiêu nếp nhăn:

“Hai mươi bốn, hai đứa con rồi đấy, thế mà ra đường bao nhiêu người quay cổ lại nhìn. Ông lão nhà tôi dạo ấy đang làm công chức của chính phủ, mỗi lần lễ lạc, các ông to bà lớn ngồi đặc trên khán đài. Tôi bận con ít đi đâu, phần ông ấy lại hay ghen, cứ thấy ai khen mình đẹp mặt lại sung lên. Nhanh thật, mấy mươi năm cuộc đời trôi nhanh như bóng câu vù qua cửa sổ, ngày trẻ tôi cứ hay ra bờ hồ nhìn nước lững lờ trôi, nước thì cứ lững lờ còn người thì rõ là bao nhiêu thay đổi. Có sống được đến chừng này tuổi, trải qua bao nhiêu dâu bể cuộc đời, mới thấy chả có gì tồn tại mãi.”

Giọng cụ ngâm ngùi quá, khiến lòng khách chừng xuống nỗi thương cảm. Ánh nắng chiều hắt vào cửa sổ, bụi hoa quỳnh ở góc phòng rũ xuống mấy bông hoa héo. Thấy khách nhìn, cụ lại tiếp:

“Cô có thích xem hoa quỳnh nở không? Dạo trước mỗi lần hoa nở, hai vợ chồng tôi cứ pha một bình trà thơm, nhấm nháp tý bánh đậu xanh chờ đến khi nào hoa tàn mới đi ngủ. Bây giờ chán rồi, hoa gì chỉ nở có một khắc về đêm, sáng đã tàn, người ta bảo giai nhân cũng thế, hẩm hiu bạc phận đến thế là cùng.”

Chiều nay, chỉ là một chiều chớm thu mà chừng như gió đã se sắt luồn vào lòng người một nỗi buồn vô tận, cái buồn như len vào cây cỏ, hai mảnh đời già dường như muốn héo quắt lại, khách nghe tiếng ho húng hắng của cụ ông ở buồng trong.

“Trời đổi gió là ông ấy lại ho, thuốc uống mãi đâm lờn, nhưng không uống để cả đêm cứ khúc khắc mãi như thế chịu không nổi. Ấy đấy! Cứ thấy gió thu về lại nhớ những mùa thu Hà Nội ngày xưa độ tôi còn trẻ, chiều chiều bỗng con ra chờ ông ấy đi làm về, nhìn lá me bay đến thích mắt. Cô nhỉ?

Nhớ quê quá cô nhi, cả những năm ở Sài Gòn, cứ Tết đến là trời như dịu đi, gió thổi hiu hiu, bây giờ ở đây cũng gió, mà sao lòng mình dừng đọng chẳng thấy gì cả. Từ ngày sang đây đến nay tôi nào biết Tết là gì, con cái ở xa lại đi làm, khi nào tiện chúng nó mới thăm mình được. Anh con cả dạo trước làm việc ở đây, sau bảo đời sống khó khăn lại di chuyển đi chỗ khác, tuốt trên miền Bắc. Thôi, tôi chẳng đi đâu cả, trên ấy lạnh lẽo lại không có người đồng hương, mình cứ nghĩ như vẫn ở Việt Nam, các con ở xa có gần gũi mình đâu.”

Cụ bắt đầu kể sang chuyện khác. Nào là cái chân bị bệnh phong thấp, những ngày sang đông hành hạ cụ ghê gớm. Nào là bệnh cao mỡ trong máu, không hiểu sao lại có mỡ trong máu khi cụ suốt ngày chỉ ăn có lưng bát cơm cùng một chén súp, hay tý rau luộc với muối vừng. Nào là bệnh tiểu đường, đấy là thứ bệnh gây khôn khổ cho bao người, dư cũng không được mà thiếu cũng không xong, cái nào cũng dễ dàng lẫn lộn ra. Cụ trách trời sao cứ trở trêu, đẻ ra bao nhiêu thứ bệnh tật mà bấy nhiêu thứ cụ lãnh đủ, những lúc trẻ tuổi mong đến lúc già được thanh thoi, nhưng cứ thanh thoi để suốt ngày nghĩ đến bệnh tật thì thà chết phứt đi cho rảnh nợ.

Nghe cụ than, khách chỉ biết an ủi:

“Người ta như cái máy ấy cụ ạ, bao nhiêu năm phải làm việc quần quật, nay đã đến lúc rệu rã, khéo tu bổ thì cũng chỉ ạch chạy thế thôi, chứ bảo tốt thì không làm sao tốt được.”

Cụ gật gù:

“Cũng như cái cây mình trồng phải không cô, cứ thiếu phân, thiếu đất, thiếu nước là không lớn lên được, mà già cỗi thì phải chết, có khi chưa già cũng chết. Hàng ngày, tôi nghe Đài phát thanh cái mục “Nhịp cầu thương yêu”, thì cứ y như rằng trăm cái buồn mới có một cái vui, mà tuổi nào cũng chết, lá vàng chưa rụng lá xanh đã rụng rồi. Tiếc là tiếc những người trẻ, chứ già

lão như chúng tôi trời có cho về cũng có gì mà tiếc.”

Khách có vẻ muốn cáo từ ra về, nhưng cụ hình như vẫn còn nhiều nỗi băn khoăn trong lòng:

“Này cô ạ, không hiểu một cái đám ma bây giờ tốn độ bao nhiêu, nghe nói cả chục ngàn phải không cô?”

Thì ra cụ lại lo đến chuyện hậu sự, khách cũng thường thấy có những người già nghĩ ngợi cả chuyện ma chay cho mình ngay lúc đang sống. Khách còn trẻ, làm gì đã có kinh nghiệm việc này, nhưng cứ tội nghiệp hai cụ già sống thui thủi với nhau như hai chiếc bóng, lúc nào cũng vẫn vương chuyện lúc nằm xuống không ai lo. Khách lựa lời an ủi:

“Những cái ấy cháu thiết nghĩ cụ không phải lo, vì lúc mình chết rồi, phần ấy để dành cho người sống. Nhiều tiền thì bày vẽ rình rang, mời năm bảy thầy chùa tụng kinh, năm bảy cha làm lễ đồng tế, nhưng giá trị của sự cầu nguyện thì giống nhau ở chỗ lòng thành, và cũng ở cái nghiệp của mình nữa cụ ạ. Cho nên điều cụ cần nghĩ tới lúc này, là sự hi xả cho thân tâm an lạc, mọi sự trên đời chỉ là phù vân, có đó rồi mất đó, cụ sẽ thấy lòng nhẹ nhõm để sống nốt quãng đời còn lại.”

Cụ chép miệng:

“Ấy đây, tôi cũng chỉ mong có thế, nhưng những lúc chỉ có hai vợ chồng già sống còm cõi với nhau, tôi chỉ sợ lúc mình nằm xuống, không có ai. . .”

Khách muốn cười to lên để lấp đi cái lo lắng, ưu tư lẫn cấn trong lòng bà cụ già tội nghiệp, nhưng tiếng cười dường như nghẹn lại không thoát ra được:

“Cụ đừng nghĩ vớ vẩn cho thêm buồn. Bằng cách này hay cách khác, mộ lớn mộ nhỏ gì thì tất cả cũng chỉ là tro bụi, đất lại trở về với đất, đây là định luật của Trời, phải không cụ? Chẳng xem đó là trọng, thì cái gì cũng nhẹ như bông, vậy lại khỏe lòng cụ ạ.”

Nắng đã đậu lại trên bậc thềm, chiều xuống mau, bụi cúc vàng trước hiên

vẫn rung rinh theo cơn gió may vừa thoảng qua, làm buổi chiều như rừng mình đi theo những chiếc bóng. Cụ ông từ trong nhà, nghe có tiếng nói chuyện ào ạt ngoài phòng khách, cũng lần mò ra lặng lẽ ngồi vào chiếc ghế quen thuộc của cụ ở góc phòng. Khách hỏi, cụ cười ngu ngơ không trả lời, lơ đãng ngó theo một chiếc lá khô rơi ngoài sân, nhìn cụ như cậu học trò đang tuổi mộng mơ, ngồi trong lớp học mà hồn vẫn mơ theo cánh bướm bay ngoài cửa lớp. Cụ bà bảo khách:

“Ông nhà tôi không nhận ra cô nữa đâu, lẫn rồi. Đạo năm ngoái còn tỉnh táo, nhưng lúc ngã bện nữa thì từ đấy nghễnh ngãng luôn. Thấy ai đến cũng thích ra ngồi đấy, nhưng không biết ai, và cũng chẳng hiểu gì. Bảo ăn thì ăn, bảo ngủ thì ngủ . . .”

Giọng cụ chùng thốn thức hơn:

“Sống như chiếc bóng, hai chiếc bóng. . .”

Âm thanh của mấy chữ “hai chiếc bóng” như dội vào lòng khách một cung đàn bi ai, khiến bóng chiều càng thêm u uẩn, có những tiếng cười, tiếng khóc âm ỉ trong lòng, không bật ra được để vui đi nỗi hắt hiu trong những mảnh đời khi tuổi già bóng xế. Nhớ đến những tấm hình con xinh, cháu tốt của cụ trong ngày mừng Đại Thọ của hai cụ mấy năm trước, khách bỗng thấy bùi ngùi khôn tả, chỉ muốn nói với cụ rằng:

“Cụ đừng lo. Chắc chắn là khi hai cụ nằm xuống, con cháu cụ sẽ làm đám ma thật chu đáo, có đầy đủ thân bằng quyến thuộc và mọi người quen biết.”

Hai con khỉ già

Họ tự nhận là “hai con khỉ già”, bởi vì nụ cười của họ bây giờ cũng xệch xạc, méo mó lắm, nhất là mỗi lần cãi nhau, nhìn lại càng chẳng giống ai, cứ vênh vênh váo váo mà lại lườm lườm nguýt nguýt trông đáng ghét tộ. Nhưng mà đó là chuyện của họ, chẳng là của ai trên cõi đời này, nếu ai có trùng hợp mà nhận là vợ của mình thì cũng mặc thiên hạ.

Đúng ra họ đã hay chí chóc từ hồi còn trẻ, y như hai con khỉ non. Lúc mới yêu nhau họ cũng hay giận hờn, nhưng những thứ giận hờn thuở đó chỉ bùng lên như lửa rom, làm họ càng nhớ tới nhau nhiều hơn khi xa cách.

Trước khi quyết định đi tới hôn nhân, họ đã về vấn đề và xin phép cha mẹ đôi bên so tuổi như bao nhiêu cặp vợ chồng khác. Lão thầy bói đeo đôi kính đen, gật gù bấm bấm đốt tay, sau một lúc lăm nhẩm tính toán, nghe loáng thoáng câu gì “thìn, tuất, sửu, mùi tứ hành xung, tý ngọ mẹo dậu ở với nhau không nát một chiếu”. Nhưng may quá hai người không nằm trong nhóm tuổi ấy, cuối cùng thì thầy cùng nói một câu ba phải: “Nữ mạng hỏa, nam mạng thổ, thổ sinh hỏa, tương sinh, tuy không giàu có, nhưng sống với nhau trăm năm đầu bạc”.

Thôi thế cũng được, bà già đứng dậy xuýt xoa cảm ơn thầy, dẫu có khắc khẩu chút đỉnh mà cứ bạc đầu răng long cãi nhau hoài hoài thì cũng xem là

hạp tuổi, không lo một đứa rửa chân về châu Giời sớm. Mạng tích lịch hỏa chỉ là lửa sấm sét, nó gầm thét lên như chớp nhoáng là nguội ngay, còn thổ ngự sơn thì tuy không điền sản, dinh cơ, nhưng thanh cao chót vót đỉnh núi, sấm chớp không hề hấn gì. Sợ nhất là cái mạng mộc gặp hỏa, hay hỏa gặp thủy thì coi chừng hai đứa, đứa chết đứa bị thương. Xem thế cũng chưa chắc đúng, và thời ấy là thời chiến tranh, có nhiều người xem rất hạp tuổi mà vẫn gãy gánh giữa đường. Những lúc ấy, hai người đang yêu nhau lắm, dẫu có phải nhảy vào lửa để chết cho tình yêu họ vẫn chết, cho nên việc đưa nhau đi xem tuổi chỉ là để các cụ ở nhà yên chí mà thôi.

Thời gian cứ như thế vùn vụt trôi đi, mới ngày nào mà nay đã hơn ba mươi năm đầu gối tay ấp. Hôm lũ con đề nghị những ngày “hấp hôn” cho cha mẹ, ông đã nửa đùa nửa thật nói với lũ nhỏ:

“Thôi, đừng phú quý sinh lễ nghĩa, tao với mẹ mày ngày nào cũng như ngày tân hôn, cần gì tổ chức cho rậm đám. Đứa nào thương cha mẹ, cứ cho tí tiền đi du lịch trăng mật tuổi già, chứ ăn thì đã không dám ăn, mặc đẹp cũng chả ai nhìn”.

Đúng thế, với tuổi này ông nghĩ như vậy là thực tế, tiết kiệm được tiền cho con cái, mà lại không ngại thiên hạ xì xèo. Vợ chồng ông sống theo lối Việt Nam, hôm ngày Valentine, ông đi làm về, nghe thiên hạ ra rả chuyện tặng nhau đóa hoa Tình Yêu, lại thấy chú Mỹ đen đứng bán hoa ở ngã tư đường, ông bèn hào sảng mua tặng bà một đóa hồng nhung đỏ. Hí hửng lái xe, ông đậu xe rồi đem đóa hoa vào bếp. Thấy bà đầu bù tóc rối đang nấu cơm, ông vui vẻ đưa cho vợ, chưa kịp nói câu gì hay ho để lấy điểm với bà, thì bà đã nhăn nhó lên như khi:

“Làm trò khỉ gì thế, hoa với chả hóet. Sao không mua cho tôi bó rau muống xào thịt bò ăn cơm có phải ngon không?”

Ông cụt hứng, ngẫm nghĩ, rõ chán phèo cho cái con khỉ già, làm như cuộc

đòi chưa hề biết tới chữ “romantic” bao giờ cả. Nhưng nhìn mặt mũi vợ đỏ gay khi đứng bên bếp lửa, đang làm bữa cơm chiều cho cả nhà, ông lại nghĩ thương vợ: “Ừ phải đấy, cứ rửa cho bà ấy đồng bát đĩa bản mà bằng trăm đóa hoa hồng phi gió kia.” Thế là ông xắn tay áo lên để rửa bát, nhưng bình thường đã mấy khi ông đụng đến công việc bếp núc của vợ. Ông lúng túng rồi tuột tay làm vỡ cái ly, thế là bà tru tréo lên:

“Thôi ông cụ oi, hể ông mó vào đâu là đổ vỡ đến đó. Cứ để tôi, chẳng cần ông phải làm.”

Ông lắc đầu bỏ ra ngoài vườn, thôi đi tưới cây vậy. Nhác nhìn thấy mấy cây mướp đắng bà trồng hôm nay đã leo lên hết chiếc cột gỗ bên vệ rào, ông nghĩ ngay đến chuyện làm cho bà cái giàn.

Nghĩ là làm, ông hí hoáy lấy thang, rồi dùng những thanh gỗ mỏng để bắc giàn, nhưng chưa gì ông đã thấy bà đứng lù lù sau lưng. Tưởng bà khen, ai ngờ bà lại la hoảng lên:

“Tôi lạy ông, ông chẳng làm gì cho nên thân cả. Lỡ gãy chân, nằm một chỗ là chết cái thân già này.”

Ông tự ái: “Bà cứ hay ồn ào, không ngã mà cứ nghe bà la hoảng cũng đủ giật mình ngã gãy cổ. Đàn bà có thứ đâu ăn nói cứ toang toác lên.”

Bà đâu có toang toác, bà lo cho ông đấy chứ, nhưng hai chữ “toang toác” làm bà âm ịch, mặt sưng lên lên trông hết như con khỉ già. Tuy thế, ông cũng vác cái thang cất vào nhà kho, rồi vào nhà com, trên chiếc kệ gỗ, đã thấy hoa hồng đỏ ông mua tặng bà được cắm vào chiếc bình thủy tinh. Ông tủm tỉm cười, đàn bà họ nói vậy mà không phải vậy, đóa hoa hồng bây giờ đã tươi lên vì có nước.

Cũng không phải lúc nào họ cũng cãi nhau, và cũng không phải lúc nào ông với bà lại không có những giây phút êm đềm bên nhau khi lũ con đi vắng cả. Những câu chuyện họ trao đổi, nghe không ngọt ngào như hồi đôi mươi,

nhưng đầy những lo lắng và băn khoăn cho nhau về sức khỏe cũng như chuyện trong nhà, ngoài phố. Ông hay nhắc bà cần phải uống thêm thuốc bổ mỗi ngày, còn bà thì lo lắng cái chân của ông dạo này đi đứng có phần thiếu ngay ngắn. Nhưng phiền nhất là mỗi lúc lái xe có bà bên cạnh lái phụ, nhắc nhở từng chi tiết khi cái kim đồng hồ nhích lên nhích xuống, bởi vì bà không lái xe mà lái tài xế. Cái này thực khổ cho ông, khi mắt phải chăm chú nhìn kính trước kính sau, miệng bà thì ong óng nhắc nhở chạy nhanh chạy chậm, khiến đầu ông cứ hoảng lên suýt tông vào xe người khác. Ông quát vợ: “Có cần cái mồm khi không? Đi với bà có ngày chết mệt ngáp. ‘Pô Lít’ tôi không sợ mà sợ cái miệng bà’.

Bà im một tí rồi lại lên mày:

“Đã lái dở mà lại cứ chạy ‘len’ giữa, lỡ muốn ‘éch xít’ thì sao?”

Ông hầm hừ: “Đường nó nằm trong đầu tôi, lái ‘len’ trong lỗ trượt bánh xe là đi vào thành xi măng, cũng giập đầu mà chết.”

Họ cứ cãi nhau loạn xạ như thế, nhất là khi ông mắt mũi kèm nhèm, không nhìn rõ bảng tên đường, định quẹo phải mà một thằng Mỹ đen đã lù lù chặn ngay bên cạnh. Thế là ‘sảy một ly đi một dặm’. Họ đã có nhiều kinh nghiệm những lần đi lộn đường như vậy, rồi loay quanh mãi tìm không ra lối về, đi lạc vào những khu lạ hoắc, chỉ mới hoảng hốt mà nghe như đã tới om vì nỗi sợ dâng ngập lòng.

Bà còn sợ nhất là tính nóng nảy của ông, khi bị một cái xe đằng sau cứ bóp còi ‘tin tin’ thúc hối, bởi ông bận nghĩ đâu đâu mà đèn xanh nhấp nháy vẫn chưa chịu chạy. Rồi khi nó vượt qua mặt ông, bèn giơ ngón tay giữa ra để chọc tức. Mỗi ngón tay là một biểu tượng của ngôn ngữ, có xấu có tốt, nhưng ở trường hợp này thì bà phải can ông đừng bắt chước kiểu trả lời thiếu văn hóa như thế, nhất là lỡ gặp phải thằng có súng, thôi thì ‘một câu nhin chín câu lành’ vậy. Hồi ông mới qua Mỹ, chả hiểu ‘mô tê’ gì về ngôn

ngũ ngón tay như vậy, lông ngông tìm đường đi thì đã thấy một cái đầu ở xe bên kia thò ra, giờ một ngón tay lên, ông còn lại mỉm cười nói ‘thank you’ người bạn Mỹ tốt bụng, về nhà cứ thất thỏm sao nó biết mình đang đi tìm đường để chỉ.

Mỗi lần có dịp đi đâu với ông, phải lái trên ‘freeway’, xe cộ lạng lách như điên khiến ông xoay trở đến nhức đầu, mồm luôn luôn rửa ‘đồ khốn nạn’ bà lại bật cười. Hôm ấy trong lòng ông đời đầy những thằng khốn nạn, chúng nó đi đâu mà như ăn cướp, xã hội này khó mà có hòa bình khi con người cứ sùng sục lên như vậy. Nghĩ cho cùng thì chả bao giờ hết chiến tranh, từ triệu năm trước tới ngàn năm sau, con người cứ sống rồi chết, chiến tranh rồi lại hòa bình, kẻ đi vào lòng đất người lại tiếp tục sinh ra. Gọi là nhân loại còn khổ, vì lòng người cứ sùng sục lên như nồi nước sôi.

Hôm nay ông bà lại cãi nhau. Mặt bà sung lên còn ông thì lừ lừ không nói năng. Họ đang cắn nhau, hay là chỉ có bà hay cắn nhau mà thôi. Bà nói dai như đĩa, mà lạ thật, bà chỉ hay dai đẳng với ông chứ với người ngoài bà ngọt sớt, chiến tranh chỉ xảy ra giữa hai vợ chồng già còn khi ra ngoài bà hay đem hai chữ ‘bình an’ để tặng riêng cho thiên hạ. Thế có tức không chứ. Chuyện thì đâu có gì ghê gớm, vợ chồng thằng con trai dẫn đứa cháu nội đi đâu từ sáng sớm, chúng nó quên cả ngày kỵ của ông cố, mãi tới giờ này vẫn chưa dẫn cháu về ăn giỗ.

Ông bảo bà: “Muốn gì phải nói. Thời buổi này bận bù đầu bù cổ, chúng nó làm sao nhớ được ngày gì ngoài ngày thứ bảy với ngày chúa nhật”.

Bà chua chát: “Nhưng ít ra thấy tôi sửa soạn bàn thờ, nói xa nói gần thì cũng phải biết để cháu ở nhà đốt nhang cho ông bà chứ. Có thứ đâu lại cấp đít đi hết như vậy.

Ông chép miệng: “Ôi giao! Không có chúng nó thì tôi với bà cứ bày ra cúng rồi cùng xơi với nhau, càng ít người càng được ăn nhiều.”

Nhìn căn nhà vắng vẻ, nấu nướng bày biện xong đã mệt ngất như mà con cháu chưa đứa nào về, đâm tủi thân: “Mai mốt tôi với ông chết đi chắc chẳng có ai đốt cho nén nhang, cứ thời buổi này thì chẳng giỗ chạp làm gì cho mất công.

Ông gật gù: “Ừ, mà cũng chẳng cần phải chôn cất nữa cho chặt đất. Tôi có chết cứ thiêu xong rồi đem tro đổ xuống biển, nhà thờ cho chúng nó một năm đôi lần thăm viếng. Nằm dưới ấy lại mát. Còn không thì đem lên núi, trải ra làm phân bón cho cây cỏ, không ích lợi hơn à?

Nghe ông bình thản nói vui vẻ mà vẫn cứ ngậm ngùi. Mâm cúng đã dọn lên, mùi trầm nhang nghi ngút. Bà đốt ba nén nhang cắm vào bát nhang trên bàn thờ, miệng lâm râm khấn vái:

“Lạy các cụ, hôm nay ngày giỗ ông, mời các cụ về xơi bữa cơm với con cháu. Các cháu bất hiếu cụ bỏ lỗi cho, thời buổi này chẳng giống hồi xưa, các cụ ‘sống khỏe chết thiêng’ về phù hộ cho cả nhà an vui, khỏe mạnh, gia đạo trong âm ngoài êm...’

Nghe bà khấn, ông vốn hay pha trò buộc miệng:

“Các cụ có phù hộ thì cứ phù hộ, còn việc hiện về xin miễn cho kéo con cháu nó sợ.’

Đang buồn trong bụng, thế là bà quay sang vặc lên với ông:

“Ăn nói rõ là lảng nhãng, ông đừng đùa với người khuất bóng mà mang tội, các cụ nghe được cả, đâu phải chỗ để ông đùa, bố thế hèn gì con cũng vậy. Tôi nói cho ông biết, lát nữa dẫn nhau về đây tôi cho một trận...”

Ông nhăn mặt: “Thôi xin can bà, bà chửi chúng nó các cụ cũng nghe, lần sau hoảng không dám về ăn giỗ nữa. Ai lại mời các cụ về ăn giỗ, cầu vui cầu khỏe, mà gia chủ mặt mũi nhăn nhó như con khi già, tôi mà là cụ tôi cũng ‘đắm’ vào. Bà cứ để tôi dạy chúng cho, ‘ngọt mật mới chết ruồi’ chứ nhảm nhăng chỉ làm nó ghét mình hơn”.

Bà ngang ngạnh trả miếng, bởi vì có mấy khi bà chịu thua ông.

“Không phải ngọt với ai cả, nó là con chứ không phải bố mình, nói nặng còn chẳng nghe ra, chứ nhẹ đã ăn thua gì.”

Thế là bữa cơm nấu nướng công phu đầy những món ngon bổng lạnh ngắt vì chẳng ai muốn ăn. Ông bực mình nghĩ tới thằng con trai vô tâm không biết đến ngày giỗ ông bà mà bảo vợ ở nhà giúp mẹ chồng. Chúng nó đi đâu mà quên cả đường về, bọn trẻ bây giờ đều vô tâm thế cả, nếu cha mẹ mà không có lòng tha thứ và thông cảm, thì chắc chắn sẽ buồn giận suốt đời. Hóa cho nên hồi vợ chồng chúng nó mới lấy nhau, ông đã nghĩ đến chuyện ở riêng để ai có tự do của người đó. Nhưng riêng thì riêng, nề nếp gia đình vẫn phải giữ. Ông mặc quần áo rồi bảo vợ: “Tôi đi đàng này một chút”.

Bà đang ngồi buồn rầu nhìn mâm cơm: “Đi đâu? Cơm canh dọn sẵn rồi cũng bỏ đi, đúng là ‘bố nào con nấy’.

Ông bực mình quát: “Bà biết tôi đi đâu mà đã toang toát lên. Tôi đi tìm chúng nó về để bà chửi, chứ ăn uống thế này ngon lành gì mà ăn.

Tự nhiên giọng bà dịu xuống, ứa nước mắt: “Thôi ông ạ. Hai đứa kia đi học xa, chỉ còn chúng nó ở với mình, khó lắm chỉ sinh tội ra.

Thấy bà nói, ông bật cười, cái tính bà thì ông không lạ, chỉ chớp lên như lửa trời nhưng rồi lại tắt đi ngay, lão thầy bói chả nói thế là gì. Ông nhìn vợ pha trò: “Trông mặt bà cứ y như ‘con khi già’ trong sở thú.

Bà cũng nguýt yêu ông: “Ngó ông cười thì khi cũng đẹp hơn. Răng cò chưa gì đã ‘sút càng gãy gọng’ cả ra.

Hai vợ chồng già giống như ‘hai con khi’ ngồi bắt chấy cho nhau. Họ cãi nhau luôn luôn để rồi vẫn thương nhau như thế đấy, ai có cười thì hờ mườì cái răng. Mỗi lần ông đi làm về thấy vắng bóng bà, ông bỏ đi tìm, thấy bà nằm đắp chăn kín mít, vội sờ vào chân vợ thấy lạnh ngắt, ông hồi hả đi lấy dầu bóp chân cho bà. Còn hễ ông đi về muộn, bà đi ra đi vào mắt không

ngừng ngó cái kim đồng hồ, bụng nghĩ đến trăm thứ bất trắc trên đời. Nhưng hễ nghe tiếng xe ông đậu ở ngoài ‘garage’, bà thở phào nhẹ nhõm, nhưng rất bực mình vì cái ‘con khi già’ về muộn mà không nói qua cho bà biết, lúc ấy mặt bà nặng chịch y hệt một con khi. Không biết ai là khi, nhưng họ cứ nghĩ tới nhau bằng cái tình đầy âu yếm mà chẳng cần ai phải hiểu.

Bỗng ông đứng bật dậy khi nghe tiếng máy xe nổ ngoài sân, vợ chồng thằng con đã dẫn cháu về, thằng bé lên năm mặt mũi xinh xắn, chạy ào ào vào ôm lấy ông nội nói bi bô: “Thưa ông nội cháu mới về”

Thằng cháu nói còn đã đốt, mặt mũi nó hồng lên như hai quả đào. Ông ôm cháu và lòng âu yếm hỏi: “Cháu ông đi đâu mà lâu thế? Hôm nay giỗ cụ không về sớm mà ăn giỗ.”

Bây giờ anh con trai mới lên tiếng: “Chúng con cho cháu đi sở thú, nhớ ngày giỗ cụ muốn về sớm, nhưng cháu ông không chịu về, cứ đòi xem mãi.”

Ông vuốt tóc cháu, hôn lên đôi má phính: “Thế cháu thấy con gì trong sở thú kể cho ông nghe với.”

“Cháu xem con khi con bú mẹ, xem hai con khi già cãi nhau.”

Ông bảo cháu: “Tưởng gì, ở nhà mình cũng có hai con khi già cãi nhau suốt ngày.”

Bà đang đứng trong nhà nhìn ra, nghe ông nói, lườm ông một cái dài hơn cây số.

(Trích từ tuần báo Thăng Mỗ)

Nguyễn Nhung

Hạt Cát

Ngôi chùa nằm trong một hẻm sâu, bao xung quanh là một khu đất vuông vức trồng nhiều cây ăn trái và hoa để cúng Phật. Trước tiên, người ta nhìn thấy một hàng rào trồng toàn hoa mẫu đơn đủ loại, quanh năm ra hoa rất đẹp, khác biệt hẳn với những căn nhà ngói cổ của cư dân sống gần nơi đó. Vào mùa Xuân, con đường này bỗng bừng ửng ả lên vì những cây mai trồng trước sân nhà đã nở rộ, người ta thích đi đến đây vào ngày Tết, trước vãn cảnh chùa sau để tìm cho mình một sự yên tĩnh. Chỉ cách một đoạn đường ngắn với con lộ chính đầy những xe cộ và bụi đường, ngôi chùa và xã hội ngoài kia gần như là hai thế giới khác biệt hẳn nhau.

Tôi vẫn thường đến chùa ngày mừng một Tết, dù chưa hề là một Phật tử, chưa bao giờ đọc một câu kinh Phật, và tôi đi chỉ vì thói quen của những người nhàn rỗi, đầu năm đi tìm một nơi nào đó để du xuân. Sau khi tới chúc Tết gia đình một người bạn ở gần đấy, thấy tôi trầm trồ những cây mai vàng trước ngõ, chị liền rủ tôi đến vãn cảnh chùa, vì sân chùa có nhiều loại mai quý, vào mùa Xuân hoa nở rộ lên như một tấm lụa vàng trải dưới nắng mai. Sau khi theo chị bạn vào lễ Phật trong chánh điện, chúng tôi rủ nhau ra xem những hoa kiểng trồng rải rác trong mảnh sân sau, có một vài phụ nữ mặc áo màu lam đang loay hoay rửa rau bên bờ giếng. Đó là những người quanh

năm tới chùa làm công quả, họ đang sửa soạn cho bữa cơm cúng Ngọ ngày mừng một Tết. Khi tới con đường gần bên bờ giếng, tôi chợt đứng lại để nhìn theo một người phụ nữ mặc chiếc áo màu lam, mái tóc được cuốn lại bằng một chiếc kẹp tóc, để lộ ra chiếc cổ xinh xắn, vì cô đang cúi xuống để ra sức kéo chiếc thùng đầy nước từ giếng lên, đổ vào một chiếc chậu lớn để rửa rau. Hình như cô chưa quen với công việc nặng nhọc này, dáng dấp của người phụ nữ chứng tỏ cô không quen làm những công việc tay chân nặng nhọc. Chị bạn thì thào vào tai tôi:

"Mình sẽ giới thiệu với chị một nhân vật đặc biệt của ngôi chùa này, cái người đang kéo nước bên bờ giếng đó. Chị Trinh trước từng là giáo sư dạy Việt văn trường Phổ thông cấp Ba thành phố . . . "

Tôi yên lặng đứng ngấm nhìn tấm lưng thon thả trong chiếc áo màu lam rộng, cô ta vẫn không dấu được nét thanh tú của một thời xuân sắc. Vẫn chăm chỉ làm công việc của mình, mãi tới khi bạn tôi lên tiếng gọi, cô mới ngừng tay và quay lại chào hỏi. Đôi môi xinh xắn ấy vừa thốt lên câu " Mô Phật!" là tôi đã ngỡ ngàng như được đẩy ngược trở về một khoảng thời gian nào đó, vì người phụ nữ mặc áo màu lam, chính là cô bạn học cùng lớp với tôi ngày xưa.

Chúng tôi nhận ra nhau rất nhanh, dù thời gian qua đi có đến gần mười lăm năm, thuở chúng tôi mới mười sáu mười bảy tuổi. Nụ cười ấy, ánh mắt ấy, khuôn mặt ấy vẫn sáng ngời như hình ảnh bạn tôi những năm còn đi học.

Tôi làm sao quên được hình ảnh Trinh những ngày còn học chung với nhau một lớp, bởi vì ngoài khuôn mặt sáng sủa và nụ cười tươi, Trinh còn là một cô học trò con nhà giàu, học giỏi. Buổi Tất niên năm ấy, bạn tôi là trưởng ban Văn nghệ, tính tình vui vẻ, có năng khiếu âm nhạc nên cũng nhờ Trinh mà cả lớp được một buổi liên hoan đặc biệt hơn những năm khác. Gia đình Trinh rất khá giả, được hấp thụ nền văn minh phương Tây cho nên tính cô

bạn tôi vì thế mà rất hồn nhiên, có lẽ điều kiện sống của Trinh khá sung túc, cho nên Trinh đâu có những nỗi lo lắng hay suy nghĩ như những đứa học trò con nhà nghèo. Đám con trai chỉ nơm nớp sợ thi hỏng phải đi lính ra chiến trường, con gái thì mong học hành đỗ đạt rồi tìm việc làm giúp đỡ gia đình. Chính vì thế mà lúc gặp lại Trinh trong lớp áo màu lam nhạt bên bờ giếng, nhẩn nại kéo từng thùng nước đầy để rửa rau, tôi vẫn cứ thắc mắc hoài về cô bạn cũ. Trinh vui vẻ giao công việc lại cho một người khác, rồi dẫn tôi và chị bạn đi thăm vườn rau của chùa ở phía sau, bây giờ đang mùa cải xanh và rau tần ô, có những con bướm lượn lờ trên luống hoa thơm. Hai đứa tôi nhìn nhau cười, nhắc lại những khuôn mặt bạn bè năm xưa, hoàn cảnh sống của mỗi người trong hiện tại, có thể Trinh đang cố nhớ lại những kỷ niệm mùa Xuân thuở còn đi học, còn tôi thì vẫn băn khoăn về sự thay đổi của bạn, từ hình ảnh một cô thiếu nữ đọt sóng mới năm xưa, tới hình ảnh người tu nữ bây giờ.

Chị bạn tôi bận việc phải về trước, buổi đầu xuân năm ấy chỉ còn tôi với Trinh ngồi bên nhau nơi chiếc tràng kỷ đặt bên hiên chùa ở sân trước. Mắt vẫn nhìn ra khoảng sân ngập đầy nắng sớm trên những cành mai vàng óng ả, Trinh kể cho tôi nghe những chuyện xảy ra cho bạn tôi từ khi cô từ giả mái trường, bước chân vào cuộc đời đầy thăng trầm, đau khổ.

* * *

"Tôi rời Cần Thơ vào những năm cuối của thời kỳ Trung học, vì gia đình có cơ sở làm ăn ở Sài Gòn. Tuy vậy, tôi vẫn không quên được không khí vui nhộn, thân thương của mái trường tỉnh lỵ, vì sau nhiều năm học, tôi có rất nhiều bạn bè, và có biết bao nhiêu kỷ niệm vui buồn nơi mái trường ấy. Tôi vẫn còn giữ cuốn Lưu Bút Ngày Xanh của các bạn cùng lớp. với nhiều tấm hình chụp chung ở sân trường. Tôi nhớ từng con đường hằng ngày mình đi học, hàng phượng đỏ nơi công viên mỗi chiều hè, bến sông, con đò nhỏ đưa

đón người từ bờ bên này sang bên kia sông mỗi buổi chợ.

Sau khi học hết bậc Trung học, tôi theo học Sư phạm bốn năm ở trường Đại Học Sài Gòn, khi ra trường tôi trở thành một giáo sư đệ nhị cấp. Thời gian ấy chỉ vồn vện được ba năm, sau đó người ta gọi là giáo viên cấp Ba. Tôi may mắn được dạy trong một trường Trung học ở thành phố, cho nên đời sống cũng khá dễ chịu. Tôi lập gia đình năm 25 tuổi, với một người lính ở một đơn vị xa thành phố. Anh ấy là người bạn cùng thời sinh viên với tôi, sau đó bị động viên đi sĩ quan Thủ Đức, và đến ngày tan hàng thì anh ấy cũng phải đi tù như bao nhiêu người lính khác.

Mối tình của tụi này có lẽ là mối tình đầu tiên trong đời tôi. Chắc bạn ngạc nhiên lắm phải không? Nhưng sự thật là vậy, bởi vì tụi này quen nhau ngay từ lúc cả hai còn thích đi hát với nhau trong nhóm sinh viên của Trường Đại học, mối tình nghệ sĩ cứ nảy nở thêm khi hai đứa cùng có những sở thích giống nhau. Bạn nhớ không? Hồi còn Trung học, tôi đã từng tổ chức những buổi dạ vũ nhảy nhót với bạn bè, tụi mình vẫn ca những bản nhạc Pháp thịnh hành hồi ấy, và BB là cô đào Pháp mà tụi mình rất ái mộ. Thời ấy tụi mình trẻ trung và yêu đời biết bao, đời chả bao giờ biết buồn cả. Thế mà, không ai đoán trước được những gì sẽ xảy tới ở tương lai phải không bạn?

Bạn hỏi về ba má tôi ư? Hồi ấy, hãng buôn của ba tôi là một trong những hãng nổi tiếng ở Sài Gòn, thế nhưng sau này chính ba má tôi lại khổ vì những của cải do ông bà tạo nên. Mất hết rồi, đâu có ai giàu mà còn đứng được trong thời buổi đó, ba má tôi về quê hồi hương theo người con trai lớn, được ít lâu má tôi bệnh hoạn nên đi trước, ba tôi cũng buồn rồi theo sau, anh chị tôi tạm thời buôn bán nhỏ sống qua ngày, cho tới khi chồng tôi đi tù về, họ rủ nhau tính chuyện vượt biển. Chuyến tàu ấy chỉ cho những người đàn ông đi trước, mà lúc đó cũng đâu có tiền để đi hết một gia đình, cho nên, đó là lý do tại sao anh tôi và chồng tôi cùng chết một lượt ngoài biển khơi.

Sau này thì tôi cho là cái nghiệp của mỗi người phải chịu, nhưng hồi ấy chưa bao giờ tôi lại cảm thấy mình bị mất mát khổ đau như vậy. Mất một người anh ruột thịt, mất luôn cả người bạn đầu gối tay ấp, tôi thấy mình bơ vơ giữa giòng đời đầy nghiệt ngã, và không làm sao quên được những ngày hạnh phúc cũng như khổ đau trong tình anh em, chồng vợ. May là tụi này chưa có con, vì vừa lấy nhau xong được ít lâu thì anh ấy đi tù, và khi anh ấy về tụi này không dám nghĩ tới chuyện có một đứa con vào lúc ấy. Bởi vì anh ấy chỉ nghĩ đến chuyện ra đi, tìm một tương lai tốt đẹp rồi mới nghĩ tới chuyện có những đứa con. Tôi không biết bây giờ bạn có mấy đứa con rồi, nhưng tôi làm nhà giáo, hằng ngày tiếp xúc với học trò và phụ huynh học sinh, tôi hiểu nỗi khổ của nhiều bậc cha mẹ, hình như họ cứ càng ngày càng tuyệt vọng đi vì không lo nổi cho con đầy đủ cơm ăn áo mặc.

Khi được báo tin chuyển tàu của anh tôi và chồng tôi đi bị mất tích trên biển Đông, vì trông chờ mãi mà không có tin về. Người ta cho biết cơn bão tháng mười hai năm ấy đến bất ngờ quá, hầu như tất cả những chuyến ra khơi vào mùa bão ấy đều không có chiếc nào tới được bến bờ bên kia, chiếc nào may thì quay ngược trở về, nhưng cũng lâm vào cảnh tù tội. Giá anh ấy đừng chết, có phải tù tội thì tôi cũng còn hy vọng gặp lại anh ấy, nhưng phần số con người có lẽ trời chỉ cho có bấy nhiêu, thành ra lần ra đi ấy ai ngờ lại là lần biệt côi thiên thu.

Có lẽ bạn cũng hiểu cái đau khổ của tôi, vì ít nhiều gì chúng ta cũng có những nỗi khổ gần gần giống nhau. Tôi không còn tâm trí đâu để tiếp tục dạy học, vì ngồi đâu tôi cũng nhìn thấy anh ấy, nhất là những kỷ niệm quá mới mẻ của một đôi vợ chồng trẻ, những buổi tối nằm bên nhau, anh ấy vẫn thủ thỉ bàn với tôi nhiều chuyện ở tương lai. Anh ấy cho rằng phải chấp nhận lấy điều may rủi như số mệnh của Trời đã đặt để cho mỗi con người, và sự ra đi của anh ấy chưa biết như thế nào, nhưng ít ra cũng đốt lên được một

ngọn đèn hơn là ngồi nguyên rửa bóng tối.

Bốn năm tôi xa anh trong thời gian tù tội, nhưng vẫn có hy vọng anh ấy trở về, còn lần vượt biển ấy tôi cứ linh cảm như là lần cuối cùng chúng tôi sẽ không bao giờ nhìn thấy nhau nữa. Hình như giác quan thứ sáu của tôi khá nhạy bén, bởi vậy khi anh ấy sắp đi, nhiều lần tôi cứ muốn cản anh ấy đừng đi nữa, nhưng bạn có tin rằng, cái gì đến nó sẽ đến, không ai cưỡng chống được cái giờ của định mệnh. Sau đó, tôi và người chị dâu thường tới ngôi chùa này, đó là một ngôi nhà thì đúng hơn, của một người chị họ không lập gia đình, có căn tu, đã sống nhiều năm ở đây với một nhóm cùng chí hướng, rồi dần dần căn nhà biến thành một ngôi chùa nhỏ, chuyên làm việc phước thiện, bốc mạch và hốt thuốc cho dân nghèo.

Thời gian đầu sau ngày anh ấy chết, tôi tìm tới đây để cầu nguyện cho hương linh anh tôi và anh ấy được siêu thoát, vì trong lòng tôi lúc ấy, lúc nào cũng chỉ nhìn thấy linh hồn họ ướt át, lạnh lẽo dưới đáy biển sâu. Tôi chỉ nhìn linh hồn anh ấy qua lăng kính một người trần tục, vì thế tôi thương xót và đốn đau khi mỗi lần nghĩ về anh ấy, là tôi trông thấy hiển hiện một khuôn mặt, một đôi mắt, những giây phút hoảng hốt và chống chọi tuyệt vọng với cái chết. Thành ra khi tôi tưởng rằng mình cầu cho anh ấy được siêu thoát, thì chính tư tưởng tôi lại nhận chìm linh hồn anh ấy xuống đáy biển sâu, vì tôi nghĩ như thế nào nó sẽ ra như vậy. Phải mất nhiều tháng ngày tâm hồn tôi vẫn cứ đi vào con ngõ âm u của tuyệt vọng. Tôi nghe tiếng chuông chùa mà lòng lại nặng nề những âm thanh gào thét của sóng biển, những tiếng kinh chi có nghĩa là những lời than van của bao linh hồn bất hạnh đang đòi lại mạng sống của họ, vì bị chết một cách tức tưởi giữa lúc còn đang mang trong lòng bao niềm hy vọng. . .

Làm sao nói hết bạn nhỉ nỗi đau xót ấy, nếu không có ngày tôi nhìn ra được chân lý về thân phận của những hạt cát trên bãi biển. Có ngàn ngàn hạt cát

nằm trên bờ biển, có hạt theo con sóng đẩy vào bờ để làm bạn với những hạt cát khác, rồi hôm nào hạt cát ấy lại được đẩy ra biển khơi, hay theo gió cuốn tới một nơi nào đó. Tôi nghĩ lại thời gian tôi và anh ấy sống bên nhau, thì có khác gì sự lẫn lộn của hai hạt cát trong muôn vàn hạt cát, do cơ duyên hay định mệnh mà đưa đẩy đến với nhau. Bây giờ anh ấy ra đi, thì chỉ là một sự thay đổi chỗ ở của một hạt cát. Có khi chính tôi bi thảm quá nhiều cho cuộc đời của anh ấy, mà không hiểu hết ý nghĩa của sự giải thoát.

Từ đây, mỗi khi buồn tôi hay nghĩ tới hạt cát. Hạt cát óng ánh ngoài biển khơi, hạt cát nằm trong khuôn viên trường đại học với những tiếng chim hót, hạt cát đi theo gót chân người thiếu nữ rong chơi trên hè phố chiều thứ bảy, hay hạt cát trên sa mạc nắng cháy, thì có phải là mỗi hạt cát đã có chỗ để tới? Sao tôi không chịu nhìn hạt cát với cái nhìn lạc quan như thế, để thấy dù ở nơi nào, bên này hay bên kia, thế giới loài người hay cõi của tiên phật, thì có phải chẳng mỗi con người vẫn chỉ là hạt cát, nó cứ đến cứ đi, cứ hòa nhập vào cuộc đời chung quanh nó. Dần dần thì tôi nhìn thấy linh hồn anh ấy bay vút lên, theo cái nhìn đổi khác trong tâm hồn tôi, như người ta thường nói khi mình nhìn ai với cái nhìn đẹp, thì mình sẽ thấy được cái đẹp của họ, mà hễ với cái nhìn nghi ngại, thì chính là mình đã áp đặt cho người ta điều xấu. Đúng không bạn nhỉ? Cái này lại dẫn đưa tôi đến một phiên diện khác của tư tưởng, và tôi cho là con người vốn sướng hay khổ là do chính tư tưởng của mình dẫn lối đưa đường. Bây giờ mỗi khi nghĩ về anh ấy, tôi chỉ nhìn thấy linh hồn anh ấy thênh thang trên một con đường mà tôi chưa làm sao đạt tới, vậy tại sao tôi không làm điều gì để dù hai đứa hai ngã, tôi vẫn có thể đồng hành với anh ấy một nẻo đường hờ bạn? Điều suy nghĩ này khiến lòng tôi lâng lâng nhẹ nhõm, đôi khi tôi thấy mình là một giòng sông, lượn lờ quanh những ruộng đồng thơm phức mùi lúa chín. Đôi khi tôi thấy tâm hồn mình là một vùng thảo nguyên bát ngát, đi mãi vẫn chưa tới chân trời. Lắm khi tôi

thấy mình bay lên đỉnh núi, hòa nhập vào với cái tĩnh lặng của thiên nhiên. Hay là tiếng sóng biển rì rào vỗ vào ghềnh đá, như là không lại nhập vào không để đi về một chốn không có gì hết. Kỳ lạ lắm, tôi không tả nổi được điều này vì tôi vẫn còn mang thân xác của một con người phạm tục, vẫn phải ăn khi đói, uống khi khát, và vẫn ốm đau bệnh tật. . .

Đó là một trong những trạng thái biến chuyển của tâm hồn tôi cần kể bạn nghe, còn thì giờ đây tôi có nhiều việc để làm lắm. Trước tiên, bạn sẽ ngạc nhiên nếu hôm nào tới đây, bạn sẽ nhìn thấy tôi chăm chú ngồi bắt mạch cho một người bệnh để bốc thuốc cho họ. Khi tôi cầm tay họ, và nhìn thấy sự tin tưởng của họ đến với tôi, tôi cảm thấy ngay được sự chia xẻ niềm vui và nỗi khổ cho nhau, vì thế mà tôi thấy khi mình cứu người lại chính là mình đang cứu mình, từ nỗi khổ của người mình nhìn ra nỗi khổ của mình, và có lẽ vì vậy mà tôi tìm được tôi trong những giao tiếp đó với tha nhân.

Bây giờ lắm khi tôi ngồi yên nghe tiếng gió thổi lướt qua rừng chuối sau hè, tôi lại mỉm cười cảm ơn anh ấy. Có mâu thuẫn lắm không hở bạn? Nhưng chính sự ra đi vĩnh viễn của anh ấy đã khoác cho tâm hồn tôi một chiếc áo mới, tốt đẹp hơn, lành lặn hơn, dù bạn nhìn tôi bây giờ, chắc chỉ thấy chiếc áo màu lam ảm đạm, phải không bạn?"

* * *

Mùng một Tết năm đó , tôi ở lại chùa với cô bạn cũ trọn vẹn một ngày đầu năm. Bữa cơm trưa thanh đạm của chùa chỉ có rau đậu, măng khô và nấm tươi, nhưng tôi có cảm tưởng chưa bao giờ ăn bữa cơm nào ngon hơn thế. Buổi trưa, Trinh theo các bạn đồng tu vào tụng kinh cầu an và cầu siêu giờ cúng Ngọ, tôi cứ ngồi đằng sau mà nghĩ hoài tới những hạt cát bạn tôi vừa kể cho nghe. Tôi nhìn dáng ngồi ần ần của bạn tôi trong màu áo lam, rồi bất chợt nhìn ra khoảng sân đầy bóng mát, tôi thấy những cánh mai đã rụng đầy trên mặt đất như một tấm thảm màu vàng tuyệt đẹp. Hoa mai nở trên

cánh, hay những cánh hoa tả tơi trên nền đất, ở mỗi chỗ vẫn mang cái đẹp riêng của nó, hay là lúc ấy tâm hồn tôi đã có chút đổi khác, khi nghe xong câu chuyện của bạn tôi vào một sáng đầu Xuân.

Nguyễn Nhung, 2002.

(Trích "Tín ngưỡng Á châu", đầu tháng 7-2004

Nguyễn Nhung

Mẹ Quất

Người ta đưa Quất về nhà vào khoảng giữa tháng chạp Âm lịch, lúc ấy trời sắp sang Xuân, chỉ thỉnh thoảng còn vài đợt gió lạnh từ miền Bắc thổi về. Y như một cô dâu mới về nhà chồng, khăn áo lượt là, Quất khoác một chiếc áo vàng màu hoàng hậu, khiến căn phòng khách sáng rực hẳn lên.

Bóng dáng xinh đẹp của Quất dường như đem cả mùa Xuân vào căn phòng ấm, ông chủ nhà là một tay sành văn chương, đã âu yếm tặng cho Quất cái mỹ danh là cô "Kim Quất", như người ta vẫn gọi những người con gái đẹp là Kim Cương, Kim Hồng, Kim Hạnh v. v... Kim Quất vốn quê mùa, từ ngày sinh ra cho tới lúc lớn lên, trời cho có chút nhan sắc xinh đẹp tự nhiên, lại dễ sống cho nên mùa Xuân đến thì cô mượt mà lắm, nay lại được đem vào chỗ cao sang, nhà cao cửa rộng, Kim Quất bỗng thấy đời tung bừng lắm, dù chưa biết cái khổ của cảnh "cá chậu chim lồng".

Chỉ vài hôm thôi, Kim Quất nghe đã nhảm tai những câu khen tặng, ông đi qua bà đi lại không ngớt tâng tui cô Kim Quất trẻ tuổi. Người ta khen cây rồi

lại khen người, khen ông chủ nhà khéo chọn được cây Kim Quất xum xuê, tươi tốt, đầy những quả vàng óng, báo hiệu một năm gia chủ sẽ thịnh vượng, sung mãn, làm gì được nấy. Quất chẳng hiểu gì về sự liên quan giữa mình và con người kia, vì chuyện Quất sinh hoa kết quả là chuyện tự nhiên của trời, đất nuôi Quất và trời ban mưa nắng cho Quất thì Quất lớn, chứ tại sao một người mang Quất về nhà vì thế có thể bỗng chốc thành công mọi mặt. Hóa ra người vẫn hay tin nhảm, cho nên mới sinh chuyện con yêu con ghét trong nhà, hễ đưa con nào ra đời mà cha mẹ làm ăn khấm khá thì ai cũng khen ngợi, còn đưa nào lúc sinh ra cha mẹ gặp vận rủi, lại được đồ thừa là cái nợ phải trả...

Ở trong nhà vài hôm, Quất mới thấy được sự gò bó của những thứ kềm kẹp như hơi thở, đồ đạc, tay chân con người không để Quất yên. Đầu tiên là cái máy sưởi, vì trời còn lạnh nên người ta phải dùng thứ máy nóng để làm căn nhà ấm áp, và vì thế mà Quất đâm ngột thở. Mới đầu Quất cứ thấy khô khô, lá tự nhiên không tươi tắn như ở ngoài trời, người Quất như khát nước kinh niên, trạng thái này Quất chưa bao giờ thấy. Bây giờ thì Quất ghét cay đắng phòng khách chật hẹp này, nó bóng lộn những thứ đồ đạc đắt tiền, nhưng chúng nó đâu biết thở như Quất. Họ có cho Quất uống nước đó chứ, nhưng khí trời thì họ không cho được, bởi vậy Quất đâm khó chịu như người quê mùa đến nhà kẻ giàu sang, ăn được bữa cơm cứ rón rén như xin của bố thí. Nếu là người thì thà Quất cứ ở cái chỗ quê mùa, nghèo hèn, nhà tranh vách đất để mà được tự do thở, tự do ăn, chứ ở đâu mà cứ nem nẹp khó chịu, đâu có "com vàng canh bạc" Quất cũng chẳng ham.

Quất còn phải ở trong nhà cho đến hết tháng giêng, ngọt ngạt vì cái máy sưởi và tiếng cười nói râm ran của khách tới thăm chúc Tết gia chủ. Nhờ thế Quất mới có dịp thấy rõ sự mệt mỏi của con người, khi bị đóng một màn kịch quá lâu đến nhàm chán. Cũng bấy nhiêu câu chúc được nói đi nói lại,

nhất là trong ngày đầu Xuân thì họ cứ như một cái máy hát cũ, ca hoài một bản nhạc có bấy nhiêu lời đã đầy hai lỗ tai.

Trước tiên thì những thứ rượu, mứt, thịt thà đã làm người ta thấy đầy cả bụng, còn nói nhiều quá cũng làm người ta rất cả họng, thành thử xem vậy trong xôn xao đã có mùi nhàm chán. Ông bà chủ vừa ngả lưng thiu thiu, đã có một hồi chuông giục ngược dậy. Cái mặt đang cau có vì mệt mỏi và mất ngủ, ông chủ nhà đã phải vội vàng khoác lấy bộ quần áo tề chỉnh ra đón khách, bà chủ nhà cũng mau mau lấy lại nụ cười cho "mặt hoa da phấn" đỡ ỉn ỉu, rồi lại một điệp khúc cũ mèm được tái diễn, Quát thấy chẳng có gì là thi vị cả. Bây giờ thì ông chủ không còn ngồi ngắm nghía cô Kim Quát của ông như hôm mới đem về, ông buồn buồn đưa tay bứt một quả để nhấm nháp, và ông tỉnh hẳn người khi thấy nàng quất xinh đẹp vậy mà cũng chưa ngoa đảo để.

*

* *

Sang tiết tháng Hai trời mát mẻ dần lên, Quát cũng sắp sửa được ông chủ cho "hạ thổ" khi nhìn thấy nét ỉn ỉu của nó. Lũ trẻ con tới nhà đã ngửa tay bứt những quả quất chín để chơi, vài chiếc lá đã héo nằm cong xuống khiến Quát đâu còn mượt mà như hôm nọ. Đàn bà con gái lấy chồng chỉ đẹp nhất hôm cưới, bây giờ thì Quát cũng quen mắt mọi người, không thấy ai nhìn Quát để trầm trồ nữa. Bà chủ đã hái những quả quất để chế biến thành thứ thuốc trị ho, cho nên cành lá lại càng thêm xơ xác.

Khi biết ông chủ quyết định đem Quát ra vườn, Quát mừng lắm, y như người quanh năm làm ăn nơi phồn hoa đô hội, bỗng được trở về quê cha đất tổ với gió đồng cỏ nội, khiến Quát xôn xao và tỉnh hẳn người khi được trở về với đất. Đất chính là quê hương của Quát, là mẹ, là cha, là mạch máu khi

rễ lớn rễ nhỏ được chạy nhảy luồn lách vào đất, như đứa trẻ được nhảy nhót trên con đường làng ngoằn ngoèo mát rượi. Thử đất trong chiếc chậu chật hẹp kia chỉ là đất tạm, dù rằng người ta đã đem Quất đứng vào cái chậu sứ thật đẹp, bên ngoài vẽ phụng vẽ rồng. Bao nhiêu năm tháng Quất co mình lại trong chiếc chậu chật hẹp đó, với một dùm đất cón con. Quất hiểu lắm thứ tự do khoảng khoát của đất, khi đất bị nhốt vào chậu, đất cũng buồn bã như cây, đất và cây gặm nhấm nỗi buồn trong chiếc chậu hẹp, vì thế mà đất cần cỗi, vì thế mà cây xác xơ.

Quất thấy ông chủ ngắm nghía tìm cho Quất một chỗ đứng trong khu vườn rộng mà lòng lại nôn nao. Góc vườn kia đã có một chị bưởi, một anh cam, và thêm một cây hoa đào nữa. Những người hàng xóm này chắc ngày xưa lúc mới về cũng ngỡ ngác như Quất, nay thấy họ đã có một chỗ đứng vững chãi lắm. Cuối cùng sau khi ngắm nghía mãi, Quất được ông chủ đặt gần kề cây hoa đào, vì vào mùa Xuân, từ góc vườn này gia chủ có thể nhìn thấy những cánh hoa đào, hồng hồng xinh xinh như môi thiếu nữ, và cũng có thể nhìn thấy Quất mặc áo vàng để khoe sắc với chúa Xuân.

Bây giờ là lúc Quất phải hội nhập vào thế giới của cây cỏ, phải làm quen với đất vì đất vốn hiền lành không nói năng, nhưng muốn được nó chấp nhận cũng đâu phải một ngày là nên chuyện. Ra đến ngoài vườn, Quất thở phào, vốn quê mùa giản dị, Quất bám ngay vào đất, như kẻ tha hương ngộ cố tri. Còn nỗi mừng nào đang lúc khát lại được bát nước uống, hay đang cần tâm sự bỗng vớ được người tri kỷ. Quất cần đất như con người cần hơi thở, nhất là giữa tiết Xuân mát mẻ, tâm hồn Quất phơi phới để chẳng mấy chốc lại nảy lộc đơm hoa.

Bắt đầu từ đây Quất thực sự hưởng không khí tự do sau bao nhiêu ngày tù túng ở trong nhà. Khoảng vườn rộng được chia ranh giới hằn hoi, bọn hoa cảnh được chủ nhân trồng ở trước sân, từ trong nhà bước ra đã thấy bao

nhieu là hoa hồng, cẩm chướng, cúc tím, cúc vàng. Lũ cây ăn trái như Quất được chủ nhân chia riêng một khoảng đất trồng ven bờ rào, bởi vì trong tương lai với đà phát triển, những vùng ven thường là nơi cung cấp lương thực và là nguồn sống cho cả nước. Chả thế cứ nhìn những đồ án của con người đã thấy ngay sự phân chia này. Nhà máy, cơ sở sản xuất bao giờ cũng phải nằm những nơi xa xôi hẻo lánh, còn cơ quan chính phủ thì chễm chệ trong những khu phố xá sầm uất.

Tuy thế, cảnh quê mùa này vẫn thích hợp với tâm hồn Quất, vốn vẫn không bao giờ muốn chen vai thích cánh với bọn hoa hoét lòn lẹt ở khoảng sân tù túng kia. Thỉnh thoảng gia chủ lại mời khách khứa tới chơi nhà, lũ hoa cảnh được chăm chút cẩn thận để trang trí và để khách ngắm nghía thưởng ngoạn, được vài hôm đã rũ rượi, rơi rụng cả xuống sân, chẳng còn ai ngó ngang gì nữa. Thương thay cho những bóng sắc hào nhoáng bên ngoài, đầu hôm sớm mai đã ảm đạm, tàn tạ. Quất và lũ bạn bè nhà quê cứ ăn chắc mặc bền, lộc non đâm ra rồi cũng thành lá, hoa nở rồi thành quả, cứ thế mà lớn lên xôi xối như con nhà nghèo, cơm dưa cà quanh năm mà vẫn khỏe mạnh.

Thích nhất là những đêm trăng, vì đây là ngày hội của đám cỏ cây trong vườn. Nhìn trăng khuyết Quất cứ mơ trăng tròn, vì dưới ánh trăng mập mờ huyền ảo, Quất thấy tất cả những lá hoa, cây cỏ đã trở nên huyền mộng, những chiếc bóng lá rung rinh dưới ánh trăng bàng bạc, chỗ nào cũng xinh đẹp tinh tú, cây nào trông cũng đáng yêu. Trăng đã sáng mà trời lại gió, gió đẩy đưa cho lá đong đưa, lúc ấy cả khu vườn cùng khiêu vũ dưới ánh trăng, chắc gì trần gian đã có những buổi dạ vũ đêm trăng tuyệt vời như vậy.

Quất ngắm nghĩ đến bọn người hay nhảy nhót, xập xình với nhau trong những căn phòng mờ mờ tối, ngọt ngào mùi nước hoa và khói thuốc, người này thổi ra người kia hít vào, Quất lại càng thương hại. Trong những chỗ chật chội ấy, những thân người quay cuồng, quần quýt lấy nhau, sao bằng được

nơi gió mát trăng thanh này, cành lá cứ xôn xao thì thảo to nhỏ, trong đêm khuya hoa cỏ toát mùi hương thanh khiết, ngọt ngào. Không có gì hơn là hãy để tâm hồn hòa nhập với thiên nhiên, và không có gì hơn những mùi hương giản dị của cây cỏ phảng phất trong không gian.

*

* *

Thời gian này là thời gian để Quát làm quen với mưa nắng cuộc đời, và cũng vì sự hòa hợp âm dương của trời đất, Quát cứ lớn lên như thổi. Quát có già dặn hơn, cành lá đã um tùm hơn vì Quát đã thích nghi được với khí hậu bất thường của trời đất. Đây là một kinh nghiệm sống quý giá mà Quát rất hãnh diện, biết khả năng của mình tới đâu và biết sức sống của cây cỏ cũng như con người đến mức nào. Đúng là "trời sinh voi, sinh cỏ", Quát dư sức chịu được cái nóng của mùa hè, cái lạnh của mùa Đông, và điều mà Quát thích nhất là thảnh thơi lại được tắm gội dưới trời mưa. Lúc ấy mẹ con Quát tha hồ mà ngả nghiêng, đùa giỡn dưới gió và mưa, hai lão ấy đã có từ đời trời sinh ra đất, già lão mà còn chơi lắm trò mạnh bạo, có khi cứ vùi dập lũ cây cỏ dưới những đợt gió và nước ào ạt. Quát nhìn các chị em xung quanh, thì tâm trạng ai cũng thích trời mưa, như trẻ con thích tắm mưa, thích đuổi nhau trong những cơn hẻm ngập nước để nước văng lên tung tóe. Quát vui tính, hồn nhiên như con trẻ, có lẽ nhờ sống giữa thiên nhiên, Quát thấy tâm hồn mình khoáng khoáng, bao dung. Nếu sống trong căn nhà đóng kín cửa kia, có lẽ Quát cũng sẽ nảy sinh tính ích kỷ, đóng kín đời mình trong bốn bức tường không bạn bè với ai, có ngày cũng chết trong sâu muộn. Thăm thoát mà Quát đã sống trong khu vườn này được mấy năm, cứ sinh hoa kết quả, lũ con này ra đời rồi đi, lũ con khác lại được sinh ra và nuôi dưỡng. Quát không nề hà gì việc sinh nở, vì trời sinh Quát thế. Nó có thể ra hoa quanh năm, trái

đang đầy cành mà hoa đã trắng xóa. Bây giờ thì những người hàng xóm đã gọi Quất là Mẹ Quất, dù vậy Quất chỉ hơi già thôi, chứ nét xuân sắc của Kim Quất năm xưa vẫn còn phảng phất trong chùm hoa trắng, vẫn nồng nàn trong buổi sáng còn ướt sương, khiến có người đi qua vẫn phải có lúc tưởng nhớ một mùi hương. . .

Chị Bưởi, anh Cam, chị Quýt trong khu này ai cũng bảo Mẹ Quất sung sức, nhà cửa lúc nào cũng riu rít trẻ con. Cứ ngắm nhìn sức cru mang của Mẹ Quất mới thấy ông trời cũng khá hào sảng khi cho Mẹ Quất một sức khỏe bền bỉ, dẻo dai. Nếu ví mỗi đứa con là một tác phẩm của một nhà văn, thì ôi thôi mẹ Quất đã sáng tác lu bù trận. Có đứa cũng lớn lên thành người, có đứa cũng chết non chết yếu khi mới đơm hoa kết trái, có đứa nửa chừng đã từ già mẹ đi vào lòng đất lạnh. Bỏ đi những đứa con non yếu, thiếu tháng, đa số con của mẹ Quất đều nên người, chẳng gì cũng được chế biến với mật ong, thành món thuốc để con người thấm giọng khi ho hen, cảm mạo. Nó cũng là món trái cây để giải khát những ngày hè nóng nực, vị Quất thơm, uống tới đâu thấm tới đó, chứ nó không chua lè như chanh, mà cũng không đắng như bưởi, lại không nóng như Quýt. Nghĩa là ở Quất người ta vẫn thích thú chút chua chua dôn dốt của từng múi Quất, mà cũng có thể nhắm nhẩn chút vỏ hơi the the, giòn ngọt, Quất bé nhỏ hiền lành nhưng hương vị lại đậm đà khó quên là thế.

Qua những tháng năm dày dặn nắng mưa, gió bụi, thời tiết đối với Quất như là những đắng, cay, ngọt, bùi trong cái "nhân tình thế thái" của con người, hay những vinh nhục, thăng trầm mà hầu như con người nào cũng có lúc trải qua. Nếu không trải qua sự thử thách đau khổ đó, Quất nghi ngờ rằng những con người đó không đào đâu ra được chiều sâu của tâm hồn. Chuyện sinh ra, lớn lên rồi chết, đã là điều tự nhiên mà bất cứ một vật gì hiện hữu trên cõi đời này đều phải trải qua, nhưng nếu không có những thử thách và đau khổ

để tôi luyện, đòi xem ra cũng vô nghĩa. Quát nghiệm ra rằng cứ mỗi một đổi thay xảy ra trong đời Quát, đều là một bài học để Quát ghi nhận.

Đã có lúc Quát cảm thấy chút ganh tỵ của chị Bưởi, khi chị tuy to quả nhưng lại đáng lòng, người ta vồ vập lấy chị nhưng rồi lại không thiết tha, vì lẽ chị đã the lại còn đáng. Gặp những khi bưởi còn non, mà lắm kẻ ngựa ngáy chân tay đã bứt khỏi thân cây mẹ, đáng ghét như bò hòn, con người bạc bẽo làm sao, sau khi không dùng được chị, người ta lại tổng vào thùng rác, làm bạn với những thứ dơ bẩn khác.

Cô Quát ngày xưa nay đã già, không còn mượt mà mãi với thời gian, cành nhánh đã xù xì những mảng da cóc khô queo, nhưng sức chịu đựng và việc sinh sản thì dễ ai bằng mẹ Quát. Có lắm lúc kiệt sức, mẹ Quát không đủ sữa nuôi con, vì thế mà những chiếc lá cứ nhỏ dần đi, và có những nụ hoa ra trái mùa, có kết quả cũng chỉ bé tẻo teo, rồi lần lượt rụng cả.

Đó là những mùa Đông rét ghê gớm, cây nào cũng được gia chủ phủ trên mình những chiếc khăn lông cũ, hay những tấm ni lông để làm chắn đắp đỡ qua những tối trời Đông. Nhắc tới đây mẹ Quát không khỏi rùng mình, khi nhớ lại một đêm trắng mùa Đông, sao cũng là trắng mà trắng mùa Đông lại lạnh lẽo, nghiệt ngã như một mụ phù thủy. Cả khu vườn và những thứ cây lá cồng lại, gió thổi phàn phật những tấm ni lông như những mảnh khăn tang pháp phới trên những mái đầu, mẹ con Quát co lại với nhau nghe tiếng gió rền rĩ ngoài không gian, chịu đựng suốt những đêm trường băng giá.

Cũng may là sáng hôm sau trời lặng gió, mặt trời lại hí hửng trải xuống trần gian những tia nắng ấm áp. Khi được chui ra khỏi tấm chắn bản, Quát đã nhìn thấy nỗi đau khổ và ử ê của những chị em, bạn hữu quanh mình. Có trải qua những lúc ấy Quát mới thấm thía rằng đứng trước những nghịch cảnh, thiên tai, va chạm với nỗi đau và sự sống chết để tồn tại, quả thật định mệnh hai chữ mà con người cần phải viết hoa mà ghi nhớ. Thế nhưng, qua những

con sóng gió ấy, Quát lại hồn nhiên an ủi mình: "Sau cơn mưa trời lại sáng" , chứ đâu dám trách trời sao có lúc cũng nóng lạnh, vui buồn để làm khổ con người và cây cỏ.

Mẹ Quát được trời sinh bản tính dễ vui dễ buồn, đã quen với sự khắc nghiệt của trời đất, nên vì thế mà chịu đựng được tất cả những đổi thay, ít khi nào gậm nhấm một nỗi buồn giận ai lâu trong bụng. Vì thế mà "sau cơn mưa trời lại sáng thật". Đó là món quà quý trời phú cho mẹ Quát , để mẹ Quát cùng lũ con yêu đời trở lại, để vẫn làm hết nhiệm vụ của một kiếp cây mà ông trời đã giao cho từ khi có mặt trên trái đất.

Hiểu được điều đó mẹ Quát không cảm thấy mình thừa thãi và buồn bã, khi so sánh mình với những bạn bè may mắn, xinh đẹp, ngon ngọt hơn. Con đường dẫn tới "sinh, lão, bệnh, tử" chẳng chừa một ai, từ công hầu cho đến giai nhân ai cũng phải chết, tài giỏi, giàu có tới đâu cũng có lúc bỏ lại tất cả, xuôi hai tay mà đi. Lắm khi nghĩ tới phận mình một lúc nào không còn hiện hữu trong cuộc đời, chẳng còn ai nhớ đến mình nữa, lòng mẹ Quát cũng se se buồn, nhưng cứ nhìn quanh thì đâu có gì tồn tại mãi. Những mảng cỏ xanh hôm nào nay đã vàng úa xác xơ, những lá liễu gặp tiết đông về cũng rũ xuống những sợi vàng lê thê trên mặt cỏ, những bông hoa hồng, hoa cẩm chướng xinh đẹp là thế mà chỉ vài hôm đã tàn tạ, héo úa. Lá chưa vàng đã rụng, hoa chưa thắm đã tàn, bao nhiêu điều bày trải trước mắt mẹ Quát há chưa phải là một bài học để ghi nhận sao?

Bởi thế khi mùa Xuân trở lại thì mẹ Quát vẫn hớn hờ cười với gió Xuân, vẫn khoe những chiếc lá non dưới nắng Xuân dịu dàng, vẫn cố đơm những chiếc hoa xinh để khu vườn vẫn thơm ngát mùi cây cỏ. Mẹ Quát tuổi cao nhưng không già, già hay trẻ là ở mình, dầu có trăm tuổi mà tâm hồn vẫn hồn nhiên, vui vẻ thì đời vẫn trẻ.

Sau mùa Đông buốt giá như mùa Đông năm nay, chỉ có bụi chuối ở góc

vườn là chết hẳn, vì nó không sống lại khi mùa Xuân tới. Những tàu lá chuối khô phơ phát bay trong gió, như những cánh tay dài ngoẵng đang vẫy vẫy giã từ đám bạn bè cây cỏ còn lại trong vườn. Cái vẫy tay như một nhấc gửi, cuộc đời vốn đã vô thường thì sống hay chết cát bụi vẫn chỉ là cát bụi./.

Một Thoáng Âu Châu

Vâng, tất cả chỉ là một thoáng, như bao nhiêu nơi chốn, con người, hình ảnh trong dòng đời đã trở thành một thoáng trong ký ức của tôi. Chuyến đi xa mùa hè năm nay, tôi theo chân phái đoàn Hoa Bưởi Vượt Đại Dương tại Houston , làm một chuyến viễn du thăm Âu Châu. Chuyến bay đưa tôi đến vùng trời xa, vượt qua Đại Tây Dương , đến Paris vào một ngày đẹp trời hừng nắng. Tám tiếng đồng hồ ngồi trên phi cơ ngủ chập chờn, có lẽ vì chói ánh đèn từ chỗ ngồi của một cô sinh viên đang soạn lại bài vở sau chuyến đi xa. Suốt ngày hôm trước tôi gần như thức trắng để chuẩn bị cho một chuyến đi dài, hai tuần lễ với một chương trình biết trước là mọi người sẽ phải chạy như ma đuổi.

Buổi Sáng Ở Paris

Mãi suy nghĩ và ngắm phong cảnh hai bên đường, xe chui qua những hầm cầu, có lúc xe đã đi ngang khúc đường hầm gây nên cái chết oan nghiệt cho

công nương Diana và người tình của cô.

Hơn nửa tiếng đồng hồ, xe chạy vào thành phố, sau khi đem hành lý vào khách sạn, buổi sáng đã thấy nhiều người khách dậy sớm đang lục tục đi xuống. Giờ đây tôi đang đứng trên con đường thuộc quận 13, vài bà đầm đang dẫn chó đi bộ, mấy chú chó vô tư làm vệ sinh dưới gốc cây trước mặt mọi người, vì thế mà người ta hay dặn dò nhau khéo đạp “mìn” khi mãi dáo dác nhìn người qua kẻ lại. Đa số là những người đi làm, đi chợ sớm, đẩy theo một cái xe có một túi tựa tựa như cái valy nhỏ. Mới đầu tôi tưởng họ cũng là du khách như mình, nhưng sau quan sát kỹ mới biết họ chất đầy thực phẩm trong đó, thêm một ổ bánh mì “baguette” cầm tay dài thông, thế cũng tiện, Tây ăn bánh mì như người mình ăn cơm. Đường xá ở Paris rất chật, ngoại trừ một vài con đường nổi tiếng trong phim ảnh là thênh thang, hầu hết phương tiện của người Paris là xe điện ngầm, đường chỉ đủ cho hai xe lách nhau vừa khít, và chỗ đậu xe thì lại càng hiếm hoi hơn nữa.

Người Paris lái xe thiện nghệ hơn các nơi khác, kể cả xứ cao bồi Texas cũng chào thua kiểu lái xe như lúc nào cũng có thể đâm xầm vào nhau ở Paris . Ngày xưa chắc những lòng đường hẹp này chỉ dành cho xe ngựa của vua chúa hay người giàu có, trong khi đó hai bên vỉa hè lại khá rộng, người đi lại thông dong như những kẻ nhàn tản nhất thế gian, hèn gì có người đã bảo “phong cách người Paris rất Paris” là vậy. Xe thì nhỏ, chỗ đậu xe rất hiếm và chật dọc theo đường phố, tôi đã tò mò đứng từ cửa sổ của một tiệm ăn nhìn xuống xem cách một người lái xe đã lách làm sao để có được một chỗ đậu xít xao giữa hai chiếc xe khác. Rất ngộ, và tự nhiên đến không thể nào nghĩ được, chiếc xe lách vào húc tỉnh bơ vào đuôi chiếc xe trước cho nhích lên một tý, và lại thản nhiên gie lui đụng vào chiếc xe phía sau, thế là gọn gàng

tìm được một chỗ đậu chỉ cách nhau khoảng hai gang tay, cừ thật!

Chưa có một đồng Euro nào trong túi, hỏi thăm vài du khách cũng từ Mỹ sang, họ chỉ cho vài chỗ để đổi tiền. Ngay đầu đường gần về khách sạn Le Baron, có một chỗ đổi tiền mà lúc này người tài xế khi lái xe ngang đã chỉ cho tôi. Ngạc nhiên vì mới sớm mai mà đã thấy một đoàn người rồng rắn xếp hàng đi xin trợ cấp, trông họ buồn rầu, nhếch nhác khiến kẻ mới đến phải rung mình nghĩ đến cảnh nghèo nhóc của lớp người nghèo trên thế giới, ảnh hưởng bởi cơn sốt kinh tế toàn cầu. Một người mới quen rất tử tế chỉ cho một chỗ đổi tiền gần siêu thị, nhưng cần dặn phải cẩn thận, và nhất là đừng móc ví ra mà bố thí cho một vài hành khất ngồi đó đây chờ đợi. Ôi cha, coi bộ nhiều thứ để phải “coi chừng” như lời anh dặn dò, chúng tôi vội vã đi nhưng lòng không được thoải mái lắm...

Có tiền rồi là nghĩ đến ăn, paté, jambon của Pháp nổi tiếng thế giới, một tiệm bánh mì của người Việt ngay đầu đường trông thật hấp dẫn, giá một khúc bánh mì không rẻ, nhưng chắc phải ngon, mà ngon thật, cái ngon này sau khi về nhà tôi mới nghĩ ra. Ở nhà phải kiêng khem nhiều món cho cái tuổi già khỏi bệnh tật, khi đi chơi ai cũng nghĩ “lâu lâu xả láng một lần”, nên bao nhiêu chất béo, chất ngọt ai cũng ăn tinh queo, nhưng vẫn phải công nhận là paté của Pháp nổi tiếng trên thế giới, và có thể kết luận rằng bánh mì thịt không nơi nào ngon bằng quận 13 ở Paris.

Đa số những tiệm ăn ở đây đều mang tính chất đa quốc gia, nhưng đâm đầu vào một tiệm ăn để ăn một tô phở Tàu thì tôi khuyên bạn nên suy nghĩ trước khi vào quán. Lạ thiệt! Cái tô phở cũng bĩ bàng nào thịt, nào bánh, nào hành ngò đủ hết, nhưng phở vẫn không là phở, phở mà thiếu hương vị phở thì làm

sao gọi là món ngon quê hương được. Đây là nói đến ban đêm đi chơi sông Seine về, bụng đang đói ngấu, thấy tiệm phở còn mở cửa như buồn ngủ gặp chiếu manh. Thế là ghé vô, ráng hít mãi mà không ngửi được mùi phở hành ngò phả trong gió đêm Paris . Chờ đợi khá lâu tô phở mới được bung ra, ai nấy nhanh nhẩu cầm muống đuũa, xuyt xoạt. Đói thế mà tô nào cũng còn đến phân nửa, một anh quen ở Houston phát biểu cảm tưởng: “No rồi, ngon quá nên ăn không nổi”. Cô hầu bàn vui tính cũng xen vào nói nhỏ với khách: “Phở Mỹ ngon hơn, tui nói chủ đuổi tui cũng nói.”, mọi người cười hỉ hả với nhau, chia tay không hẹn lần sau tái ngộ.

Tôi lại lạc đề rồi, đang nói về bình minh Paris trên phố quận 13, một buổi sáng nắng hanh vàng và hơi lành lạnh như sáng Đà Lạt năm nào. Cuối xuân sang hè cảnh lá xanh biếc và được rắc một lượt nắng nhẹ, êm dềm và dịu dàng như nét đẹp của cô gái tuổi dậy thì. Người đi đường không vội vã, không tò mò trong một vẻ thật khoan thai từ tốn. Nếu bạn chỉ khoác một chiếc áo măng tô nhẹ, rồi hai tay thông thả đánh đưng đưa mà đi vào những con ngõ nhỏ Paris đang ngái ngủ, sẽ hình dung ra vẻ an nhàn đời sống bên trong của người dân Paris . Mùi cà phê thoảng bay trong gió sớm, mùi bánh mì nóng rộm vàng rơm, mùi bơ thơm, những mùi này mới thật là mùi của Paris phả vào gió lạnh và du khách nếu không vội đi đâu, cứ thông thả mà thưởng thức.

Liên lạc được với người nhà , trưa hôm đó chúng tôi được đón về thăm gia đình ở ngoại ô Paris , đúng vào giờ kẹt xe nên mất khá nhiều thời giờ loanh quanh trên các ngã đường kẹt cứng như nêm. Xa lộ tương đối thoáng, nhưng Paris ngoại ô vẫn là những con đường nhỏ vòng vèo, nhà cửa ở đây không đồ sộ, nhưng xinh xắn dễ thương với mái ngói đỏ, nhà nào cũng có lầu nhỏ

nhỏ và ở mỗi ô cửa sổ họ trồng những bụi hoa đủ màu rất đẹp. Đường vô nhà cũng nhỏ như một cái ngõ vắng ở Sài Gòn năm xưa, yên tĩnh với làn gió mát buổi xế trưa, có tiếng chim bồ câu gù gù sau mái hiên.

Buổi tối cơm nước xong thì đã muộn, cả nhà đưa nhau đi một vòng sơ sơ cho khách phương xa thưởng thức vẻ đẹp lung linh, tấp nập của một Paris về đêm. Chiếc xe lăn bánh đi dọc theo bờ sông, loang loáng ánh đèn dưới mặt nước lung linh tuyệt đẹp, những lâu đài, nhà thờ, mờ mờ ảo ảo dưới mặt nước thâm đen, và đặc biệt thân tháp Eiffel như được nạm vàng dát ngọc vươn lên bầu trời nhung thẫm.

Paris về đêm như một người phụ nữ quyến rũ lôi cuốn những con thiêu thân lao vào ánh đèn, đại lộ Champs Elysees là đại lộ lịch sử nổi tiếng thế giới của Paris . Con đường dài khoảng 2 cây số chạy dọc theo suốt chiều dài của quận 8, hướng Tây Bắc của Paris, nối liền quảng trường Concorde là quảng trường lớn nhất của thủ đô nước Pháp, với diện tích 86.400 thước vuông, toà đại sứ Mỹ tọa lạc gần quảng trường Charles de Gaulle, có Khải Hoàn Môn nổi tiếng của Pháp. Nơi hội tụ của 12 con đường lớn của Paris vì vậy xe cộ đổ ra đổ vào suốt ngày đêm nườm nượp. Trong 12 con đường này có một con đường mang tên rất thân quen với người Sài Gòn năm xưa, đó là đường “Bạc Má Hồng” (Mac-Mahon).

Đã có nhiều tài liệu viết về Paris , riêng tôi chỉ vài ngày ngắn ngủi ở Paris cho nên không thể nào đi sâu vào từng ngõ ngách của nơi đây, vẻ đẹp cổ kính và văn minh của nhân loại nhiều thế kỷ. Bây giờ khi xe chạy dọc theo sông Seine, buổi tối ở đây vắng vẻ hơn, chỉ thấy những đôi tình nhân dìu nhau đi dưới bóng cây và ánh sáng mập mờ, vô số những sạp bán sách vở và

đồ lưu niệm đã đóng cửa, bên kia là những quán cà phê vỉa hè, mà người ta hay nhắc đến vì nó là nơi những nhà thơ, nhà văn tụ hội lại với nhau uống cà phê, nghe nhạc tìm nguồn hứng khởi. Đi qua nhà thờ Đức Bà, người ta chen chúc nhau trên mảnh sân phía trước, ánh sáng tỏa ra từ những trụ đèn lồng thật cổ kính, chỉ mong nghe tiếng chuông ngân để tưởng tượng ra tiếng thở dài của anh chàng Quasimodo đau khổ trong nhạc kịch “Thằng Gù Nhà Thờ Đức Bà” của Victor Hugo được đọc qua trong sách vở.

Thời gian ở Paris đúng là vàng ngọc, biết bao giờ trở lại nơi đây lần nữa nên cũng cố xem cho biết được chút nào hay chút đó. Xe trở lại đại lộ Champs Elysses để nhìn tận mắt giòng người đổ về đây dù lúc ấy đã gần nửa đêm. Xe chạy xuống hầm tìm chỗ đậu, cả nhà già trẻ lớn bé ngoi lên lòng phố đêm đang oà ra như ong vỡ tổ. Người ở đâu mà nhiều thế không biết, mỗi năm Paris có khoảng vài chục triệu du khách khắp nơi đổ về, dù đây chỉ là một đêm ngày thường mà cơ man nào là người, lớp đi bộ, lớp ngồi nghỉ chân bên hè phố nghe đêm Paris chuyển mình như một làn sóng nhấp nhô bởi người và xe. Hình như người ta không ngủ, đêm Paris lạnh lạnh vừa đủ cho du khách tha hồ đi rong trên đường phố, trong khi đó dòng xe cứ tuôn chảy vào về phía Khải Hoàn Môn rực sáng ánh đèn.

Cứ tưởng tượng ngày xưa nơi đây chắc xe ngựa dập dìu, đoàn quân đi chinh phạt các nước chư hầu của Pháp trở về, chắc đã từng diễn hành hàng hàng lớp lớp. Những hình bóng ấy nay chỉ còn là một thoáng trong lịch sử:

***“qua rồi theo dòng đời hưng phế,
hồn xưa có sống lại bao giờ”(thơ NN)***

ngắm ra có chút vô thường trong dòng đời đang bày trải trước mắt.

Đêm đã khuya, gió phả sương khuya lành lạnh nên ai cũng phải khoác thêm một chiếc áo ấm, mọi người đều mỗi một nên phải trở về. Những nẻo đường Paris về khuya thêm thiếp ngủ

Chiều Trên Sông Seine

Ngày kế tiếp, sau một bữa tiệc họp mặt thật nồng ấm tình đồng hương xứ Bưởi trong một nhà hàng nhỏ, không khí ấm cúng thân mật chứ không loãng như những hội đồng hương quy tụ đông đảo mà lại thiếu tình thân. Hình như mọi người đều quen biết nhau, ai nấy tay bắt mặt mừng với những màn văn nghệ “cây nhà lá vườn” nhưng thật vui.

Buổi chiều trở lại khách sạn nghỉ ngơi để chuẩn bị lấy sức đi thuyền trên sông Seine, ngắm tháp Eiffel biểu tượng của Paris. Mọi người theo nhau xuống xe điện ngắm ra sông Siene. Phương tiện của dân Paris hầu hết là bằng xe điện ngầm lan toả khắp thành phố, như những cái rẽ bạch tuộc rất thích hợp cho người lao động. Nhưng xã hội nào cũng vậy, những nơi đông người vẫn xảy ra những tệ nạn như móc túi, giật dọc hành lý, du khách thường mang một vẻ ngơ ngác lạ lẫm trước những cái mới mẻ, vì thế mà mỗi lần cả đoàn dẫn nhau lên xe, bà con mình đã tự giác đứng gần nhau để bảo vệ. Mỗi lần lên xe anh trưởng đoàn không quên la lớn:

“Bà con ơi, hồn ai nấy giữ nghe.”

Xe đông người, chuyên nào cũng đầy ắp, ai biết người gian kẻ ngay, chỉ tự mình “hồn ai nấy giữ” như lời dặn dò, vậy mà cũng có người gài túi cẩn thận vẫn bị chớp mất ví hồi nào không hay.

Băng qua một cây cầu để xuống bến tàu được gọi là Bateaux Mouches. Gọi

bằng thuyền cho thơ mộng, như ở miền Trung quê nhà đi thuyền trên sông Hương, chiếc thuyền chở khách trên sông Siene to hơn nhiều với một lượng khách khá đông. Khi khách đầy, thuyền tách bờ với những bản nhạc êm dịu không lời đưa hồn du khách chơi vơi theo triền sóng lặng, chiều đang rơi trên dòng sông mênh mông. Nếu khách là một nhà thơ, sẽ không khỏi rung động để ghi nhanh một bài thơ “Chiều lênh đênh trên sông Seine”, tặng riêng cho một người nào mà anh đang nghĩ đến:

“Chiều du thuyền sông Seine

Ta thấy nắng vàng êm

Theo gió lồng hương tóc

Trên nụ cười của em”

(Thơ Lâm Sông Đông)

Hai bên bờ lừng lững những lâu đài, nhà thờ cổ, hàng cây, bóng người và những cặp tình nhân đang ngồi tâm tình trên ghế đá, tất cả cùng với ánh nắng se sắt buổi chiều vàng, phản chiếu xuống mặt nước một hoàng hôn Paris diễm lệ. Thi sĩ có thể viết thêm vào bài thơ đang dở :

“Những lâu đài in bóng xuống dòng sông,

Em có biết đời cũng nghiêng như bóng”(thơ NN).

Bóng chiều thẫm hơn và nước sông Seine cũng chuyển sang một màu thẫm hơn, buổi chiều thật dài để du khách tha hồ thưởng thức vẻ đẹp cổ xưa thật tráng lệ in trên nền trời nhưng mềm như lụa. Và từ tấm màn nhung ấy, muôn ánh đèn từ tháp Eiffel đã nhấp nháy bừng sáng cho dòng sông và bầu trời thêm ảo mộng.

Ngày Cuối Ở Paris

Thấm thoát mà thời gian trôi nhanh, sau một chuyến đi ngắn qua các nước Tây Âu, trở lại Paris nghỉ ngơi để chuẩn bị bay về mái nhà thân yêu của mình. Đi đâu thì đi, sao vẫn nhớ căn phòng quen thuộc trong ngôi nhà nhỏ, mảnh vườn be bé chắc rau cỏ đang chờ mình trở về trong nắng hè gay gắt.

Ngày cuối cùng còn lại ở Paris , một cô bạn ở Paris mời đi thăm cảnh vườn Bois-de-Boulogne, để biết thêm một khía cạnh khác thật tươi mát của Paris mùa hè. Khu vườn này nằm ở hướng Tây của quận 16, ban ngày là một khu vườn thiên nhiên nhiều hoa cảnh lạ, nhưng nghe nói ban đêm cũng là nơi xuất hiện của các nàng Kiều. Gặp ngày có những chương trình bỏ ích, thầy cô giáo dẫn các em học sinh cỡ tuổi mẫu giáo đi tung tăng trên các con đường quanh co rừng cây và hoa rất thơ mộng. Xen lẫn vào cảnh rừng và hoa là hồ nước, đàn vịt thanh thản bơi lặn trong hồ, bóng dáng một con thiên nga với bộ lông trắng toát thật quý phái, lững lờ bơi trên dòng nước . . .

Còn ngày cuối ở Paris sắp hết, lang thang trên phố chiều với những con đường lớn có vỉa hè thênh thang , hàng cây thẳng tắp che bóng mát vỉa hè cho du khách đếm từng bước một trong buổi chiều Paris thật êm ả, để tận hưởng trọn vẹn vẻ đẹp của Paris mà mai đây sẽ chỉ là một thoáng trong dòng đời xuôi chảy. Paris buổi chiều khác hẳn Paris ban đêm, êm ả vì trời xanh gió nhẹ, ngược nhìn lên bầu trời mà nghe được cả tiếng gió đang rì rào trên vòm lá mềm mại ở trên cao. Đi ngang những căn phố yên tĩnh, sân trước là những dây hồng leo quấn quýt bờ tường thấp, thấp thoáng có bóng người sau tấm màn mỏng lay động, Paris dịu dàng và lãng mạn biết bao!

Ngày vui qua mau, bịn rịn, quyến luyến chia tay với người Paris , bay về Houston nắng ấm, mang theo bao nhiêu kỷ niệm và nỗi nhớ dành cho “Một Thoáng Âu Châu”.

Bỉ: Vương Quốc Êm Dềm

Hai ngày lang thang trên các nẻo đường Paris đã mệt nhoài, đêm lạ nhà ít ngủ nhưng chúng tôi vẫn phải dậy sớm để chuẩn bị cho chuyến đi thăm các nước Tây Âu ngày hôm sau. Đã hơn nửa đêm mà dưới lòng đường vẫn nghe tiếng xe chạy, ngó qua khung cửa sổ nhìn xuống đường, phố đêm Paris chìm trong ánh đèn mờ ảo và những hàng cây tối.

Đêm ở đâu cũng buồn, sương khuya giăng mịt mờ trên những ngọn đèn vàng và hàng cây lặng gió, phố đêm sâu hun hút có bóng người đi đâu đó vào lúc quá nửa đêm. Giấc ngủ chập chờn thì trời đã sáng, bị đánh thức dậy bởi tiếng chim hót líu lo ngoài cửa sổ, thêm mùi cà phê rất thơm của bình minh Paris trong sương sớm. Tự chuẩn bị một bữa ăn sáng đã chiến trong phòng vừa xong, kéo valy xuống trả phòng đã thấy mọi người đang chuyện trò râm ran uống cà phê, chuẩn bị chờ xe đến đón để làm cuộc hành trình đi thăm các nước Âu Châu theo chương trình đã vạch sẵn.

Xe đầy nhóc, không đủ chỗ nên cuối cùng tài xế phải mượn thêm một cái xe nhỏ, vì vậy mà gặp trục trặc vì hai xe không liên lạc được với nhau, hệ thống viễn liên không hoạt động được lúc ra khỏi biên giới Pháp để qua Bỉ. Tưởng sao, toàn đồng hương mình với nhau, có những người sống rải rác ở các tỉnh xa nước Pháp, mãi làm ăn cho đến giờ này mới đi thăm Âu Châu. Nhờ vậy

mà vui, chương trình văn nghệ tạp lục như ca hát, ngâm thơ, kể chuyện “tự biên tự diễn” do một vài đồng hương có năng khiếu văn nghệ điều khiển được mọi người tham gia vui vẻ, nhờ vậy chặng đường xa lúc nào cũng vui như tết. Đặc biệt, có bác Trung hội đồng hương Biên Hoà ở Paris, rất thông thạo và có nhiều kinh nghiệm về du lịch, đã hướng dẫn và kẻ rành mạch về lịch sử, địa lý nhân văn các nơi đoàn ghé đến, thật là một chuyến đi đầy bổ ích. Giá như đây là “tour” của Tây mà nghe họ xì xồ tiếng Pháp, gặp người có mấy chữ Tây trong bụng như tôi thì khác nào “vịt nghe sấm nổ”.

Xe tiến về hướng Tây Bắc của Paris, chạy vào xa lộ đúng lúc xe cộ ứ lại như nêm, người ở bên Pháp ít dùng xe hơi riêng lý do là nạn kẹt xe thật kinh khủng, mất nhiều thời giờ cho di chuyển, chưa chắc đi một chiếc “taxi” đã ngon hơn đi xe điện ngầm. Đây cũng là hướng có vẻ đông đúc dân cư, phi trường Charle De Gaulle cũng nằm ở hướng này, xe từ từ cũng ra được vùng ngoại ô, miền quê nước Pháp xuất hiện trong tầm mắt của du khách, với những cánh đồng được trồng tía xanh mươn mướt, chạy hàng dọc từ chân đồi lên đỉnh đồi, hình như nước Pháp không có những cánh đồng cỏ bỏ hoang như nước Mỹ.

Cảnh đồng quê và làng mạc nước Pháp đẹp như tranh vẽ thời Trung Học được đọc trong sách vở. Người miền quê ở Pháp không sống rải rác như các nơi ở Mỹ, họ sống thành làng như kiểu nông thôn ngoài Bắc ở quê mình bao bọc quanh làng bằng lũy tre xanh. Ở đây, những ngôi nhà khang trang lợp ngói đỏ, một con đường nhỏ uốn quanh những thửa ruộng hay hoa màu, giữa mỗi ngôi làng nổi bật một ngôi giáo đường, tháp chuông vươn lên nền trời xanh biếc. Nhìn qua là biết tiêu biểu cho một xứ đạo của làng quê nước Pháp, tạo nên hình ảnh thanh bình và êm ả khác hẳn với những ồn ào, bon

chen của Paris kinh đô ánh sáng.

Đường từ Pháp qua Bỉ khoảng gần 3 tiếng đồng hồ, xe chạy bon bon giữa hai cánh rừng thưa hoặc làng quê đang vào hè, hoa nở trắng xoá bên bãi rừng tuyệt đẹp. Con đường này giống như con đường liên tỉnh từ Sài Gòn về miền Tây thuở xưa, người sống ở miền quê hình như cũng hiền hoà mộc mạc như các rừng hoa đang đua nở hai bên đường để đón chào du khách. Xe ghé lại một cây xăng bên đường cho bà con “xả hơi”, mỗi lần xả hơi có người ngồi thu lệ phí vài chục xu gọi là đóng góp cho kinh tế phồn thịnh.

Thủ đô Bruxelles đây rồi, hai xe giờ đây liên lạc được tài xế gọi nhau í ới. Như hầu hết các thành phố cổ ở Âu Châu, những căn phố cổ hiện ra như những cái hộp dính vào nhau, rất vắng người vì khách du lịch thường đổ xô vào trung tâm của thành phố. Ngay ngưỡng cửa của thủ đô, xuất hiện một ngôi nhà thờ thật nguy nga, bao quanh là một công viên nhưng lại giống như một khu rừng thiên nhiên, nhà thờ được kiến trúc theo kiểu mới với mái vòm xanh xanh thật dịu mắt, khác hẳn với ngôi nhà thờ cổ nằm trong khu phố cũ gần với quảng trường La Grand Place. Nơi đây đã có hẹn với hai người đồng hương Biên Hoà sống ở Bỉ đã lâu, vì vậy được biết thêm thủ đô Bruxelles nằm trong danh sách những thành phố giàu có của thế giới, và cũng êm đềm nhất so với những nơi phồn hoa đô hội.

Mọi người quanh quẩn trong quảng trường La Grand Place để ngắm nghía những kỳ công của bao thế kỷ trước, được xây dựng bằng mồ hôi nước mắt của con người. Lâu đài xưa vẫn được giữ nguyên để bảo tồn nền văn minh cổ xưa của những thời đại trước, trong này có một tượng đồng được gọi là Everard, Tượng Thần May Mắn cho những ai đang hy vọng một điều gì thâm kín về tình yêu, ước vọng cuộc đời chẳng hạn. Bà con chuyên Âu Du đều thuộc loại cao niên, không hiểu có ai cầu mong chuyện “tình yêu, gia

đạo cạo da đầu” ở cái tuổi sắp chống gậy này không? Một cụ cao niên tay chống gậy, tuổi đời gần 8 bó cứ ngھễn mãi lên ráng sờ cho được một tý vào vị thần May Mắn này, chẳng hiểu cụ còn mơ ước gì khi tuổi đời đã bước thấp bước cao “one foot in grave” về với Chúa với Phật.

Và đây, một nhân vật lịch sử khác của Bruxelles là bức tượng “Cậu Bé Đứng Tè” mang tên là MANNEKEN-PIS, cao khoảng 61cm, dân Bỉ xem như là một biểu tượng độc lập của họ. Tương truyền rằng vào thế chiến thứ II, quân Đức lúc đó thừa thắng xông lên muốn cưỡng chiếm các nước lân bang, nước Bỉ phải đối đầu với người láng giềng hung hăng này. Cậu bé đứng tè là con một gia đình giàu có bị thất lạc, khi mọi người đổ xô đi tìm thì thấy cậu đang tỉnh bơ đứng đái, tình cờ xả nước xối xả vào mạch nối của ngòi nổ nên vì thế nó tắt ngúm, cứu cả thành phố khỏi bị tàn phá. Người đời sau liền lập tượng để ghi nhớ chú như một người anh hùng.

Đó chỉ là một ngẫu nhiên, như những câu chuyện huyền thoại trong lịch sử thế giới, tượng đồng “cậu bé đứng tè” nếu để tự nhiên là một bức tượng đồng đen trần trụi chắc hay hơn là cho chú diện quần áo theo nhiều ngày lễ quanh năm. Khi du khách đến đây vào đầu tháng 6, chú bé diện một bộ quần áo sọc xanh, trắng, đỏ rất điệu. Sự thay đổi quần áo cho chú, luôn kèm theo ý nghĩa của những ngày trong năm, của một vĩ nhân thế giới, hay một ngày nào đó có ý nghĩa, chẳng hạn trong mùa Giáng Sinh, chú được diện một bộ y phục màu đỏ của ông già Noel. Chao ơi! Mùa Đông ở Bỉ kéo dài hằng nửa năm, những ngày trời đẹp không mưa dầm thật là hiếm hoi, nhưng nghe nói du khách các nơi trên thế giới vẫn tuôn về đây để ngắm Bruxelles trong mùa Đông tháng giá, tuyết ngập khắp các ngã đường, các lâu đài âm u trong khí lạnh của mùa đông hàn đới.

Theo lời một chị bạn ở Bỉ thì quảng trường La Grand Place hằng năm vẫn có ngày lễ rất đặc biệt dành cho triều đình vua chúa của họ vẫn tồn tại đến bây

giờ. Dân chúng tụ tập lại và trong khoảng sân vuông vức vây quanh bởi lâu đài cổ xưa, những phiến gạch lát đường phủ đầy hoa thật đẹp. Từ quảng trường có nhiều con đường nhỏ đổ ra phố, thoải thoải theo con dốc là những viên gạch, phiến đá màu xám xỉn với thời gian, du khách đi lơ mơ vừa đi vừa ngó có thể lọt gót giày xuống một kẽ hở trên đường đi, ngã bở chừng như chơi, trong đoàn đã có một bác bị té toạc bàn tay, phải may bao nhiêu mũi kim.

Tôi ngồi dưới bóng mát vỉa hè trong khuôn viên quảng trường La Grand Place, nhìn thiên hạ uống cà phê trong một khoảng sân bao quanh bằng những giỏ hoa đủ màu thật vui mắt. Ngó vợ vắn lên những khung cửa sổ trắng lẹ của toà nhà trước mặt, bao nhiêu hình tượng tiêu biểu cho triều đình vua chúa ngày xưa, hình dung ra ở đó thấp thoáng những bóng ma quý tộc, đang nhìn xuống cõi dương gian để tiếc nhớ thời hoàng kim của họ. Xung quanh tôi không hẳn chỉ có những người rùng rinh bạc tiền, một người đàn bà bế đứa con thơ choàng khăn kiểu Ả Rập, đang bám theo du khách để xin tiền. Chị ta có đôi mắt đẹp và buồn, miệng không ngớt than van những lời tôi không hiểu. Đặt vào tay người đàn bà đồng bạc lẻ còn giữ trong túi, lòng nghe vui nhưng vẫn cảm nhận được nỗi buồn mệnh mang về thân phận của kiếp người.

Đoàn người kéo nhau tản bộ ra khu thương mại bày bán la liệt các loại kẹo “chocolate” của Bỉ, nổi tiếng trên thế giới, nhất là một loại kẹo trong băng vỏ cam nhúng “chocolate” ai nếm thử cũng phải khen ngon. Một đặc biệt nữa về hàng thủ công mỹ nghệ là kỹ thuật làm đăng ten để may khăn, may màn, rèm cửa của Bỉ cũng thuộc loại hạng nhất của nước này. Tuy Bruxelles nhỏ bé có không khí của một tỉnh lỵ êm đềm, nhưng rất lý tưởng để những ai thích cuộc sống bình lặng, không bon chen, sống và làm việc rất thoải mái. Sau khu phố cổ, một khu thương mại xây cất theo lối mới trưng đầy hàng

hoá mời chào du khách, giá tương đối cầm được không đến nổi bồng tay. Từ đây, chúng tôi kéo nhau băng qua đường lớn đến thăm nhà thờ cổ Notre Dame du Sablon, ngôi giáo đường có kiến trúc rất lâu đời, một số vào nhà thờ thăm viếng cầu nguyện, sau đó cả đoàn ra chụp hình trước cổng nhà thờ làm kỷ niệm.

Sau khi bát phố Bruxelles thì trời đã về chiều, mọi người đã mệt nhoài lại đói bụng nữa nên lên xe đến khách sạn để nghỉ ngơi, nằm ở ngoại ô gần bộ tư lệnh của Khối Nato, cò xí các nước Âu Châu bay phấp phới. Khách sạn khá xinh xắn, hai bên đường có những cánh đồng trồng lúa mạch, ai nấy hồi hả lên nhận phòng ngả lưng một chút, nhìn qua cửa sổ vào phía trong của khách sạn, có một nhà hàng khá lịch sự với nhiều món ăn lạ.

Bữa ăn tối tại Bỉ, tôi lại chạm mặt với ông anh Houston ăn phở Tàu tối hôm trước ở Paris, tuy ngồi khác chỗ nhưng vô tình lại gọi y chang món cá Salmon mà tôi tưởng là rất hấp dẫn cho bữa ăn tối với bánh mì bơ thật thơm. Ôi chà, chắc ở đây xa biển nên món hải sản cá Salmon hôm ấy chỉ có vài lát xắt mỏng tanh như giấy, trình bày đẹp mắt như một cái quạt xoè ra ở giữa có một món rau củ lẫn lộn chua chua ngọt ngọt. Cái tội này cũng bởi dốt chữ mà ra, thấy chữ Salmon là mắt tôi sáng lên, cứ tưởng mình sẽ được thưởng thức những khứa cá thơm phức, ai ngờ! Thôi nuốt đại cho biết mùi cơm Tây, gọi thêm một chai bia La Léon loại nhẹ thôi mà cũng ngây ngật say để quên mùi cá sống. Bia Bỉ ngon lạ lùng, dường như còn đậm đà mùi lúa mạch nên ngon đến giọt cuối cùng. Lúc đi ngang bàn ăn của ông anh Houston, tôi liếc thấy anh cũng đang ngồi ngao ngán với đĩa cơm Tây, nên ghé vào nói nhỏ: **“Hôm qua phở Tàu, hôm nay cơm Tây nhá!”**

Hai anh em cười xoà, những người xung quanh chả hiểu gì, biết vậy hồi nãy tôi đã gọi món “hamburger” của Mỹ ăn chắc ấm bụng hơn.

Dạo loanh quanh một chút để nhìn ngắm cảnh thanh bình của miền quê nước Bỉ, mặt trời đã xuống tự bao giờ, hoàng hôn còn trải những vạt nắng yếu ớt trên cánh đồng xanh bát ngát. Nơi đâu cũng vậy, khi màn đêm phủ bóng tối khép lại những phồn hoa đô hội, đằng sau cuộc sống bon chen ấy vẫn là một không khí êm đềm cho lòng người được nghỉ ngơi.

Sáng hôm sau, mới 6 giờ là mọi người đã lục tục kéo nhau xuống ăn điểm tâm, hình như đây mới là bữa ăn chính thật ngon miệng của mọi người để chuẩn bị cho một ngày nữa rong ruổi tiếp nối vùng Tây Âu. Mọi người lại lục tục leo lên xe, mỗi ngày tha hồ vác hành lý lên xuống cho tiêu bớt calories và mỡ trong máu. Trước khi rời Bruxelles, đoàn lại ghé thăm ngôi chùa Nhật nổi tiếng, nhưng thời gian không cho phép nên mọi người chỉ kịp ghi lại những tấm ảnh rồi vội vã lên đường. Ghé ngang vườn hoa của người Trung Hoa, với bao nhiêu loại hoa cảnh thật đẹp, mùa Xuân vừa đi và mùa hè vừa chạm đến, mà sao hoa kiểng đã bật dậy hồi hả nảy chồi đơm hoa thật nhanh. Tất cả những kiến trúc tại hai nơi này đều mang tính cách quốc gia của họ.

Xe vội vã lên đường để mọi người có dịp đến thăm công viên Atomium, một nơi nổi tiếng có cấu trúc rất tân kỳ, quy tụ nhiều quả cầu to sáng lấp lánh, phản chiếu những hình ảnh của cảnh vật xung quanh. Những quả cầu này được nối kết bởi các trụ cột rất cao, tạo cảm giác như các hạt nguyên tử vận hành trong không gian. Vì không có nhiều thời giờ để vào xem bên trong của những quả cầu này, trong đó có nhà hàng, nơi giải trí để du khách có cảm tưởng đang hưởng một cuộc sống vô cùng tuyệt diệu trên thượng tầng không khí. Nhìn chung đây là một thành phố nổi tiếng của trung tâm Âu Châu, nhưng không quá đông đúc phức tạp như Paris, và sau này khi sang London thì mới thấy, càng những nơi đông người thì cuộc sống càng trở nên xô bồ hơn.

Trở lại với góc riêng của mình, tôi lại nhớ đến hai câu thơ của Nguyễn Khuyến:

*“Ta đại , ta tìm nơi vắng vẻ
Người khôn, người tới chốn lao xao”*
Thật là chí lý!

Nguyễn Nhung

Nguyễn Nhung

Một Thời Chinh Chiến Điều Linh

Anh là một phóng viên chiến trường, ngoài phần lương khô và vật dụng cá nhân trong ba lô mang trên lưng như bao nhiêu người lính khác, anh còn phải đeo lưng lửng chiếc máy quay phim và cái camera trước ngực. Hành trang anh chỉ có thể, mũ sắt trên đầu, cuốn sổ tay trong chiếc túi áo có nắp gấn hai chữ “Báo Chí”, hai tấm thẻ bài, một bộ râu tua tua vì đã mấy ngày anh theo đoàn quân tiến vào trận địa. Người lính ra chiến trường đã có cây súng làm bạn, riêng anh, người phóng viên chiến trường đi vào vùng lửa đạn, chỉ vồn vện có chiếc máy quay phim, đã ghi lại biết bao nhiêu hình ảnh trung thực của người lính sống thời chiến chinh gian khổ, trên mọi nẻo

đường của đất nước.

Tiếng đạn bay lúu chú ngang đầu, anh thẳm nghĩ : " Không biết sống chết lúc nào ". Chiếc máy quay phim đã thu vào bao nhiêu thước phim giữa mặt trận khi nóng bỏng, lúc âm ỉ đến lạnh người. Đoàn quân lằm lủi tiến vào rừng dừa trước mặt, phân tán mỏng theo lệnh viên sĩ quan chỉ huy. Những bóng người lằm lủi bước , đôi giày vải ướt sũng trên thửa ruộng sẫm sấp nước, đói và mệt, chiếc ba lô trên vai anh như nặng trĩu xuống. Trong bóng chiều nhập nhoạng, thân chết như rập rình chiếc lưỡi hái trên thân phận người lính, cơn mưa chiều luồn những giọt tái tê vào lòng người chiến sĩ.

Anh nhớ lại trận đánh ở vùng Thới Lai, Cờ Đỏ vào mùa mưa năm trước, trong một vùng đầy đặc những cỏ lác và sông rạch. Không phải lần nào quân ta cũng thắng. Đêm ấy, anh bị mất phương hướng, giữa bóng đêm chập chùng và ánh trăng khuya mờ ảo, anh lần mò ra được đường cái, ở đấy có một ngôi chùa nằm chơ vơ ven quốc lộ. Dưới ánh trăng mờ, ngôi chùa âm u không một ánh đèn, không một tiếng chuông tiếng mõ, chỉ có mùi dịu dịu của hoa sứ phảng phất giữa đêm khuya. Đã mấy ngày mà trận đánh chưa kết thúc, sự yên tĩnh tạm thời để chờ một cuộc đụng độ tiếp theo, dân chúng hầu như đã tản cư ra quận lỵ, hoặc chạy theo phía bên kia vào những làng mạc xa hơn.

Ngôi chùa tương đối nằm ở khu khá yên tĩnh giữa hai lần đạn, nhưng không có bóng dáng người dân nào ở đó. Trong bóng tối mờ mờ và yên lặng, anh lần mò men theo mấy bụi cây thấp trước cổng chùa, anh nhìn thấy nhiều thân người nằm la liệt trên sân, im lặng như một bãi tha ma. Họ đang ngủ, quá mệt mỏi cho nên anh chỉ kịp cởi ba lô vứt xuống đất, rồi cứ thế nằm vật xuống bên cạnh một người lính. Anh cần ngủ hơn tất cả mọi thứ trên đời, dù chưa ăn uống gì nhưng anh không cảm thấy đói, chỉ có giấc ngủ mới làm

anh tạm quên đi tiếng đạn réo, tiếng bom rơi, tiếng đại bác rền rĩ trong những giờ phút căng thẳng của chiến trường. Anh thiếp đi thật mau, trong lúc ngủ mê hình như anh có đạp chân vào người lính kế bên nhưng không nghe tiếng chửi thề, hạnh phúc nhất của người lính có lẽ là những phút giây hiện tại, tạm quên đi nỗi nguy hiểm, cận kề với nỗi chết.

Chưa bao giờ anh có một giấc ngủ ngon lành đến thế. Không chiêm bao mộng mị, không giương, không chiếu, chỉ có một mặt đất ẩm lạnh và bầu trời nhấp nháy sao đêm. Gió đêm như được ướp mùi hương của những bông hoa sứ làm loãng đi mùi gị tanh tanh giống như mùi máu.

Sáng ra, ánh mặt trời rơi vào mặt anh khiến anh thức giấc, chim chóc hót líu lo chào một ngày vừa lên, sự sống của muôn loài vẫn diễn ra bình thường dù chiến tranh và sự chết đang hiện diện quanh quất, đó đây. Anh hoàn toàn tỉnh giấc, thêm một ly cà phê và điều thuốc thơm buổi sáng, rồi lạ lùng ngó đám người nằm ngủ trên sân chùa, chợt một cảm giác lạnh toát chạy dài trên sống lưng người lính. Giờ thì anh đã hiểu, đêm qua anh đã ngủ một giấc ngủ tròn trịa và yên bình bên những người lính tử trận, xác họ ngày hôm nay sẽ được chở về nhà xác trên tỉnh lỵ, chờ thân nhân đến nhận.

" Không phải lúc nào ta cũng thắng ", anh nghĩ như vậy khi nhìn những tử thi nằm lạnh lẽo suốt đêm trên sân chùa. Chiến tranh là vậy, thắng hay thua thì bên nào cũng có người nằm xuống, có những giọt nước mắt của mẹ già, vợ đại, con thơ, chỉ có điều thật buồn khi tất cả đều là người Việt Nam. Anh nghe có tiếng bước chân nhẹ nhàng của một tà áo đà lướt bên hiên chùa, và mùi nhang thoảng bay trong gió. Một vị sư già có lẽ là người duy nhất còn lại nơi đây, đang cầm một nắm nhang ra cắm xuống trước những thân người nằm la liệt dưới sân chùa, miệng lầm rầm niệm Phật. Đôi mắt nhà sư thoáng một vẻ ngơ ngác và sợ hãi, khi nhìn thấy một người sống đang ngồi thu lu giữa đám người chết, cả hai cùng im lặng không nói được lời nào.

Năm 1969, anh theo cuộc hành quân miền biên giới giữa Campuchia và Việt Nam, Cộng quân đang cố thủ trong vùng núi Cô Tô, Châu Đốc. Người phóng viên chiến trường hơn ba mươi tuổi, đang độ chín mùi của nghề nghiệp, hăng say lao vào vùng lửa đạn khi Cộng quân dùng Campuchia làm bàn đạp thôn tính miền Nam.

Gia đình anh gốc gác miền Bắc, cả một thời ấu thơ và thanh niên anh gắn bó với quê nhà, may mà năm 1954 anh nhanh chân chạy thoát. Bố anh chết ngay năm đó, tất cả gia tài, sự nghiệp bỗng dưng mất hết trong một ngày khiến người cha phẫn chí mà chết. Mẹ anh dẫn ba đứa em đại, đầu quần khăn tang lếch thếch lên chuyến tàu há mồm xuôi Nam. Một cuộn phim của dĩ vãng vừa hiện về trong trí anh, căn nhà gạch hai gian bề thế phố Cửa Tiền, rặng bàng trước cửa, hoa gạo đỏ mùa hè, giếng nước Tiền Hùng, cái ao sau nhà xanh um khóm chuối ngự, cả một tuổi thơ đầm ấm và môi tình đầu tuổi thanh xuân nằm lại sau lưng cho một tất tả bỏ chạy.

Từ trên máy bay trực thăng anh nhảy xuống theo gót chân người sĩ quan chỉ huy, máy quay phim chạy rè rè thâu vào hình ảnh núi non chất ngất, những người lính chạy lúp xúp nép vào những bờ đá cao tiến tới. Địch bắn ra như mưa, viên đạn đi ngọt như cát từ một hốc núi bay thẳng tới ngực anh, anh chưa thấy đau vì tầm đạn đi nhanh quá khiến anh ê ẩm như bị một viên gạch ném tới đột ngột. Cho đến khi anh thấy ầm ầm và rát bỏng trên ngực áo, máu đã ướm thắm hai chữ Báo Chí trên chiếc áo nhà binh. Anh loạng choạng ngã xuống với thước phim đang quay dở, chỉ kịp nhìn thấy loà nhoà hình ảnh người lính cứu thương bế anh lên chiếc trực thăng tải thương, đang phân phát đôi cánh quạt trên một vùng cỏ xanh.

Lần ấy viên đạn đi cách tim anh khoảng hai cm, nếu không giải phẫu kịp, máu ứ đầy phổi có lẽ anh đã nằm xuống ngay tuổi ngoài ba mươi. Anh thoát

chết trong đường tơ kẽ tóc, phải nằm trong Quân y viện mấy tháng trời, để được nhìn thấy sự hy sinh và đau đớn tận cùng của người lính trong thời chiến. Những hình ảnh ấy vương vấn trong hồn anh, mãi mãi về sau, để tìm anh vẫn thất lại khi bất chợt hôm nào nhìn thấy trên vỉa hè, người thương binh lê đôi nặng gổ, khập khễnh bước khi đôi mắt chất chứa nỗi bất hạnh cho cả một tương lai

Năm 1972, mặt trận lại sôi động ở vùng biển Long Toàn, Trà Vinh. Bom đạn rền rền át cả tiếng sóng biển rì rào, người dân Khờ Me sống ở những làng mạc hiền hoà với chùa chiền cổ kính, lại vội vã bỏ vùng quê đi lánh bom đạn. Nhà cửa đổ nát, vườn tược tan hoang, anh ứa lệ nhìn hai đứa bé lạc mẹ, mặt mày nhem nhếch nước mắt, nước mũi giữa cảnh khói lửa tơi bời. Giữa vùng giao tranh, chỉ có lần đạn lúu chiu trên đầu người thường dân vô tội, quê hương mình sao khôn khổ đến thế.

Anh nhớ lại một ngày năm 54, năm ấy anh mới mười tám tuổi và đứa em út mới lên sáu, mẹ anh trắng hai bàn tay làm lại cuộc đời trên miền Nam tự do. Những buổi chiều gió mưa, mẹ con ngậm ngùi nhớ về quê nhà. Khu phố êm ả có rặng bàng trở màu khi mùa thu đến, những buổi chợ phiên người trong các làng quê kịt kịt gánh hàng ra chợ Nghệ.

Người phóng viên chiến trường đâu phải lúc nào cũng ngồi trên máy bay, đâu phải lúc nào cũng theo đuôi Tư lệnh để quay cảnh chiến thắng, gắn huy chương lên ngực áo người chiến sĩ. Anh đã phải ngắm nhìn chiến tranh như phải xem một bức tranh vẽ bằng máu, thấm vào hình ảnh và sự chiến đấu cam go của người lính nơi vùng lửa đạn. Trong khi ấy, chiến tranh quả là

khó hiểu, những bàn tay dẫu mặt như mù phù thủy đang vẽ vờ những lời nguyên rửa sấm sét xuống quê hương anh. Chiến trường này tiếp nối đến chiến trường khác, những cuộc hành quân liên miên từ tháng này qua tháng nọ, nghĩ đến đời sống gian khổ của người lính trong vùng đóng quân đầy những rủi ro bất trắc, anh chỉ ao ước một ngày nào chiến tranh chấm dứt. Một ngày nào đó những thước phim của anh chỉ là hình ảnh nụ cười dễ thương của trẻ thơ, là nét mặt vui tươi của người lính giữa khung cảnh ấm cúng của gia đình, là đôi mắt hấp háy của mẹ già không ứa lệ, khi đêm đêm vẫn thì thầm cầu nguyện sự an bình cho những đứa con.

Anh phóng viên chiến trường giờ ống kính lên, thấu bằng cận ảnh hai khuôn mặt ngây thơ, bốn con mắt ngơ ngác giữa khói lửa mịt mù của hai đứa trẻ thơ mà anh bắt gặp, khi cuộc chiến không bao giờ tính toán được sự bi thảm của nó. Những đôi mắt trẻ thơ sợ hãi, ngác ngơ khi địch quân dùng khu vực nhà dân làm bàn đạp để tiến quân, hai đứa bé còn lại khi cha mẹ chúng có thể đã ngã xuống bởi những lần đạn vô tình.

Tình cảm giữa người và người bắt anh phải quên đi những thước phim, những tấm hình giá trị khi lọt vào tay bọn thông tấn nước ngoài. Hai tay bế hai đứa bé anh băng ra khỏi khu nhà đang rần rạt cháy, giờ phút ấy anh chỉ có một ý nghĩ phải mang hai đứa bé ra khỏi vùng giao tranh, dù có thể lãnh một viên đạn của đối phương.

Suốt một đời làm lính và xông pha nơi những chiến trường nóng bỏng, anh phóng viên chiến trường đã bao phen đối mặt với tử thần. Anh còn bị thương một lần nữa trước khi chiến tranh kết thúc, chiếc máy bay trực thăng bị hỏa tiễn tầm nhiệt bắn trúng đằng sau đuôi, như một khối sắt khổng lồ rớt xuống cánh đồng ngập nước vùng Đồng Tháp Mười. May là Thượng đế đã che chở anh, đã cho anh trở về với một xác thân lành lặn.

Ngày chiến tranh kết thúc, một kết thúc bi thảm khiến anh hụt hẫng. Người lính bại trận trở về miền quê với những vết đau âm ỉ mỗi lần nhớ đến bạn đồng đội cũ. Trong những chiều gió mưa, lòng anh bùi ngùi khi hồi tưởng đến một khoảnh khắc nào đó, bóng dáng những người lính năm xưa giờ như những bóng ma buồn bã trong dĩ vãng, và anh lặng lẽ nghe những giọt nước mắt buồn tủi chảy ngược vào tim buốt lạnh.

Từ đây cuộc đời bắt đầu là những chia xa, bạn bè anh tan tác mỗi người mỗi nơi mỗi ngả. Có những người nằm xuống trong giờ thứ 25 của cuộc chiến, đã bị quên lãng với mồ hoang mả lạc. Có những người ra đi làm những cánh chim cô đơn, gặm nhấm nỗi sầu vong quốc. Có những người đi vào chốn lao tù với đói khát triền miên, khi trở về chỉ là những chiếc bóng ngác ngơ, sợ hãi cả những bước chân của chính mình.

Sau ba mươi năm ngày chiến tranh kết thúc, người phóng viên chiến trường năm xưa nay đã già, ngồi bán cá kiểng, cá đá cho trẻ con trước khuôn viên một trường tiểu học, cạnh ngôi giáo đường cổ kính. Mỗi lần nghe tiếng chuông ngân ban chiều, anh lại thì thầm đọc mấy câu kinh cho những linh hồn đã khuất.

Gia tài của anh chỉ có một hồ cá bằng thủy tinh với những con cá đủ màu bơi lội nhón nhơ. Cả một xã hội cá quây quần bên nhau lượn lờ tranh sống, những cọng rong xanh, vài con lặn quăng sót lại từ bữa ăn chiều. Anh chép miệng, bầy cá đã no rồi, chứ lúc đói chúng nó cũng tranh nhau đớp mồi như đám người khôn khổ chen nhau chờ phát chẩn. Lúc này anh đắm lẫn thân như thế, chuyện cá chuyện người cứ lẫn lộn trong con mắt người phóng viên đã hết thời

Lúc ấy trời đã về chiều, hai đứa bé đánh giày độ trên mười tuổi vào hàng, ngắm nghía mấy con cá lia thia được rọng riêng trong những chiếc keo thủy tinh trên bệ gỗ, giữa mỗi cái keo đều có một tấm giấy cứng để che cho chúng khỏi nhìn thấy mặt nhau. Mỗi đứa chọn một con, chúng thò tay vào túi lôi ra những đồng tiền nhàu nát, đưa cho người bán cá. Hai thằng nhỏ bày ra cuộc đá cá ngay cửa hàng của người bán cá, tự nhiên anh cũng cảm thấy hào hứng muốn theo dõi trận đá cá của hai đứa trẻ con. Không biết ở đâu ló nhỏ mấy đứa trẻ nữa quần áo bẩn thỉu, chân đi đất, xúm vào bu xung quanh hai thằng nhỏ đánh giày, khiến anh tự nhiên hồi hộp như ngày xưa mỗi lần theo đoàn quân vào vùng lửa đạn.

Hai con cá trong một cái keo, không biết thù nhau tự kiếp nào xông vào nhau, hai cái thân cá mình xanh vây đỏ lúc ấy phồng lên những chiếc vảy óng ánh, mình chúng như to ra qua thành thủy tinh, xoắn lấy nhau đẩy ra những cú húc toi tả. Lũ trẻ vây xung quanh nín thở, hai con cá lia thia mê mải tấn công nhau, thỉnh thoảng chiếc mõ cá lại va vào thành keo đau điếng. Sau một lúc quần nhau dữ dội, một con như ngộp thở ngoi lên mặt nước hóp không khí, cái mình cá vẩy óng ánh màu xanh nay đã nhợt nhạt như màu miếng vỏ dừa cố chạy thoát thân, lũ trẻ đứng bên ngoài vỗ tay hét rộ lên những tràng cười khoái chí.

Tan cuộc, hai thằng nhỏ đánh giày bỏ hai con cá cho người bán cá, bụng hóp đồ nghề đi về ngã thành phố, chỗ “hotel” và mấy quán rượu có đông người ngoại quốc và đám Việt kiều về thăm quê. Trời giăng giăng những đám mây đen khiến phố xá chùng chùng như tối xầm lại, bất giác anh chợt nhớ đến cơn mưa đầu mùa của tháng tư năm nào làm lòng quận lên một nỗi buồn. Tự nhiên,

người phóng viên chiến trường năm xưa cảm thấy ngùi ngùi, tưởng mình như con cá bại trận manh giáp tả tơi, bị vớt lại bên lề đường một cách thảm thương

Tội nghiệp anh, những cuộn phim của dĩ vãng như run rẩy theo làn khói thuốc, anh bập hoai điệu thuốc đen trên môi, những móng tay cáu vàng ám khói. Con mưa chiều đột ngột đổ xuống rơi lộp độp trên tấm poncho nhà binh che trên vỉa hè, gõ những nhịp trống vào đầu anh khiến anh nghĩ đến những cơn mưa nơi vùng hành quân năm xưa, khi anh còn là một người lính. Anh tưởng tượng lát nữa đây khi về nhà, với âm thanh hùng hồn của một ngày nào rất xa, anh sẽ tường thuật cho đứa cháu ngoại nghe trận đá cá chiều hôm nay trước cửa trường học. Hai con cá cùng một loại đá nhau chí tử, một con thắng nhưng cũng ê ẩm, lòng vòng trong chiếc keo thuỷ tinh chật hẹp, không hy vọng đá nổi một trận nữa, một con bại anh quăng ra mặt đường, đã nát mình dưới những vòng xe lăn.

Phố đã lên đèn, anh thu dọn cửa hàng để về nhà mà lòng nặng trĩu một nỗi buồn không tên tuổi. Anh phóng viên chiến trường năm xưa thì thầm nói với mình, " Hơn ba mươi năm rồi, chẳng biết còn ai nhớ đến mình không nhỉ ? "

Mùa Xuân và cô Ngò Rí

Tháng Ba vào Xuân, cỏ dại tràn lan khắp vườn, đã thấy đám ngò rí chen vào mọc lên từng mảng xanh rờn. Không biết sao lại gọi là ngò rí, chắc tại dựa theo hình dáng nhỏ bé và xinh xắn của cô khi e thẹn nhô mình lên khoảng đất trống gần nhà bác bông giấy màu tím hồng như màu áo cô dâu ngày cưới, nay mùa Đông khắc nghiệt đã qua đi, cô chờ mãi mà không thấy bác ấy trở lá non như mọi năm. Cùng một vài loại cỏ dại mà cô không biết tên, qua mấy cơn mưa đầu xuân đám ngò rí lớn lên thật mau, chưa gì đã phủ kín những vạt đất trống khô queo trong những ngày cuối Đông đất trời ảm đạm. Mùa đông vừa qua lạnh khủng khiếp, khó diễn tả nỗi cái rét thấu xương thổi qua khu vườn làm cho cỏ cây đều run lên bần bật rồi chết cứng. Lúc ấy cô ngò rí còn nằm trong lòng đất, từ tháng Sáu năm trước cô cứ nằm yên đấy chờ đợi, mẹ cô trước khi được người ta nhổ lên theo đám rau già, biết có một ngày sẽ không thể ở lại với lũ con nên đã dặn dò: *Cuộc đời rồi cũng trôi qua như bóng mây, mẹ con mình sẽ có lúc phải chia tay. Mẹ có phải ra đi thì cũng đến lúc phải đi, không ai qua được cái vòng của sinh lão bệnh tử. Các con ngoan ngoãn ở lại đây chờ đến khi xuân sang, lại nảy nở mà làm đẹp cuộc đời.*

Mẹ cô không bi quan trước sự ra đi, riêng lũ con ở lại ngậm nỗi sầu chia ly trong lòng đất ẩm. Lúc ấy cô cũng không khóc được, chỉ nhớ mãi mùi thơm của mẹ hiền, mỗi lần chủ nhà cần một nắm lá ngò cho bát miến, tô phở là đã có họ nhà ngò cung cấp ngay. Một câu chuyện dí dỏm của người chủ nhà với khách phương xa khiến lòng cô ấm lại: *Chị ơi! Ở đâu mà chị có cái giống ngò rí thơm nức mũi của quê mình vậy hả chị?*

Bà chủ nhà sung sướng khoe: *Cũng có duyên lắm mới gặp lại mùi hương cây ngò rí quê mình đây cô ạ. Đã lâu rồi đến chơi nhà một người bạn, bắt gặp một mảnh vườn rau quê nhà, thế có tuyệt không chứ! Quả thật chả thiếu thức gì, từ cây rau răm cho đến ngò gai, húng quế, những thứ ấy thì ngoài chợ không thiếu, nhưng mùi hương lại không nồng nàn như các thứ rau trồng tía được trong vườn. Rồi tiện tay vo vo mấy cái lá nhỏ, mới phát hiện ra một mùi hương nồng nàn gần gũi quá, thì ra mình đã vô tình ngắt mấy cái lá ngò rí đã ra hoa. Khi về, chủ nhà tặng luôn cho một nắm hột, rồi từ nhà nọ sang nhà kia, giống ngò rí quê mình cứ lan tràn đem mùi hương đi khắp chốn.*

Khách tấm tắc khen: *Sao lạ ghê chị ạ, cũng cùng một loại như vậy mà rau nhà trồng hương vị lại khác, còn ngoài chợ trông cũng mượt mà, sờ sờ, nhưng hít mãi chẳng thấy mùi vị, nhiều lúc ăn cho có chứ không cảm được mùi hương hoa của nó.*

Sự ra đi của mẹ ngò thật áo não vào một chiều tháng Sáu, những cơn nắng

hè đổ xuống vừa khô những hột ngò tròn xoay bé xiu như những hạt tiêu một màu ngà ảm đạm. Cứ tưởng cuộc đời đến thế là hết, mẹ đi mang theo cả một trời trống vắng khi con không còn nơi nương tựa, nhưng có biết đâu khi được vùi dập xuống nền đất ẩm, chôn chắt lên dưới lớp bụi thời gian, bao nhiêu lớp lá khô trong vườn cuốn hết vào nơi ấy, để chờ đợi nắng ấm mùa xuân năm sau. Năm nay khi mùa Xuân đến, cây ngò non chào đời nhưng vẫn nhớ mùi hương tự nhiên của mẹ, bóng bác bông giấy mát rười rượi, cô mai vàng xinh đẹp ngự trị góc bên kia, bác bụi tre cao ngất ngưỡng vươn lên trời xanh lá reo xào xạc, và chao ơi, cái bóng của mẹ hiền thì ngò rí không thể nào quên được...

Ngò rí không sống lâu lên lão làng như các loại cây khác trong vườn, và cũng chỉ là loại rau tầm thường dễ sống chứ không cần chăm sóc bao nhiêu, nhưng mùi hương của ngò rí thì khó tìm trong các loại rau cỏ. Khi vừa mở mắt chào đời, mọc lên những lá mầm ẻo lả, hình như cô đã thấy thiếu thiếu một cái gì của mùa xuân năm trước. Thôi rồi, cô chợt hiểu ra rằng cái bóng mát mà mẹ con cô hằng trú ẩn bao năm dài, ấy là bác bông giấy, sao năm nay xuân về bác vẫn trơ những cành khô gai góc, không còn một chút lá xanh nào nữa vì bao nhiêu sinh lực tiềm tàng từ rễ lên đến ngọn, hình như đã khô kiệt cả rồi.

Nhớ làm sao tiếng cười lao xao của bác khi nẩy lên những nụ hoa đỏ thắm trên cành lá biếc mà ngậm ngùi khôn tả, ngò rí vẫn nhớ những chuyện mẹ kể về lòng nhân hậu của bác trong một buổi chiều mát mẻ, hoàng hôn đã nhuộm tím khu vườn nhỏ. Ngày xưa mẹ Ngò vẫn núp dưới tàn cây của bác những hôm trời trở gió, con nắng phả hơi nóng gay gắt xuống mảnh vườn sau, bác vẫn ung dung khoe màu tươi thắm, và không quên nghiêng cái bóng

bao dung che chở lũ cây non xúm xít quanh mình. Xã hội cần phải có sự tương thân tương trợ là thế, những khi bác bông giấy được tưới tắm ướt đầm thân thể, là lúc ấy những cây ngò non mọc xung quanh cũng được hưởng lây những dòng nước mát. Ấy thế mà bác chết, chết thật rồi, xuân sang nắng ấm đã lâu mà nguyên một bụi cây giơ lên những cành nhánh khẳng khiu. Không còn nỗi buồn nào hơn khi phát hiện có một ngày tự nhiên lại mất đi những hình bóng, những tình cảm ấm áp nồng nàn trong cuộc đời có bao nhiêu cơ duyên để gặp gỡ.

Khu vườn mới vào xuân vẫn trống vắng thế nào ấy, chỉ có hai cô đào rất sung sức đã xanh um lá biếc, những cánh hoa hồng hồng như màu phấn trên đôi má thiếu nữ rồi cũng lần lượt bay lả tả xuống sân, vài hôm trên cành đã nhô lên những quả non bé xíu. Ngắm nghía sự sinh tồn của cây cỏ nào có khác chi con người, cây ngò non cứ tự hỏi tại sao hai cô đào lại sống mà bác bông giấy lại tiêu điều miền cực lạc? Góc vườn bên kia hai cô mai và nguyệt quế cũng rủ nhau ra đi không hẹn ngày trở lại. Sự trống vắng ấy làm cho khu vườn càng thêm trống trải, vì thế tuy ngò rí mới chào đời, tự nhiên cũng thấu hiểu ra được sự mất còn của vạn vật.

Ngày nào nghe mẹ kể rằng, năm kia một cơn bão đã thổi qua đây, làm nghiêng cả bác thông và đánh gục mấy ngọn tre xanh, lúc ấy không nhờ bác bông giấy che chở thì cả họ hàng nhà ngò đã không còn lại được bao nhiêu. Tìm hiểu nguyên nhân mới rõ, khi bác vừa tuổi dậy thì, chủ nhà đã cắt ngang thân bác từ dưới gốc, chính những cái cành mọc ra như giẻ quạt đã làm cho bác không bị ngã nghiêng khi trận cuồng phong thổi vào. Cành nọ đỡ lấy cành kia, bám chặt lấy nền đất để chống đỡ, khi cơn bão tan, người ta thấy bác tuy có toi tả nhưng vẫn mỉm cười, chỉ vài hôm khi mưa đổ xuống là bác

lại nở nụ cười như môi son. Sao bác chịu được gió mà lại không chịu được lạnh? Hoá ra thời tiết và phong thổ ảnh hưởng lên con người thế nào thì loài thực vật cũng chịu chung số phận như thế, cái thân mỏng manh gai góc ấy chịu được với gió táp mưa sa, lại vẫn phải co lại vì đợt tuyết đổ xuống bất thường trong mùa đông đến nỗi trút hơi thở cuối cùng.

Thế nhưng lòng ngò rí vẫn nao nao, dù năm ngoái cô chỉ là bông hoa màu trắng, rồi kết thành cái hột nhỏ xíu, để năm nay mọc lên cây ngò non. Một lũ hoa be bé vây quanh mẹ ngò nghe kể chuyện, cơn gió chiều thổi từng làn gió mát mẽ vào khu vườn nhỏ, những câu hỏi ngây thơ cho bài học đầu đời sao dễ thương đến thế: *Mẹ ơi, cô mai là ai mà đẹp thế hở mẹ?*

Đấy, cái cô mai với màu áo vàng rực rỡ kiêu sa là hình ảnh đẹp nhất của mùa xuân mà mẹ ngò cứ suy tư soa mãi. Nghe nói cô chỉ nở vào mùa Xuân, nhưng xa quê khí hậu thất thường lắm khi cô hay trở muộn và kéo dài kiếp hoa đến vài tháng, cho đến khi trên cành đầy những cánh đỏ, đó là thời kỳ chuyển tiếp để hoa biến thành hột cho chủ nhà ương cây mới. Nhưng nghe nói khó mà ương được cho cô nảy mầm, sự khác biệt về thổ nhưỡng và thời tiết khiến cô mai y hệt một tiểu thư nhà giàu, nắng không ưa mưa không chịu. Mẹ ngò lại tỉ tê kể chuyện cho các con nghe:

Con không thấy là cô ấy đẹp và quý nhất trong mảnh vườn này hay sao? Đã quý mà còn hiếm, vì đây là hoa miền nhiệt đới, nay chịu lớn lên ở xứ lạnh, phải chăm chút như con mọn và nâng niu như trứng mỏng, cô ấy mới trở hoa. Dĩ nhiên người ta sang và đẹp thì bao giờ cũng được tôn tiu hơn những loại tầm thường, nhưng cứ nghĩ cho cùng thì mẹ con mình cũng thua ai đâu

Chút tự ty mặc cảm chỉ thoáng qua trong lòng bà mẹ ngò nhà quê thế thôi, bởi vì nhác thấy lũ hoa ngò bình dị trong màu áo trắng, đang xụ mặt ra buồn vì chỗ đứng thấp kém của mình: *Cô mai đẹp vậy nhưng không có mùi thơm, còn mẹ con nhà mình tuy tầm thường nhỏ bé nhưng thơm tho đáo để. Mẹ chả thấy ai xắt lá mai hay lá tre để bỏ vào nồi canh cho dậy mùi được, thế nhưng chỉ một nhúm con con ngò rí thì bát miến gà, tô phở tái đã dậy mùi thơm bát ngát. Bao nhiêu thứ cao lương mỹ vị bày trên mâm cao cỗ đầy, nhưng nếu thiếu mẹ con mình cũng không tạo nổi sự hấp dẫn cho cái bao tử thèm thuồng, mà nói đến cái ăn thì mẹ nghĩ, từ vua chí dân, từ giàu chí nghèo ai cũng phải ăn mới sống. Cao hay thấp không quan trọng các con ạ, giá trị là ở sự cống hiến của mình cho cuộc đời nó như thế nào thôi.*

Ngò Rí ngẩn ngơ vài giây rồi cũng hiểu lời mẹ nói, cả bọn mỉm cười thú vị và không cảm thấy tự ty mặc cảm với cuộc đời phù du, dù chỉ là một bông hoa nhỏ xúm xít nhau trên thân mẹ hiền, cô cũng cảm thấy sung sướng và hãnh diện. Ngược nhìn quanh khu vườn, bao nhiêu cây cỏ sống êm đềm với nhau theo năm tháng, lòng tị hiềm nhỏ nhen chỉ làm mất đi sự an hoà của khu vườn mà chủ nhà đã tốn bao công sức tạo dựng. Một tối trăng lên trời cao gió lộng, bác tre già đã cao hứng kể cái chuyện ngày xưa khi bác mới về khu vườn này cho cả làng nghe: *Ôi chà! Cái lúc tôi mới đến khu vườn này giống như vùng kinh tế mới, trơ trụi đất cát nhìn thấy mà phát sầu. Sau bà chủ biết thứ đất này cần phải có thời gian mới có thể trồng cây, trên mặt thì đất cát nhưng đào thêm tý nữa chỉ toàn đất sét, rất thích hợp cho loài tre trúc phát triển. Thế mà giống tre chúng tôi lại sống được, cứ tỉnh bơ mà đâm rễ xuống, cái gì cũng vậy, hễ qua được giai đoạn đầu, khó khăn khó cực bao nhiêu mà đã bám trụ được là sống. Cứ y như người tỵ nạn, à mà*

cái bà chủ này cũng là dân tỵ nạn

Lúc đó cô đào mới lên tiếng hỏi: *Tỵ nạn là gì hở bác? Em sinh ra ở đây, chả thấy cây tỵ nạn bao giờ cả.*

Bác tre thở dài, càng tối gió càng vi vu nên lời bác nghe như tiếng than van: *Cái đó mình cũng không hiểu nhiều, nhưng chắc là để tránh cái gì khổ chịu không nổi, đi tìm nơi bình an hơn để sống đó mà. Vậy mà khi đi họ cũng ráng mang theo bao nhiêu hương vị quê nhà, mẹ con nhà ngò là một điển hình đấy. Nhìn quanh mà xem, bao nhiêu thứ khác tuy không nói ra nhưng cũng từ quê nhà bỏ hết cả sang đây, mùng toi, rau ngót, rau má, rau mợ, họ hàng nhà mướp, bí, bầu cũng rủ nhau tỵ nạn một lượt, cả đến nhà cô chim én cũng rủ nhau thiên di hằng đàn*

Cả bọn cùng ồ lên, lúc này mới để ý là từ hôm sang xuân, trời xanh thăm thăm la đà những cánh én nghiêng nghiêng như những nốt nhạc. Cô hoa hồng đỏ gốc địa phương bấu môi cười trong bóng tối, cô vẫn hay ghen với cô mai vì cho là người khác xứ, lại được tâng tui ngang hàng với lũ én bay trên trời xanh. Nhưng bác tre đã lên tiếng: *Chuyện nhà én thì dài lắm, nhưng không kể ra thì chả ai biết là tại sao hễ có mùa xuân thì phải có chim én lượt. Nghe nói ngày xưa họ ở xa lắm, cái xứ ấy lạ kỳ, mỗi mùa lại giao cho một vị thần trông nom. Năm ấy khi lão mùa Đông xách cái nón rách ra đi, bàn giao thời tiết lại cho một lão mùa Xuân khó tính, nhưng chưa bao giờ lại có cái thứ người ngợm khó khăn như vậy. Lão ta cũng cho hoa, lá, bướm, ong dập dìu nhưng cấm tuyệt không cho loài chim được hót, hễ đưa*

nào dám hót là cắt cổ. Trời Xuân mà sắc đỏ au vì mặt lão lúc nào cũng như say rượu hay tức giận gì ai, cho nên mọi loài đón xuân về mà lòng nặng nề như đá tảng. Người ta gọi đấy là mùa Xuân chết, cũng bướm cũng hoa mà Xuân lại nặng sầu. Thế là từ đấy trời vẫn chập chùng mây mà vắng dần những bóng chim, mới thấy là cái gì cũng vậy, hễ mất tự do là khổ

Bác tre già có tật nói dai nên vì thế suốt đêm chỉ nghe bác xào xạc kể mãi chuyện cũ. Khu vườn rào rào lên thở dài vì gió thổi, hoá ra cây cỏ cũng có nhiều nỗi u uẩn mà ngò rí không làm sao hiểu hết được. Đây là nói chuyện mùa xuân năm trước khi còn mẹ, bây giờ đám ngò non mới lớn lên, khu vườn đã hoang tàn trống trải sau cơn mưa tuyết bất chợt phủ xuống cỏ cây một màn trắng xoá, còn hằn dấu tàn phá trên từng lóng xương cây cỏ. Cô mai chết thật rồi, thân nứt ra từng đường rãnh nhỏ phơi ra thớ gỗ khô queo. Bác tre ngạo nghễ ngày nào vươn lên trời xanh, giờ chỉ còn những thân tre thẳng đuốn bạc phếch với gió mưa. Rồi mùi thơm nồng nàn của cô nguyệt quế những đêm trăng thanh gió mát năm xưa phả khắp hiên nhà, cũng chỉ còn nằm trong tưởng nhớ.

Cái trận bão năm ngoái. Phải rồi, cái cơn cuồng phong ấy cũng đã đẩy bác xồi ngã sóng xoài ra đằng sân trước, ở đây không ai cao tuổi bằng bác, mà cũng không ai cành nhánh xum xuê như bác, đáng đứng vững chãi ấy cứ tưởng không thể nào nghiêng ngả cho được, thế mà bác cũng ngã nghiêng với cơn lốc nghe nói từ biển xa thổi vào với sức gió hằng trăm dặm. Cứ y như đang đứng bên lề đường ngắm cảnh trời trắng mây nước, bỗng dưng ừn ừn từ đâu một chiếc xe nhảy phóc lên ủi thẳng vào không né tránh được. Số mệnh đấy, có ai biết trước được để mà tránh. Cả làng cây cỏ ở sân sau nghe

bác tre ngà thông tin thì giật bắn cả lên, lại xì xào từ nơi này đến nơi khác. Mẹ ngò lại nhắ nhủ lũ con: *Tai bay vạ gió chả biết đâu mà lường, ngó lên mình chả bằng ai nhưng cứ cái xó vườn này ung dung mà sống là được rồi các con ạ. Sống cho trong sạch, sống cho tử tế, chia xẻ cho người những gì mình có thì mới gọi là sống có ý nghĩa.*

Mẹ ngò chỉ nói thế thôi, vì thật ra thì lũ con bé bỏng dại khờ chỉ chít trên cây lúc nào cũng bám chặt lấy thân mẹ, cũng thật thà ngây thơ không hiểu hết nhưng gì mẹ nói. Tháng ba rồi bước sang tháng Tư, bác bông giấy vẫn khô queo không thấy mầm xanh, từ gốc bụi tre lại đâm lên một chồi non mới, cô ngò hồi hộp chờ đợi ngày tre già măng mọc , và nếu mưa thuận gió hoà chỉ trong vòng một năm chú tre non này sẽ trở mã , nhưng câu chuyện năm nào của người xưa rồi sẽ chìm vào quên lãng.

Nhớ hôm nào nghe tiếng gầm rú của chiếc máy cắt cỏ tiến vào ầm ầm như sấm nổ, ngò non nằm nép trong góc vườn nhìn sang thì đã thấy thảm cỏ xanh và bao nhiêu hoa dại mùa Xuân bị xén cụt đến tận gốc. Cô kêu lên thảng thốt, thôi rồi những chị hoa dại tím tím đang hé nở cũng chịu chung số phận với lũ cỏ dại ngô nghê ngốc nghếch, nhưng lại sinh sôi nảy nở nhanh thần sầu. Ngò rí lại nhớ đến những ngày còn mẹ, mỗi lần thấy ông cắt cỏ tiến vào vườn như sấm động là một lũ hoa ngò run rẩy trong lòng mẹ: *Mẹ ơi! Con sợ ông cắt cỏ.*

Thấy lũ con lao nhao, mẹ ngò phải an ủi: “Đừng sợ các con ơi, ông ấy phải làm nhiệm vụ của ông ấy để diệt lũ cỏ dại, nhưng cũng biết thứ nào phải

chưa ra vì mình là rau củ bà chủ nhà trồng, chứ có phá phách hoang dại gì đâu.

Ngò hoa rầm rứt khóc: *Nhưng còn nhà chị hoa tím, chị ấy có làm hại ai đâu*

Mẹ ngò cũng rung rung nhìn những mảng hoa tím rạp xuống tả tơi bên loài cỏ dại, nhưng vẫn phải an ủi lũ con thơ đang sợ hãi:

Không sao, tuy họ chịu chung số phận với loài cỏ dại, nhưng chỉ vài hôm nữa con sẽ thấy bao nhiêu hoa mới lại trổ đầy trên thảm cỏ xanh, làm thành một bức tranh thật đẹp tô điểm cho vạn vật được tươi tắn. Công nhận sức chịu đựng của loài cỏ ghê gớm thật, ví nó ngang với niềm tin của con người gần bó sống chết cho một cái gì họ đeo đuổi cũng không sai, rễ bám chặt lấy đất và âm thầm nằm đó chịu đựng, hễ trời rắc mưa xuống là chúng hí hửng trỗi dậy sồn sồn. Mấy cô hoa tím dại xinh xinh có làm hại gì ai mà cũng chịu chung số phận, như con người sau một trận thiên tai đã ra đi hàng loạt, trí tuệ như loài người mà cũng không làm sao cắt nghĩa nổi hai chữ số mệnh thì mẹ cũng chịu không giải thích được.

May sao mẹ con ngò nép vào một nơi kín đáo, chỉ quanh quẩn với nhau một chỗ nên thoát chết bởi cái máy cắt cỏ hung bạo, âu là ơn trên che chở và nhờ phúc đức thơm tho của mẹ ngò mà lũ con tồn tại. Dù nay mẹ đã ra đi, ra đi mãi mãi và ngò rí cũng lớn dần lên để tiếp tục cuộc hành trình hoà nhịp với mọi loài, nhìn những đổi thay trong khu vườn nhỏ, một vầng trăng tròn toả ánh sáng dịu dàng trên cảnh vật, một đêm mưa gió bão bùng làm rơi bao nhiêu chiếc lá vàng úa, tâm hồn ngây thơ bé bỏng của ngò rí một hôm nào thức dậy với bình minh và nhìn những hạt sương rơi trên cọng cỏ non, cái

diện tích khu vườn trong tâm hồn ngây thơ ấy tưởng là bao la này thực ra cũng chỉ nằm gọn trong bàn tay của trời xanh thăm thẳm:

*Ngước hỏi cao xanh ta thấy được gì
Cũng chỉ vẫn một ngàn trùng vĩnh cửu*
Viết xong tháng Ba, đầu Xuân 2010.

Nguyễn Nhung

Người đi tìm bóng

Tình cờ tôi quen với Tịnh An, khi ghé vào cái sạp ven đường mua vài tấm thiệp cho mùa Giáng Sinh năm ấy. Đối với tôi, tất cả những quen biết mới hay cũ, ngắn hay dài, đến rồi đi đều có duyên như sự sắp xếp của định mệnh, bởi vậy mà mối giao hảo giữa tôi và Tịnh An, bị đứt quãng bởi thời cuộc rồi nối lại sau bao nhiêu năm, vẫn mới mẻ như lần đầu gặp nhau mùa Giáng Sinh năm hai đứa còn rất trẻ.

Hôm ấy là một ngày giữa tháng mười hai, tiết tháng chạp khoác chiếc áo màu mây xanh lơ lơ rất dịu dàng trên bầu trời phố thị, cơn gió bắc cuối năm làm hây hồng những đôi má, và ánh mắt thiếu nữ chùng long lạnh hơn vì niềm vui của mùa Giáng Sinh tràn ngập trên các nẻo phố phường. Trên lề đường trước ngôi nhà thờ cổ kính, người ta bày đầy những cây thông giả với

những trái châu xanh đỏ, đèn chớp tắt đủ màu xen lẫn với những tấm thiệp Giáng Sinh treo tòn teng dễ quyến rũ đám trẻ mới lớn bước vào tuổi mộng mơ.

Thuở còn đi học, tôi đã có thói quen sưu tập những tấm thiệp Giáng Sinh do bạn bè gửi tặng, nên có những buổi tối vừa ngồi nghe nhạc Giáng Sinh, vừa bày đầy các tấm thiệp trên bàn rồi một mình ngắm nghía hàng giờ không chán. Năm nào siêng hơn, tôi còn đi mua loại giấy vẽ cứng cắt thành từng tấm thiệp, rồi dùng màu để vẽ, tự thực hiện những tấm thiệp xinh xinh để gửi tặng bạn bè, cũng tiết kiệm được chút tiền còm ít ỏi tuổi học trò.

Năm ấy bận rộn quá, tham gia Cây Giáng Sinh với ca đoàn nhà thờ nên tối nào cũng phải đi tập hát, những ca khúc Giáng Sinh cuốn hút tôi vào không khí rạo rực của đêm Noel đông như chảy hội, tiếng phong cầm đệm theo tiếng hát làm tâm hồn chơi vơi trong niềm vui của đêm Sinh Nhật. Vì vậy để đáp lại những tấm thiệp nhận được từ bạn bè, tôi rảo quanh những sạp hàng bán lẻ mọc bên lề đường tìm mua vài tấm thiệp thích hợp với túi tiền của tôi, rẻ hơn mua trong tiệm sách, rồi cũng nhờ thế mà gặp Tịnh An.

Tịnh An dễ thương như cái tên của cô, chiếc răng khểnh dễ thương bên khoe miệng lúc hé môi cười tuyệt xinh, hai đũa cùng chúi đầu vào chọn chung một loại thiệp giống nhau, rất đơn sơ chỉ một cây thông màu xanh biếc trên nền trắng có điểm những bông hoa tuyết. Chắc Tịnh An cũng trạc tuổi tôi, khuôn mặt trái xoan có đôi mắt đen như hạt nhãn, nước da trắng hồng khiến nàng nổi bật trong chiếc áo dài trắng, khoác thêm một chiếc áo len đỏ làm ửng hồng đôi má.

Đứng ngây người trước một rừng thiệp Giáng Sinh, cả hai cùng băng quơ trao đổi góp ý về màu sắc, cuối cùng Tịnh An chỉ mua có mỗi một tấm thiệp, trong khi tôi cầm một xấp mà vẫn cảm thấy chưa đủ. Thấy tôi nhìn, Tịnh An nhoèn miệng cười rồi nói:

“Mình chỉ cần một tấm thôi, cho một người đi xa...”

Tôi gạt đầu thông cảm, bụng thầm nghĩ thời buổi chiến tranh, những cô gái có người yêu là lính như Tịnh An mấy ai đã được gần nhau. Trao đổi thêm vài câu chuyện nữa xem ra đã có vẻ tâm đầu ý hợp, hai đứa trao nhau địa chỉ. Tuổi trẻ hồn nhiên và cởi mở, tôi đi về mang theo nụ cười dễ thương của Tịnh An, hẹn sẽ gặp nhau trong khuôn viên nhà thờ để khoe với Tịnh An, ban hợp ca trong đó có tôi sẽ trình diễn những bản Thánh ca rất đặc biệt trong đêm Chúa sinh ra đời.

* * *

Thời gian thấm thoát trôi đi, tình thân giữa tôi và Tịnh An ngày càng thấm thiết. Tôi tin rằng chẳng phải do ngẫu nhiên mà đến, chắc hai đứa có duyên với nhau từ kiếp trước, nên bỗng vừa gặp đã cảm thấy như tri âm, tri kỷ tự kiếp nào.

Tôi chỉ hiểu mù mờ về “người ấy” của Tịnh An qua câu chuyện trao đổi rất ít về tấm thiệp trước ngày Lễ Giáng Sinh. Mãi đến sau này ở cái tuổi không còn trẻ nữa, hai đứa mới lại tìm được nhau trên xứ người, nối lại sợi dây liên lạc đứt đoạn sau gần 30 năm. Đến bây giờ nghe Tịnh An tâm sự, tôi mới sực nhớ lại nét mặt buồn buồn của cô bé đang độ tuổi đôi mươi ngày ấy,

khi nói với tôi về tấm thiệp duy nhất dành cho “chàng” nào đó trong mùa Giáng Sinh.

Chiều mùa Đông ảm đạm và buồn bã, gió đang gào ngoài sân làm uá gần hết mảnh vườn của tôi sau cơn mưa tuyết hiếm hoi đầu mùa. Tôi nhận được cú điện thoại của Tịnh An, giọng nói vẫn mang thanh âm một nỗi buồn chất chứa, vì Tịnh An đang sống ở miền Bắc Mỹ, với những rừng thông chập chùng và những cơn mưa tuyết buốt giá lòng người, phong cảnh và khí hậu đã ảnh hưởng lên tâm hồn của con người một nỗi buồn da diết. Tiếng nói thân thương ngày nào vẫn thánh thót trên đường dây điện thoại, cho đến tuổi này mà cô bạn tôi vẫn giữ được giọng nói rất quyến rũ:

“Giáng Sinh sắp đến rồi Ngọc nhỉ? Tự nhiên mình nhớ đến mùa Giáng Sinh năm xưa, hồi hai đứa mình mới quen nhau, Ngọc còn nhớ không?”

Trí nhớ tôi quay ngược lại rất nhanh buổi chiều mùa Giáng Sinh năm đó, thời gian qua đi cả hơn ba mươi năm mà màu áo, tiếng cười, tiếng chuông ngân mùa Giáng Sinh, những tấm thiệp năm xưa như còn lung linh trước mắt:

“Nhớ chứ! nhớ nhất là những tấm thiệp mùa Noel, vì đó là niềm vui nhất của mình trong một năm. Hình như mình vẫn giữ thói quen ấy cho đến bây giờ đây Tịnh An à. Có nhiều người bảo mình thời buổi này mà còn chịu khó gửi những tấm thiệp chúc chiếc như vậy là lạc hậu lắm, nhưng đối với mình thì hình như đó là dịp duy nhất trong năm để nhớ lại tất cả những người mà mình đã quen, đã gặp. Duy trì được thói quen đó là một cách để nhớ đến nhau, để cảm ơn nhau chắc đâu có gì xấu để mà phải bỏ đi, phải không

bạn?”

Tiếng nói buồn buồn của Tịnh An bên kia đầu dây nghe bùi ngùi hơn:

“Đồng ý với Ngọc, đó là một thói quen tốt nhưng ở thời đại “internet” như bây giờ, người ta thích cái gì tiện lợi hơn. Nhất là với mình, hễ nói đến những tấm thiệp Giáng Sinh là hình như mình mang nặng một cảm giác buồn buồn thế nào đó Ngọc ạ, vương vীu như mang một món nợ chưa trả xong. Ngọc có nhớ năm ấy mình chỉ mua duy nhất có một tấm thiệp thôi, để gửi cho một người, suốt đời lòng mình cứ khắc khoải hoài vì sự biến mất của nó mà mình tạm gọi là một mối tình tuyệt vọng ...”

Tôi “à” lên một tiếng nhỏ, rồi hỏi lại Tịnh An:

“Mình nhớ ra rồi, có phải tấm thiệp mà hồi ấy Tịnh An nói với mình là tấm thiệp duy nhất cho một người ở xa phải không?”

Có tiếng cười kín đáo nho nhỏ bên kia đầu dây:

“Đúng đấy bạn hiền, mặc dù mình không hề muốn nhớ nhưng quái lạ rằng hễ cứ đến mùa Giáng Sinh, khi nhìn thấy những tấm thiệp là lòng mình nó lại buồn quái quỷ gì đó. Thôi để mình kể ngay không bạn lại nóng ruột, thật tình thì ôm mãi trong tim nỗi buồn của hơn ba mươi năm cũng chẳng ích gì, thà rằng nói, nói cho xong một lần rồi thôi...”

Tôi cũng rất đồng ý với Tịnh An điều đó, nhất là tính thực tế giúp tôi đẩy nhanh nỗi buồn, gạt bỏ những cái vớ vẩn trong tâm trí càng nhanh càng tốt.

Nghĩ thế nên tôi bảo bạn:

“Không biết quan niệm sống của bạn như thế nào, riêng tôi, những nỗi bất hạnh hay đau khổ trong cuộc đời mình đã trải qua, cứ xem nó như những đồng rác cần phải đổ đi, giữ mãi làm gì cho nặng bụng...”

Tiếng cười khúc khích của Tịnh An như chế riếu:

“Nhưng lỡ đó là những kỷ niệm đẹp thì mình phải trân trọng nó, chứ sao lại đem vứt vào thùng rác?”

Hơi bí trước câu nói của Tịnh An, nhưng tôi vẫn cãi chày cãi cối:

“Ừ thì cho là đẹp, nhưng đã đẹp tại sao lại buồn, mà buồn thì giữ làm quái gì. Kỷ niệm như cái áo đẹp, đẹp thật đó nhưng nó cũ rách rồi, không thể nong vào cái thân bồ tượng hay gầy còm của hôm nay, thì thôi, xếp nó lại mà mặc cái áo mới.”

Tịnh An cũng đùa:

“Đúng thế! Nhưng ít ra cũng cho ta một lần truy điệu nó rồi hãy đem chôn vào huyệt lạnh. Thôi để mình kể, cái tấm thiệp Giáng Sinh đầu đời mà mình nhận được là của chàng, người mà ta phải gọi bằng “chú”, vì ngày xưa chú là bạn cùng đơn vị với ông cụ của mình. Tuy nhỏ hơn ông cụ khoảng chục tuổi, nhưng cũng là bạn của bố nên nề nếp con nhà không được phép gọi chú bằng “anh”

Tôi ngắt lời Tịnh An:

“Thôi tớ hiểu rồi, thế có nghĩa là mối tình đơn phương của cô cháu gái với chú Đạt đây phải không? Hay còn một lý do gì khác?

Tịnh An rủ rỉ kết tiếp:

“Chắc chắn là không đơn phương, vì tấm thiệp Giáng Sinh năm ấy gửi cho mình có tấm hình chân dung cô cháu gái, do chính tay chú vẽ rất đẹp. Nếu không nghĩ về ai làm sao có thể vẽ giống đến vậy được, nhưng khổ nỗi chắc chú ấy mặc cảm vì tuổi tác, và cũng vì ngại ông cụ nữa, nên cũng chỉ thể thôi và dừng lại. Riêng mình thì ngược lại, tình yêu đầu đời vẫn xôn xao trong trái tim cô bé mười tám tuổi. Có lẽ cảm thấy không thể đi xa hơn nên chú tự nhiên lại tình nguyện đổi ra đơn vị xa tít ngoài miền Trung, khiến ông cụ mình cũng phải ngạc nhiên. Mình buồn lắm khi hiểu mơ hồ về sự ra đi của chú. Khi chú đi rồi, mình cảm thấy đau khổ và hụt hẫng, một mình câm nín với nỗi buồn mà không thể nào nói được với ai ...”

Trong máy như nghe được cả tiếng nói ghen ngào của Tịnh An. Bạn tôi thật đa cảm, có những nỗi buồn âm ỉ trong đời người tưởng như đông tro tàn đã nằm yên lặng với thời gian, bỗng có một lúc nào đó trong cuộc đời lại hiện về rõ mồn một:

“Mình cũng chẳng hiểu được tại sao và tại sao? Cho là tuổi tác chênh nhau mười mấy năm đi chẳng nữa, cũng đâu phải là một trở ngại khi người ta yêu nhau, nhất là hai người đều cảm thấy được cái tình yêu ấy trong tâm hồn của nhau nữa. Trước khi đổi đi nơi khác, mình nhận được một cái hẹn mời đi ăn của chú ấy, có lẽ đó là lần cuối cùng gặp nhau, thú thật với Ngọc là mình chỉ muốn bỏ nhà đi theo chú ấy đến tận cùng trời cuối đất nào cũng được. Dĩ nhiên tuổi trẻ không dấu được nỗi buồn âm ỉ, khi thấy mình tức tưởi khóc, chú chỉ khuyên mình ráng học, tương lai còn dài, cuộc đời chú vốn nhiều sóng gió, sự nghiệp thì như đồng lửa rơm bùng lên rồi sẽ đến lúc tàn, còn mình lại là một nhụy hoa vừa hé nở, nên vì thế dù rất ... thương mà vẫn

không dám lôi kéo mình vào sự bấp bênh đó. Mình còn thơ ngây quá so với tuổi đời và cả cuộc đời của chú, sẽ có lúc nào đó Như vậy là sao ? Bao nhiêu năm trong đời mình ảm ức hoài vì có vẻ như mình bị hất hủi, bị loại bỏ ra khỏi cuộc đời tình ái của một người đàn ông, chẳng lẽ mình vô duyên đến thế sao?”

Ngắt lời Tịnh An, tôi nói :

“Chắc chắn là bạn không vô duyên rồi, vì không lẽ người ta bỏ thì giờ ra để vẽ chân dung cho một cô gái mà không có sự rung động của trái tim. Nhưng tớ rất cảm phục bản lĩnh của ông chú này, ông ta muốn trở thành bất tử trong trái tim của một người con gái mà ông ấy yêu, và cũng được yêu lại. Bây giờ tớ hỏi nhà người nè, giả tỷ như hồi ấy hai người yêu nhau và lấy được nhau, ba mươi mấy năm sau với bao nhiêu thay đổi của thời gian chồng chất lên, liệu rằng khi mi khôn lớn lên, đầu óc non nớt của cô bé tuổi hai mươi sẽ trưởng thành và thay đổi theo dòng đời, mi có còn cảm thấy thực sự hạnh phúc bên ông chồng lớn hơn mình gần hai mươi tuổi ? »

Tịnh An âm ừ một chút rồi trả lời :

« Mình cũng không biết nữa, nhưng trong hồi tưởng thì cảm giác nhớ thương một mùa Noel cũ còn y nguyên, hình bóng cũ vẫn chỉ là hình bóng cũ, bởi vì mình không còn cơ hội để gặp lại chú ấy lần nữa kể từ mùa Giáng Sinh năm ấy. Nhất là ở tuổi hoàng hôn của cuộc đời thì cảm giác ấy nó lại càng rõ rệt, cứ mỗi mùa Giáng Sinh lòng mình lại nao nao buồn và tự hỏi, không biết bây giờ người ấy ở đâu, lưu lạc phương nào, hạnh phúc hay đau khổ, còn sống hay đã chết ? Vì bỗng dưng mà mất, mất đi không có cách gì tìm lại được. Nhà người cho ta một lời khuyên đi... »

Tôi thú vị trả lời Tịnh An không một chút đắn đo :

« Thế thì tớ phải kể cho bồ nghe một câu chuyện. Có một người đàn ông kia yêu một người con gái hồi ông ta còn trẻ, bóng hình của cô này in sâu vào tâm khảm đến nỗi ông ta lúc nào cũng quanh quẩn đi tìm lại hình bóng người con gái mình thương yêu. Qua hình bóng của những người đàn bà khác mà ông ta gặp gỡ, ông ta luôn thất vọng, vì nó giống cái này lại vẫn chẳng giống cái kia, và vì thế mà ông ta luôn cảm thấy cô đơn. Cho đến một hôm có dịp trở lại nơi chốn xưa, cái nơi kỷ niệm mà ông ta đã gặp người con gái ấy, chỗ có một cái hồ rất đẹp với những bóng thông in bóng xuống mặt hồ. Ông ta vô tình nhìn xuống mặt nước và kinh hãi nhận ra rằng mình chỉ là một ông già râu tóc bạc phơ, không còn là mình của mấy chục năm về trước. Thế là ông tỉnh mộng, thôi đeo đuổi giấc mộng đi tìm lại người xưa nữa. »

Có tiếng cười khúc khích của Tịnh An bên kia đầu dây, trong khi tính hài hước cho tôi tưởng tượng thêm :

« Thường thì ngoại cảnh hay chi phối lên tâm hồn của con người, nhớ nhung sầu héo hay đau khổ cũng bởi cái tính hay « tức cảnh sinh tình » của loại người có chút lãng mạn trong huyết quản, ấy là ở đây tớ chỉ đề cập đến những người cùng một lứa tuổi với nhau mà đã như vậy. Chẳng hạn cứ cho rằng người xưa còn đó, bây giờ khi gõ cửa căn nhà xưa, bỗng dưng lại có một bà béo ục ra hỏi ông tìm ai vậy nữa thì hì hì ... vỡ mộng là cái chắc. Riêng trường hợp của bồ với ông chú chênh nhau đến gần 20 tuổi, bồ nghĩ sao nếu bây giờ gặp lại một ông lão bảy chục cái xuân tàn ? Thôi, ta cho nhà người một phút đi soi gương, soi cho kỹ nhé, chừng nào tìm được cái bóng của mình năm xưa, thì hãy tiếp tục nhớ thương hình bóng của người trong mộng. »

Nguyễn Nhung

Nguyễn Nhung

Nhớ Mẹ

Không biết cha mẹ tôi có nợ nần oan khiên gì với đất nước của tôi, dân vốn đã nghèo lại hay chia rẽ, cha tôi qua đời lại đúng vào những năm đất nước chia hai, gia đình tan tác. Sau cái chết của cha tôi được ba hôm, mẹ tôi lặng lẽ dẫn ba đứa con nhỏ đầu chít khăn tang, với đôi tay không xuống tàu theo đoàn người di cư vào Nam. Đến hơn hai mươi năm sau khi mẹ tôi chết, lại cũng là những năm "gạo châu củi quế", con cái đều nghèo, không đến nỗi bữa đói bữa no nhưng đời sống thật là đạm bạc, lúc mẹ nằm xuống chỉ mang theo nỗi buồn về bên kia thế giới.

Sau chiến tranh, mẹ tôi theo người con trai cả về quê vợ lập nghiệp, làm lại cuộc đời của anh bằng đôi chân đất lội suốt ngày trên những thửa ruộng. Hôm nào lúa đã xong, cha con lẳng nhẳng theo nhau ra đồng đi lưới cá. Gặp lúc được mùa cá, cá lớn cá bé chui vào cái lưới của anh, đem về nhà cho mẹ tôi làm mắm, phơi khô để dành ăn dần cho những ngày chợ quê èo uột, không mua được thức ăn thì đã có sẵn thực phẩm ở trong nhà.

Bữa cơm nhà quê thường chẳng có gì, chỉ cá mắm sống qua ngày, cùng những thứ rau trồng tĩa được, riêng rau muống thì mọc đầy, lan tràn trên những bờ ruộng như cỏ. Ngày xưa người dân quê miền Nam ít ăn rau muống, thứ rau muống ruộng chỉ để nuôi heo, sau thiếu thực phẩm họ bắt chước người Bắc làm món rau muống luộc chấm nước cá kho, rau muống xào tỏi với chút tóp mỡ, người nội trợ giỏi chế biến được món dưa rau muống, thả dưa màu hơi tím tím ăn chua chua ngọt ngọt cũng bắt cơm lắm. Được cái tuy thức ăn đơn sơ, nhưng gạo nhà quê ăn ngon và ngọt cơm hơn thứ gạo lưu cữu lâu năm cất trong kho của dân thành phố, cho nên bữa cơm nhà quê tuy không cao lương mỹ vị nhưng vẫn ngon miệng.

Những món ăn tâm thường ở miền quê qua tay mẹ tôi chế biến, bỗng trở thành những món khoái khẩu cho cả nhà. Mấy con cá rô mè, rô ốc bươu, thùng cua đồng thêm vào những thứ rau cỏ và gia vị, bỗng chốc từ món ăn chơi ra món ăn thiết, đầy hương vị thơm ngon cho con cháu. Món cá rô nấu xôi sắn (gọi theo tiếng miền Bắc) hay xôi khoai mì(gọi theo miền Nam) của mẹ tôi ngon tuyệt trần đời, có một không hai ở cái miền quê heo lánh đó. Chỉ có mẹ tôi ở nhà quanh quẩn trong căn nhà bếp với mấy cái chuồng heo chuồng gà, phía sau là hàng rào trồng khoai mì, đất ẩm và tốt, cây khoai mì lên sợi sợi, chỉ ít lâu là đã có củ để nấu xôi cá cho cả nhà thưởng thức.

Cách nấu xôi sắn (hay khoai mì) của mẹ tôi cũng đơn giản. Cá rô làm sạch luộc chín gỡ lấy thịt, phần nước để nấu canh cải xanh , cho thêm mấy lát gừng là cả nhà đã có món canh rau mát bụng. Sắn lột vỏ, cắt ra từng miếng nhỏ, trộn chung với nếp rồi đồ xôi cho vừa chín, khi ấy cá rô đã được ướp chút nước mắm, hành xanh, mỡ nước, mẹ tôi đổ vào chỗ xôi rồi đảo nhanh để cá, mỡ hành, muối thấm đều vào nồi xôi sắn, dậy nắp lại. Bấy nhiêu thứ

thấm với nhau, sau khi bắc xuống đổ ra mâm, trên mặt được phủ đều một lớp hành phi thơm điếc mũi.

Mấy ai nghĩ ra được món xôi cá như mẹ tôi, ăn rất ngon mà cũng rất đậm đà, chưa kể món bún riêu cua đồng, kiểu nhà quê không màu mè như nơi thành thị người ta cho đủ thứ vào đó, canh cua bị biến chất không còn nguyên mùi vị đồng quê của nó. Canh cua đồng phải có cây chuối non xắt mỏng, ăn kèm với rau kinh giới, phải có gạch cua còn tươi xào với mỡ hành đổ vào nồi khi nấu xong, không phải dùng thứ bột điều để làm màu cho nồi canh, nhưng đã có cà chua, gạch cua làm sóng sánh một màu vàng óng ả. Một buổi chiều miền quê khi mặt trời ngả bóng đằng Tây, công việc đồng áng, vườn tược đã xong, cả nhà quây quần quanh mâm cơm, thưởng thức món bún riêu cua nhà quê miền Bắc, không có gì ngon hơn.

Món ốc bươu nấu khế chua với chút cơm mẻ của mẹ tôi, cá nướng quăn lá lột đều là những món được chế biến từ những rau cỏ mọc quanh vườn. Rồi cua đồng rang muối, cá trê vàng nấu canh dưa cải ăn với rau sống vừa mát vừa lành, không có trong thực đơn của những cửa hàng sang trọng, giờ này theo thời gian đã bị tam sao thất bản trong lũ con cháu tản mát khắp nơi. Tổ Quốc vẫn như bà mẹ hiền nhưng đã thay hình đổi dạng theo trào lưu tiến hoá của con người và xã hội, hình ảnh bà mẹ quê hiền lành, chịu thương chịu khó như mẹ tôi, lần hồi chìm lìm trong hồi tưởng của những người con còn bám vào những đêm êm của quá khứ. Những người con tha phương của mẹ, bây giờ được làm con nuôi khắp xứ, quen dần với những tiện nghi, miếng cơm con cá xứ người, dễ dãi gì được thưởng thức trọn vẹn mùi vị "hương đồng cỏ nội" của những bà mẹ quê tần tảo hôm sớm ngày xưa.

Quanh đi quẩn lại nhà nhà cứ "liệu cơm gắp mắm" mà sống qua ngày, nhưng "một bà mẹ già bằng ba công ruộng", thật chỉ có bà mẹ quê Việt Nam mới diễn tả được hết cái thâm trầm của câu ví ấy. Các cháu con anh tôi lớn lên soi sởi nhờ sự vun khéo của bà nội, con cua con ốc cũng trở thành những món ngon lành cho con nhà nghèo ở miền quê. Không làm sao nói hết được công lao của người mẹ trong gia đình, dù chỉ là một cái bóng mờ thấp thoáng, lủi thủi trong căn nhà bếp đầy bồ hóng, ngoài bến nước để gọi vịt về chuồng, suốt ngày con gà, con heo luẩn quẩn đi theo để xin ăn, mới thấy được hình ảnh người mẹ quê Việt Nam đẹp biết chừng nào.

Tấm tình của mẹ tôi như lan tỏa được đến với những con vật nuôi trong nhà, từ con chó Tony hiền lành đứng nhìn bày con tranh ăn dường như cũng ảnh hưởng bởi cái tính hiền lành của mẹ tôi. Con gà mẹ sắp chết cũng biết xòe đôi cánh gọi bày con chui vào đôi cánh mẹ rồi mới rũ xuống lia đời. Con heo con gà nhà quê cũng ngộ, vẫn được thả rông để sinh hoạt thông thả như con người, vì thế mà một lần mẹ tôi ôm, hai con heo con dù được người khác cho ăn no, vẫn ụt ịt đi tìm mẹ tôi đang nằm trên chiếc giường con ở nhà trên. Y như hai đứa trẻ con thiếu hơi mẹ, khi mẹ tôi qua chơi nhà hàng xóm, hai chú heo con đã vội vã chạy theo luẩn quẩn bên cạnh bà, nằm bẹp xuống chờ đợi. Con heo con gà được nuôi để bán lấy tiền, để làm thịt ăn mà chúng còn tình nghĩa với mẹ tôi như vậy, còn lũ con cháu cứ dần dần bỏ mẹ mà đi, thật quả đáng trách. . .

* * *

Trước khi mẹ tôi qua đời độ một tháng, chị em tôi có về thăm mẹ. Mẹ tôi gầy lắm, không đi được nữa, căn bệnh già và mấy thứ thuốc bổ dưỡng Dân Tộc không làm bà khoẻ hơn, cứ từ từ xum xuống rồi lưng cong lại và không

đứng dậy được. Bây giờ thì tôi mới biết đó là chúng loãng xương ở tuổi già, cũng do lao lực làm việc và ăn uống không đủ chất. Thời buổi ấy chỉ nghĩ đến cơm ăn ngày hai bữa, đâu có ai chú ý đến sự săn sóc, bồi dưỡng cơ thể để được sống lâu, sống khoẻ như bây giờ. Hễ máu cao đứt mạch mà "đi" bất tử thì gọi là chết vì trúng gió, còn già mà chết lần chết mòn thì gọi là bệnh già, chưa kể còn trăm thứ bệnh không được chữa trị tới nơi tới chốn, hễ may mà hết bệnh thì được cho là phép lạ, ơn trên độ cho mà khỏi bệnh.

Mẹ tôi tỉnh cho tới lúc chết, nằm trên giường nhưng vẫn nhắc cho heo ăn, gà ăn, thấy ngả bóng chiều là nhắc con, cháu cho gà lên chuồng, lấy quần áo phơi ngoài sân vào nhà vì sợ sương đêm, khi trời mưa nhắc hứng nước mưa vào lu để dành uống. Không biết mẹ tôi lo chuyện đời làm chi cho khổ thân, chẳng qua cái lòng của người mẹ lúc nào cũng băn khoăn từng ly từng tý cho con cháu.

Những lúc gần gũi hai cô con gái ở xa về, mẹ tôi vui lắm. Mẹ tôi triu mến nhìn tôi rồi khen cô con Uýt tuy không còn trẻ mà trông vẫn còn xinh, chị tôi gầy ốm hơn, nhan sắc tiêu tụy vì nặng gánh chồng con, mẹ tôi nhìn rồi thở dài thương xót. Chúng tôi hồi còn bé, mẹ goá con mồ côi nên nhà cửa xuyênh xoàng, sa sút, nhưng đi đâu mẹ tôi vẫn cho chị em tôi ăn mặc tươm tất lắm, áo gấm kiềng vàng, chứ không lôi thôi lếch thếch, mấy tấm hình hồi bé tôi mũm mĩm như con búp bê, đôi má lúm đồng tiền trông thật xinh. Mẹ tôi tiếc rằng không còn gì để lại cho các con, bao nhiêu năm chật chiu tiện tặn bống chốc mà tay trắng vì thời cuộc đảo điên. Chúng tôi biết ngày đi của mẹ gần kề, chỉ khuyên mẹ đừng nghĩ ngợi, để lúc ra đi lòng được thanh thản mà gặp lại cha tôi bên kia thế giới.

Nhân nhắc đến cha tôi, mẹ tôi mới nhớ lại giấc chiêm bao vừa xảy ra được ít lâu trước ngày mẹ ốm nặng. Mẹ tôi thấy cha tôi trở về, có lẽ là giấc mơ cuối cùng mẹ nhìn thấy cha trong giấc mơ của đời người sắp tàn ấy, lại là một giấc mơ dường như báo trước ngày cha rước mẹ đi, như ngày cha rước mẹ về thời còn trẻ để bước vào đời nhau, sinh sản được một lũ con giờ tan tác như ghé lạc bầy.

Mẹ tôi kể gặp lại cha tôi trong giấc chiêm bao. Ông hỏi bà còn gì không? Mẹ tôi chực nhớ lại những món nữ trang mà cha tôi mua cho mẹ hồi mới cưới. Đôi bông tai vàng y hệt đá, có hai cái đuôi như đuôi cá thả xuống đằng sau tai, sợi dây chuyền có cây thánh giá, đôi xuyên đeo tay cũng bằng vàng, kể ra thời ấy cha mẹ tôi phải khá giả lắm mới sắm sửa được như vậy. Mẹ tôi lắc đầu nhưng cha tôi không trách móc, ông bảo mẹ tôi đưa tay ra để tặng cho bà những món quà mới, lúc mẹ xoè tay ra nhận thì chỉ là đôi bông tai, sợi giây chuyền và cây Thánh giá kết bằng cỏ. Giấc mơ ấy như nói trước ngày giờ của mẹ đã tới, cát bụi lại trở về cát bụi, những gì của cha mua cho mẹ thì cũng chỉ là tro bụi khi con người buông xuôi hai tay để đi vào lòng đất . . .

Thấy mẹ buồn vì không còn gì để chia cho các con đang vất vả vì miếng cơm manh áo, chị em tôi vin vào giấc chiêm bao ấy để an ủi mẹ. Tôi vốn tính hay đùa, trước cảnh chia ly tử biệt sắp đến tôi vẫn hay pha trò để mẹ tôi phải cười mà quên nghĩ đến nỗi buồn kẻ ở, người đi. Tôi còn hát cho mẹ nghe, trong khi chị tôi cầm chiếc quạt phe phẩy cho mẹ nằm yên, có lẽ mẹ tôi đang lắng nghe những lời hát êm êm ru hồn mẹ vào những giờ phút cuối cùng khi mẹ con gần gũi.

Mẹ tôi bảo hai chị em khuôn chiếc rương gỗ ra để mẹ tôi ngắm nghía những

kỷ vật của mẹ . Chiếc áo dài gấm còn mới tinh ít khi xỏ tay, mẹ tôi khi đi nhà thờ chỉ mặc có mỗi chiếc áo dài soa màu cánh dán, lấm tấm những chấm thâm kim trên lưng áo. Đôi quần sa tanh còn mới tinh, đôi dép da đen thấp gót và mấy cái áo bà ba còn mới được xếp gọn trong rương, vài khúc vải chưa kịp may mẹ tôi dặn đừng chôn, để dành may áo cho các cháu đi học. Ngoài ra là những tấm hình cũ hời tụi tôi còn bé, nay đã bị loang lổ, hình bóng cũng mập mờ với thời gian.

Trong số những đồ vật lặt vặt ấy, có chiếc khăn voan màu đen choàng đầu tôi mua cho mẹ tôi bằng món tiền đầu tiên kiếm được, ngày xưa thỉnh thoảng những hôm trời lạnh, mẹ tôi hay phủ nó ra ngoài chiếc khăn vành dây trên mái tóc. Chiếc khăn voan quần bên ngoài vài món nho nhỏ khác, trong ấy có cây thập giá mạ vàng. Nhắc tới cây thập giá này tôi lại nhớ chị tôi, đó là món quà mùa Giáng Sinh chị đi học xa gửi về làm quà cho cô em bé bỏng út ít của mình. Món quà gồm một cái quạt nhựa xoè ra bằng bàn tay, một con búp bê rẻ tiền cũng chỉ độ bằng gang tay và cây thập giá mạ vàng khoảng một tấc. Tôi dạo ấy còn bé nên chỉ thích chiếc quạt nhựa và con búp bê, không thiết gì tới cây thập giá mạ vàng kia, nhờ vậy mà nó mới còn đó, trong cái rương gỗ của mẹ tôi.

Khi nhìn thấy cây thập giá mạ vàng, trong tôi như sống lại những kỷ niệm thời thơ ấu, tình chị em khấn khít với nhau qua những món quà nho nhỏ còn kia. Mẹ tôi bảo tôi đưa cho bà cây thập giá, món quà duy nhất còn lại hồi tôi mới lên mười. Chúng tôi lớn dần lên, ra khỏi nhà và vút lại cho mẹ tôi những món kỷ niệm nhỏ bé, mẹ tôi cứ như "ông từ giữ đền" ngồi gom góp nhặt nhạnh những kỷ niệm của các con, ôm mang chất chồng trong lòng trong khi các con phui tay mà đi. Tôi còn tìm được dưới đáy rương những

tấm ảnh thời đi học, vài lá thư của bạn bè gửi cho nhau , vài tấm thiệp chúc Xuân có cây mai vàng, có bầy én lượn mẹ tôi cũng lượm lật gói vào cái túi ny lông cột lại cẩn thận, những kỷ niệm dễ thương của một tuổi thanh xuân chúng tôi làm rơi rớt, mẹ tôi cũng nâng niu gìn giữ.

Bắt đầu từ đây, mẹ tôi giữ cây thập giá trên tay cho tới giây phút cuối cùng của đời người, và khi liệm xác mẹ, nó đã được trở về với tôi sau bao nhiêu năm rông rãi tôi đã quên mất không nghĩ tới. Tôi không nghĩ là mẹ tôi đã chuyển cho tôi nỗi đau khổ của cây thập giá mà mẹ tôi đeo mang suốt một đời, nhưng từ đây tôi xem cây thập giá như một nỗi bình yên khi mỗi lần gặp chuyện buồn phiền, đau khổ. Tôi để cây thập giá mạ vàng trong một chỗ trang trọng nhất, để mỗi lần nhìn thấy là tôi hình dung ra cái tình ấm áp của mẹ tôi và chị tôi, vẫn là điểm tựa tinh thần để tôi vượt qua những nỗi buồn của đời vầy.

* * *

Khi chôn cất mẹ xong, chị em tôi ở lại vài ngày, vẫn hay hụt hẫng khi nhìn vào chiếc giường nhỏ của mẹ, chỗ mẹ nằm và tưởng như mẹ vẫn còn đó. Thế là hết một kiếp người. Đêm đầu tiên ngồi cầu kinh cho mẹ, có con bướm đêm bay vào nhà, đậu trên bàn thờ quẩn quýt dưới ngọn đèn dầu leo lét. Tôi nói với chị tôi cầu nguyện cho mẹ đi bình yên, đừng năm nuôi côi trần tạm bợ khổ đau này, ăn bữa sáng lo bữa tối, ốm đau bệnh tật, con người chỉ tìm cách hành hạ nhau. Biết mẹ tôi thích nghe tôi hát, lúc ấy trong căn nhà miền quê giữa khu vườn đầy bóng cây âm u, thỉnh thoảng nghe tiếng chim kêu dưới mảnh trăng khuya vừa nhô lên nền trời đen thẫm, tôi hát say sưa bài " Lòng Mẹ", nghẹn ngào mà hát khi nước mắt tuôn ướt đầm trên mặt gối. . .

Tình cờ, chị em tôi lục lọi trên chiếc kệ để quần áo cũ, mới mò ra hai chiếc áo cũ của mẹ tôi còn sót lại. Một chiếc áo cánh nâu bằng vải ngắn tay và chiếc áo dài soa Thái Lan màu cánh dán đã cũ, có khi chưa kịp giặt và được xếp vào đây rồi quên bẵng đi. Nhìn thấy hai cái áo cũ của mẹ tôi, hai đứa con gái mồ côi như bắt được vàng. Chị tôi hiền lành, hay nhường nhịn dành cho tôi chiếc áo dài của mẹ, có lẽ mẹ tôi chỉ mặc khi đi nhà thờ, về lại treo lên đó. Chiếc áo ướt mồ hôi đã bị nhiều chấm thâm kim trên lưng áo, dường như vẫn còn giữ được chút hơi của mẹ ủ trong hai chiếc áo cũ.

Chiếc áo cánh màu nâu đã bạc hai bên vai, tấm thân gầy gò của mẹ tôi như còn in trên lần vải những nếp nhăn ở hai bên nách áo, cái túi áo còn đầy những dấu kim băng, mẹ tôi vẫn cẩn thận gài vì sợ rơi mất mấy đồng bạc lẻ và chuỗi tràng hạt bằng đá. Chiếc áo dài cũng đã cũ, những đường chỉ luôn trên vạt áo cũng bạc màu, theo năm tháng cuộc đời cái gì cũng tàn phai cả, chẳng giữ lại được gì. Hai chị em vui mặt vào hai tấm áo cũ của mẹ, thút thít khóc

Mẹ tôi về với cha tôi ở bên kia thế giới lâu rồi, lâu lắm rồi, chỉ còn để lại trần gian hai tấm áo cũ cho hai đứa con gái, mà mỗi đứa lại ở một phương cách nửa vòng trái đất. Tôi quên hỏi chị tôi ở bên kia về tấm áo cánh nâu của mẹ có còn không, riêng tôi, đi đâu cũng đem theo chiếc áo dài màu cánh dán đã thâm kim vì những giọt mồ hôi của mẹ trên lưng áo. Tôi cắt cho người chị lớn một mảnh nhỏ, chị em chia nhau gia tài của mẹ, lòng vẫn bồi hồi thương nhớ.

Nguyễn Nhung

Nồi Canh Riêu Cá

Cứ ra Tết độ mừng bảy là cụ Chánh lại làm một nồi canh riêu cá. Lúc ấy trời đã sang xuân, nắng dịu, gió thổi hiu hiu, những món rau tươi cũng rất sẵn sàng cho nồi canh riêu cá được đậm đà, mát mẻ hơn. Mọi người sau những ngày Tết ăn nhiều thứ nóng nẩy, nặng bụng, đều cảm thấy khoan khoái, dễ chịu với nồi canh riêu cá, một món ăn dân giả, ngon miệng trên những mâm cơm của gia đình miền Bắc.

Bà Chánh người Bắc Ninh, nơi xuất xứ những bài dân ca quan họ nổi tiếng. Thuở còn trẻ, bà cũng có đi hát đối, không phải vì ăn chơi, lãng mạn gì nhưng đây là nền văn hoá đặc trưng của dân tộc. Bà Chánh vào Nam thấy đám trẻ mỗi lần hát bài Dân ca Quan Họ, bà lại nhớ đến khúc "Người ơi, người ở đừng về", cũng vì mấy câu "Hai bên vạt áo ướt đầm như mưa" mà ông Chánh độ ấy còn trẻ, gốc người Thái Bình, đã phải về quê nói với cha mẹ đến xin cô gái Bắc Ninh về làm vợ.

Năm năm mươi tư, dạo ấy bà Chánh còn trẻ, mới độ bốn mươi thì ông chết, bà một mình dẫn ba người con xuôi Nam. Bà Chánh vẫn ở quê chồng, tỉnh Thái Bình, vùng đồng chiêm. Sau khi ông Chánh qua đời, bà Chánh nửa

muốn đem con về quê mình, nhưng rồi thời cuộc đưa đẩy, từ đây cứ theo người làng nước chạy ra Hải Phòng xuống tàu đi Nam. Bởi vậy khi ra đi, bà cũng mất liên lạc luôn với gia đình ở quê nhà, lúc cùng lũ con ngồi trên chiếc tàu há mồm của Mỹ lênh đênh từ biển Bắc xuôi về Nam, nước mắt bà cứ tuôn như mưa. Nhờ ơn trời cả nhà đi được hết, không thiếu một mống. Năm ấy anh con trai cả mới mười tám, đưa con út lên bảy. Cũng vì bà muôn con, lấy chồng mấy năm cầu khẩn mãi trời mới làm phúc cho được mống con trai, rồi thêm luôn hai cô con gái.

Tưởng hôm ấy ra đi bà Chánh bật tin luôn người thân ở quê nhà, nhưng lần hồi khi vào Nam họ cũng gặp lại nhau. Hóa ra lúc thời thế hỗn độn, người nào người nấy cứ im ỉm mà từ giã làng quê. Lắm nhà kẻ ở người đi, chỉ có một dải đất mà biên biệt ngóng chờ nhau đến hai mươi năm chưa gặp lại. Hai mươi năm ly loạn, bom đạn giăng giăng trên quê hương làm đau lòng người dân hiền lành trên hai miền đất nước, bà Chánh vẫn khắc khoải nhớ từng con đường làng, lũy tre xanh, những thửa ruộng xanh màu lá mạ, gác chuông nhà thờ vươn lên khoảng trời đầy mây tím, vài cánh chim bay về tổ mỗi khi chiều xuống. Miền Nam mưa nắng hai mùa, Tết đầu tiên đón Xuân trời nắng chang chang, món thịt đông miền Bắc không thể thực hiện được. Chợ Tết dưa hấu chất cao như núi, bánh tét thay cho bánh chưng, mùa Xuân mà nóng đến chảy mỡ, bà cứ nhớ cái rét ở quê xưa thất cả ruột.

Bà Chánh tiêu biểu cho một người phụ nữ Việt Nam hiền lành, tần tảo và đảm đang. Bà chẳng hiểu chính trị, chính em là gì, nhưng từ lúc Tây về nước, Việt Minh lên nắm chính quyền, rồi sau này lại bảo là Cộng Sản, xem ra làng quê đã có chiều thay đổi. Từng đoàn bộ đội từ mặt trận kéo về, ngày thì họp, đêm lại văn nghệ, đánh trống, phèng la, thanh niên nam nữ, trẻ con

trong làng họp nhau lại để nhảy "son đố mì " thì bà đâm sợ. Tự nhiên người ta nhòm ngó nhau từ cái rổ đi chợ cho đến nồi com trong bếp, người ta bươi móc sự giàu nghèo của nhau mà kết tội. Làng bên chồng lẫn lộn vàng thau, chẳng biết ai tốt ai xấu, ai thật ai giả, có một số đi biệt đã lâu nay trở về xem chừng con người đổi khác. Mỗi chiều, ngay cả tiếng chuông nhà thờ nghe cũng đã buồn mênh mang, dường như từ độ ấy, nghe đã vắng tiếng cười vui trong các thôn ỏ, gặp nhau bỗng nghi ngại điều gì, đa số những người lớn tuổi thường nhìn nhau rồi quay vội đi nén tiếng thở dài. Tuy là đàn bà, lại góa bụa, nhưng bà cũng biết nhìn xa, cứ kiểu cách này thì đám con bà khó mà nên người. Thế là một đêm tối trời, bà dẫn lũ con theo đám người trong họ nhà chồng bỏ làng ra đi, nước mắt cứ tuôn như mưa giầm tháng Bảy.

* * *

Bà Chánh di cư vào Nam, nhưng phong tục tập quán nơi quê cha đất tổ thì bà không thay đổi. Tết chưa phải là Tết nếu không có bánh chưng, thịt mỡ, dưa hành, dưa cải, thịt đông, thịt kho tàu và nồi gà xáo măng, lại thêm giò thủ nhai lứt xứt, đậm đà lẫn với tiêu sọ và mộc nhĩ. Món ngọt thì đã có nồi chè kho, đây là thứ đậu xanh đãi vỏ nấu nhừ, nhưng không nhão, cô lại với đường rồi đổ ra cái mâm gỗ, trên mặt rắc vừng.

Quan trọng nhất vẫn là vại dưa, vại cà, Tết lại phải thêm món dưa hành để ăn với thịt mỡ. Món dưa hành miền Bắc sau này cũng có khác đi khi ở miền Nam, vì mỗi nơi có một lối muối khác nhau. Miền Nam ăn cái gì cũng ngọt, cho nên dưa hành chua ngọt ăn cũng hay hay. Ở làng bà ngày xưa, hễ thời làm con gái là phải biết muối dưa muối cà, cô nào đoảng vị, "muối dưa, dưa khú, muối cà, cà thâm" là kể như ế chồng.

Nay thì mọi người đã gọi bà Chánh bằng cụ, khi anh con trai lấy vợ rồi có được ba đứa con lớn lòng nhồng cả lên. Cô con gái kế cũng đi lấy chồng, còn mỗi cô út kén cá chọn canh vẫn ở nhà với mẹ, cụ Chánh vẫn ở với con trai. Phong tục Việt Nam mình thế, "tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử". Đó là cụ theo lối cổ, chứ thời buổi này mọi thứ thay đổi cả rồi, còn mấy ai lại chịu lệ thuộc con cái như phụ nữ Việt Nam ngày xưa.

Buổi sáng hôm nay, cụ Chánh vọc tay vào vại dưa, xem lại mớ dưa chua cụ làm từ trong Tết. Mấy ngày Tết, cả nhà đã thanh toán nhanh chóng mấy món thịt đông, thịt kho nước dừa ăn với dưa cải, dưa hành của cụ. Dạo còn ở Bắc cụ Chánh chỉ làm thịt kho tàu, thịt thái từng miếng nhỏ cỡ hai đốt ngón tay, kho xong miếng thịt đỏ au, thơm mỡ, rất đậm đà. Nhưng từ lúc vào Nam, cụ bắt chước người miền Nam cắt thịt từng miếng to tướng, kho với hột vịt và dùng nước dừa tươi, nồi thịt kho trông thật hấp dẫn, vừa mềm, vừa béo, vừa thơm. Dầu vậy, thịt kho tàu hay thịt kho nước dừa, nếu không có món dưa cải chua thì vẫn chưa đủ bộ. Ngay từ khi miếng dưa chua chưa đủ chua, còn nồng nồng vị cay và thơm lừng mùi hành xanh, các con các cháu cụ đã thắc thỏm khen ngon, đã bảo cụ Chánh làm dưa khéo từ hồi con gái.

Hôm nay chỉ còn ít thịt kho, cả nhà ăn đã ngán, cụ Chánh nhìn mớ dưa còn lại bảo con dâu:

- "Hôm nay đi chợ nhớ mua bún, cá thu tươi với lại cà chua, thìa là, hành lá. Nhớ là cà chua phải thật chín, rau sà lách, rau kinh giới và tía tô, thêm một bó ngò rí nữa mẹ nó ạ."

Cô con dâu người Nam, gốc miền Tây Nam Bộ, tính tình rất đơn sơ cho nên độ mới về làm dâu, mẹ con cũng có vài khác biệt nho nhỏ. Chẳng hạn cụ

kho thì phải mặn, người miền Nam lại thích ngọt cho nên lúc nấu ăn, thế nào cũng phải cho thêm tý đường. Lâu dần cụ Chánh cũng quen với lối nêm nếm của miền Nam, ăn canh chua đã thấy ngon, nhưng món riêu cá của cụ cũng chẳng xa lạ gì với cô con dâu gốc Nam Bộ ấy nữa. Bây giờ "Nam Bắc đề huề", cô con dâu đã biết pha tiếng "ạ" mỗi lần nói chuyện với bà con bên chồng, cái giọng Nam pha Bắc nghe ngọt ngào dễ thương làm sao.

Cô con dâu hiểu ý mẹ chồng, năm nào cũng vậy, nồi canh riêu cá là món cuối cùng tổng hợp tất cả những món ngon ngày Tết còn lại, vậy mà cả nhà ai cũng thích. Chị xách giỏ đi chợ, nhớ kỹ những món mẹ chồng dặn, vì cụ Chánh chả mấy khi ra chợ, cụ ở nhà lãnh phần ru cháu ngủ. Ra Tết đồ hàng bông rất rẻ và rất non, xanh mươn mướt. Bao năm rồi về làm dâu cụ Chánh, chị đã quen cái món rau xanh ăn với canh riêu cá của bà mẹ chồng. Những món bánh chưng, Lạp xưởng, giò thủ, giò lụa, thịt kho, xào măng giờ này xem đã nặng bụng lắm. Giữa tiết trời thế này, trong người thấy hao hao một cái gì man mát, tươi tươi, xem ra món canh riêu cá đáp ứng thật là đúng lúc.

Cô con dâu đi chợ về, bình thường thì chị vẫn nấu ăn, nhưng đặc biệt món canh riêu cá ngày đầu năm phải đích thân do cụ Chánh nấu. Cụ rửa sạch mấy khúc cá thu với một chút nước muối, bao nhiêu thứ tanh tươi trôi đi nhờ nước muối. Sau đó, cụ xát một chút muối tiêu vào từng khúc cá, rồi mới chiên sơ trên chảo mỡ. Cụ Chánh vớt hết dưa chua còn lại trong vại, dưa đã chua, ăn tươi thì hơi ghê răng nhưng chua thế này thì nấu riêu ngon tuyệt. Cụ trầm trồ nhìn mớ cà chua chín đỏ thắm, cà phải chín thì nồi canh mới ngon, là vì trong cái chua ngọt của cà lẫn với cái chua dòn dốt của dưa, nó hòa hợp y như là có thuyền thì phải có sông vậy.

Cụ Chánh thái dưa, thái cà, đảo trên bếp với một chút hành lá, rồi tắt cả những thứ thịt thà, mắm muối còn dư trong trạn cụ đổ cả vào nồi riêu. Người ta cho cụ là người tần tiện, không bỏ phí một tí gì, nhưng nếu đã trải qua trạn đói năm Ất Dậu như cụ, cả nhà suýt chết đói nếu không có người họ hàng giúp cho ít gạo nấu cháo, thì không thông cảm được cái lòng của cụ. Cái kinh nghiệm quý giá ấy, sau này các con cụ mới thấy rõ, nhất là anh con trai phải đi "cải tạo" mấy năm, càng nghĩ anh lại càng thương mẹ đã vất vả, tận tụy.

Bây giờ cụ Chánh quay lại với nồi canh dưa của mình. Tý nữa thì cụ quên, còn phải cho vào tí mắm tôm, nhờ vậy hương vị của nồi canh dưa mới đậm đà, mà mấy anh muối hoặc nước mắm không làm sao có được. Ngần ấy thứ hỗn hợp với nhau, có thể nói nồi canh riêu cá là một thứ canh đặc biệt hòa hợp tất cả những thứ đồ ăn linh tinh còn lại của nhà bếp, bát thịt kho cũ, bát mắm ăn dở, tất cả trộn lẫn vào nhau để thành một hương vị riêng. Bếp vừa lửa, canh sôi vài dạo, canh dưa phải nấu kỹ mới ngon, nhưng cũng không lâu quá để miếng dưa cải vẫn còn hơi sần sật, và cái màu cà chua đỏ thắm lẫn lộn với màu dưa cải vàng, một lớp mỡ vàng trên mặt nồi canh, nhìn đã thấy thèm.

Cụ Chánh cho những khúc cá thu chiên vào nồi canh dưa, cá lẫn với dưa, bốc lên một mùi dễ chịu. Người ta cũng có thể nấu dưa với sườn heo non, hoặc thịt bò bắp, nhưng thật ra không anh nào qua mặt được thứ riêu cá. Cụ sống ở vùng biển nên dùng cá biển cho tiện, thực ra thịt cá thu vừa thơm, vừa bùi, đem kho riêng thì phải gọi là vô địch trong các thứ cá, trẻ con ăn không sợ hóc xương. Nồi canh dưa không thể nào ngon nếu không có hành, thìa là. Khi nấu canh xong, người nội trợ phải cho vào nồi canh rồi bắc ngay

xuống bếp, mùi hành lá và thìa là đặc biệt dậy lên một mùi thơm khó mà tả nổi.

Trong lúc nồi canh đặt trên bếp, cụ Chánh đã lo sửa soạn món rau sống. Trong chiếc rổ to, những cọng sà lách non mềm mại, tươi hơn hẳn như con gái đang xuân, rau ngò rí thật thơm, kinh giới, tía tô, bắp cá đầy vị thuốc. Người Việt Nam mình sống trên đồng thuốc mà không biết, những thứ rau cỏ hàng ngày đã cung cấp bao nhiêu thứ mát tì, mát vị, bổ âm bổ dương, lại cứ cầu kỳ đi tìm những thứ thuốc giời ơi, uống lắm chỉ phá gan, nát thận. Cứ nghiệm cái câu "thịt cá hương hoa, dưa cà căn bản", mới biết ông bà ta ngày xưa đã tìm ra được chân lý trong vấn đề ẩm thực, mới thấy cái văn minh, văn hóa của dân tộc tiềm tàng ngay từ trong cách ăn, nếp ở.

* * *

Trưa hôm ấy, mâm cơm được dọn lên chỉ duy nhất có nồi canh riêu cá, đây là dấu hiệu báo Tết đã hết, các món ngon, đầy bụng cũng không còn, nhà nhà đã trở lại những thức ăn dân giã đạm bạc. Gia đình anh con trai cả, gia đình cô con gái lớn, cô con út chưa chồng nhưng anh rể tương lai cũng được mời đến ăn canh riêu cá của cụ, chắc chắn là anh sẽ thành con rể sau này khi đã có dịp thưởng thức canh riêu cá.

Cả nhà quây quần quanh nồi canh riêu nóng, một rổ bún trắng ngần, mát như lụa, bún chan canh riêu nóng ăn với rau sống và một chút nước mắm cay. Cái hài hòa của thực phẩm và rau cỏ đi với nhau làm khoan khoái lực phủ ngũ tạng trong cơ thể con người, nhưng cái chính là nó đã nói lên sự bền chặt, ấm áp của một gia đình đoàn tụ. Họ nhai rau rầu, họ húp sùm sụp,

miếng rau quện vào miếng cá, bún cứ thế trôi tuồn tuột vào bao tử mọi người trong nhà, ăn đến đâu mát ruột đến đấy. Cụ Chánh hể hả nhìn niềm vui khoan khoái giãn ra trên nét mặt lũ con cháu cụ. Bát canh riêu cá chứa đựng biết bao nhiêu tình yêu của một người mẹ, đậm đà như miếng cá nằm trong bát canh sóng sánh, mát mẽ dịu dàng như các thứ rau xanh biểu hiện cho một tấm tình quê mộc mạc, chuyên chở được tất cả tình thương của người mẹ Việt Nam trong gia đình, với tình quê hương bằng bạc trong đó.

Sau bữa ăn, hai cô con gái phụ chị dâu dọn dẹp mâm bát, cả nhà quây quần trong phòng khách uống nước với ăn chè kho. Năm nào cũng thế, nồi chè kho ăn lẫn lóc mãi ra giềng cũng chưa hết, vì nó ngọt quá, nhưng cứ xong một bữa canh riêu cá ngon lành, miếng chè kho hình như bùi đậm hẳn lên, khi được chiêu bằng ngụm nước sôi nóng.

* * *

Chẳng ai ngờ được có một ngày cụ Chánh lại theo đám con sống ở quê người. Sau năm 75, anh con trai bị đưa đi cải tạo ngoài miền Bắc, cụ lại khăn gói gió đưa đi thăm con, rồi nhân tiện đáo về quê cũ thăm mồ mả cha mẹ, ông bà. Bao nhiêu năm xa quê, cụ cứ thất cả ruột khi nhìn lại xóm làng cũ, nơi chôn nhau cắt rốn nay đã tàn tạ, xác xơ, may là mồ mả cha mẹ vẫn còn vì nhờ có mấy tấn đá ong quây quanh nên cũng còn dấu vết.

Chuyến xe lửa từ Nam ra Bắc, đi qua bao nhiêu đoạn đường dài, cụ Chánh không ngủ được, cụ đứng tựa vào khung cửa sổ của con tàu, ngắm nhìn cảnh quê xưa đang lần lượt trở về trong tầm mắt của cụ. Làng xóm miền Nam khác xóm làng miền Bắc, chỉ cần vượt qua ranh giới hai miền là

cụ đã nao nao xúc động, khi nhìn thấy cây đa cao ngất với những lũy tre xanh bao bọc thôn làng, dăm nóc nhà ngói đỏ, mấy đứa trẻ con đang chơi đánh đáo dưới bóng cây cổ thụ râm mát. Cụ cứ bùi ngùi mãi, lúc bước thấp cao về tới quê xưa, ngôi Thánh Đường hồi ấy đẹp đẽ xiết bao, nay đã nghiêng ngả, tiêu tụy như người ốm lâu ngày không vực được dậy. Nhưng lúc ấy hai miền Nam Bắc có khác gì nhau, mà cụ cũng không còn đường để chạy, mãi cho đến ngày anh con trai và cả gia đình được đi Mỹ theo diện HO, là cụ vui vẻ đi ngay không nuôi tiếc.

Nói như thế không có nghĩa cụ là người bạc bẽo với quê hương, nhưng nếu không theo con cháu đi nước ngoài, mong gì cụ có thể giúp đỡ cho người còn ở lại. Sang Mỹ, người cụ có khoẻ ra nhưng cái lưng lại còng hơn, bao nhiêu năm vất vả người cụ không đỡ xuống là may. Suốt ngày trong nhà, cụ lạch từ nhà trên xuống nhà dưới, từ trong nhà ra ngoài sân, rồi từ cái khoảng sân sau mát mẻ ấy, cụ trồng rau. Anh con trai sợ mẹ già vấp ngã khi vun tưới cho vườn rau sau nhà, đã gắn sẵn cho mẹ một hệ thống tưới cỏ tự động. Cứ mỗi chiều, cụ Chánh lạch bạch ra vườn, ngồi ở mé hiên gần cây hoa đào, phe phẩy chiếc quạt trong tay, cụ nhìn những tia nước phun lên rào rào trên những luống rau, luống cà, cụ lại ngỡ trời mưa. Con mưa xuân ở quê nhà ngày xưa cũng y như thế, trong trí cụ lại lan man hình ảnh mình với áo tứ thân, những câu dân ca Quan Họ ngày trẻ tuổi. Cánh đồng lúa chín với những cô thôn nữ hai má rúm nắng hồng, đôi môi đỏ vì miếng trầu cánh phượng, những mối tình quê mộc mạc và đắm thắm, ý tứ kín đáo mà lại biết bao nhiêu tình. Buổi chiều mát cụ Chánh tuy đã hấp hem, nhìn những giọt nước đọng trên rau cỏ trong vườn, sao nó cứ thấm thía tình tứ như câu quan họ ngày xưa:

" Người ơi! Người ở đừng về,
Người về ta chẳng ý y cho về,
Ta giữ vạt áo, ý a ta đề câu thơ,
Người ơi! Người ở đừng về
Người về em những ý y khóc thầm,
Hai bên vạt áo ướt đầm, đầm như mưa,
Người ơi! Người ở đừng về "

Không biết có phải vì chiều nay nắng hanh hanh, cơn gió Xuân chợt tới mà bà cụ già tự dưng lại cất cái giọng khàn khàn để ca lại cái bài Dân ca Quan họ . Những giọt nước mắt nóng hổi bỗng dưng cứ chảy dài xuống đôi gò má nhăn nheo, cụ lấy vạt áo lau vội đôi hàng lệ, hóa ra cái tình quê vẫn còn nguyên trong lòng cụ, như hương vị nồi canh riêu cá cụ cũng vẫn mang theo từ quê nhà tới quê người. Thế cho nên dẫu sống ở xứ người, sung sướng tới đâu, chẳng mấy ai đã quên được mảnh đất quê nhà, và những kỷ niệm ở quê hương, một lúc nào đó sống dậy, lại biến thành những nỗi nhớ đầm thắm dịu dàng cho suốt một đời vậy.

Bởi thế, đã bao nhiêu năm qua đi không thay đổi, nhà cụ Chánh vẫn duy trì nồi canh riêu cá, rau tươi và món chè kho vào ngày mừng bẩy Tết. Đạm bạc, đơn sơ, nhưng cái ấm cúng của một gia đình sum họp, ràng buộc với nhau bằng nồi canh riêu cá của bà mẹ già mới là những gì phải ghi nhớ mãi.

Để tưởng nhớ đến Mẹ Già
với "Nồi Canh Riêu Cá" ở quê nhà năm xưa.

Nguyễn Nhung, Xuân Ất Dậu.

(TNAC, ĐVĐĐ đầu tháng 2 năm 2005, Tết Ất Dậu

Nguồn:

Được bạn: Ct.Ly đưa lên

vào ngày: 23 tháng 6 năm 2005